

Mi Tiên Vấn Đáp

Hòa Thượng Giới Nghiêm

Phần II

Mi Tiên Vấn Đáp

Hòa Thượng Giới Nghiêm

Phần II

SỰ CHUẨN BỊ CỦA ĐỨC VUA VỀ NHỮNG CÂU HỎI MENDAKA	5
90. Lễ bái, cúng dường Xá lợi, Kim thân Phật, cây Bồ-đề... không có phước báu!.....	11
91. Đức Phật có toàn giác không?.....	17
92. Đức Thế Tôn có tâm Đại bi hay không?	20
93. Nghi vấn về sự Bồ thí ba-la-mật	24
94. Bồ thí hai mắt lại được thiên nhãn.....	28
95. Hoài nghi về sự thụ thai.....	30
96. Nghi về thời gian giáo pháp tồn tại	35
97. Đức Thế Tôn còn khổ chút ít nào không?	38
98. Đức thế tôn đã thật sự hoàn tất mọi phận sự chưa?	41
99. Tại sao Đức Thế Tôn không dùng "Tứ như ý túc" để duy trì thọ mạng?	46
100. Chánh pháp của Đức Thế Tôn có vẻ không được toàn hảo?	49
101. Tại sao có những câu hỏi mà Đức Thế Tôn làm thinh không trả lời?	52
102. Chúng sanh sợ hãi diêm chúa?	54
103. Tụng kinh Paritta thật không có lợi ích!.....	57
104. Oai lực của Đức Phật thua ma vương?	64
105. Vì Đức Phật thuyết pháp mà làm cho sáu mươi vị tỳ kheo học máu chết!	69
106. Bạc Thánh cư sĩ sao lại phải đánh lễ, cúng dường phàm Tăng?	74
107. Giáo hội của Đức Tôn Sư có bị phân ly, chia rẽ không?	78
108. Tỳ kheo tạo nghiệp do không biết, tại sao lại không có tội?	80
109. Đức Thế Tôn có lãnh đạo, bảo quản giáo hội tỳ khưu không?.....	81
110. Tại sao Đức Thế Tôn không thu thúc lục căn?.....	82

111. Sao Đức Thế Tôn lại có lời nói khiếm nhã?	86
112. Cái cây có tâm ý không?	89
113. Bữa cơm của Cunda có vấn đề!	90
114. Tại sao chư Tăng không cúng dường nhục thân Như Lai?	94
115. Quả đất dường như có tâm thức?	97
116. Đức Phật thuyết về bố thí là để nhận được lợi lộc cúng dường?	100
117. Tại sao Đức Thế Tôn không muốn thuyết pháp sau khi đắc đạo?	104
118. Ai là thầy của Đức Thế Tôn?	109
119. Thế nào gọi là Sa-môn?	110
120. Có nên hoan hỷ không khi người ta tán dương Tam Bảo?	111
121. Sao Đức Thế Tôn lại dùng lời ác khẩu, ác ngữ?	113
122. Đức Thế Tôn còn bất bình, sân hận!	115
123. Phải chăng Đức Thế Tôn không có tâm bi mẫn?	117
124. Phẩm mạo xuất gia cao siêu đến cỡ nào?	119
126. Tại sao Đức Thế Tôn không thu thúc cái bụng?	123
127. Đức Phật muốn che dấu Pháp?	125
128. Lý do nặng nhẹ của tội nói dối!	129
129. Phước báu của Đức Thế Tôn không ưu thắng, tối thượng bằng đệ tử của mình?	130
130. Thần thông của đức Mục-kiền-liên không đương cự nổi thần lực của kẻ giết ngài?	132
131. Kiếp áp chót, tại cung trời Đâu suất, Đức Bồ-tát quán xét thế gian để làm gì?	135
132. Rơi đi bằng phi pháp? Rơi đi bằng pháp? Cắt đứt sự rơi?	136
133. Tâm từ vô lượng không tiêu trừ được các sự họa hại?	140
134. Quả của thiện và ác nghiệp rất lạ lùng	142
135. Sự tà hạnh của người nữ?	147
136. Các vị A la hán còn sợ hãi?	150
137. Đức Phật dạy cắt đứt sợ hãi?	152

138. Cái gì nơi Đức Thế Tôn là cao quý không ai sánh bằng?	154
139. Đức Thế Tôn là người khai sáng Đạo hay Đạo có sẵn từ ngàn xưa?	155
140. Đức Phật từ bỏ sự tinh tấn, lại khuyên đệ tử nên tinh tấn?	157
141. Tại sao có sự đắc quả nhanh, chậm khác nhau?.....	160
142. Về cư sĩ A-la-hán.....	162
143. Tại sao bồ tát Loma Kassapa giết hại chúng sanh để tế lễ?	164
144. Tượng vương Chaddanta thì cung kính y cà sa - mà bồ-tát Jotipàla lại nhiếc mắng "sa môn trọc đầu"?	168
145. Về cái nhà không mái của người thợ gốm?	173
146. Tại sao có lúc Đức Phật xưng mình là bà-la-môn, có khi xưng mình là vua?.....	177
147. Tại sao không có hai Đức Phật xuất hiện một lần?	183

SỰ CHUẨN BỊ CỦA ĐỨC VUA VỀ NHỮNG CÂU HỎI MENDAKA

Khi đại đức Na-tiên trở về chùa rồi, đức vua Mi-lan-đà tìm chỗ thanh vắng, suy nghĩ rằng: *"Ta có những câu hỏi Mendaka rất thù thắng, rất vi diệu, rất sâu kín; trong tam giới này không ai có thể đáp được, ngoài các vị Bồ Tát. Những câu hỏi này, nếu không được giải đáp thỏa đáng, sẽ phát sanh nhiều hoài nghi to lớn; và nó sẽ là nguyên nhân cho mọi cuộc tranh luận, tranh chấp bởi các hàng học Phật thời hậu lai! Nhưng trước khi đặt những câu hỏi Mendaka này để đại đức Na-tiên trả lời rõ ràng từng điểm một, ta phải chuẩn bị tâm, chuẩn bị trí cho thanh tịnh và sáng suốt."*

Hừng sáng hôm sau, khi mặt trời vừa ửng hồng ở phương đông, khi các loài chim vừa rời khỏi tổ bay liệng giữa hư không, khi các thầy bà-là-môn đang tụng kinh điều thắng hạnh; khi các âm thanh như kèn, đàn, sáo... cùng những sinh hoạt nhân gian bắt đầu rộn ràng thì đức vua Mi-lan-đà đã tắm rửa vệ sinh thân thể, súc miệng bằng nước thơm tinh khiết, ngự ra chỗ yên tĩnh nhất của vườn ngự. Ngồi thiền định một lát, giữ hơi thở điều hòa, đức vua xả ly mọi vương bận, vắng lặng dục và sân, chấp tay lên đỉnh đầu niệm ân đức của Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Rồi ngài nghĩ rằng: *"Ta sẽ bàn giao quốc sự cho các vị đại thần trong vòng bảy ngày. Bảy ngày ấy ta sẽ thọ trì tám pháp lành. Tám pháp lành ấy có công năng tiêu hủy ác pháp và những trần cấu dơ uế. Khi nội tâm đã đầy đủ, sung mãn tám pháp lành ấy, ta sẽ tìm đến đại đức Na-tiên để đặt những câu hỏi Mendaka."*

Sau khi công việc triều chánh đã được bàn giao, đức vua cởi vương bào cùng châu báu ngọc ngà; mặc chiếc y màu hoại sắc như các đạo sĩ, quấn chiếc khăn thô lên đầu như hình chiếc nhẫn; rời khỏi long ngại, ngự lên lầu cao, trú trong một căn phòng thoáng đãng và tịch mịch.

Suốt bảy ngày ấy, đức vua thành tựu được tám pháp lành sau đây:

Một là, không suy nghĩ, vương bận hoặc bàn chuyện quốc sự.

Hai là, không để cho tâm ái dục, luyện ái chi phối.

Ba là, không có sân niệm nào đối với bất kỳ một ai.

Bốn là, không có hành động nào do mê tối, lầm lạc, si mê.

Năm là, không một điều tiếng nào dù hận, dù tức, dù khó chịu đối với mọi người, quan lại, kẻ hầu, chánh hậu, thứ phi, hoàng tử hoặc cung nga thể nữ...

Sáu là, thân không sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, đánh đập người; khẩu không nói dối, ác khẩu, lời hung dữ v.v...

Bảy là, hoàn toàn thu thúc lục căn. Sáu cửa đều được thanh tịnh.

Tám là, trú từ bi tâm.

Ngày thứ tám, đức vua Mi-lan-đà thọ thực sớm, với hỷ và an, với từ bi tâm tỏa mát ở khí sắc, ngài đi chào hỏi mọi người với những lời vui vẻ đầy từ ái. Sau đó, với oai nghi đỉnh đạc và trầm tịnh, với ý được thu liễm, với tâm đầy hoan hỷ, với trí trong sáng và rỗng rang; đức vua đi bộ thanh thản đến chùa gặp đại đức Na-tiên, hai tay chắp lại đặt lên giữa đỉnh đầu, rồi bạch như sau:

- Đại đức Na-tiên tôn kính! Hôm nay trăm muôn hội diện với ngài để hỏi về những câu hỏi có ý nghĩa sâu kín. Như mặt đất bí mật thường ẩn chứa của báu, như khu rừng thanh vắng thường để dành cho các sa môn tinh tu; những câu hỏi mà trăm sẽ hỏi ngài đây cũng phải được tìm chỗ thích hợp, phải tránh xa tám điều cấm kỵ, nếu không, cuộc diện đàm của chúng ta sẽ bị hư hỏng.

- Đại vương cứ nói.

- Thứ nhất là phải tìm chỗ bằng phẳng, tránh chỗ gồ ghề, lồi lõm, chỗ chông chênh, chỗ có khe vực nguy hiểm. Thứ hai là tránh chỗ sẽ phát sanh nhiều sợ hãi. Thứ ba là tránh chỗ có gió mạnh, gió dữ, gió độc, gió lạnh. Thứ tư, tránh chỗ quá kín đáo như mật thất hoặc hang động. Thứ năm là tránh chỗ người ta hay đến để cúng vái cầu khẩn chư thiên hoặc thọ thần. Thứ sáu, tránh chỗ gần đường cái quan, gần lối đi mà bộ hành thường qua lại. Thứ bảy, tránh chỗ gần thị thành, chợ búa. Thứ tám là tránh chỗ gần bến nước, giếng nước. Đó là 8 chỗ không thích hợp cho những câu hỏi về *Mendaka*, thưa đại đức.

- Bàn tăng đã hiểu lý do, nhưng đại vương hãy cứ giải thích một cách rộng rãi theo ý mình.

- Vâng. Chỗ bằng phẳng chỉ đơn giản là để dễ dàng thay đổi oai nghi mà không ngại vấp té vô ích. Chỗ không có thú dữ như cọp, beo, rắn độc để khỏi phát sanh sợ hãi. Chỗ có các loại gió dữ, gió mạnh, ác phong, hàn phong sẽ khiến dễ bị nhiễm cảm, nhức đầu, sổ mũi. Không tới chỗ quá kín đáo để tránh sự tò mò, dòm ngó, nghi vấn của nhiều người. Còn tránh bốn chỗ sau là tránh sự đông đúc của bá tánh, tránh ồn ào, huyên náo, hỗn tạp để bị phân tâm, không chuyên nhất cho sự suy nghĩ tế vi và sâu kín. Ý nghĩa, lý do của tám điều cấm kỵ là vậy, thưa đại đức!

- Hay lắm - đại đức Na-tiên gạt đầu tán thán - đại vương quả là người chu đáo nhất thế gian này.

- Không dám. Tránh tám chỗ cấm kỵ ấy không thôi thì cũng chưa đáng được gọi là chu đáo đâu, thưa đại đức!

- Xin cho bần tăng được nghe cao kiến?

- Còn tám hạng người nữa sẽ không được dự nghe những câu hỏi và đáp của chúng ta, vì tám hạng người ấy không đủ trình độ tâm, trình độ trí, sẽ phát sanh nghi ngờ vô ích. Có họ thì các câu hỏi *Mendaka* sẽ bị chúng làm cho hư hoại.

- Xin đại vương cứ trình bày.

- Thứ nhất là hạng người nặng về luyến ái, thiên về luyến ái. Thứ hai là hạng người nhiều sân hận, nóng nảy, hung dữ. Thứ ba là hạng người si mê, đần độn. Thứ tư là hạng người nhiều ngã chấp, kiêu căng, kiêu mạn. Thứ năm là hạng người thấp thỏi, hèn hạ, ti tiểu. Thứ sáu là hạng người ương lười, biếng nhác, dễ duôi. Thứ bảy là hạng người chỉ thấy cái bụng của mình, nhìn không xa hơn cái bụng hoặc hay suy bụng ta ra bụng người. Thứ tám là người ngu, kém hiểu biết không chịu thấy ra cái ngu của mình!

- Vậy là quá chu đáo rồi.

- Chưa đâu, thưa đại đức.

- Còn gì nữa, hờ đại vương?

- Thưa, cũng còn phải tránh chín hạng người nữa. Thứ nhất là người đắm đuối, ái luyến đã thành quen, thành nề. Thứ hai là người nóng nảy, hung dữ, sân hận đã thành tâm, thành tánh. Thứ ba là người si mê, đần độn đã biến thành bản chất...

Đến đây, đại đức Na-tiên chợt hỏi:

- Ở trên cũng tham, sân, si; dưới cũng tham, sân, si nhưng một bên là mới "*nặng về*", "*ngiên về*", còn một bên là tham, sân, si đã *gắn chặt, kết dính kiên cố*... Phải chăng đây là điều khác nhau, thưa đại vương?

- Vâng. Đúng là vậy.

- Xin cho nghe sáu hạng người kế tiếp.

- Thứ tư là người nhiều lo âu, sợ hãi. Thứ năm là người ham mê danh lợi. Thứ sáu là người uống rượu. Thứ bảy là người thích trang sức, trang điểm, nước hoa, dầu thơm. Thứ tám là đàn bà, thứ chín là trẻ con...

- Hay lắm! Đại vương không cần phải giải thích thêm nữa. Tuy nhiên, bản tăng chỉ muốn hỏi thử đại vương về hạng người thứ tám và thứ chín thôi, tại sao họ không có khả năng tiếp thu những câu hỏi và đáp về *Mendaka*?

- Thưa, đàn bà và trẻ con thời Đức Phật có rất nhiều người có căn cơ lớn, trí tuệ lớn; họ có khả năng giác ngộ giáo pháp, nhưng bây giờ thì hết rồi. Giáo hội tỳ kheo ni Đức Thế Tôn đã không cho phép duy trì, kế thừa nữa. Và trẻ con thì chẳng có ai bảy tuổi mà đắc quả A-la-hán cả!

- Vâng, thật là chính xác! Đại vương có gì trao đổi nữa chăng?

- Thưa, còn! Tất cả hạng người kể trên đều không được dự nghe. Còn người đặt câu hỏi và được dự nghe như trẫm đây phải hội đủ một số điều kiện, bằng không, các câu hỏi *Mendaka* cũng sẽ bị hủy hoại.

- Các điều kiện ấy là gì, đại vương?

- Thưa, thứ nhất là tuổi tác đã trưởng thành. Thứ hai là không ham mê chức phận. Thứ ba là phải siêng năng học hỏi. Thứ tư là không thân cận với kẻ ngoại đạo. Thứ năm là luôn khởi tâm hướng đến cái chân thực, cái như thực (*yonisomanasikàra = như lý tác ý*). Thứ sáu là thích luận đạo, vấn đạo để phát triển trí tuệ. Thứ bảy là ưa thích trong pháp và ý nghĩa của giáo pháp. Thứ tám là nơi quốc độ thích hợp (*ở trú xứ thích hợp*).

- Lý do của tám điều kiện ấy là gì, tâu đại vương?

- Thưa, có tám điều kiện ấy mới có trí tuệ, trí tuệ mới phát triển được, thưa đại đức.

- Quả đúng như thế.

- Thưa đại đức! trẫm là người học trò có đầy đủ tám điều kiện để phát sanh trí tuệ như đã kể ở trên, thật cũng khó kiếm trên cõi Diêm phù đề này. Nhưng một bậc thầy A-xà-lê như đại đức, muốn được xưng danh, chơn chính, chơn thực là một bậc A-xà-lê trọn vẹn, tuyệt hảo...thì có lẽ lại càng hy hữu hơn...

- Tại sao lại hiếm có bậc A-xà-lê như thế? Hãy cho nghe, tâu đại vương!

- Thừa, vì trẫm chỉ có tám điều kiện, nhưng một bậc A-xà-lê sư như đại đức thì phải hội đủ hai mươi lăm điều kiện, thừa đại đức!

- Đại vương hãy nói đi!

- Vâng. Hai mươi lăm đức tính của một bậc A-xà-lê sư như sau:

Thứ nhất, thầy luôn luôn hộ trì, thương yêu, bi mẫn đối với đệ tử.

Thứ hai, thầy biết rõ đệ tử này cần gần gũi, đệ tử kia không nên gần gũi.

Thứ ba, thầy biết rõ đệ tử này phóng dật, giải đãi, dễ duôi, đệ tử kia thì không.

Thứ tư, Thầy phải biết rằng lúc này nên cho người đệ tử nằm và nghỉ, lúc khác thì không.

Thứ năm, thầy phải biết đệ tử này đau ốm, đệ tử kia khỏe mạnh.

Thứ sáu, thầy phải lưu ý người đệ tử này đầy đủ vật thực, đệ tử kia thiếu thốn.

Thứ bảy, thầy phải hiểu rõ từng đức tính, từng cá tính của từng đệ tử.

Thứ tám, thầy phải biết chia sót phần vật thực của mình nếu đệ tử không đủ no.

Thứ chín, thầy phải tìm cách trấn an giúp người đệ tử giải thoát mọi nỗi lo âu, sợ hãi.

Thứ mười, thầy phải theo dõi, theo sát pháp hành của người đệ tử để biết cách hướng dẫn người đệ tử tu tập mau tiến bộ.

Mười một, thầy phải biết rõ tất cả các pháp và người nên thân cận, gần gũi để giáo huấn đệ tử.

Mười hai, thầy phải biết chùa chiền nào, tăng lữ nào là nên thân cận, gần gũi để chỉ bày cho đệ tử.

Mười ba, thầy không nên để cho đệ tử cười đùa, nô giỡn một cách vô ích.

Mười bốn, thầy biết đệ tử có tội, phải ngăn cấm tội ấy và sẵn sàng xá tội cho đệ tử.

Mười lăm, thầy phải luôn luôn nhu thuận, nhu nhuyến với đệ tử.

Mười sáu, thầy luôn luôn nhắc nhở không cho đệ tử bỏ bê pháp học và pháp hành.

Mười bảy, thầy không được dấu diếm những ý nghĩa sâu xa của giáo pháp đối với đệ tử.

Mười tám, thầy không nên để sót lại dầu một chút ít những pháp sâu xa mà không dạy cho đệ tử.

Mười chín, thầy cần cho đệ tử biết lần hồi sức tài, sức học của mình.

Hai mươi, thầy thường xuyên nâng đỡ đùm bọc cho đệ tử hư hỏng, phải giúp cho đệ tử tiến bộ.

Hai mươi mốt, thầy luôn luôn nghĩ rằng, phải làm sao cho đệ tử học tập đến nơi đến chốn.

Hai mươi hai, thầy luôn có tâm từ với đệ tử.

Hai mươi ba, thầy không được bỏ đệ tử trong lúc đệ tử bị tai ương, hoạn nạn, rủi ro, tai hại.

Hai mươi bốn, thầy không được thờ ơ trong bốn phận và trách nhiệm đối với đệ tử.

Hai mươi lăm, thầy phải chỉ ra những chỗ mà đệ tử đã học sai và phải giải thích cho rõ ràng.

Sau khi đức vua Mi-lan-đà nói ra đầy đủ hai mươi lăm đức tính của một bậc làm thầy, đại đức Na-tiên lại một lần nữa tán thán:

- Quả thật là vi diệu! Nhưng không biết trên thế gian này có bậc thầy nào hội đủ các đức tính ấy chăng?

Đức vua Mi-lan-đà mỉm cười:

- Ngài quá khiêm tốn. Trẫm cảm nhận ra rằng đại đức là bậc A-xà-lê sư ấy. Khi có người đệ tử như Trẫm đây hội đủ tám điều kiện; và khi có bậc thầy hội đủ hai mươi lăm đức tính như đại đức - thì chúng ta hãy tìm chỗ tránh xa tám điều cấm kỵ, xa lánh mười bảy hạng người. Và ở đấy, các câu hỏi về *Mendaka* sẽ được bắt đầu.

- Lành thay! - Đại đức Na-tiên nói - Nhưng vẫn chưa đủ, tâu đại vương! Đại vương đã chấp nhận mình là một người đệ tử, vậy đại vương có thông thuộc mười đức tính phải có của một người cận sự nam, cận sự nữ chăng?

- Xin cho nghe!

- Vâng. Điều thứ nhất là một người cận sự nam (hay nữ) phải biết chia vui, chung khổ với tỳ khưu Tăng. Điều thứ hai là thân khẩu phải thanh hạnh, lìa xa trược hạnh. Thứ ba là phải biết lấy pháp làm chủ, pháp là mục đích. Thứ tư là thường hoan hỷ, xả ly, bố thí. Thứ năm là phải chăm chuyên, tinh tấn học, suy nghĩ để hiểu cho thấu đáo lời dạy của Đức Thế Tôn. Thứ sáu là phải biết rời xa những niềm vui huyên náo và rỗng không bên ngoài Phật giáo, dù có mất sanh mạng cũng không nhận ngoại đạo làm thầy. Thứ bảy là phải có chánh kiến kiên cố, bất động. Thứ tám là vui thích trong việc làm cho Tăng được hòa hợp, cận sự nam nữ hai hàng đoàn kết, hoan hỷ làm phước sự. Thứ chín không được

thực hành hạnh giả dối, thấp hèn. Thứ mười là phải lấy Tam Bảo làm chỗ quy hướng, nương nhờ.

Tâu đại vương! Mười đức tính ấy cần phải có và đầy đủ ở trong tâm của đại vương. Ngoài ra, đại vương biết nguyên nhân nào làm cho Phật giáo suy vong, tiêu hoại thì phải ngăn ngừa, dập tắt nguyên nhân ấy. Phải hộ trì cho Phật giáo được hưng thịnh dài lâu vì hạnh phúc và an vui cho đại vương cũng như cho chư thiên và loài người. Đại vương có làm được như thế chăng?

- Thưa, trẫm làm được. Và mười đức tính ấy của một cận sự nam trẫm cũng có đầy đủ.

- Lành thay! Vậy chúng ta hãy tìm nơi thích hợp, và đại vương hãy tùy nghi đặt bất cứ câu hỏi nào về *Mendaka*.

- Vâng, mọi nhân, mọi duyên điều viên mãn, chúng ta hãy bắt đầu hỏi và đáp.

- Thưa vâng!

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

090-095

90. Lễ bái, cúng dường Xá lợi, Kim thân Phật, cây Bồ-đề... không có phước báu!

Khi tìm được chỗ thích hợp, đức vua Mi-lan-đà đê đầu xuống sát chân đại đức Na-tiên, thành kính đánh lễ rồi thưa rằng:

- Bạch đại đức! Chúng ngoại đạo thấy Phật tử cung kính lễ bái, cúng dường xá lợi, cây bồ đề, kim thân Phật, chúng đã nói rằng: "*khi Đức Phật còn tại tiền, các Phật tử cung kính, lễ bái, cúng dường ngài cũng phải lễ. Nay ngài đã nhập diệt rồi, các người đâu có lễ bái cúng dường bao nhiêu chẳng nữa thì Đức Phật cũng đâu có hoan hỷ? Mà không hoan hỷ tất không có phước báu. Không có phước báu tất sẽ có tội. Coi chừng các người làm vậy là rơi vào tà kiến đấy!*"

Thưa đại đức! Sự nhận xét ấy của ngoại đạo đúng hay sai? Là chánh kiến hay tà kiến? Những mong đại đức với tâm bi mẫn, với tuệ chân thật hãy phá nghi cho những người học Phật thời hậu lai.

- Tâu đại vương! Đại vương hãy nghe đây, bần tăng sẽ giảng giải. Nhưng trước khi giảng giải, bần tăng xin hỏi đại vương: thuở Phật còn tại tiền, khi nhận được sự lễ bái, cung kính, cúng dường của cận sự nam nữ hai hàng, Đức Phật có hoan hỷ không?

- Dĩ nhiên là có hoan hỷ.

- Chẳng phải thế, tâu đại vương! tâm hoan hỷ là tâm thô lậu, nó chính là cầu uế đối với các vị tu tập thiền quán, hướng chi đối với Đức Phật là bậc ở ngoài ba cõi? Khi nhận sự lễ bái, cúng dường của Phật tử, Đức Thế Tôn trú tâm giải thoát chớ không phải tâm hoan hỷ đâu, tâu đại vương!

- Vâng, đúng vậy!

- Đức Thế Tôn đã hoàn toàn vắng lặng và siêu thoát từ cội cây bồ-đề sau khi thành đạo quả Chánh Đẳng Giác; nghĩa là ngài không còn thỏa thích, hoan hỷ với bất cứ lợi lộc, phẩm vật cúng dường nào của chư thiên hoặc loài người. Và dĩ nhiên, Đức Phật giờ đã Niết bàn rồi thì Ngài không còn hoan hỷ với những lễ phẩm cúng dường cũng là điều chắc thật. Ngoại đạo nói vậy là đúng, nhưng lời chỉ trích của chúng đã phản tác dụng, vô tình đã nói lên sự thực về Đức Đạo Sư. Vì Đức pháp chủ Xá-lợi phát đã từng thuyết như sau: "*Đức Thế Tôn không có sự hoan hỷ với những phẩm vật cúng dường của chư thiên và nhân loại, nên những ai cúng dường đến ngài sẽ được quả báu nhiều vô số kể.*" Tâu đại vương, vậy thì luận điểm tuyên truyền của ngoại đạo rằng là "*không hoan hỷ tất không có phước báu, không có phước báu tất là có tội*" chính là tà kiến, là sự thấy biết lầm lạc không phù hợp với chân lý!

Đức vua Mi-lan-đà nói:

- Nghe thì có lý nhưng sự y cứ của đại đức không đáng tin cậy. Tại sao vậy? Ngài Xá-lợi phát thì biện minh cho Đức Thế Tôn, đại đức thì dựa vào ngài Xá-lợi phát thì có khác nào cha con khen ngợi và tặng bốc lẫn nhau? Chính đại đức phải tự giải thích, phân tích sao cho đúng pháp, đúng với chánh lý để giải trừ những tà kiến nguy hại kia chứ không phải là trích dẫn những câu có sẵn!

- Đúng như thế, tâu đại vương! Những người cận sự nam nữ họ đều cung kính, lễ bái, cúng dường Xá-lợi, cây bồ-đề, kim thân Phật...; mặc dầu biết rằng Đức Phật đã nhập diệt, ngài không có thỏa thích hoan hỷ gì trong những lễ phẩm ấy; nhưng nhờ vậy, họ tưởng nhớ đến Đức Thế Tôn, tưởng nhớ đến những pháp lớn, pháp nhỏ mà Đức Thế Tôn đã từng dạy bảo để tu tập. Nếu như sự tu tập ấy

được kiên trì, với nhiếp tâm, với tinh cần thì họ có thể được thiện sanh làm người, làm trời, cao hơn là chúng đắc bốn đạo quả và Niết bàn không, hờ đại vương!

- Có thể là như vậy, nhưng trăm muốn nghe bằng ví dụ cụ thể, dễ hiểu kìa!

- Vâng, người ta hay dùng lửa để đốt cháy cỏ khô, cây khô hoặc những vật ứ ứ tạp. Khi cỏ khô, cây khô hoặc những vật ứ ứ tạp đã được thiêu hủy rồi thì lửa ấy có còn chẳng, đại vương?

- Dĩ nhiên, khi không còn vật dẫn cháy thì lửa cũng tắt theo.

- Vậy khi muốn dùng lửa trở lại, người ta làm sao để có lửa, đại vương?

- Người ta lấy cây khô cọ xát với cây khô, đặt bụi nhùi là vật dẫn cháy thì sẽ có lửa.

- Trí tuệ được ví như lửa vậy, tâu đại vương! Đức Phật đã Niết bàn rồi, trí tuệ ngài không còn nữa, nhưng những đệ tử của ngài đã theo lời dạy của ngài, tu tập theo những pháp lớn, pháp nhỏ của ngài; cũng dùng cây khô cọ xát với cây khô, cũng đặt bụi nhùi dẫn cháy để phát sanh trí tuệ. Như vậy, Đức Phật thừa tại tiền không hoan hỷ lễ phẩm cúng dường, khi Niết bàn cũng không hoan hỷ lễ phẩm cúng dường; nhưng những người Phật tử cung kính, lễ bái, cúng dường xá lợi, cây bồ-đề, kim thân Phật; đã hằng ngày tự mình nhắc nhở, hằng ngày tự mình hành thiện, hằng ngày đã dùng phương pháp lấy lửa để thành tựu trí tuệ; nên kết quả của việc làm ấy được phước báu vô lượng vô biên, là chúng đắc ba thứ đạo quả: quả người, quả trời và quả Niết bàn, tâu đại vương!

- Thật là thông đạt, nhưng trăm muốn nghe thêm ví dụ?

- Vâng, ví như một ngày mùa hạ khí trời oi bức, một cơn gió mát mẻ thổi qua làm cho mọi người đều khoan khoái. Nhưng khi cơn gió qua rồi, lúc nóng nực, người ta không biết làm sao để chống nóng, phải không đại vương?

- Người ta có thể làm gió được, thưa đại đức! Người ta dùng lá thốt nốt và tre kết thành một tấm lớn đặt trên trần nhà, có dây kéo, thế là có thể có gió quạt mát cho cả nhà. Cũng có thể dùng nan tre, dán giấy để cầm tay quạt mát cho từng người, thưa đại đức!

- Gió qua rồi nhưng người ta có thể làm gió được, ấy là từ miệng đại vương nói ra. Đức Phật với giác ngộ, với trí tuệ, với từ bi hỷ xả... có mặt trên thế gian này, quả là một cơn gió lớn, thanh lương và mát mẻ vô cùng. Cơn gió ấy đã thổi vệt

vô minh và si mê trên trần thế. Cơn gió ấy đã xua tan biết bao sân hận, hung dữ, bạo tàn, ác độc... của con người. Cơn gió ấy đã làm cho hằng sa thế giới chấn động, ma vương sợ hãi và chúng sanh thì được tắm mát, được an lạc và thanh bình. Làn gió của Đức Thế Tôn đến như vậy, an trú như vậy và ra đi như vậy - nói hoan hỷ hoặc không hoan hỷ đều không đúng - nhưng rõ ràng là ích dụng và lợi lạc cho vô số chúng sanh. Đức Thế Tôn nhập diệt rồi, gió ấy đã qua rồi, nhưng người ta có thể làm gió được, bằng nỗ lực cá nhân, bằng lá thốt nốt, nan tre và giấy; bằng sự cung kính, lễ bái cúng dường xá lợi, cây bồ-đề, kim thân Phật... để quạt mát, đem lợi lạc, hạnh phúc, an vui đến cho mình và mọi người, tâu đại vương!

- Ví dụ ấy cũng khá chính xác, nhưng trẫm muốn nghe thêm ví dụ khác để hiểu thêm về nhiều mặt của một vấn đề!

- Vâng! khi muốn nghe tiếng trống, đại vương phải làm sao?

- Trẫm sai lực sĩ đánh. Đánh mạnh thì âm thanh lớn vang xa, đánh nhẹ thì âm thanh nhỏ vang gần.

- Vậy khi không đánh thì âm thanh kia đi đâu?

- Nó diệt rồi!

- À, té ra âm thanh đã mất hẳn, không còn nữa!

- Không, nó diệt chứ không mất! Đại đức nghĩ thế là sai rồi! Bởi khi cần âm thanh, ta sẽ có cách làm cho âm thanh có mặt trở lại!

- Phải làm sao?

- Trẫm sai lực sĩ đánh trống! Đại đức nên nhớ rằng cái trống chỉ là nhân, cái trống không tự nó phát ra âm thanh, một nhân không thể thành quả. Nhân phải có hỗ trợ duyên, một duyên hay nhiều duyên mới trở thành quả. Cũng vậy, cái trống cần phải có dùi trống, người đánh trống trợ duyên mới phát ra âm thanh được.

- Vậy là chính đại vương đã giải tan những nghi vấn của đại vương! Đức Phật gióng lên *Tiếng Trống Bất Tử* ở giữa đời, Đức Phật nhập diệt rồi nhưng tiếng trống không hẳn đã mất đi vĩnh viễn. Cái trống còn đó, Pháp bảo còn đó; nếu có người đánh trống thì âm thanh kia vẫn vang lên như thường.

- Xin thưa, đồng ý Pháp bảo dụ như cái trống, nhưng cây bồ-đề, xá lợi, kim thân Phật đâu phải là Pháp bảo? Vậy cung kính lễ bái, cúng dường những hình tượng ấy có thể nào lại vang lên âm thanh của Pháp bảo?

- Rất là chính xác. Tuy nhiên, tâu đại vương, cái trống tự nó không phát ra âm thanh mặc dầu có người đánh trống; [*] cũng vậy, Pháp bảo và người gióng trống Pháp bảo không cũng chưa đủ, nó phải cần có nhiều duyên hỗ trợ. Cúng dường, lễ bái xá lợi, kim thân Phật nó chính là trợ duyên cho chúng sanh nhớ tưởng đến ân đức, trí hạnh của Đức Phật mà tu tập, phải thế không đại vương?

[] Vì còn thiếu dùi trống*

- Hay lắm!

- Lúc Đức Thế Tôn diệt độ, ngài dạy rằng: "*Khi Như Lai Niết bàn rồi, pháp và luật là thầy của các người.*" Pháp và luật chính là tam tạng, chính là Pháp bảo, chính là giới định tuệ, chính là 37 trợ đạo phẩm. Vậy thì cái trống Pháp bảo luôn còn ở đấy, chỉ thiếu người đánh trống và dùi trống nữa mà thôi. Khi nào có dùi trống, có người đánh trống, gióng lên tiếng trống Pháp bảo thì chắc hẳn rằng đức tin, phước báu, từ bi, trí tuệ, giác ngộ, giải thoát sẽ có mặt ở đời này, phải thế không đại vương?

- Phải vậy!

- Thế thì lời nói của ngoại đạo là ngoa ngôn, xảo ngôn, là hư ngụy, là không thật, là tà kiến...; chính chúng muốn cho các hàng Phật tử không có nơi nương tựa, không có nơi hướng về, không có nơi tôn kính, không có nơi lễ bái...; làm cho Phật tử hoang mang, sợ hãi, đức tin bị lung lay... Đại vương có thấy thế không?

- Đúng vậy! Nhưng còn sự hoan hỷ và không hoan hỷ?

- Đức Phật đã nhập diệt rồi, đặt vấn đề hoan hỷ và không hoan hỷ chỉ là trò chơi của sự lập ngôn! Chính sự khởi tâm khi thành kính, lễ bái, cúng dường... đã thành tựu phước báu rồi! Tiếng trống có hoan hỷ và không hoan hỷ cũng là trò hý lộng ngôn ngữ! Âm thanh của tiếng trống là tùy thuộc vào sức yếu mạnh của người lực sĩ. Pháp bảo được giác ngộ sâu cạn là tùy căn cơ, trình độ, sự lãnh hội cùng túc duyên của người tu Phật. Người tu theo đức tin, người theo tinh tấn, người theo trí tuệ cũng do từ kho tàng Pháp bảo cùng căn cơ trình độ mà ra, từ cá biệt duyên của mỗi người mà ra!

- Trầm đã thông suốt, đã tỏ tường, tuy nhiên, trầm còn muốn nghe thêm về sự hoan hỷ!

- Được thôi! Trên quả đất rộng lớn này biết bao nhiêu là kỳ hoa, dị thảo; biết bao nhiêu là giống cây cùng nứt hạt, nảy mầm và lớn lên làm cho xanh tươi, mát mẻ, đẹp đẽ và phong phú! Tâu đại vương, quả đất có hoan hỷ không, mà cây cối, muôn hoa nảy nở và phát triển như thế?

- Chúng hoan hỷ gì đâu! Chúng nương nhờ từ đất, đón nhận nước, không khí, ánh sáng mà trở nên sum suê, tươi xanh đấy chứ!

- Cũng vậy, Đức Thế Tôn còn sống hay đã Niết bàn, ngài cũng chẳng hoan hỷ gì cả; nhưng tứ chúng, chư thiên và nhân loại nương nhờ nơi ngài, đón nhận giáo pháp của ngài; tạo phước báu, tu tập từ bi, hỷ xả, tu tập để đăc các tầng Thánh quả. Nói cách khác, *đức tin* và *nghe pháp* là hạt giống, *giới* là gốc rễ, *định* là thân cây, *tuệ* là lá hoa và *giác ngộ, giải thoát* các tầng Thánh là quả, tâu đại vương!

- Đúng là không cần có sự hoan hỷ mà chính do tâm tạo thiện nghiệp, học hỏi giáo pháp và tu tập. Phước báu phát sanh ở đó.

- Còn nữa, ví như những loại vi trùng sống nhờ nơi thân, trong bụng chúng sanh như voi, ngựa, trâu, bò, dê, lừa, lạc đà...; các loài động vật ấy chúng không hề hoan hỷ, thỏa thích các loài vi trùng ấy, nhưng vi trùng vẫn lớn lên, sinh con đẻ cháu hàng hàng lớp lớp.

- Vâng, quả vậy. Trường hợp này có lẽ là do nghiệp duy trì, nuôi dưỡng.

- Đúng thế! Ví như con người thường phát sanh chứng bệnh *channavuti*. Dẫu con người có hoan hỷ hay không hoan hỷ thì bệnh *channavuti* vẫn phát sanh, tồn tại và hành hạ con người. Tại sao như thế, đại vương?

- Dĩ nhiên là do nhiều nguyên nhân, nhưng nói ngắn gọn là do ác nghiệp sanh ra.

- Lại ví như dạ xoa Nanda có tâm ác độc, đánh mạnh vào đầu đức pháp chủ Xá lợi phất, sau đó dạ xoa Nanda bị quả đất rút. Đại vương nghĩ như thế nào, đức pháp chủ có hoan hỷ khi dạ xoa Nanda bị ác báo ấy không?

- Dẫu cõi trời, cõi người có tiêu hoại đi, mặt trời, mặt trăng có bị rơi xuống đất, núi Tu di bị vỡ tan thành... đức pháp chủ Xá lợi phất cũng không có tâm địa ấy đâu!

- Vậy dạ xoa Nanda bị quả đất rút do nguyên nhân nào?
- Do năng lực của nghiệp mà dạ xoa kia đã làm.
- Đúng vậy! Còn bốn người nữa làm hại Đức Phật bị quả đất rút là nàng Cincà, Đức vua Suppabuddha, ông Devadatta, kẻ trộm Udameyyaka... thì đại vương nghĩ như thế nào, Đức Phật có hoan hỷ về điều đó không?
- Đức pháp chủ không có tâm địa ấy thì dĩ nhiên Đức Phật cũng hoàn toàn không! Chính chúng gây nhân ác thì bị ác báo.
- Vâng! Gây nhân thiện thì quả báo lành, tốt, gây nhân ác thì bị quả báo dữ, xấu. Đây là định luật. Đức Phật đã Niết bàn rồi, không có hoan hỷ về việc Phật tử cung kính, cúng dường, lễ bái xá lợi, cây bồ-đề, kim thân Phật; nhưng lạc báo, thiện báo, phước quả sẽ trở sanh cho người ấy, do thiện tâm của người ấy. Trái lại, Đức Phật, đức pháp chủ Xá lợi phát không có hoan hỷ về việc những người làm hại mình bị quả đất rút nhưng khổ báo, ác báo, tội báo vẫn lồi những kẻ ấy vào địa ngục a-tỳ như thường. Như vậy, lời nói của ngoại đạo là rỗng không, không có y cứ vào định luật nhân quả, không thấy không biết sự vận hành của nhân quả; không biết rằng tác ý là nghiệp...! Luận cứ của chúng là tà kiến, không đúng với chân lý. Đại vương là bậc có trí, hãy từ đó mà suy gẫm thêm!

Đức vua Mi-lan-đà vô cùng hoan hỷ, hết lời tán dương trí tuệ phá nghi của đại đức Na-tiên, rồi kết luận:

- Lời xuyên tạc, phá hoại của chúng ngoại đạo từ nay đã tiêu tan, vô hiệu quả, nhờ tuệ đức của ngài vậy.

91. Đức Phật có toàn giác không?

[Hỏi khác với câu hỏi 60]

- Bạch đại đức! trẫm có một mối nghi rất to lớn, là Đức Thế Tôn không phải là bậc Toàn Giác!
- Tại sao?
- Thưa, đọc trong kinh, trẫm thấy rằng, có rất nhiều trường hợp Đức Thế Tôn "*hướng tâm*" đến mới biết, không hướng tâm đến thì không biết. Như vậy, sao gọi là "*toàn giác*" được?

- Tàu đại vương! Đức Thế Tôn đúng là bậc Toàn Giác, ngài biết rõ tất cả các loại tâm. Duy nhất chỉ có Đức Thế Tôn mới thông suốt, mới biết rõ sự hiện hữu và sự vận hành các *tướng tâm* ấy!

- Các *tướng tâm* ấy như thế nào?

- Thứ nhất là tướng tâm tham dục, sân hận, si mê, thường dính mắc bởi ái luyến và phiền não. Cái tâm ấy gọi là trì độn, chậm chạp, không có tu tập, tức là loại *tâm chưa được tiến hóa*. Cái tâm ấy được ví như một cây tre chằng chịt từ đầu đến ngọn bởi những mắc, những gai nè phức tạp, vô phương tháo gỡ, tàu đại vương!

- Đây là tâm của tất cả chúng sanh, nhất là những chúng sanh đang lặn hụp, đau khổ trong bốn đường dữ, phải thế không đại đức?

- Vâng, loại tướng tâm thứ hai là tâm của những chúng sanh đã ra khỏi bốn ác đạo ấy. Đây là tâm của những vị Thánh Tu-đà-huờn, kẻ đã cắt đứt ba sợi dây ràng buộc là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Loại tướng tâm này đã vượt khỏi trì độn, đã bước vào dòng tiến hóa, đã thật sự có tu tập, đã có đức tin chơn chánh vào *con đường* và *giáo pháp* diệt khổ của Đức Thế Tôn, tàu đại vương!

- Xin cho nghe ví dụ.

- Ví như cây tre có mười đốt chằng chịt gai nè của chúng sanh ở tướng tâm thứ nhất, đã được trảy sạch ba mắc cùng những gai nè dính mắc, ràng buộc ở nơi ba mắt ấy. Cây tre như vậy là đã được tháo gỡ và kéo ra được một đoạn ba đốt, tàu đại vương. Ấy là tướng tâm thứ hai.

- Vâng, trẫm đã hiểu, còn tướng tâm thứ ba?

- Là tâm của vị Thánh Tư-đà-hàm, kẻ đã làm nhẹ bớt thêm hai sợi dây ràng buộc là tham dục và sân hận. Ví như cây tre có mười đốt ở trên, sau khi đã trảy sạch ba mắc cùng với gai nè, vị này đã trảy thêm được một ít gai nè ở hai mắc kế nữa, tàu đại vương!

- Thế là tướng tâm thứ ba, chưa trảy sạch hẳn tất cả gai nè trên năm mắc, năm đốt ấy?

- Vâng, đến tướng tâm thứ tư, tâm của vị Thánh A-na-hàm mới trảy sạch trọn vẹn, trơn tru cả năm mắc, năm đốt, tàu đại vương.

- Xin cho trẫm nghe tướng tâm thứ năm?

- Là tướng tâm của vị A-la-hán, bậc đã cắt đứt luôn năm sợi dây ràng buộc còn lại là sắc ái; vô sắc ái, ngã mạn, phóng tâm và vô minh, tâu đại vương. Ví như năm đốt cùng với gai nè còn lại trên cây tre, vị này đã trầy sạch, cây tre đã dễ dàng lấy ra, không còn vướng mắc gì nữa. Đây gọi là *bậc vô sanh, vô lậu, giải thoát*, tâu đại vương! Còn tướng tâm thứ sáu là tâm của vị Độc Giác Phật, là bậc tự tu, tự chứng, tự mình giác ngộ, giải thoát.

- Có gì khác nhau giữa tâm giải thoát, tuệ giải thoát của một vị A-la-hán và một vị Độc Giác Phật, thưa đại đức?

- Về giải thoát, vô lậu ấy thì giống nhau nhưng về sự sâu cạn của tâm, của tuệ thì khác nhau. Ví như, vị Độc Giác Phật có thể biết tâm của vị A-la-hán, còn vị A-la-hán không biết tâm của vị Độc Giác Phật.

- Vâng, còn về tâm thứ bảy, có lẽ đó là tâm của vị Phật Toàn Giác. Thưa, tâm và tuệ của ngài khác với vị Độc Giác Phật như thế nào?

- Ví như một người đàn ông dũng cảm có thể dễ dàng bơi qua sông lớn lúc nửa đêm, nhưng khi đối diện với biển cả, ông ta lại cảm thấy sợ hãi, thiếu tự tin. Một vị Độc Giác Phật so sánh với đấng Toàn Giác cũng y như thế. Đức Toàn Giác thường có đầy đủ bốn tuệ và mười tám pháp (*Buddha dhamma*) vô ngại, vô lượng, bất khả tư nghì. Chẳng ai so sánh được. Đó là thấy mọi việc quá khứ, hiện tại, vị lai, khả năng tư duy, ngôn ngữ, trí nhớ, trực giác, thiên định, ý chí, nghị lực, giải thoát, thắng tuệ, tự do, thanh tịnh, định tĩnh, chú ý, tỉnh thức, quan tâm đến người khác. Nhờ có đầy đủ 18 pháp ấy nên Đức Thế Tôn rất dễ dàng thấy biết tâm của chúng sanh, dễ dàng thấy biết mọi việc để hóa độ chúng sanh, tâu đại vương!

- Sự dễ dàng ấy như thế nào, thưa đại đức?

- Ví như một tay xạ thủ thiện xảo, có mũi tên tốt, cái cung tốt, nhắm bắn vào một tấm vải được căng sẵn. Đại vương nghĩ thế nào, mũi tên kia sẽ được xuyên suốt qua tấm vải có dễ dàng không?

- Thưa, rất dễ dàng.

- Đức Toàn Giác dễ dàng và mau chóng quán xét sự việc gì cần biết như ý muốn, còn nhanh hơn người đàn ông cầm một vật gì từ bàn tay phải đặt sang tay trái, dễ dàng hơn viên lực sĩ co duỗi cánh tay, tâu đại vương.

- Thừa đại đức, trẫm vẫn còn nghi ngờ Đức Thế Tôn không phải là bậc Toàn Giác. Vì sao vậy? Vì còn quán tâm, còn hướng tâm thì rõ ràng còn tìm kiếm. Còn tìm kiếm thì nhất định còn điều chưa thấy, chưa biết - thì sao được gọi là "*biết hoàn toàn*" được ?

- Đại vương! Ví như có nhà phú hộ giàu có muôn kho, đầy ắp tài sản, của cải, ngũ cốc, mật ong, đường, sữa v.v... Nếu như có người muốn xin một nắm gạo để nấu cháo, thì cháo ấy có sẵn ngay hay không?

- Cháo ấy không thể có sẵn để ăn ngay. Phải vào lấy gạo trong kho, bỏ vào nồi nước và đun nấu một thời gian nào đó, thừa đại đức.

- Trí giác của Đức Thế Tôn cũng giàu có, thịnh mãn như vị phú hộ kia; muốn sử dụng thứ gì, thuộc "*cái biết*" nào thì phải vào kho mà lấy ra, cũng y như thế! Tuy nhiên, ví dụ cái kho của ông phú hộ là hữu hạn, là giới hạn; ví dụ vào kho để lấy gạo rồi nấu cháo để ăn là phải tốn một thời gian. Cái kho hiểu biết của Đức Thế Tôn là vô hạn định, vô hạn lượng; và muốn biết việc gì, điều gì ngài chỉ cần hướng tâm đến là biết ngay tức khắc với thời gian còn nhanh hơn cái chớp mắt, với thời gian chỉ có một niệm, tâu đại vương!

- Thừa, cái niệm ấy như thế nào?

- Ví như đức vua Chuyển luân Thánh vương vừa nghĩ đến xe báu thì tức khắc xe báu hiện ra. Một niệm là một móng tâm, một khởi tâm, một hướng tâm, một ý nghĩ, tâu đại vương!

- Bây giờ thì trẫm không còn lý do gì để nghi nan nữa. Đức Thế Tôn đích thực là đấng Toàn Giác vậy.

92. Đức Thế Tôn có tâm Đại bi hay không?

- Thừa đại đức, Đức Thế Tôn hằng đem lại điều lợi ích cho chư thiên và nhân loại; ngài có tâm đại bi, hằng tế độ cho chúng sanh trời, người, nam, nữ... là điều chắc thật đấy chứ ạ?

- Quả đúng vậy.

- Đề-bà-đạt-đa chính do Đức Thế Tôn cho xuất gia?

- Phải rồi, Đề-bà-đạt-đa được Đức Phật cho xuất gia một lần cùng với năm vị khác trong hoàng tộc là Bhaddiya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimabila! Có thêm người thợ hớt tóc Upali nữa là bảy người, tâu đại vương!

- Thừa đại đức, Đức Thế Tôn là bậc Toàn Giác, không có việc gì trên thế gian mà ngài hướng tâm đến lại không biết; thế khi Đức Thế Tôn cho Đề-bà-đạt-đa xuất gia, ngài có biết rằng sau này Đề-bà-đạt-đa âm mưu chia rẽ tăng chăng?

- Đức Thế Tôn có biết rõ như vậy, tâu đại vương!

- Trẫm có nghe rằng, trong *pháp* và *luật* của Đức Thế Tôn, là tỳ khưu ni, sa di hoặc sa di ni đều không thể chia rẽ Tăng được, chỉ có tỳ khưu mới chia rẽ tăng được, có phải vậy chăng?

- Đúng vậy! Chỉ có tỳ khưu cùng cộng trú, cùng làm lễ *phát lồ* mới hội đủ điều kiện chia rẽ Tăng. Không phải là tỳ khưu không thể chia rẽ Tăng được. Đại vương hiểu rất chính xác.

- Người chia rẽ Tăng thì ác nghiệp, tội báo sẽ như thế nào, thừa đại đức?

- Bị đọa địa ngục chịu thống khổ chừng một kiếp.

- Đức Thế Tôn cho Đề-bà-đạt-đa xuất gia làm tỳ khưu, Đức Thế Tôn lại rõ biết sau này vị tỳ khưu ấy chia rẽ Tăng. Thế Đức Thế Tôn có biết là sau khi tạo ác nghiệp chia rẽ Tăng rồi, Đề-bà-đạt-đa sẽ bị đốt cháy trong địa ngục a-tỳ lâu chừng một kiếp chăng?

- Đức Thế Tôn càng biết rõ điều ấy.

- Thừa đại đức! Chính đại đức đã xác định rằng Đức Thế Tôn cho Đề-bà-đạt-đa xuất gia, xuất gia rồi ông ta sẽ chia rẽ Tăng, chia rẽ Tăng ông ấy tạo ác nghiệp chịu quả báo bị thiêu đốt ở địa ngục a-tỳ lâu chừng một kiếp. Ở đây, vấn đề này sẽ nảy sinh hai khía cạnh mà ngoại đạo sẽ đem ra dị luận, có hại cho Đức Thế Tôn. Thứ nhất, nếu Đức Thế Tôn chẳng biết chuyện gì sẽ xảy ra cho Đề-bà-đạt-đa trong tương lai - thì rõ Đức Thế Tôn không phải là "*bậc Toàn Giác*". Thứ hai, nếu Đức Thế Tôn biết rõ quả báo thống khổ mai sau của Đề-bà-đạt-đa thì Đức Thế Tôn tuy là bậc Toàn Giác nhưng ngài lại thiếu tâm đại bi. Vậy cái gọi là Đức Phật có mặt ở đời hằng đem đến hạnh phúc và an vui cho chư thiên và loài người, là điều hoàn toàn cần phải xét lại! Xin đại đức hãy vì người học Phật trong mai hậu, dùng trí tuệ mà đem đèn sáng đặt vào bóng tối để xóa tan mọi nghi nan của trẫm thì trẫm tri ân lắm vậy!

- Đại vương, những nghi nan của đại vương là có cơ sở, tuy nhiên, vì Đức Thế Tôn là bậc Toàn Giác, ngài có sự thấy biết về quá khứ, vị lai là bất khả tư nghi. Ngài thấy biết rằng, nếu Đề-bà-đạt-đa mà sống đời tại gia thì y sẽ tạo ác nghiệp

với khổ báo không thể nghĩ lường. Đề-bà-đạt-đa xuất gia, được gieo duyên với giáo pháp, được phước báu thanh tịnh hỗ trợ; nên khi bị trả quả chia rẽ Tăng, ông ta chỉ thọ báo quả địa ngục a-tỳ lâu chừng một kiếp, sau đó ông ta sẽ đắc quả Độc Giác Phật hiệu là Atthisara. Trái lại, nếu Đề-bà-đạt-đa không tu tỳ kheo thì ông ta sẽ bị thiêu, bị nấu từ địa ngục này sang địa ngục khác; hết khổ địa ngục, ông ta rơi vào hàng trăm kiếp làm ngựa quỉ, rồi làm a-tu-la với thời gian không đếm được. Và do đó, được thiện báo thọ sanh làm người đã khó khăn huống hồ chúng quả Phật Thánh. Đại vương nghĩ thế nào, vậy bậc Toàn Giác là bậc đại bi hay không phải đại bi?

- Quả đúng vậy, nếu sự thật như thế thì tâm đại bi của Đức Thế Tôn là bất khả tư lường. Tuy nhiên, ngoại đạo cũng có cách nói của họ mà sự hữu lý xem ra ta chẳng nên xem thường...

- Đại vương cứ nói!

- Vâng, ngoại đạo sẽ châm biếm, mỉa mai rằng: "*Ông Phật Tổ Cò đàm khéo thật! Ông đánh Đề-bà-đạt-đa sưng mày sưng mặt rồi ông kêu lại, dịu dàng đấm bóp, xoa dầu cho! Ông xô Đề-bà-đạt-đa té sấp, té ngửa rồi đến dỡ dành, ẵm bồng ra chiều từ ái. Ông giết Đề-bà-đạt-đa chết rồi cho tái sanh làm người mới! Ông để cho Đề-bà-đạt-đa thọ khổ chán chê rồi sau đó mới cho hưởng hạnh phúc, an vui!*" Đại đức sẽ trả lời thế nào về điều ấy?

- Dễ dàng thôi, tâu đại vương! Cớ lý ấy của ngoại đạo sẽ bị tác dụng ngược lại khi ta chỉ cần đặt cho họ vài câu hỏi.

- Vâng, trẫm đang chú tâm lắng nghe đây.

- Đại vương hãy hỏi họ rằng: khi người mẹ dùng roi đánh đứa con một của mình - thì do bà ấy thương con hay ghét con?

- Thưa, người mẹ nào lại không thương con, nhất là đứa con một thì tình thương kia lại càng dạt dào, vô lượng. Sở dĩ bà phải đánh con là mong nó chừa bỏ một vài tật hư, tánh xấu nào đó; chỉ mong nó trở nên người lành, người tốt mà thôi!

- Tâm đại bi của Đức Thế Tôn đối với chúng sanh, đối với Đề-bà-đạt-đa cũng như người mẹ đối với con một của mình đấy, tâu đại vương!

- Hay lắm! Đại đức hãy cho nghe thêm ví dụ nữa.

- Vâng, ví như đại vương là bậc minh quân của thiên hạ, trí bi gồm đủ; xử phạt, khen thưởng đều nghiêm minh, công bằng; tình lý đều cân phân, trọn vẹn. Bàn

tăng có nghe rằng, trong các khung hình phạt của đại vương đặt ra, có một tội ác được gọi là "*tội nên cảnh cáo, tội nhằm để ngăn ngừa*", bản tăng không rõ lý do làm sao mà đại vương đặt ra khung hình phạt ấy?

- Thưa, đây là phạt tội nhẹ để ngăn ngừa tội nặng, ví như cắt xẻ một cái ung nhỏ, thà đau đớn chút ít nhưng ngăn ngừa được cái bệnh chết người trong mai hậu!

- Cũng vậy là Đức Phật cho phép Đề-bà-đạt-đa xuất gia, biết chia rẽ Tăng sẽ đọa địa ngục. Thà để cho Đề-bà-đạt-đa chịu đau khổ chút ít mà ngăn ngừa được khổ báo nặng nề nếu ông ta sống đời tại gia, tâu đại vương! Giới và định trong thời gian Đề-bà-đạt-đa xuất gia sẽ giúp cho ông ta sớm thoát khỏi khổ ách và sẽ thành Phật Độc Giác trong ngày vị lai.

- Đại đức còn ví dụ nào về điều ấy nữa không?

- Có chứ! Ví như có một tội nhân thụ án phải bị chặt đầu. Khi ấy có một vị quan thân tín của đại vương, được đại vương sủng ái, tin cậy, thường được đại vương ban cho nhiều đặc ân; tỏ vẻ tội nghiệp cho tội nhân ấy, bèn xin đại vương tha cho tội xử trảm, chỉ chặt một tay của người ấy thôi. Tâu đại vương! Theo ý đại vương thì vị quan ấy có thiện tâm hay ác tâm? Có tội lỗi hay không có tội lỗi?

- Y là người tốt sao gọi rằng có tội được!

- Đức Thế Tôn cũng ví như vị quan ấy, vì không nỡ để Đề-bà-đạt-đa thọ khổ lâu dài, tội báo kinh khiếp nên ngài tạo hoàn cảnh cho ông ta chỉ trả quả đau khổ chút ít. Vị quan là người tốt, có lòng từ thì Đức Thế Tôn quả là có tâm đại bi, tâu đại vương!

- Thật ra, ví dụ là để hiểu rõ thêm vấn đề thôi, chứ theo định luật nhân quả thì ai làm người ấy chịu, có phải thế không, đại đức?

- Đúng thế, tâu đại vương! Tuy nhiên, những hỗ trợ duyên bên ngoài cũng tác động và quyết định cho nhân kia được thành quả hay không được thành quả; có quả lớn hoặc quả nhỏ, quả được tăng trưởng hay quả bị hủy hoại! Kẻ tội phạm kia theo lẽ bị chặt đầu nhưng do nghịch duyên, có vị quan kia can thiệp nên quả trở bị nhẹ đi. Đề-bà-đạt-đa đáng lẽ ra phải bị tội báo nặng hơn, nhưng nhờ giới định một thời hỗ trợ; vào phút cuối cùng lại có tâm hướng thiện hồi đầu, niệm ân đức của Đức Phật, đặt đức tin nơi Đức Phật; do vậy, thiện quả sẽ trở sanh trong ngày vị lai cũng không lạ lùng gì. Sự vận hành ấy đúng với định luật *nhân, duyên*

và *quả* cả vậy. Đại vương có nghi ngờ gì nữa chẳng? Và ngoại đạo còn có thể dùng lý lẽ gì để xuyên tạc nữa chẳng?

- Về câu hỏi này thế là đã được giải đáp một cách trọn vẹn, thừa đại đức. Bọn ngoại đạo thật không còn kẻ hở nào để chúng thò lý luận của chúng vào đấy được nữa!

93. Nghi vấn về sự **Bố thí ba-la-mật**

- Thừa đại đức! Đức Thế Tôn có thuyết rằng, quả địa cầu này bị rung chuyển, chấn động do *tám nhân* và *tám duyên*, có phải thế chẳng?

- Đúng vậy.

- Ở một chỗ khác, khi nói đến sự bố thí ba-la-mật của bồ tát Vessantara, Đức Thế Tôn lại nói rằng: "*Quả địa cầu rung chuyển và chấn động ở ngoài tám nhân và tám duyên ấy*"; tức là một hiện tượng phi thường, đặc biệt, không nằm trong các điều kiện tự nhiên, bình thường!

- Quả đúng vậy!

- Thế thì trẫm không hiểu tại sao Đức Thế Tôn thuyết trước sau không như một?

- Đại vương! Vì tâm bố thí của bồ tát Vessantara là một sự kiện hy hữu, có năng lực vĩ đại làm cho quả địa cầu chấn động bảy lần; điều ấy vượt ngoài tầm hiểu biết của phàm phu, ở ngoài hiện tượng bình thường thuộc tám nhân và tám duyên, chớ có gì phải nghi vấn đâu!

- Vậy thì đó có phải là một sự kiện phi thời? Đại đức có thể cho nghe ví dụ được chẳng?

- Được thôi! Ví như mỗi năm có 3 mùa: mùa nắng, mùa mưa và mùa lạnh. Mùa nắng thì trời nắng, mùa mưa thì trời mưa, mùa lạnh thì có tuyết rơi. Ấy là chuyện bình thường. Nhưng giả dụ không phải là mùa lạnh mà tuyết lại rơi, ấy là chuyện bình thường hay bất thường hở đại vương?

- Là bất thường.

- Vậy hiện tượng tuyết rơi bất thường ấy là đúng thời hay phi thời?

- Thừa, là phi thời!

- Cũng như thế ấy là chuyện Bồ Tát Vessantara, ngài Bồ thí ba-la-mật làm cho quả đất chấn động bảy lần là một hiện tượng phi thời ở ngoài tám nhân và tám duyên ấy, tâu Đại Vương!

- Đại Đức cho nghe ví dụ nữa!

- Vâng, Đại Vương có biết chừng bao nhiêu sông to, sông nhỏ, sông đầy, sông cạn... phát xuất từ Hy-mã-lạp-sơn?

- Thưa, chừng năm trăm con sông như thế.

- Nhưng thật sự thì có chừng bao nhiêu con sông được gọi là sông?

- Thưa, có mười con sông được gọi là sông, đó là các sông Gangà, Yamunà, Aciravati, Sarabhù, Mahì, Sinadhu, Sarasavati, Etabhavati, Itamsà, Chandabhàgà!

- Tại sao chỉ mười con sông ấy được gọi là sông?

- Vì mười con sông ấy có nước chảy thường xuyên, còn các sông còn lại, nước chảy không thường xuyên, thưa Đại Đức.

- Đại Vương! Vì không thường xuyên nên gọi là phi thời. Bồ Tát Vessantara với tâm Đại thí cũng là hiện tượng phi thời nên ở ngoài tám nhân và tám duyên!

- Tức là không được liệt vào tám nhân và tám duyên bình thường ấy?

- Đúng thế.

- Đại Đức cho nghe thêm ví dụ nữa.

- Vâng, bần tăng xin hỏi thử Đại Vương: một vị Chuyển luân Thánh Vương thường có chừng bao nhiêu quan lại?

- Thưa, không nhất định, có thể là hai trăm, có thể là ba trăm!

- Trong số ấy có bao nhiêu vị được gọi là quan Đại Thần?

- Chỉ có sáu thôi. Đó là vị giữ bảo kiếm, vị giữ cái lọng, vị giữ kho, vị thanh tra, giám sát, vị chính trị, quốc phòng, vị tướng lãnh cầm binh!

- Đại Vương! Ngoài sáu vị quan Đại Thần đặc biệt ấy, các vị quan còn lại không được liệt vào chức danh Đại Thần như thế nào - thì việc quả đất rung chuyển bảy lần cũng thuộc loại đặc biệt, không được ghép vào tám nhân, tám duyên ấy. Sáu

vị quan đại thần là sáu vị quan hy hữu, không phải là quan lại bình thường thì tâm đại thí của bồ tát Vessantara cũng thuộc loại hy hữu, phi thường! Bây giờ đại vương đã thông suốt chưa?

- Trẫm đã hiểu, nhưng còn muốn nghe thêm ví dụ về cái gọi là phi thời, đặc biệt và phi thường ấy.

- Vâng, ví dụ một người bố thí, cúng dường, được phước báu nhãn tiền, được kể là đặc biệt hay không đặc biệt?

- Dĩ nhiên đây là cái gì thật phi thường.

- Đại vương có nhớ trong thời Phật, có những ai bố thí, cúng dường mà được phước báu nhãn tiền không?

- Thưa, có nhớ, chỉ có bảy người. Đó là người trồng hoa tên là Sumana, ông bà-la-môn Ekasàdaka dâng cái choàng tắm, hai người giúp việc là Punna và Punna, bà hoàng hậu Mallika, bà Gopala Mātadevi và bà cận sự nữ Suppiyà, thưa đại đức!

- Tại sao bảy người ấy có được phước báu đặc biệt, thù thắng như thế?

- Có lẽ là do tâm cúng dường của họ quá cao thượng chăng?

- Đúng vậy! Tâm đại thí của bồ tát Vessantara còn đặc biệt và thù thắng hơn cả bảy người kia, tâu đại vương! Cái tâm ấy có một năng lực phi thường, tạo một tác động mãnh liệt làm cho quả địa cầu phải bị chấn động. Ví như cái xe chở quá nặng; quá với sức tải của nó thì gọng và cãm xe sẽ bị gãy, bánh sẽ bị cong và khung, sườn sẽ bị lệch đi. Ví như mưa quá nhiều và gió bão quá lớn thì bầu khí quyển sẽ có những âm thanh vang động. Đây là một loại định luật ở ngoài các định luật thường nhiên, tâu đại vương!

- Cái tâm kia được tạo bởi cái gì mà tựu thành các năng lực phi thường như thế?

- Thưa, vì cái tâm ấy ở ngoài mọi sự chi phối của các thế lực. Cái tâm ấy không dẫn đến thế lực của tham ái, sân hận, si mê ngã chấp, tà kiến. Cái tâm ấy không nghĩ đến thỏa thích, an lạc cho riêng mình; chỉ cầu mong sự hoan hỷ vui tươi đến cho kẻ khác, tức là những người nhận được vật thí.

Thứ đến, cái tâm ấy lại được trường dưỡng, nung đúc, huân tập, tựu thành bởi các công đức và các thiện pháp sau đây: *sự tự chủ, sự chế ngự, đức nhẫn nhục,*

sự thu thúc, sự kiểm soát, không sân hận, không hủy hoại, chơn thật, tinh khiết, có lòng từ.

Lại nữa, cái tâm ấy không miệt mài tìm kiếm ái dục, không thỏa thích tử sanh luân hồi, không còn mê đắm dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Cái tâm ấy lại còn cầu mong cho chúng sanh hãy có lòng từ với nhau, đừng làm khổ lẫn nhau, có tài sản, được trường thọ. Khi bồ-tát Vessantara đại thí, ngài không mong lợi ích cho riêng mình, chẳng mong kết quả đời sau, chẳng tìm kiếm thêm của cải, lợi lộc, danh vọng, tiếng tăm, lời khen, được sức mạnh, chức phận, con cái, sanh mạng...! Đúng như Phật ngôn: *"Này các thầy tỳ khưu! Khi Như Lai làm bồ tát Vessantara, bố thí hai con là Jàli và Kanhà cùng vợ Madali tuyệt đỉnh thương yêu; Như Lai chẳng nghĩ đến kết quả Đệ thích, Phạm thiên hoặc các pháp hữu vi nào khác. Sự thành tựu bồ đề tuệ là nguyện vọng duy nhất của Như Lai."*

Nói tóm lại, bồ tát Vessantara thắng kẻ sân hận bằng không sân hận, thắng kẻ bất tịnh bằng thanh tịnh; thắng người keo kiệt, bòn xén bằng xả ly, bố thí; thắng người giả dối bằng sự chân thật, thắng người ác bằng những pháp lành cao thượng...

Bởi tất cả có ấy, tất cả nguyên nhân ấy, tất cả pháp cao cả ấy phát sanh năng lực vĩ đại tác động giữa không gian tạo nên gió bão lớn. Gió bão lớn nên có âm ba vang động, làm cho sóng nước trong bốn biển dâng cao, mặt đất rung chuyển như địa chấn. Các loài động vật sống trên đất sợ hãi, ngơ ngác. Mèo buông chuột, rắn không cắn mồi, muông thú không còn có tâm cầu xé ăn nuốt lẫn nhau. Các loài thủy tộc cũng trong tình trạng y như thế...

Đại vương! Ví như người ta đun lửa nấu cơm, nước trong nồi sôi lên, sủi bọt như thế nào; thì bồ tát đại thí với tâm ba-la-mật cũng làm cho đất, nước, lửa, gió sôi lên và sủi bọt y như thế. Cả tứ đại đều chao động, chấn động.

Ví như tất cả các loài ngọc quý trên thế gian như ngọc Indanila, ngọc Mahànila, ngọc Jotirassa, ngọc Bidùraya, ngọc Ummàra Pupphà, ngọc Manoharà, ngọc Sùriyakanda, ngọc Candakanda, ngọc Vajira, ngọc hoàng thạch Pusarà, ngọc có vân, ngọc xích châu v.v... đều không quý bằng ngọc mणि của Chuyển luân Thánh vương, tất cả sự bố thí của mọi người đều không bằng sự bố thí của bồ tát Vessantara. Sự bố thí ấy là vô lượng, vô biên, cao cả, thù thắng, vĩ đại, làm cho quả đất chuyển động bảy lần, ở ngoài tám nhân, tám duyên bình thường, ở trên sự hiểu biết, tư lường của trí óc phàm phu, tâu đại vương! Vậy ngài còn nghi ngờ gì điều ấy nữa không?

- Hoàn toàn thông suốt, tri ân đại đức.

94. Bồ thí hai mắt lại được thiên nhãn

- Thừa đại đức! Trẫm nghe Đức Thế Tôn có thuyết rằng, đức vua Sivi do móc hai mắt của mình bố thí cho người đến xin nên có được thiên nhãn! Điều này trẫm nghi ngờ lắm! Móc đi hai mắt, nghĩa là không còn trông mắt, chẳng có con người, thì không rõ thiên nhãn phát sanh chỗ nào?

- Đại vương! Đây là loại câu hỏi vượt ngoài tầm mức của lý trí, ở ngoài các định luật tự nhiên, không rõ đại vương có đầy đủ đức tin để lãnh hội chăng?

- Đại đức cứ nói.

- Vâng, có hai ba-la-mật là chân thật (*sacca*) và nguyện lực (*adhitthana*) ở trong mười ba-la-mật, đại vương có biết chăng?

- Thừa, có biết.

- Nếu hai ba-la-mật này được kết hợp thành một khối nhất như, gọi là "*nguyện lực chân thật*" thì bất cứ chuyện gì trên thế gian này cũng đều được thành tựu như ý muốn, thừa đại vương!

- Xin đại đức nói cụ thể hơn một chút.

- Khi trời không có mưa thì với "*nguyện lực chân thật*" này, cầu cho trời có mưa, tức khắc mưa rơi xuống. Như lửa đang cháy, với "*nguyện lực chân thật*" cầu cho lửa tắt thì lửa sẽ tắt. Thậm chí bị chất độc họa hại sinh mạng, với "*nguyện lực chân thật*" thì chất độc cũng không còn. Nếu một dòng sông chảy xuôi, với "*nguyện lực chân thật*", nước có thể chảy ngược dòng! Điều ấy quả là khó tin phải không đại vương?

- Với mọi người thì khó tin, nhưng trẫm thì trẫm tin.

- Hay lắm! Đức vua Sivi cũng như thế đó, tâu đại vương! Với "*nguyện lực chân thật*" nó tạo ra một năng lực siêu nhiên, năng lực siêu nhiên ấy làm cho đức vua phát sanh thiên nhãn. Chuyện khó tin nhưng có thật đấy, tâu đại vương!

Suy nghĩ một lát, đức vua lại hỏi:

- Những chuyện mà đại đức vừa nói, như mưa rơi xuống, lửa tắt, tiêu tan chất độc, dòng sông chảy ngược... Nói tóm lại là do nhân gì, duyên gì?

- Chính "*nguyện lực chân thật*" ấy là nhân, cũng chính "*nguyện lực chân thật*" ấy là duyên, tâu đại vương!

- Trong kinh có trường hợp nào cụ thể phát sanh năng lực siêu nhiên bởi nhân duyên "*nguyện lực chân thật*" ấy chẳng, thưa đại đức?

- Thưa có! Đức vua danh hiệu là Cina, trị vì xứ Cina, có tâm mong muốn được dong xe ngựa ngao du trên biển cả, ngài bèn phát nguyện "*nguyện lực chân thật*" ròng rã bốn tháng trường như thế với tâm kiên trú bất thoái. Hôm kia, bằng vào một niềm tin không lay động, đức vua dong ra biển trên một cỗ xe có bốn ngựa kéo. Đức vua xứ Cina rất lấy làm thỏa thích, kể lại rằng, cỗ xe bốn ngựa ngao du trên biển xa chừng một do tuần, các làn sóng tạt lên gọng xe như nước tạt trên lá sen mà thôi. Đó là một chuyện, tâu đại vương.

- Trẫm muốn nghe thêm ví dụ cụ thể nữa.

- Đức vua Dhammasoka, hôm nọ, cùng với quân hầu ngựa ra khỏi hoàng thành, thấy con sông nước chảy cuồn cuộn, chợt khởi lên ý nghĩ lạ thường rồi nói với quân hầu rằng: "*Này các khanh, các khanh có thấy hoặc có biết ai trên thế gian này có khả năng làm cho con sông này nước chảy ngược lại chẳng?*"

Lúc ấy, ở bên sông có người kỹ nữ nghe được, cô ta bèn phát ngôn bằng "*nguyện lực chân thật*" như vậy: "*Tôi đây làm nghề kỹ nữ, bốn mùa bán thân nuôi miệng, sở dĩ như vậy là vì tôi chỉ muốn duy trì mạng sống chứ không có lý do nào khác. Điều ấy là hoàn toàn chân thật. Nếu lời tôi nói đây là chân thật thì xin dòng sông này chảy ngược ngay bây giờ, ngay trước mặt cho đức vua Dhammasoka trông thấy!*" Lời cô kỹ nữ vừa dứt, dòng sông tức khắc chảy ngược, đức vua kinh ngạc quá đỗi, không rõ nguyên nhân tại sao!

Khi biết rõ dòng sông chảy ngược là bởi do cô kỹ nữ, đức vua kêu lại phán hỏi: "*Cô là dạ xoa hay long vương mà có oai lực như thế?*" Cô kỹ nữ kính cẩn thưa: "*Đấy là do sức mạnh của sự nói thật, chứ không phải do oai lực của một phi nhân nào cả, tâu đại vương!*" Đức vua không tin, bảo rằng: "*Có gì ở nơi người, mà người bảo rằng "chơn ngôn" (lời nói chân thật)? Người là người không có trí tuệ, bốn mùa chơi bời, dâm ô, không có nét hạnh! Người chỉ biết cảm dỗ tình dục mọi người, làm cho bao nhiêu đàn ông hư hỏng phải mê đắm, tan cửa nát nhà! Vậy có gì là đạo đức, hiền thiện ở nơi người đâu mà dám bảo là "nguyện lực chân thật". Hãy nói cho trẫm nghe xem!*" Cô kỹ nữ bèn đáp: "*Tâu đại vương! Chính do tiện nữ nói thật nên "nguyện lực chân thật" kia mới tựu thành năng lực phi thường như thế!*"

Nghe xong câu chuyện, đức vua Mi-lan-đà trầm ngâm:

- Qua các ví dụ của đại đức, bây giờ trăm đã tin là đức vua Sivi quả có phát sanh thiên nhân do bố thí hai mắt bằng "*nguyện lực chân thật*" của mình. Thật là kỳ diệu vậy!

95. Hoài nghi về sự thụ thai

- Thưa đại đức! Đức Thế Tôn có thuyết rằng: "*Tất cả chúng sanh, ví dụ là người nữ, muốn thụ thai phải hội đủ ba yếu tố: cha mẹ giao hợp, đến kỳ bà mẹ có kinh nguyệt và chúng sanh đầu thai nương gá. Thiếu một trong ba yếu tố ấy thì không thể thụ thai.*" Có phải vậy chăng?

- Đúng vậy.

- Nếu thế thì trăm nghi lắm. Cũng trong kinh, có kể trường hợp thụ sanh của đạo sĩ Singa và đạo sĩ Sankicca. Mẹ của hai đạo sĩ ấy là một con nai cái, do vì ăn cỏ có dính tinh từ nước tiểu của một đạo sĩ ẩn tu mà có thai rồi sinh ra. Trường hợp này thì có hai yếu tố sau, thiếu yếu tố đầu tiên, thế sao việc thụ thai vẫn xảy ra?

- Cha mẹ giao hợp là để có tinh xuất, nhưng trường hợp nai cái ăn cỏ có dính tinh cũng kể vào yếu tố thứ nhất ấy, tâu đại vương!

- Thưa, nai ăn cỏ có dính tinh, tinh ấy vào dạ dày, tiêu hóa theo đường ruột thì đâu có liên hệ gì ở bộ phận cấu sanh của phôi thai? Điều ấy trăm không hiểu!

- Bần tăng cũng không hiểu. Nhưng bần tăng nghĩ rằng đây là trường hợp cá biệt, có thể có một sự cấu tạo đặc biệt nào đó ở cơ thể của nai cái chăng? Điều ấy không phải là không thể xảy ra, tuy nhiên, có tinh, được kể là yếu tố thứ nhất, tâu đại vương!

- Tạm thời trăm đồng ý như vậy. Và đây có phải cũng tương tự như trường hợp thọ sanh của ngài Ca diếp đồng tử (*Kumàra kassapa*)?

- Đúng vậy! Tỳ khuru Udàyi vì thấy dung sắc của một vị tỳ khuru ni, phát tâm luyến ái, thỏa thích làm cho tinh xuất, dính vào y ca-sa. Tỳ khuru ni ấy lại lấy tinh nhét vào tử cung, nhét vào miệng vô cùng khoái lạc nên đã thụ thai, hạ sanh trẻ Kassapa mà sau này được tôn xưng là ngài Ca diếp đồng tử. Trường hợp ấy cũng xem như hội đủ ba yếu tố đấy, tâu đại vương!

- Thế còn chuyện đạo sĩ Mátanga chỉ rờ rẫm nơi bụng một nữ bà-la-môn mà làm cho nữ bà-la-môn kia mang thai, sanh con, đặt tên là Mandabya thì sao?

- Trường hợp này cũng như trường hợp đạo sĩ Dukala sờ vào bụng nữ đạo sĩ Pàrikà mà thụ thai, sinh ra đức Sàma không khác. Cả hai trường hợp trên đều hội đủ ba yếu tố, nhưng chúng ta phải hiểu là còn có thêm năng lực bên ngoài hỗ trợ nữa.

- Xin đại đức kể cho nghe trường hợp ấy.

- Vâng! Chuyện khá dài đấy, không rõ đại vương nghe có mệt chẳng?

- Không sao, nghe giáo pháp vừa là "*thức thực*" vừa còn có hỷ lạc nữa đấy, thưa đại đức.

- Đạo sĩ Dukala và đạo sĩ Pàrika vốn là hai vợ chồng nhưng họ tình nguyện rời bỏ ngũ dục vào rừng sâu kết cỏ làm nhà, xuất gia phạm hạnh. Họ ở mỗi người mỗi nơi riêng biệt, giữ giới luật nghiêm túc, tinh cần thiền định. Vua trời Đế Thích với thiên nhãn của mình, thấy đời sống tịnh tu của họ, ngài vô cùng ái mộ, sớm chiều thường hiện xuống cung kính hầu hạ. Hôm kia, trời Đế Thích quán xét biết rằng, trong tương lai cả hai vị đạo sĩ tôn kính này sẽ bị mù lòa, do vậy việc kiếm tìm trái cây nuôi mạng sẽ vô cùng khó khăn. Với tâm bi mẫn và lòng từ vô lượng, trời Đế Thích cung thỉnh hai đạo sĩ nên sinh một đứa con để làm chỗ nương tựa cho tuổi già mai hậu. Hai vị đạo sĩ kiên quyết giữ phạm hạnh không chịu phá giới. Lần thứ hai, trời Đế Thích ân cần thưa thỉnh, tiết lộ hoàn cảnh tương lai khó khăn của hai người, nếu không con thì hoàn cảnh sẽ khôn đốn. Hai vị đạo sĩ khăng khăng chối từ. Lần thứ ba, trời Đế Thích đã mất công vô ích mà còn được hai vị đạo sĩ phân trần về chí nguyện của họ. Họ nói rằng: "*Này bạn, không những bạn khuyên chúng tôi làm một việc không có lợi ích mà còn tai họa đến phạm hạnh của chúng tôi nữa. Bạn biết không, cái gì đến thì nó cứ tự đến, chúng tôi không hề sợ hãi tránh né bao giờ, dù là tổn nguy đến sanh mạng. Lòng từ ái của bạn là rất tốt nhưng quả thật nó đã được đặt không nhầm chỗ. Mặt trời, mặt trăng kia có thể rơi xuống, quả đất này có thể sụp đi, núi Tu di kia có thể tan vỡ như hạt bụi - nhưng phạm hạnh của chúng tôi thì chẳng ai có thể phá hủy được. Chúng tôi rất cảm ơn bạn, nhưng xin bạn hãy đi đi, ở đây không phải là nơi để bạn lui tới nói những lời trống không, phù phiếm như thế.*"

Biết không lay chuyển được chí nguyện sắt đá của hai vị đạo sĩ, trời Đế Thích bèn hiện ra thân tướng trang nghiêm, chói sáng, uy nghi rồi thú thật mình chính là Đế Thích Thiên vương. Hai vị đạo sĩ vô cùng kinh ngạc. Đế Thích cũng chẳng dấu diếm gì nữa, nói rằng, ngài có khả năng biết chuyện quá khứ, vị lai; biết rằng trong nay mai cả hai vị đạo sĩ sẽ bị mù cả hai mắt, thật không dễ gì kiếm vật thực

nuôi mạng. Thiên chí của ngài hoàn toàn không phải vì mục đích phá hủy phạm hạnh của họ, chỉ mong họ có người để nương tựa lúc tuổi già mù lòa sức yếu mà thôi. Lời chí tình của Đế thích cũng không thể làm cho hai vị đạo sĩ lay động tâm. Cuối cùng, Đế thích phải năn nỉ, rằng chỉ cần đạo sĩ Dukala đặt tay lên bụng của nữ đạo sĩ Pàrikà vào kỳ kinh nguyệt - thì ngài có khả năng làm cho họ được sinh con! Thấy một vị Thiên vương chí tôn mà phải hạ mình cầu khẩn chí tình như thế, đạo sĩ Dukala không nỡ chối từ nữa, nghĩ rằng chỉ cần đặt tay lên bụng, phạm hạnh đâu có bị hoen ố nhưng chưa phải là hoàn toàn bị phá hủy, nên nhận lời...

Đức vua Mi-lan-đà hỏi:

- Rồi sau đó, bồ tát Sàma của chúng ta giáng sanh ư ?

- Thưa, chẳng phải đơn giản như thế. Được sự ưng thuận của hai vị đạo sĩ rồi, Đế thích trở lại thiên cung, dùng thiên nhãn quán xét xem thử vị trời nào có nhiều công đức ba-la-mật, nhiều trí tuệ mà tuổi thọ sắp mãn, có khả năng lai sanh bất cứ nơi nào... Chỉ gặp được một vị trời hội đủ nhiều yếu tố như thế, Đế thích lại một phen nữa lao đao vất vả đến mời thỉnh vị thiên tử ấy giáng phàm...

- Và đấy chính là đức Sàma!

- Phải rồi! Nhờ lúc ấy bồ tát Sàma biết tuổi thọ mình sắp mãn, đang quan sát trong bốn châu thiên hạ xem có chỗ nào nên hạ sanh. Đế thích trình bày hoàn cảnh của hai đạo sĩ mù nay mai trong rừng sâu, rồi thỉnh nguyện Bồ tát thai sinh để bổ túc ba-la-mật của mình. Bồ tát Sàma nhận lời. Và sau khi hẹn ngày, nữ đạo sĩ Pàrikà có kỳ kinh nguyệt, đạo sĩ Dukala đưa tay sờ vào bụng, tức khắc bồ tát Sàma đầu thai cấu sanh. Như vậy, thai sinh ấy vẫn hội đủ ba yếu tố, nhưng ở đây có năng lực hỗ trợ của trời Đế thích, tâu đại vương!

- Vậy thì trăm hiểu rồi! Nếu không có năng lực thần kỳ của trời Đế thích thì làm sao mà giải thích cho kẻ phàm phu hiểu được. Nhưng ngoài nguyên nhân ấy còn có nguyên nhân nào về sự đầu thai của chúng sanh nữa chẳng?

- Thưa, tất cả chỉ có bốn nguyên nhân, tâu đại vương! Ấy là nguyên nhân do sức tác động của nghiệp, do cách sanh và chỗ sanh khác nhau, do chủng loại, dòng họ khác nhau, và thứ tự là do được thỉnh mời.

- Thế nào là do sự tác động của nghiệp, thưa đại đức?

- Dĩ nhiên, nghiệp quyết định tất cả các cảnh thú tái sanh trong sáu đường, nhưng ở đây chỉ muốn nói đến hạng chúng sanh có thiện căn, tích trữ nhiều phước báu; họ có khả năng đến chỗ nào y như ước muốn, y như quyết tâm mong mỏi, tâu đại vương! Ví dụ họ muốn hóa sanh lên các cõi trời, sanh vào dòng vua chúa uy quyền cao sang hay sanh vào các gia đình bà-la-môn danh vọng, giàu có v.v... đều có thể được, không trở ngại gì!

- Có thể dễ dàng như thế sao?

- Vâng, rất dễ dàng. Ví như có một người giàu nứt đố đổ vách, châu báu ngọc ngà, tài sản, kho đụn chẳng biết để đâu cho hết. Đại vương nghĩ thế nào, nếu người giàu có ấy muốn mua một xóm nhà lớn, xóm nhà nhỏ, muốn mua tôi trai hoặc tớ gái thì có dễ dàng thỏa nguyện chăng?

- Dĩ nhiên là được!

- Cũng như thế là người có nhiều công đức, phước báu, có nhiều thiện pháp; họ muốn sanh xứ chỗ nào, gia tộc nào đều dễ dàng như ước muốn, tâu đại vương!

- Cái gọi là cách sanh, chỗ sanh là như thế nào, thưa đại đức?

- Nguyên nhân này kỳ lạ lắm, tâu đại vương! Chỉ có bậc Toàn Giác mới thấy rõ, biết rõ. Ví như có chúng sanh được sanh ra từ bụng, từ âm xứ của người nữ, của giống cái; có chúng sanh - như chư thiên - thì hốt nhiên hóa sanh, kẻ thì từ vườn hoa, kẻ trong bảo điện, kẻ ở chỗ ngồi, kẻ thì ở xung quanh hoặc từ phòng riêng của vị thiên tử v.v... Ví như con gà khi cấu sanh phải có sự hỗ trợ của gió. Ví như con cò, con vạc khi cấu sanh phải có sự hỗ trợ của sấm sét v.v... Thật là thiên hình vạn trạng, khó biết hết, khó thấy hết. Đại vương cứ thử tưởng tượng loài người sinh sống trên mặt đất, màu da, sắc phục, hình tướng, cách trang điểm khác nhau, phong phú như thế nào thì chỗ sanh, cách sanh cũng phong phú và đa dạng như thế ấy.

- Thế chủng loại, dòng họ là thế nào, thưa ngài?

- Điều này thì đại vương biết rồi, đấy là noãn thai, thấp, hóa, tức là được sinh ra từ trứng, từ thai bào, chỗ ẩm thấp hoặc được sinh ra do hóa mà sanh tức là tự hiện ra. Noãn sanh là như gà, chim... Thai sanh như người và các loài thú bốn chân: hươu, nai, heo, bò v.v... Thấp sanh như rệp, rận, quăn v.v... Hóa sanh như chư thiên các cõi trời... Nếu chúng sanh ở chủng loại, dòng họ nào thì hành tướng, sanh nghiệp đều thuộc về chủng loại, dòng họ ấy. Ví dụ thuộc loài từ

trúng sanh thì phải có nghiệp, có tướng tương đồng. Các chủng loại, dòng họ khác nhau cũng y như thế đó, tâu đại vương!

- Cuối cùng là do thỉnh mời, như trường hợp bồ tát Sàma của chúng ta. Nhưng trẫm không rõ trường hợp nào được thỉnh mời, có điều kiện nào cho việc thỉnh mời ấy thành tựu? Và cuối cùng là lợi ích thù thắng của nó ra sao?

- Câu hỏi này rất hay, thưa đại vương! Trường hợp được thỉnh mời phải đầy đủ ba điều kiện mới thực sự thành tựu và thực sự đem đến lợi ích lớn. Thứ nhất là người thỉnh mời phải có nhiều oai lực, nhiều phước báu, nhiều tâm từ. Thứ hai, người được thỉnh mời phải là vị thiên tử đầy đủ công đức ba-la-mật, nhiều trí tuệ và có nguyện lực tái sanh độ thế. Thứ ba là gia tộc được chọn lựa để đầu thai phải có giới đức thanh tịnh, đức tin tròn đủ, đã tu tạo nhiều thiện pháp. Nếu thiếu một trong ba điều kiện ấy thì việc thỉnh mời sẽ bất thành, tâu đại vương!

- Đại đức có ví dụ cụ thể nào chăng?

- Thưa có, tâu đại vương. Ví như có một người làm ruộng giỏi giang, biết chăm chuyên cần mẫn, lựa hạt giống tốt, gieo vào thửa ruộng tốt, phân nước đầy đủ; đến khi gặt hái thì năng suất lúa sẽ bội thu, có phải thế không, thưa đại vương?

- Đúng vậy.

- Người làm ruộng được ví như trời Đế Thích, hạt giống tốt ví như bồ tát Sàma của chúng ta và thửa ruộng tốt được ví như đạo sĩ Dukhala và nữ đạo sĩ Pàrikà. Đầy đủ các điều kiện tốt ấy thì có lợi ích cho chư thiên và nhân loại không, thưa đại vương?

- Dĩ nhiên là quá nhiều phước lành do duyên kết hợp ấy.

- Phước lành do sự kết hợp ấy quả là hy hữu, tâu đại vương! Từ xưa đến nay, trời Đế Thích chỉ thỉnh mời có bốn người, đấy là đức vua Kusa, đức vua Mahàpahànàda, bồ tát Suvanna Sàma trong câu chuyện vừa rồi và bồ tát Vessantara là kiếp áp chót của Phật Thích ca mà thôi!

Đức vua Mi-lan-đà vô cùng hoan hỷ, bèn tán thán:

- Thật là thù thắng làm sao là sự giải đáp tận tình, cặn kẽ của đại đức! Trẫm rất lấy làm thỏa thích và sung sướng vậy.

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

096-103

96. Nghi về thời gian giáo pháp tồn tại

- Thưa đại đức! Khi Đức Thế Tôn cho phép nữ giới vào tu, ngài có nói là giáo pháp chỉ còn tồn tại năm ngàn năm. Nhưng khi sắp Niết bàn, Đức Thế Tôn lại nói với Subhadda rằng: *chừng nào chư tỳ khưu đệ tử của Như Lai, có đức tin đầy đủ, biết thực hành đúng đắn giáo pháp của Như Lai thì chừng ấy trong thế gian sẽ không mất quả vị A-la-hán!* Thưa đại đức! Tại sao Đức Thế Tôn thuyết hai lời, trước sau lại ngược với lời nói trước? Tại sao Đức Thế Tôn lại thuyết hai lời, trước sau không như một, làm cho kẻ hậu học không xiết nghi ngờ; và kẻ ngoại đạo sẽ lấy lý do ấy để dị luận, tiểu đàm giáo pháp của đức Tôn Sư?
- Tâu đại vương! Quả là hai lời ấy Đức Thế Tôn đều có thuyết. Và quả thật, Phật ngôn ấy ý nghĩa không đồng nhau, có ý nghĩa khác nhau, văn tự, ngữ nghĩa đều khác nhau. Nó xa nhau, khác nhau và cách biệt nhau lắm. Ví như đất và trời, ví như bảo điện chốn thiên cung và hỏa lò nơi địa ngục; ví như vui với khổ, như tội với phước, như có đức và thất đức v.v... Bần tằng xin xác nhận sự thật ấy!
- Thế ra đại đức cũng đồng ý sự mâu thuẫn giữa hai Phật ngôn của Đức Tôn Sư?
- Đại vương, đại vương hiểu thế nào, khi Đức Thế Tôn tuyên bố giáo pháp chỉ còn tồn tại năm ngàn năm, là ngài tiên tri về thời gian giáo pháp tiêu hoại hay là ngài có ý ngăn cấm sự giác ngộ đạo quả?
- Dĩ nhiên Đức Tôn Sư chỉ nói đến thời hạn giáo pháp tiêu hoại thôi.
- Đúng thế, Đức Thế Tôn nói đến thời kỳ tiêu hoại giáo pháp như là ranh giới không có phần dư, nhưng "*phần còn lại*" thì Đức Thế Tôn chưa nói đến, tâu đại vương!
- Cái gì là "*phần còn lại*" thưa đại đức?
- Ví như có một người gia chủ biết rằng tài sản của mình ba năm nữa là tiêu hoại, nhưng y không thối chí, ngã lòng, ăn tiêu cần kiệm, cố gắng làm ăn tích lũy thì thời hạn ba năm ấy có đúng chăng, đại vương?

- Sẽ kéo dài, và thời kỳ tiêu hoại sẽ lâu hơn.
- Nhưng giả dụ y cứ tiếp tục phung phí, ăn tiêu xa xỉ thì thế nào hờ đại vương?
- Thời gian tiêu hoại sẽ rút ngắn lại.
- Cũng vậy là ý nghĩa đằng sau lời tuyên bố của Đức Thế Tôn. Giáo pháp năm ngàn năm nữa là tiêu hoại, nhưng nếu chư tỳ khưu, tỳ khưu ni, cận sự nam nữ chuyên tâm tu thiền định, thiền quán, tu tứ vô lượng tâm, cần cầu sự giác ngộ, giải thoát thì thời hạn kia chắc chắn sẽ được kéo dài, phải thế không, đại vương?
- Đúng thế.
- Và nếu tứ chúng đê tử sống buông lung, phóng dật, chẳng chịu tu tập gì cả thì thời hạn kia sẽ thế nào, hờ đại vương?
- Dĩ nhiên là giáo pháp sẽ nhanh chóng tiêu hoại hơn thế nữa.
- Vậy thì hai lời tuyên bố của Đức Thế Tôn ở trên mặc dù văn tự khác nhau, ngữ nghĩa khác nhau, dường như nó mâu thuẫn nhau, nhưng lại bổ túc ý nghĩa cho nhau, tâu đại vương!
- Thưa, trăm đã hiểu nhưng trăm còn muốn nghe ví dụ nữa.
- Vâng, ví như một cái hồ với sức chứa như vậy, mạch nước rỉ ra hằng ngày như vậy thì khi mùa hạ đến, chừng vài tháng là hồ cạn; nhưng nếu năm, bảy ngày lại có những trận mưa lớn thì thời hạn cạn nước của cái hồ kia sẽ thế nào, hờ đại vương?
- Dĩ nhiên là có thể kéo dài thêm một tuần, hai tuần hoặc một tháng, hai tháng nữa cũng chưa biết chừng!
- Cái hồ chính là giáo pháp, thời hạn khô nước chính là giáo pháp đến thời phải tiêu hoại, nước mưa tuôn đổ thêm chính là phẩm hạnh tu tập của tứ chúng. Nếu tứ chúng tu hành đúng đắn, thực hành trọn đủ và nghiêm túc về giới, về định, về tuệ thì giáo pháp sẽ lâu dài hơn năm ngàn năm; và bốn đạo, bốn quả, sẽ còn tồn tại trên thế gian lâu dài hơn thời hạn giáo pháp bị tiêu hoại, có phải vậy không, đại vương?
- Vâng, đúng thế!

- Lại nữa, ví như một đồng lửa lớn được cháy bởi củi khô, lá khô, rác khô! Đồng lửa ấy sẽ tàn nếu như củi lá và rác ấy bị cháy hết. Nhưng nếu thỉnh thoảng ta bỏ vào đồng lửa ấy thêm rác, thêm củi, thêm lá thì đồng lửa ấy sẽ lâu tàn hơn, phải vậy không, đại vương?

- Thưa vâng!

- Đồng lửa này được ví là giáo pháp. Thời gian tiêu hoại của giáo pháp ví như đồng lửa tàn sau khi hết nhiên liệu. Củi, lá, rác được bỏ thêm vào được ví là những giới đức, phẩm hạnh, sự tinh cần tu tập của tứ chúng. Và như thế thì dầu giáo pháp năm ngàn năm bị tiêu hoại, nhưng nếu tứ chúng thực hành chánh pháp một cách nghiêm túc, có hiệu quả thì quả vị A-la-hán sẽ còn tồn tại lâu dài! Đại vương còn hoài nghi gì nữa chăng?

- Vâng, trẫm không còn hoài nghi gì nữa. Trẫm chỉ còn một thắc mắc nhỏ chưa hiểu rõ mà thôi, ấy là sự tiêu hoại của chánh pháp. Nói cho dễ hiểu là chánh pháp bị tiêu hoại được biểu hiện bởi những tiêu hoại gì?

- Vâng, sự thắc mắc của đại vương rất chính xác. Có ba sự tiêu hoại cả thầy. Ấy là tiêu hoại sở đắc, giác ngộ. Thứ hai là tiêu hoại về hạnh kiểm, giới luật. Thứ ba là tiêu hoại về tăng tướng, phẩm mạo, râu đại vương.

- Xin đại đức giảng cho nghe thế nào là *tiêu hoại sở đắc, giác ngộ*?

- Vâng! Ấy là khi mà tứ chúng không còn kiên tâm trì chí thực hành giáo pháp cho đến nơi đến chốn. Chúng chỉ thực hành cho có lệ, được chút gì hay chút ấy, vì vậy chúng không còn có khả năng chứng ngộ đạo quả. Điều ấy được gọi là sự tiêu hoại sở đắc, giác ngộ, thưa đại vương!

- Trẫm đã hiểu. Còn thế nào là *tiêu hoại hạnh kiểm, giới luật*?

- Đây là vào thời mà tứ chúng khinh thường những giới điều nhỏ, không thực hành, không tôn trọng những giới cấm lớn. Chúng mất tư cách, thiếu phẩm hạnh, thiếu hạnh kiểm, phá giới luật ... như vậy được gọi là sự tiêu hoại giới luật, hạnh kiểm, râu đại vương!

- Thế còn điều thứ ba: Sự *tiêu hoại tăng tướng, phẩm mạo*?

- Râu đại vương! Đến một lúc nào đó, Tăng chúng không còn mặc y cà-sa nữa. Chúng viện cố phương tiện, việc cố đi lại khó khăn, việc cố "*phá tướng*", nên không còn thích mặc y cà-sa vướng víu ở trên người, chúng thích mặc áo thế tục. Đến lúc ấy, chiếc y cà-sa màu vàng chỉ còn là một mảnh vải vàng tượng

trung, vắt qua lỗ tai mà thôi. Rồi đến lúc, chút vải vàng ấy cũng không còn nữa, ấy được gọi là tiêu hoại tăng tướng, phẩm mạo, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà vô cùng hoan hỷ:

- Cảm ơn đại đức đã giàu lòng bi mẫn, với nhiều câu ví dụ thiện xảo đã phá nghi cho trẫm.

97. Đức Thế Tôn còn khổ chút ít nào không?

- Thừa đại đức! Đức Thế Tôn đắc thành vô thượng bồ đề tuệ, ngài thiêu hủy tất cả ác pháp "*một cái một*" phải không? Hay là ác pháp còn dư sót chút ít?

- Đức Tối-thượng-giác đã tận diệt tất cả mọi nguyên nhân của nghiệp ác, không còn dư sót, ngài dứt "*một cái một*", tâu đại vương rõ!

- Không còn dư sót bất cứ một nghiệp ác nào, như vậy có nghĩa là ngài chẳng còn bị trả quả đau khổ, dầu là một chút ít, có phải thế không, thừa đại đức?

- Đau khổ chút ít ở nơi thân thì có - còn ở nơi tâm thì hoàn toàn không!

- Xin đại đức cho ví dụ cụ thể.

- Vâng! Thừa đại vương! Như một lần nọ, khi Đề-bà-đạt-đa xô tảng đá từ trên núi xuống cố ý làm hại Đức Phật; tảng đá ấy va đụng tảng đá khác, một mảnh nhỏ đã văng trúng chân Đức Phật làm cho chân ngài bị bầm máu sưng lên. Như vậy là Đức Phật bị đau chân. Ngài đau chân, tức là đau ở nơi thân, còn tâm giải thoát của ngài thì chẳng bị đau bao giờ. Một lần khác, tại xứ Veluvana, Đức Phật bị bệnh ra máu, sau đó có ông thầy thuốc dâng thuốc cầm máu cho ngài. Lần khác nữa, do phong đại thịnh, Đức Phật bị bệnh, ngài Ànanda dâng nước nóng cho Đức Phật uống. Cả hai trường hợp sau Đức Phật đều chỉ bị đau chút ít ở nơi thân mà thôi, tâu đại vương!

- Thừa đại đức! Trẫm không đồng ý như thế! Có thọ khổ chút ít vậy tức là còn khổ rồi. Nếu Đức Thế Tôn đã chấm dứt tất cả ác pháp để thành Phật Chánh Đẳng Giác - thì làm gì còn ác nghiệp để phải bị trả quả đau khổ, dầu là chút ít? Trẫm nghi ngờ lắm. Nghi ngờ rằng Đức Thế Tôn thiêu hủy tất cả ác pháp để thành Phật quả là không đúng chẳng? Nghi ngờ rằng Đức Chánh Đẳng Giác mà còn thọ khổ bệnh là không đúng chẳng? Hai mối nghi ấy mâu thuẫn nhau, là hai khía cạnh chống đối nhau. Vậy nhờ đại đức hãy phá nghi cho trẫm.

- Không có mâu thuẫn đâu, thưa đại vương! Sự thọ khổ do ác nghiệp ở nơi Đức Thế Tôn đã hoàn toàn được tận diệt, đó là điều chắc thật. Còn những thọ khổ khác nó còn có bảy nguyên nhân phát sanh, không phải do quả của nghiệp, thưa đại vương!

- Ấy là những nguyên nhân gì?

- Thưa, đó là phát sanh bởi gió, bởi mật, bởi đàm, cơ thể bị chi phối bởi nhiều tâm trạng, bởi thời tiết thay đổi, bởi oai nghi không đều, bởi cơ thể bị nhiều sự co thắt v.v...

- Làm thế nào để phân biệt được sự thọ khổ nào là phát sanh bởi nghiệp và sự thọ khổ nào là không phát sanh bởi nghiệp, thưa đại đức?

- Có thể phân biệt được, tâu đại vương! Sự thọ khổ do bảy nguyên nhân kể trên nó chỉ phát sanh trong hiện tại, còn sự thọ khổ do ác nghiệp nó liên hệ từ quá khứ đến vị lai.

- Xin đại đức giảng giải cho rõ ràng hơn.

- Vâng, ví dụ sự thọ khổ phát sanh bởi gió. Vì phát sanh bởi gió nên nó chỉ phát sanh trong hiện tại. Trong hiện tại thì sự thọ khổ ấy bị tác động do lạnh quá, do nóng quá, do thọ dụng quá độ, do đứng lâu quá, do ngồi lâu quá, do chạy nhiều quá, do nằm nhiều quá, do làm việc nhiều quá, do cố gắng quá sức .v.v... Sự thọ khổ ấy chỉ phát sanh trong hiện tại, không phát sanh từ quá khứ đến vị lai nên không phải là quả của ác nghiệp, tâu đại vương!

- Sự thọ khổ phát sanh do mật, do đàm, do thời tiết đổi thay, do oai nghi không đều - đều y như thế?

- Thưa, vâng! Nói tóm lại, sự thọ khổ phát sanh do nghiệp quả thì ít hơn, còn sự thọ khổ phát sanh do nhiều nguyên nhân khác trong hiện tại thì nhiều hơn, thưa đại vương!

- Thưa đại đức! Trẫm đã hiểu sự thọ khổ chút ít của Đức Thế Tôn do gió, do mật, do đàm ... là phát sanh trong hiện tại, không phải quả của ác nghiệp. Nhưng trường hợp Đề-bà-đạt-đa xô tảng đá xuống làm Đức Phật chảy máu chân, bầm tím và đau ... chúng ta phải hiểu thế nào, do ác nghiệp hay do nguyên nhân khác?

- Đại vương! Trước khi muốn hiểu cho thấu đáo trường hợp ấy, đại vương có thể cho bản tăng biết, nghiệp là gì không?

- Thừa, nghiệp chính là tác ý, là khởi tâm!
- Đè-bà-đạt-đa lăn đá làm hại Phật là tác ý của Phật hay là tác ý của Đè-bà-đạt-đa?
- Cửa Đè-bà-đạt-đa!
- Đúng vậy! Và giả dụ Đè-bà-đạt-đa kết oan trái với Phật từ quá khứ thì đây là nghiệp của Đè-bà-đạt-đa hay nghiệp của Phật?
- Cửa Đè-bà-đạt-đa!
- Đại vương! Vậy là đại vương đã tự trả lời! Đè-bà-đạt-đa gây nhân dữ thì bị quả xấu - còn Đức Thế Tôn vì đã chấm dứt tất cả mọi ác nghiệp nên không còn bị khổ báo nữa, đây là sự thật hiển nhiên vậy.
- Nhưng dù sao thì Đức Thế Tôn cũng bị thọ khổ, thừa đại đức!
- Tâu đại vương! Vì Đức Thế Tôn còn mang thân xác hữu vi nên những thọ khổ ấy là những tác động đương nhiên của các định luật nhân giới, không thể bảo là thọ khổ do ác nghiệp được!
- Đại đức có ví dụ nào về điều ấy chăng?
- Vâng, có! Ví như có một người làm ruộng. Người ấy được có kẻ cho ruộng và có kẻ cho lúa giống! Khi ruộng đã được cày bừa xong, người kia gieo lúa giống vào đám ruộng ấy. Thời gian sau, lúa ấy không phát triển được tốt, vậy là lỗi do người cho ruộng hay là lỗi do kẻ cho lúa giống hở đại vương?
- Thừa, thật khó nói là do lỗi của ai, thật khó nói là do nguyên nhân nào!
- Vâng, đúng thế! Lại nữa, ví như có người ăn vật thực vào, cảm thấy không được an vui vì tức hơi, đầy bụng! Có thể nào người ấy lại đổ lỗi cho cái bụng, hoặc đổ lỗi cho vật thực, hở đại vương!
- Thật không thể!
- Vậy thì tại sao sự thọ khổ ở nơi thân chảy máu của Đức Thế Tôn, đại vương lại dám bảo do một nguyên nhân là ác nghiệp?
- Vâng, thật không thể!
- Đại vương! Sống giữa cõi đời này, còn mang thân xác tứ đại, còn cảm thọ, còn tri giác ... nên phải nhận chịu các định luật tương tác ở chung quanh của nhân

giới, của xã hội và con người. Những chuyện trái ý nghịch lòng, được mất, hơn thua, khen chê ... rơi xuống thân tâm chúng ta cũng giống như những viên đá từ hư không rơi xuống mặt đất. Mặt đất đâu có tạo nghiệp gì mà phải bị như thế, hờ đại vương?

- Mặt đất làm sao lại tạo nghiệp được!

- Cũng dường như thế ấy là viên đá làm chảy máu chân Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn chẳng tạo nghiệp gì từ trước cả và chính khi bị viên đá làm chảy máu chân, Đức Thế Tôn vẫn với tâm giải thoát, tuệ giải thoát đầy, đại vương! [*]

- Thưa, vậy chính là do Đề-bà-đạt-đa tự gây nhân ác?

- Vâng, y gây nhân ác thì chính y phải chịu quả khổ chứ chẳng liên hệ gì Đức Thế Tôn cả.

- Vâng, giờ thì trẫm đã hiểu rồi!

- Đại vương! Đức Thế Tôn có thuyết trong kinh *Samyutta Nikàya* như là cái dấu ấn của đức vua để minh thuyết cho lời bàn tăng vừa nói. Đó là: "*Này bà-la-môn Sivaka! Tất cả những thọ khổ ở nơi thân hoặc do gió phát sanh hoặc do đờm phát sanh hoặc do mật phát sanh hoặc do thời tiết thay đổi v.v... Tất cả thọ khổ ấy người phải cần thấy như thật, rằng là, có thể chúng là nhân, có thể chúng là duyên, hỗ trợ, tương tác mà thành. Sự thọ khổ ấy đừng vội quy kết là do nghiệp, như một số sa môn, bà-la-môn vì không thấy rõ các định luật tự nhiên mà tuyên bố rằng: "Người đời hằng thọ vui, thọ khổ hoặc không vui không khổ, tất thấy đều do nghiệp đã làm từ trước!". Các sa môn, bà-la-môn ấy đã chạy vượt quá sự hiểu biết của mình, đã không có trí tuệ lại tự xưng là có trí tuệ, họ đã sai lạc và rơi vào tà kiến vậy".*

- Cảm ơn đại đức đã mở con mắt sáng cho trẫm.

[*] Theo bộ chú giải *Apàdàna*, phần *Budthapadàna*, thời quá khứ Bồ tát xô đá giết chết em trai của mình. Nên đây là nghiệp còn dư sót. (chỗ này dường như có mâu thuẫn)

98. Đức thế tôn đã thật sự hoàn tất mọi phận sự chưa?

- Thưa đại đức! Sau khi thành đạo dưới cội bồ đề, nghe nói Đức Thế Tôn còn nhập định ở đây ba tháng [*] nữa phải chăng?

- Thưa vâng!

- Đã là bậc Chánh Đẳng Giác, nghĩa là ngài đã thành tựu trọn vẹn và viên mãn tất cả mọi công hạnh, thế thì ngài còn nhập định ba tháng để làm gì nữa? Ngài còn tu tập, còn tu huấn luyện mình như thế nghe có kỳ dị chẳng, có mâu thuẫn chẳng, thừa đại đức? Trẫm có nghe rằng, người không đau thì không cần thuốc, người không đói thì không cần ăn cơm? Ở đây chẳng lẽ nào đáng Toàn Tri Diệu Giác không đau, không đói mà vẫn dùng thuốc, dùng cơm? Đã hoàn tất mọi công hạnh, phạm sự thế mà ngài vẫn tu tập, vẫn huấn luyện mình là nghĩa làm sao, trẫm không hiểu được?

- Câu hỏi của đại vương xác đáng lắm! Tuy nhiên, nếu đại vương hiểu được ân đức của *thiền* thì đại vương sẽ không đặt những câu hỏi như thế đâu!

- Nghĩa là ngài có nhập thiền ba tháng đấy chứ?

- Thưa, có!

- Và khi giác ngộ dưới cội bồ đề, Đức Phật đã thành tựu tất cả mọi công hạnh, đã hoàn tất cả mọi phạm sự trên đời này?

- Thưa vâng!

- Vậy xin đại đức hãy lý giải cho trẫm nghe về sự mâu thuẫn ấy?

- Đại vương! Không phải chỉ Đức Phật Thích Ca, mà là tất cả vị Phật quá khứ, sau khi chứng ngộ đạo quả, các ngài đều nhập định ba tháng như thế. Và trong khi nhập thiền, các ngài không tu tập, hoặc huấn luyện gì đâu! Các ngài nghĩ tưởng đến ân đức vô cùng cao thượng của thiền nên các ngài trú thiền để thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả, tâu đại vương!

- Ý đại đức nói là chư Phật nhập thiền là do nghĩ tưởng đến ân đức cao cả của thiền?

- Vâng, đúng vậy!

- Xin đại đức giảng giải rộng cho nghe?

- Đại vương! Ví như đại vương có một viên quan mẫu mực, chăm chuyên mọi bổn phận một cách tuyệt hảo; thấy vậy đại vương ban thưởng cho nhiều vật phẩm, tiền bạc, lợi lộc sang cả. Vị quan ấy rất cảm kích ân đức của đại vương, nên thường lui tới thăm viếng, cung kính hầu hạ đại vương! Đại vương nghĩ thế nào, viên quan ấy hằng lui tới thăm viếng, cung kính, hầu hạ đại vương do tri ân đại vương; việc làm ấy của viên quan kia là xứng đáng, là phải lẽ chẳng?

- Rất là phải đạo vậy!

- Cũng thế, tâu đại vương! Chư Phật quá khứ cũng như Đức Thích Ca vì nhận được ân huệ của thiên, ân đức cao cả của thiên nên các ngài trở về lại trú xứ ấy để tri ân thiên - như viên quan đến hầu thăm đại vương vậy thôi!

- Vâng, cũng có thể là như vậy, nhưng đại đức còn ví dụ nào rõ nghĩa hơn chăng?

- Có thể được, ví như có người mắc bệnh nan y, thường chịu nhiều cơn đau thống khổ, may nhờ có người thầy thuốc giỏi trị cho người kia lành bệnh. Cảm kích vị lương y đã cứu mạng sống mình, người kia thường hay trở lại nhà người thầy thuốc để thăm viếng và tri ân. Điều ấy là phải lễ hay không phải lễ, hờ đại vương?

- Rất phải lễ!

- Chư Phật quá khứ và Phật Thích Ca nhập thiên để thọ hưởng lạc về thiên, lạc về quả ... cũng là một cách tri ân giống như người bệnh đến nhà vị lương y kia vậy, tâu đại vương!

- Ân đức cao thượng của thiên như thế nào, ghê gớm như thế nào mà đến nỗi chư Chánh Đẳng Giác phải tri ân, thưa đại đức?

- Nói tóm gọn là các ngài thọ hưởng lạc về thiên, thọ hưởng lạc về quả, nhưng nếu nói rộng ra thì thiên có cả thảy hai mươi tám ân đức!

- Xin ngài giảng giải cho thật đầy đủ.

- Vâng, đại vương hãy nghe đây. Thiên có cả thảy hai mươi tám ân đức sau đây:

Một là, bảo vệ, giữ gìn thân thể được khang kiện.

Hai là, công năng tăng tuổi thọ.

Ba là, tăng sức mạnh.

Bốn là, đống hấn tội lỗi.

Năm là, không cho mất danh dự, danh vọng.

Sáu là, đem lại danh dự, danh vọng.

Bảy là, làm cho tiêu mất sự "không hoan hỷ".

Tám là, làm cho phát sanh sự hoan hỷ.

Chín là, dứt hẳn sự sợ hãi.

Mười là, tăng lòng dũng cảm.

Mười một là, dứt trừ lòng biếng.

Mười hai, phát sanh tinh tấn.

Mười ba, dứt trừ tham luyến.

Mười bốn, dứt trừ sân hận.

Mười lăm, dứt trừ si mê.

Mười sáu, dứt trừ ngã chấp.

Mười bảy, dứt trừ suy nghĩ.

Mười tám, làm cho tâm nhứt hành (định).

Mười chín, làm cho tâm ưa thích nơi thanh vắng.

Hai mươi, làm cho phát sanh sự tươi vui.

Hai mươi mốt, phát sanh phi lạc.

Hai mươi hai, làm tăng thêm sự tôn kính.

Hai mươi ba, làm cho phát sanh lợi lộc (lợi lộc phát sanh quả).

Hai mươi bốn, làm cho vừa lòng.

Hai mươi lăm, giữ gìn đức nhẫn nhục.

Hai mươi sáu, dứt hẳn lậu hoặc hữu vi.

Hai mươi bảy, không cho tạo nhân tái sanh trong tam giới.

Hai mươi tám, được kết quả của sa môn.

Hai mươi tám ân đức của thiên đầy đủ là như thế đó, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà tán thán:

- Thật là to lớn và quảng đại vậy thay! Nhưng trẫm còn một hoài nghi: Tại sao không nghe nói tới ân đức vô lậu, vô vi mà ở đây dường như chỉ là hữu lậu, hữu vi, thừa đại đức?

- Đã gọi là thọ hưởng lạc về thiên, lạc về quả thì đều là hữu vi, tâu đại vương!

- Thế thì chư Phật không nhập thiên để thọ hưởng hạnh phúc giải thoát sao?

- Có chứ, nhưng nếu đã giải thoát thì không còn dính cả hai mươi tám ân đức hữu vi ở trên, tâu đại vương!

- Ô, thật là thâm diệu dường bao!

- Tuy nhiên, tâu đại vương! Các chư Phật xuất hiện ở đời là vì sự lợi lạc cho chư thiên và loài người - nên các ngài thường nhập thiên, thường lui tới cõi thiên còn

vì bốn nguyên nhân khác nữa. Bốn nguyên nhân này là nhằm để nêu gương tốt, nhằm giáo hóa chúng sanh, tâu đại vương!

- Xin đại đức bi mẫn cho nghe bốn nguyên nhân ấy?

- Thứ nhất, các ngài thường thân cận với thiền, vui thích với thiền vì thiền đem đến sự an lạc. Thứ hai, thiền thường tăng trưởng những đức tính tốt, cao quý, các tội lỗi không có cơ hội nảy sinh. Thứ ba, nếu có đắc một vài tầng thánh đạo rồi thì nhập thiền thường có công năng tiến hóa thêm trong các thánh đạo cao hơn. Bốn là, chư Phật hay ngợi khen những ai thường an trú trong thiền!

Tâu đại vương! Nếu đại vương lãnh hội hai mươi tám ân đức và bốn nguyên nhân của thiền như trên rồi - thì đại vương sẽ không còn nghĩ rằng Đức Phật là còn tu tập, còn rèn luyện, còn tự huấn luyện nữa. Chư Phật đã là bậc thầy trong tam giới, các ngài đã giác ngộ và giải thoát trọn vẹn rồi, công hạnh đã viên mãn rồi; các cấu uế phiền não đã tận diệt rồi thì mọi phận sự đã được buông bỏ xuống, mọi bồn phận với chính mình đã được giải quyết xong! Đại vương đã liễu thông điều ấy chưa?

- Thưa, liễu thông rồi! Nghĩa là vì còn thân tứ đại, còn ở trong hữu y dư nên chư Phật phải nuôi dưỡng thân tâm này trong thiền lạc, thiền quả vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người, phải vậy không đại đức?

- Thật là chính xác, cảm ơn đại vương!

- Không dám, cảm ơn đại đức!

[*] **Ghi chú của Dịch giả:** Thật ra, không phải ba tháng mà chỉ có 7 tuần:

- Tuần 1: Đức Phật thọ hưởng hạnh phúc giải thoát, ngày cuối tuần Ngài suy niệm về thập nhị nhân duyên, chiều xuôi và chiều ngược.

- Tuần 2: Đức Thế Tôn đứng nhìn cây bồ đề suốt một tuần lễ không chớp mắt: Ngài tri ân cây bồ đề!

- Tuần 3: Ngài dùng thần thông tạo một con đường bằng ngọc giữa hư không rồi đi kinh hành suốt cả tuần trên ấy.

- Tuần 4: Ngài suy niệm về tạng Vi diệu pháp.

- Tuần 5: Ngài thọ hưởng hạnh phúc giải thoát. Cuối tuần, gặp một người Bà-la-môn ngã mạn và Ngài đã thuyết giáo đến cho người Bà-la-môn ấy. Theo chú giải

Túc sanh truyện, trong tuần này, ba người con gái của Ma vương là Tanhà, Arativà, Ragà dùng nhan sắc quyến rũ Phật, nhưng thất bại.

- Tuần 6: Chứng nghiệm hạnh phúc giải thoát. Có trận mưa rất lớn và Mãng xà vương quấn xung quanh Đức Phật 7 vòng để che mưa cho Ngài.

- Tuần 7: Chứng nghiệm hạnh phúc giải thoát.

99. Tại sao Đức Thế Tôn không dùng "Tứ như ý túc" để duy trì thọ mạng?

- Thưa đại đức! Đại đức biết rõ "Tứ như ý túc" phải chăng?

- Vâng, biết, biết rất rõ về Tứ như ý túc (Tứ thần-túc)! Đây là dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, tâm như ý túc và tuệ như ý túc, tâu đại vương!

- Thế có phải Đức Đại giác đã từng thuyết rằng: "*Này Ànanda, Như Lai đã tiến tu Tứ như-ý-túc, đã lập đi lập lại nhiều lần, đã thực hành Tứ như-ý-túc một cách toàn diện, đã lấy Tứ như-ý-túc làm chỗ ngồi, chỗ nằm, chỗ nương tựa, đã tạo trử chắc chắn nó ở trong tâm. Khi Tứ như-ý-túc ở nơi Như Lai đã viên mãn như thế, nếu Như Lai mong muốn tuổi thọ lâu bền một kiếp [*] hoặc nhiều hơn một kiếp cũng rất là dễ dàng, không khó khăn gì!*". Đây có phải là lời của Đức Thế Tôn không, thưa đại đức?

[] 1 Kappa: chừng 100 năm. Tuy nhiên, có nhiều chỗ giải thích 1 kappa là một kiếp của quả địa cầu!*

- Đúng là Đức Phật có tuyên thuyết như vậy!

- Rồi cũng chính Đức Thế Tôn có thuyết với ngài Ànanda như sau: "*Này Ànanda! Tuổi thọ của Như Lai kể từ nay chỉ còn ba tháng nữa thôi. Đến thời hạn ấy Như Lai sẽ xả báo thân để Tịch diệt Niết bàn!*".

- Lời ấy cũng chính Đức Thế Tôn thuyết, tâu đại vương!

- Trẫm không hiểu - Đức vua Mi-lan-đà cất giọng chậm rãi - là tại sao một bậc Đại giác lại thuyết hai lời không giống nhau, lại đối chọi nhau? Một bên thì bảo có khả năng kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp nữa, một bên thì tuyên bố tuổi thọ chỉ còn ba tháng nữa? Nếu câu này đúng thì câu kia không đúng. Nếu tuyên bố này là chơn thật thì thuyết ngôn kia là hư dối! Dám mong đại đức bi mẫn phá vỡ mối hoài nghi ấy để chúng ngoại đạo khỏi xuyên tạc!

- Tâu đại vương! Chẳng có điều nào là hư dối, chẳng có gì là mâu thuẫn giữa hai lời tuyên bố trên. Nếu đại vương hiểu rõ ân đức của Tứ như-ý-túc thì đại vương đã tự giải nghi cho chính mình rồi. Sở dĩ Đức Thế Tôn ca tụng sức mạnh và năng lực của Tứ-thần-túc như thế là vì ngài đã tấn tu Như ý túc không gián đoạn. Ngài nói rằng, Tứ như-ý-túc đã vững chắc trong tâm của ngài, khi cần ngài có thể làm thuyền để đi, làm xe để dong ruỗi hoặc lấy Tứ như-ý-túc làm chỗ ngồi, chỗ nằm .v.v... Với sức mạnh Tứ như-ý-túc của ngài, ngài có thể kéo dài thọ mạng hơn một kiếp là điều chắc thật, không ngoa ngôn vậy.

- Trẫm cũng chưa nắm rõ vấn đề!

- Ví như đại vương có một con ngựa thần kỳ. Đại vương thường ca tụng con ngựa thần kỳ trước mặt các quan đại thần, các trưởng giả và các bà-la-môn gia chủ rằng: *Con ngựa quý báu của trẫm nó chạy rất mau, giống như bay giữa hư không; nó có thể phi được trên nước, có thể chạy theo sông ra tới biển cả rồi trở lại hoàng cung chỉ trong thời gian khảy móng tay!* Thưa đại vương! Đức Phật khen ngợi uy lực của Tứ như - ý - túc cũng giống như đại vương khen ngợi sức thần kỳ

của con ngựa kia vậy.

- Ý đại đức nói là Đức Thế Tôn khen ngợi uy lực của Tứ-thần-túc có khả năng kéo dài tuổi thọ chứ không phải ngài khen ngợi uy lực của chính mình - như trẫm khen ngợi con ngựa có sức thần kỳ chứ không phải trẫm tự khen ngợi mình, phải vậy chăng?

- Đúng như vậy!

- Nhưng có gì khác nhau đâu, thưa đại đức? Năng lực của Tứ như-ý-túc là pháp mà Đức Thế Tôn chứng đắc, sử dụng được, sao ngài không sử dụng nó kéo dài thọ mạng để lợi ích lâu dài cho chư thiên và loài người?

- Đức Đại giác biết rõ căn cơ trình độ của chúng sanh, biết rõ lúc nào là giáo pháp hưng thịnh lúc nào giáo pháp tiêu hoại, biết rõ lúc nào nên xuất thế, lúc nào nên Niết bàn, tâu đại vương!

- Có thể là như vậy, nhưng chúng ta là kẻ hậu học, chúng ta có quyền hoài nghi chứ? Giá mà Đức Phật dùng Tứ như-ý-túc để kéo dài thọ mạng thì lợi lạc cho chúng sanh biết bao nhiêu, phải thế không đại đức?

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Đại vương nghĩ thế nào, khi Đức Thế Tôn thuyết như vậy: *"Này các thầy tỳ khưu! Phần, dù chỉ có tí chút, nhưng mùi hôi thối của nó cũng đáng nhòm góm lắm. Ai thấy phần cũng đều muốn xa lánh chứ chẳng có ai ưa thích cả, phải vậy chẳng? Cũng vậy, Như Lai nhòm góm sinh tử luân hồi, nhòm góm tam giới là cõi thấp hèn, hạ liệt, chẳng ưa thích ở trong đó dù với thời gian khảy móng tay! Các thầy cần phải biết như vậy mà tinh cần, chuyên niệm để mau thoát khỏi lưới tử sinh đau khổ buộc ràng!"*.

Đức vua Mi-lan-đà nói:

- Như vậy thì cõi sinh tử luân hồi đáng ghê tởm như phần thối, cho nên Đức Phật khi thấy mình hết thọ mạng, hết bản phận là ngài tức tốc ra đi không có luyến tiếc?

- Đúng thế, tâu đại vương! Nếu Đức Thế Tôn kéo dài thọ mạng thì làm sao khỏi để cho ngoại đạo dị luận: *Ông Cồ-đàm chán sinh tử luân hồi mà lại muốn ở lại cõi sinh tử luân hồi! Ông Cồ-đàm thuyết về sự bất tịnh của thế gian mà lại duy trì cái thân để sống tham luyến trong thế gian! Ông Cồ-đàm thích ở lại cõi đời để thọ hưởng tài lợi, vật thực, địa vị, danh vọng ... chứ nào có muốn xuất ly chúng bao giờ!*

Đức vua Mi-lan-đà ngẫm ngợi hồi lâu:

- Lập ngôn ấy là chính xác! Và Đức Thế Tôn tùy thời, tùy xứ, tùy căn, tùy cơ, tùy nhân, tùy duyên ... mà đến và đi chứ không thể tùy ước muốn của chúng sanh được!

- Ngay chính sự cứu độ cũng vậy. Không phải ai Đức Thế Tôn cũng độ được. Vào mỗi buổi sáng, cuối canh ba, Đức Thế Tôn thường dùng thiên nhãn nhìn khắp thế gian, thấy ai có duyên với Phật đạo, ngài mới ôm bát trì bình đến để hóa độ!

- Ý đại đức muốn nói là sau khi Đức Thế Tôn đã diệt độ rồi, từ lúc ấy đến thời hậu lai, chẳng chúng sanh nào là có duyên với ngài nữa cả?

- Vâng, tuy không có duyên với Đức Phật, nhưng chúng sanh còn có duyên với Đức Ca-diếp, Đức Ànanda ... tương tục tiếp nối cho đến các bậc thầy tổ của bạn tăng bây giờ, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà mỉm cười:

- Và cả chính vị đại đức thông tuệ trước mặt trẫm đây nữa chứ?

- Không dám, bần tăng chỉ mới là kẻ sơ tu! Đại vương, đại vương còn hoài nghi gì về Tứ như-ý-túc nữa chẳng?

- Thưa, đã mãn nguyện lắm rồi!

100. Chánh pháp của Đức Thế Tôn có vẻ không được toàn hảo?

- Thưa đại đức, trẫm thấy rằng, dường như chánh pháp của Đức Thế Tôn thuyết ra, có vẻ không được toàn hảo?

- Tại sao đại vương lại nói vậy!

- Thế *tam tạng*, tức là kho tàng chánh pháp gồm có những gì thưa đại đức?

- Là tạng kinh, tạng luật và tạng vi-diệu-pháp.

- Tạng kinh toàn hảo chứ?

- Tạng kinh là từ sự thật, từ chân lý; từ sự thấy chắc, biết chắc, thấy đúng và biết đúng mà nói ra - thì sao lại không toàn hảo được?

- Thế tạng vi-diệu-pháp?

- Tạng này là do Đức Thế Tôn thấy rõ tâm vương, tâm sở, sắc pháp và niết-bàn mà nói ra thì chắc chắn là toàn hảo!

- Còn tạng luật?

- Là tạng mà Đức Thế Tôn dựa theo những lỗi làm từ nhẹ đến nặng, từ cách đi đứng nằm ngồi, mặc áo, khát thực, độ thực, cách thu thúc, sự gìn giữ thân khẩu ý v.v... của Chư Tăng hoặc tùy từng trường hợp vi phạm mà chế định ra. Tạng luật ấy rất thực tiễn, rất cụ thể, rất dân chủ, rất đạo đức, rất phạm hạnh ... nhờ vậy Tăng chúng mới có được đời sống kỷ cương và hiền thiện! Vậy thì theo bần tăng, tạng luật cũng rất là toàn hảo, tâu đại vương!

- Thưa, toàn hảo nghĩa là hoàn toàn tuyệt hảo chẳng ai có thể thêm bớt hoặc sửa đổi dấu là tí chút, phải vậy không đại đức?

- Đúng thế!

- Thế sao Đức Thế Tôn có thuyết rằng: "*Này Ananda! Sau khi Như Lai diệt độ rồi, nếu Chư Tăng có sự mong cầu là nên bỏ bớt một số giới điều nhỏ nhặt không cần thiết - thì nên vì ước nguyện của Chư Tăng mà bỏ bớt đi*". Thưa đại đức! Câu nói ấy của Đức Phật chứng tỏ giới luật chưa toàn hảo. Mà giới luật

chưa được toàn hảo có nghĩa là chánh pháp chưa được toàn hảo! Xin đại đức hãy soi sáng cho trẫm ở điểm này?

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Đại vương! Trước khi giải nghi vấn đề ấy, đại vương hãy cho bần tăng được hỏi một điều!

- Xin vui lòng!

- Đại vương hiện đang cai quản một quốc độ mệnh mông như thế này, ví dụ đến khi đại vương tuổi đã lớn, mệnh trời sắp hết, đại vương bèn gọi thái tử kế vị tương lai đến để dạy rằng: "*Này con! Lãnh thổ của vương triều ta quá rộng lớn, nếu sau này con không quản lý và bảo vệ nổi thì con cứ tùy nghi bỏ bớt những phần đất nhỏ nhít ở các biên trấn xa xôi xét thấy là không cần thiết*". Đại vương, nếu có trường hợp như thế xảy ra, và nếu trường hợp thái tử là người con có chí, có hiếu, biết thương yêu thần dân và tổ quốc thì thái tử sẽ xử sự ra sao khi đại vương mệnh chung?

Đức vua Mi-lan-đà đáp:

- Có thể trẫm sẽ nói như vậy vì muốn tôn trọng sự tự do của Đức vua tương lai, nhưng suy bụng ta ra bụng người, trẫm biết là con trẫm vì thương yêu thần dân và mảnh đất của phụ vương đã dày công máu xương và hãn mã; sẽ không bỏ bớt bất cứ một phần đất nhỏ nào mà còn ra công gây dựng, chinh phục để mở rộng thêm đất đai, lãnh thổ! Ý trẫm là vậy, thưa đại đức!

- Đây cũng là câu trả lời của bần tăng, thưa đại vương! Chư tỳ khuu Tăng đương lai vì tôn kính Đức Phật, tôn kính giáo pháp; đã không ban bố thêm giới điều thì thôi, chớ nào dám bỏ bớt một số giới điều dầu nhỏ nhít mà Đức Đạo Sư đã dày công bi miễn chế định vì tương lai của phạm hạnh, của nếp sống kỷ cương cho tăng-già thời hậu lai!

Đức vua Mi-lan-đà nhè nhẹ gật đầu:

- Nghe có vẻ thuyết phục lắm! Nhưng trẫm còn muốn hỏi thêm. Kinh và vi diệu tạng, là y cứ vào chân lý, vào sự thật mà nói lên, "*như thị thuyết*"; còn tạng luật chỉ là chế định, chế định là cái tạm thời có thể tùy nghi thay đổi theo thời gian, quốc độ. Đúng ra là có thể thêm thắt hoặc bỏ bớt nếu thấy không còn đúng, không còn hợp thời nữa, phải vậy không đại đức!

- Đại vương có ví dụ cụ thể chẳng?

- Vâng, có thể được. Ví như trong luật ấn định rằng chư tỳ khưu phải mười lăm ngày tắm một lần, nếu chưa đủ mười lăm ngày mà tắm là phạm "*ung-đối-trị*"!

- Đúng vậy mà cũng không phải vậy, thưa đại vương! Điều luật ấy chỉ áp dụng ở xứ trung Ấn Độ, là nơi thường hạn hán, nước khan hiếm. Nên điều luật còn ghi chú rằng: *những xứ khác, nước nhiều, tắm nhiều lần không phạm tội!*.

- Thế rõ ràng giới luật có thể thay đổi!

- Đại vương - Đại đức Na-tiên nhấn mạnh - bàn tăng hoàn toàn đồng ý về cách hiểu của đại vương, là các pháp chế định có thể tùy nghi thay đổi; nhưng bàn tăng đã nói rồi, là vì kính trọng Đức Thế Tôn và kính trọng giáo pháp, chư Tăng thời hậu lai sẽ không bao giờ bỏ bớt một học giới nào!

- Cả những giới điều nhỏ nhỏ như phạm tác ác cũng không thể bỏ ư?

- Những giới điều nhỏ nhất như phạm tác ác ấy, đại vương có nhớ rõ những giới điều nào không?

- Thưa, không nhớ rõ lắm!

- Đại vương! Phần lớn những giới điều thuộc tội tác ác ấy nằm trong bảy mươi lăm điều "*ung học pháp*", là những pháp mà tỳ khưu cũng như sa di đều phải thực hành. Nói tóm, chúng là những cách thức về việc mặc y thế nào cho nghiêm trang; đi đứng, nói năng, ăn uống phải thế nào cho nghiêm túc, đứng đắn v.v... Một vị tỳ khưu trong Phật giáo không thể ăn mặc luộm thuộm cầu thả; không thể đi tới đi lui mà khua tay, múa chân; chẳng thể muốn đến nhà cư sĩ, vào xóm làng lúc nào cũng được; chẳng thể nói cười tự do vung vít; chẳng thể ngồi đứng ưỡn ẹo, thân mình lắc lư; chẳng thể ăn uống khua muống, khua bát, húp canh sột soạt, mắt láo liên ngó chỗ này chỗ kia v.v... Đại vương! Những giới điều nhỏ nhất về tội tác ác ấy có thể bỏ đi được chăng?

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu:

- Nếu bỏ đi thì còn đâu là tăng tướng mô phạm làm y chỉ cho chúng sanh. Nhưng trăm nghe rằng có những học giới không thuộc tác ác mà thuộc ược đối trị, xem ra cũng nhỏ nhất như để muối cách đêm, xé bóng hai ngón tay còn ăn được, tọa cụ không có bì, thọ dụng tiền bạc chút ít để đi đây đi đó v.v... Những giới điều ấy xét ra nghiêm khắc và tiểu tiết quá. Đức Thế Tôn nhập diệt đã năm trăm năm rồi, thời đại đó xưa rồi, vậy nên thay đổi chút ít cho hợp với hoàn cảnh mới, được chăng?

- Đại vương! Những giới điều nhỏ nhặt mà đại vương nêu ra đó, thuộc bốn trong mười điều làm lạc mà kỳ kết tập kinh điển lần thứ hai, chư Thánh Tăng A-la-hán bảy trăm vị đã chỉnh lại bởi những sai phạm của một phe nhóm tỳ khưu sa đọa. Và nếu cứ vậy, cứ qua mỗi thời thay đổi một ít, sửa đổi một ít thì chừng một ngàn năm sau, giới luật bậc Thánh của đạo giác ngộ sẽ trở thành giới luật của ngoại đạo mất thôi! Đây là hiểm họa, đại vương nên phóng tầm mắt nhìn xa thấy rộng hơn một tí nữa. Trong kỳ kết tập lần thứ nhất, khi ngài Ànanda kể lại Đức Thế Tôn có cho phép bỏ bớt những giới điều nhỏ nhặt, ngài Ca-diếp hỏi lại rằng: "*Vậy thì hiền giả có hỏi Đức Thế Tôn những điều nhỏ nhặt ấy là những học giới nào không?*" Ngài Ànanda bảo là không có hỏi. Đức Ca-diếp bèn quyết định giữ nguyên tạng luật như thuở Đức Phật còn sanh tiền!

- Cảm ơn đại đức! Trẫm đã hiểu rồi. Giữ nguyên như thế là tốt hơn nhiều. Quả chư Thánh Tăng đã nhìn xa thấy rộng. Thật là toàn hảo.

101. Tại sao có những câu hỏi mà Đức Thế Tôn làm thinh không trả lời?

- Thưa đại đức! Đức Thế Tôn đúng là một bậc thầy lỗi lạc trong tam giới, hàng giáo huấn, dạy dỗ chúng sanh không mệt mỏi phải chăng?

- Thưa vâng!

- Và Đức Thế Tôn dạy đạo là luôn với bàn tay mở ra chứ không phải là với bàn tay nắm lại? Ngài chẳng có bao giờ cố ý che giấu pháp, tiết kiệm pháp, phải vậy chăng?

- Thưa vâng!

- Bạch đại đức! Thế tại sao có vị đại đức con một nữ bà-la-môn tên là Màlanghà đến hỏi đạo Đức Thế Tôn, ngài lại im lặng không trả lời? Có thể Đức Thế Tôn không thông hiểu vấn đề chăng? Hoặc là câu hỏi ấy hóc búa ngài không giải đáp nổi chăng? Hoặc là ngài cố ý che giấu ý nghĩa, che giấu pháp, tiết kiệm pháp chăng?

- Chẳng phải thế đâu, đại vương! Không thể hiểu đơn giản, là khi có người đặt câu hỏi, Đức Phật sẽ trả lời hoặc không trả lời! Chính Đức pháp chủ Xá-lợi-phất có dạy rằng, một câu hỏi có thể được trả lời bằng một trong bốn cách khác nhau:

** Một là, có câu hỏi phải giải đáp ngay tức thời, giải đáp ngay "một cái một"!*

* Hai là, có câu hỏi thì phải chia chẻ ra để giải đáp từng phần.

* Ba là, có câu hỏi - phải cần hỏi lại rồi mới giải đáp.

* Bốn là, có câu hỏi không nên trả lời mà phải làm thinh!

Đức vua Mi-lan-đà hỏi:

- Đại đức có ví dụ nào về câu hỏi phải giải đáp ngay tức thời, đáp ngay một cái một?

- Thưa vâng, ví dụ câu hỏi: *Danh sắc là thường hay vô thường? Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?* Các loại câu hỏi ấy là phải đáp ngay "một cái một", tâu đại vương!

- Vâng, trăm hiểu rồi. Thế các loại câu hỏi nào phải chia chẻ ra để giải đáp từng phần?

- Thưa, ví dụ câu hỏi: *Thế nào là tiến trình sinh diệt của ngũ uẩn?* Câu hỏi ấy muốn cho người ta hiểu rõ thì phải cắt nghĩa, trình bày về hành tướng của sắc, xong rồi mới đến thọ, đến tưởng, đến hành, đến thức. Phải nói rõ chức năng và hoạt dụng của từng tâm sở, sau đó mới giải thích được tiến trình sinh diệt của ngũ uẩn đó ra sao!

- Hay lắm! Còn loại câu hỏi phải hỏi ngược lại, đại đức có thể cho nghe ví dụ chẳng?

- Vâng, có thể được. Ví dụ loại câu hỏi: *Người ta có thể cảm nhận được trần cảnh qua con mắt phải chăng?* Thưa đại vương, vì câu hỏi ấy mơ hồ, không rõ nghĩa - nên cần phải được hỏi lại. Ví dụ, sẽ hỏi lại: *Ông có thể cho biết cái gì là trần cảnh?* Ví dụ, người kia trả lời: *Các hình tướng, sắc pháp mà mắt cảm nhận được gọi là trần cảnh!* Khi được trả lời như vậy ta có thể hỏi lại: *Thế âm thanh, mùi vị ... không phải là trần cảnh sao?...* Tất cả các câu hỏi ấy nhằm để cho người hỏi hiểu rõ rằng tất cả ngũ trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, đều là trần cảnh. Và cảm nhận trần cảnh ấy không phải chỉ có con mắt mà còn có tai, mũi, lưỡi và thân nữa!

- Cảm ơn đại đức! Chẳng có sự giải đáp nào rõ nghĩa hơn thế nữa. Nhưng còn loại câu hỏi thứ tư, tại sao phải im lặng!

- Thưa, vì các loại câu hỏi ấy là rỗng không, phù phiếm, hý luận ... chỉ đưa đến não hại chứ không đưa đến lợi ích nên phải làm thinh!

- Xin đại đức cho ví dụ.

- Vâng! Ví dụ: *Thế giới hữu biên hay vô biên? Sanh mạng và thân thể là một hay là hai? Sau khi Niết bàn rồi Như Lai còn hay mất?!...* Tâu đại vương! Đây là những câu hỏi mà ta phải im lặng vì chính chúng là rỗng không, phù phiếm, hý luận ... không đưa đến ly tham, giác ngộ, giải thoát ..., nghĩa là chỉ làm mất thì giờ, có hại và không có lợi vậy!

- Trẫm chấp nhận trọn vẹn tất cả mọi kiến giải của đại đức!

102. Chúng sanh sợ hãi diêm chúa?

- Thừa đại đức, có phải Đức Phật thuyết rằng: "*Tất cả chúng sanh hằng rùng mình sợ hãi khi nghĩ đến oai lực của diêm chúa, của tử thần*" ?

- Đúng như thế.

- Và cũng chính Đức Thế Tôn có thuyết rằng: "*Bậc A-la-hán là bậc đã chấm dứt hoàn toàn sợ hãi*" ?

- Đúng như thế.

- Đại đức có thấy là câu pháp ngôn trước mâu thuẫn với câu pháp ngôn sau chăng?. Nếu "*tất cả*" chúng sanh đều khiếp sợ sự tai hại và khiếp sợ sự chết - thì tại sao các vị A-la-hán lại không khiếp sợ sự tai hại và không khiếp sợ sự chết? Đại đức có thể giải nghi vấn đề ấy cho trẫm được không?

- Tâu đại vương! Bậc A-la-hán đâu phải là chúng sanh? Các ngài đã cắt đứt con đường trở lại với tam giới, không còn cấu sanh, đã dứt tuyệt vô minh phiền não, không còn nhân quả chi phối; đã ở ngoài thiện ác thế gian, đã cắt đứt trọn vẹn mọi trói buộc - thì các ngài đâu còn sanh khởi tâm niệm luyến ái trần thế - mà lại gọi là chúng sanh được?

- Đành rằng thế, nhưng tại sao Đức Tôn Sư lại bảo là "*tất cả*"!. "*Tất cả*" nghĩa là không loại trừ một ai, thì sao lại loại trừ các bậc A-la-hán khi các ngài còn mang thân tâm hữu vi này?

- Đại vương! "*tất cả*" nhưng có loại trừ là một lập ngôn bình thường, đại vương cũng không hiểu sao?

- Trẫm chưa hiểu lập ngôn như thế? Đại đức có thể cho nghe ví dụ chăng?

- Có thể được, tâu đại vương! Ví như đại vương có những vị quan trung thành, mẫu mực, liêm khiết, là người đáng tin cậy. Hôm kia, có việc về tài chánh và quốc phòng, đại vương ra thông cáo cho nhân dân trong quốc độ rằng: "*Tất cả mọi người dân trong quốc độ, tùy theo tuổi tác, chức vụ, nghề nghiệp ... ai ai cũng phải đóng thuế đĩnh, thuế thân, thuế chi phí quốc phòng .v.v... Nếu ai bất tuân mà trốn thuế, khai man, lậu thuế hoặc cưỡng lệnh, hay nộp không đúng kỳ hạn thì phải bị trọng hình!*". Lệnh được ban ra, sau đó, đức vua cắt cử những vị quan thanh liêm của đại vương phân bố đi các nơi để thu thuế. Đại vương nghĩ thế nào? Tất cả nhân dân, nghĩa là ai ai cũng phải đóng thuế, nhưng những vị quan của đại vương họ có đóng thuế chăng?

- Họ đi thu thuế thì sao họ lại phải đóng thuế? Phải loại trừ họ ra chứ?

- Vậy, dầu đại vương bảo là "*tất cả*" nhưng tại sao ở đây lại "*loại trừ*" những vị quan liêm khiết của đại vương?

Đức vua Mi-lan-đà nín lặng.

- Lại nữa - Đại đức Na-tiên nói tiếp - khi lệnh của đại vương được ban ra, tất cả nhân dân đều khiếp sợ uy lực của đại vương, khiếp sợ trọng hình - nhưng những vị quan của đại vương có khiếp sợ uy lực của đại vương, có khiếp sợ trọng hình chăng?

- Họ đi thi hành nhiệm vụ thì làm sao lại sợ hãi như vậy được!

- Và như vậy, dầu nói là "*tất cả*" nhưng vẫn có trường hợp "*loại trừ*" đấy - Đại vương đã hiểu rõ cách lập ngôn bình thường ấy chưa?

Đức vua Mi-lan-đà cười vui vẻ:

- Rất là chết lý, chẳng tranh cãi với đại đức chỗ nào được cả. Nhưng giá như đại đức tìm cho trẫm một ví dụ cụ thể nữa thì trẫm mới thật sự khâm phục!

- Có thể được, tâu đại vương! Ví như có ông xã trưởng kia muốn triệu tập một cuộc họp tại hội trường lớn, bèn cho người thông báo rằng: "*Yêu cầu toàn dân đều phải đi họp đông đủ, bất kể gái trai, già trẻ, nếu ai bất tuân sẽ bị phạt*". Sau khi thông báo rồi, mọi người trong xã lũ lượt kéo đến đầy đặc cả hội trường. Những người có trách nhiệm bèn nói với ông xã trưởng rằng: *Thưa ngài, tất cả dân chúng trong thôn đều đã tụ họp đầy đủ rồi, ngài hãy bắt đầu cuộc họp là vừa phải lễ!*

Tâu đại vương! Cuộc họp ấy thế là đầy đủ tất cả mọi người trong thôn, chẳng hay có "*ngoại trừ*" người nào không?

Đức vua Mi-lan-đà mỉm cười:

- Chắc là phải có "*ngoại trừ*" chứ! Đó là các ông già, bà lão đi không nổi, các ấu nhi, trẻ sơ sinh, một số người do bận việc coi nhà cửa, số người khác đi vắng, lại còn người tật nguyền và ốm bệnh nữa. Rõ là rất nhiều kẻ phải "*ngoại trừ*" vậy, dầu là cuộc họp đầy đủ "*tất cả*" toàn dân!

Đại đức Na-tiên cũng mỉm cười:

- Cảm ơn đại vương! Thế là đại vương đã nắm rất rõ vấn đề! Đại vương đã hiểu rõ "*tất cả*" chúng sanh, nhưng "*ngoại trừ*" các bậc A-la-hán không kể vào trong nhóm chúng sanh ấy.

- Thế nhưng trầm vẫn còn một sự thắc mắc khác nữa!

- Xin sẵn lòng hầu đáp đại vương!

- Tất cả chúng sanh đều phải khiếp sợ sự tai hại, khiếp sợ uy lực của tử thần, ngoại trừ các bậc A-la-hán. Nhưng các chúng sanh hiện sống trong địa ngục thì sao, họ có sợ hãi diêm chúa không?

- Chúng sanh ở địa ngục vẫn sợ hãi diêm chúa đấy, tâu đại vương!

- Chẳng lẽ nào! Những chúng sanh ở địa ngục họ đã chịu đựng quá nhiều đau khổ rồi. Kẻ thì bị thiêu đốt, kẻ thì bị nấu trong chảo dầu sôi, kẻ thì bị co quắp thân thể vì đau đớn do bàn chông, do lũ đầu trâu mặt ngựa hành hạ! Ôi! Vô vàn sự thống khổ mà chúng sanh ở địa ngục phải chịu đựng. Đáng lẽ họ mong được chết sớm, chết mau, vì chết đi để khỏi bị hành hạ nữa, khỏi phải bị thọ khổ nữa. Họ mà còn sợ hãi diêm chúa là điều mà trầm không thể hiểu được, thưa đại đức!

- Thắc mắc của đại vương cũng có lý, tuy nhiên, năng lực của sự sợ hãi tử thần nó kinh khiếp hơn tất cả mọi sự sợ hãi khác.

- Thưa, đấy là những sợ hãi gì?

- Ví như sợ hổ cắn, sợ voi dữ, sợ tử dữ, sợ cọp dữ, sợ gấu dữ, sợ trâu bò dữ, sợ tai ương, sợ hoạn nạn, sợ luật vua, sợ phép nước, sợ lửa, sợ nước, sợ chông gai, sợ ma-ya, sợ đói, sợ tật bệnh, sợ mộng dữ, sợ bão tố, sợ thiên tai bệnh dịch v.v... Tất cả những sợ hãi ấy, so với sự sợ hãi tử thần thật không đáng kể! Sự

chết có một oai lực vô song, thậm chí ở địa ngục thống khổ như vậy mà chúng sanh ở đây vẫn sợ sự chết như thường!

- Đại đức hãy cho nghe ví dụ, may ra trầm hiểu được điều phi lý ấy!

- Thưa vâng, ví như có một người bị mụn nhọt to lớn, đau nhức hành hạ ngày đêm. Thầy thuốc bảo rằng, cái mụn nhọt ấy phải mổ mới lành bệnh được. Xong, ông thầy thuốc lấy đồ nghề giải phẫu ra. Ông ta lấy ra một con dao bén ngọt, sắc lạnh. Ông ta mài con dao trên đá năm, bảy lần rồi hơ trên lửa ... ông ta tay nắm chặt con dao đỏ rực từ từ bước tới chỗ bệnh nhân, đưa tay trái nắm chặt xung quanh chỗ mụn nhọt ấy. Lưỡi dao sáng loáng đưa lên! Tâu đại vương! Khi ấy không biết người bị mụn nhọt có cảm thấy sợ hãi không?

- Chắc ai cũng có sự sợ hãi, thưa đại đức!

- Người mụn nhọt bị hành hạ đau đớn ngày đêm ấy cũng tương tự như chúng sanh bị trả quả kinh khiếp trong địa ngục vậy. Mặc dầu mổ hết đau, nhưng thấy mổ vẫn sợ hãi như thế nào - thì địa ngục cũng như thế: Chết thì hết khổ nhưng vẫn sợ chết như thường, tâu đại vương!

- Trẫm đã thông mọi lẽ rồi - nhưng vẫn còn muốn nghe thêm ví dụ nữa.

- Thưa vâng, ví như có người bị rắn độc cắn, đau đớn dữ dội, thân hình co quắp, mặt xám xanh, miệng sùi bọt mép. Có ông thầy rắn có bùa phép, điều khiển được rắn độc như ý muốn. Ông ta sau khi làm phép, con rắn độc ngoan ngoãn bò đến người bị nạn, thò miệng vào vết thương để hút nọc độc ra! Đại vương nghĩ thế nào, dù nạn nhân bị đau đớn dữ dội, nếu hút được nọc độc ra là giải thoát được cơn đau ấy, nhưng khi thấy rắn độc bò đến, thò miệng vào vết thương của mình, người kia có sợ hãi không?

- Thưa, lẽ thường thì cũng cảm thấy sợ sệt vậy.

- Chúng sanh ở địa ngục cũng thế, tâu đại vương! Tuy chết là hết khổ, nhưng vẫn hãi sợ tử thần với lưỡi hái đến cướp mạng sống thâm hiểm của họ đi!

- Hoàn toàn đồng ý với kiến giải lần những ví dụ cụ thể, sống động của đại đức.

103. Tụng kinh Paritta thật không có lợi ích!

- Đức Thế Tôn có dạy rằng: "*Dù trong động thẳm hang sâu, trong những bảo điện kiên cố với tường sắt vây quanh, giữa hư không bao la, sâu thẳm, giữa đây*

đại dương hoặc trong lòng muôn trượng của quả đất - chẳng có nơi nào thoát khỏi lưới hái của tử thần!". Điều ấy là chân lý chắc thật phải không đại đức?

- Chẳng có lời nào của Đức Đại Giác là không hợp với chân lý, với sự thật!

- Nếu là vậy thì tại sao Đức Tôn Sư lại nói rằng, người nào tụng kinh hộ trì an lành (*kinh Paritta*) thì sẽ thoát khỏi uy lực của tử thần? Rõ ràng là lời thuyết này đâm xóc lời thuyết kia? Rõ ràng là lời thuyết sau phá vỡ chân lý của lời thuyết trước? Và, chẳng lẽ nào Đức Đại Giác lại nói ra hai lời nghịch nghĩa như mâu với thuẫn, như nước với lửa, như sáng với tối như thế? Đại đức phải có bổn phận và trách nhiệm phá nghi cho người học Phật thời hậu lai và chống đỡ búa rìu của phường ngoại giáo nhiều môi lắm mép!

- Dĩ nhiên là phải thế, tâu đại vương! Và dĩ nhiên là Đức Đại Giác chẳng bao giờ nói hai lời nghịch nghĩa! Sở dĩ có sự hiểu lầm là vì người ta chưa hiểu năng lực của kinh hộ trì an lành đó thôi!

- Xin đại đức giảng cho nghe về năng lực đó.

- Thưa vâng, đại vương, ngài nghĩ thế nào, ví như có một cái cây già cỗi đã nhiều năm, ruột bọng, bên trong hoàn toàn khô kiệt nhựa và mủ; nghĩa là cái cây ấy không còn sự sống, nó đã chết, đã chấm dứt tuổi thọ. Có người khởi lên vọng tưởng muốn cho cây được sống lại, được đâm chồi nảy lộc; bèn tưới nước, thêm phân; ngày nào cũng siêng năng tưới tắm, bảo vệ, giữ gìn ... những mong cái cây ấy được sống lại! Đại vương nghĩ thế nào, với nỗ lực của người ấy, chăm chuyên tưới nước, săn sóc nó từ ngày này sang ngày nọ - cái cây chết khô kia có vì vậy mà nảy tược, đâm chồi, mọc lá xanh tươi trở lại hay không?

- Thưa, thật là việc làm vô ích của người ngu; cây đã chết rồi, đã chấm dứt tuổi thọ rồi thì chẳng có năng lực gì, nỗ lực nào làm cho sống lại được!

- Cũng tương tự như thế đó, tâu đại vương! Một người khi mà thân xác khô kiệt, tim đã ngừng đập, máu không còn chảy nữa, sự sống đã lìa khỏi thân xác, tuổi thọ đã cáo chung; thì dù tụng kinh với nhiều oai lực như kinh hộ trì an lành Paritta, tụng năm biến, ngàn biến, hay tụng cả bồ ngũ quên ăn, không vì vậy mà người kia sống lại được, tâu đại vương! Khi mà tử thần đã khua lưới hái cướp đi sanh mạng của chúng sanh rồi thì chẳng còn uy lực nào chống đỡ hoặc ngăn cản được đội binh sấm sét và bất khả chiến bại của thần chết, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà mỉm cười:

- Thế là đại đức đã đồng ý với trẫm, là tụng kinh Paritta thật vô ích, kinh Paritta ấy chẳng thể nào ngăn cản uy lực của tử thần được!

- Đúng thế, nhưng mà đại vương hãy nhẫn nại thêm một tí nữa.

- Thưa vâng,

- Đại vương! Ví như có một bệnh nhân thọ bệnh trầm kha, cả lực phủ ngũ tạng đều nát nát, tim và mật đều không còn làm việc. Có một vị lương y đại tài với quyết tâm chữa trị cho bằng được, bao nhiêu thuốc thang, kinh nghiệm, phương dược bí truyền đều mang ra hết. Đại vương nghĩ thế nào, người kia có chút may nào sống lại chẳng?

- Bệnh nhân ấy chuẩn bị quan tài là vừa, thưa đại đức!

- Đúng thế, khi sự sống đã rời khỏi thân, khi thọ mạng đã bước ra khỏi cửa - thì việc làm của vị lương y trứ danh kia chẳng khác việc làm của người điên! Lúc ấy, diêm chúa và tử thần ái ngại nhìn vị lương y rồi nói rằng: "*Sanh mạng của người kia đã ở trong tay chúng ta rồi, người muốn tụng kinh Paritta để hộ trì an lành và thọ mạng cho y thì chẳng khác nào phỉ báng Đức Phật và phỉ báng cả kinh Paritta!*".

- Hay lắm! dí dỏm lắm! Thế là thêm một lần nữa, đại đức đã đồng ý với trẫm.

- Là vậy mà không là vậy, tâu đại vương! Xin ngài hãy nhẫn nại cho một tí nữa!

- Xin sẵn lòng!

Nghỉ hơi một lát, đại đức Na-tiên nói tiếp:

- Đại vương, ví như người điền chủ kia có một đám ruộng xanh tốt, đến thời, hạt lúa vàng nặng trĩu đầy cành. Nhưng vì tâm tham, người điền chủ muốn năng suất lúa phải bội thu hơn nữa, nên ngày nào y cũng thêm nước, rải phân! Đại vương nghĩ thế nào, với việc làm của người điền chủ, có vì thế mà hạt lúa nảy sinh thêm được chẳng?

- Thật không thể.

- Cũng dường thế ấy, đại vương! Cây lúa già hạt trĩu đầy cành, vàng óng, là báo hiệu cây lúa sắp chết. Con người khi mà thân xác đã già, thọ mạng sắp ngưng dứt thì dẫu có thêm nước thêm phân, tụng kinh Paritta thấy đều vô ích, thọ mạng của người ấy không thể kéo dài ra, phát triển thêm được đâu.

- Trầm hoàn toàn đồng ý.

- Trở lại với các trường hợp trên thử xem. Ví dụ là cái cây cần cối do thiếu phân, thiếu nước; nghĩa là tuổi thọ chưa chấm dứt, sự sống hãy còn; nếu ta chăm bón và nước nôi đầy đủ thì cái cây kia chắc hẳn là phải xanh tươi, phát triển cành lá sum suê chứ, đại vương?

- Đích thị.

- Cũng vậy là một người sanh mạng chưa chấm dứt, sự sống vẫn còn, nhưng do tiêu tụy héo mòn bởi phiền não, bởi nhiều sự tai hại, nỗi hại mà ảnh hưởng đến thân và tâm. Nếu kẻ ấy không có đức tin, hoàn toàn đổ sụp tinh thần, hoàn toàn tuyệt vọng - thì tử thần có dễ dàng lê bánh xe của thần chết đến để nghiền nát sinh mệnh của người kia không, hờ đại vương?

- Chắc chắn là vậy rồi!

- Nhưng trái lại, nếu người ấy có quy y, tinh thần được khởi động để có niềm tin nơi Tam bảo, tin vào oai lực kinh Paritta có thể ngăn ngừa được thần chết, nên không mỗi một tụng kinh Paritta - thì thần chết có làm được gì kẻ kia không, nếu thọ mạng và sự sống ông ta hãy còn?

- Lúc ấy thì có thể thoát khỏi lưới hái của diêm chúa.

- Thế kinh Paritta lúc ấy có thật sự lợi ích không hờ đại vương!

- Thật sự có lợi ích!

- Đại vương, thế là đến ngang đây, đại vương đã tự bác bỏ câu phát ngôn đầu tiên của mình rồi!

Đức vua Mi-lan-đà suy nghĩ hồi lâu:

- Có thể có một chút gì đó khá đúng. Nhưng ngài có thể cho nhiều ví dụ nữa để trầm tiếp tục suy gẫm xem?

- Vâng! Nếu có người bệnh, bệnh không nặng lắm - nếu uống đúng thuốc, đúng liều lượng, biết kiêng cử thì bệnh sẽ lành chứ, đại vương?

- Vâng,

- Và khi ấy, thuốc ấy thật sự lợi ích chứ?

- Vâng!

- Một người khi có bệnh chút ít, tuổi thọ chưa chấm dứt, nếu người ấy có quy y Tam bảo, có đức tin vững chắc mà tụng kinh Paritta - thì có ngăn được tử thần không, đại vương?

- Có thể được! Vì có lòng tin nên kinh Paritta sẽ phát sanh năng lực!

- Thế là đại vương đã cùng chấp nhận quan điểm, là tụng kinh Paritta phát sanh năng lực rồi!

- Vâng, trăm chấp nhận! Thế thì kinh Paritta chỉ hộ trì được những người có đức tin, những người thọ mạng chưa chấm dứt mà thôi, phải thế?

- Thật là chính xác, tâu đại vương! Cho nên kinh Paritta có nghĩa là "*kinh hộ trì an lành*"! Hộ trì nghĩa là bảo vệ, che chở! Bảo vệ và che chở những người có đức tin, những người còn thọ mạng, nên ngăn chặn được tử thần không cho đến sớm! Chứ không phải kinh Paritta có năng lực bảo vệ và che chở những người không có đức tin, những người thọ mạng đã chấm dứt, tâu đại vương!

- Bây giờ thì trăm hoàn toàn hiểu rồi!

- Đại vương, quả thật vậy, những người có đức tin nơi Tam bảo, có đức tin vào năng lực kinh Paritta, tin về những đức lành của kinh Paritta; dốc lòng trì tụng kinh Paritta thì có thể tiêu trừ tất cả bệnh tật, tai ương, hoạn nạn; lại có công năng hộ trì an lành, ngăn ngừa được lưỡi hái của tử thần là điều chắc thật!

- Đại đức có bằng cứ chẳng?

- Thưa, có. Tại thành Vesàli, đại đức Ànanda đã tụng kinh Paritta, cả đêm, trọn ba vòng thành; tất cả chư thiên trong nhiều cõi giới ta bà đều hoan hỷ, và sau đó tất cả sự kinh sợ như bệnh dịch, phi nhơn và sự đói khát của nhân dân trong thành Vesàli đều được tai qua nạn khỏi!

- Trăm cũng có đọc qua đoạn kinh ấy, sau đó, dường như có một trận mưa lớn nên nhân dân thoát khỏi nạn dịch hoành hành, nhờ mưa lớn nên mùa màng ruộng vườn tránh khỏi cái khô hạn! Hết dịch, hết đói cũng vì thế. Còn nhờ sao mà phi nhơn hết quấy phá nữa thì trăm không hiểu.

- Chính nhờ sự mát mẻ, an lành từ oai lực kinh Paritta nên các trạng thái tâm nóng nảy, hung dữ ... lắng dịu lại, tâu đại vương!

- Rất là chí lý. Nhưng oai lực kinh Paritta còn diệu dụng nào kỳ lạ nữa chẳng?

- Vâng, có, tâu đại vương! Các vị Thánh Tăng, Cao Tăng thường truyền tụng rằng, nếu chuyên trì tụng kinh Paritta thì rắn độc phải lạng lẽ cúi đầu bỏ đi, không dám có ý định cắn mổ nữa. Kẻ trộm vừa giơ gậy muốn đánh, nghe kinh Paritta, phải dụi dằng bỏ thõng tay xuống. Voi số mạch (*nổi cơn dục*) rất hung dữ, chạy đến muốn chà đạp người, nghe kinh Paritta, chúng sững lại, hiền lành ngoan ngoãn bỏ đi. Dùng lửa cháy cực mạnh đốt người - đang trì tụng kinh Paritta, lửa ấy không hại người ấy được. Dùng thuốc độc cũng không hại người tụng kinh Paritta .v.v...

- Thật lạ lùng làm sao!

- Chưa đâu đại vương! Lại có trường hợp một con công quyết tâm tụng kinh Paritta để tự bảo vệ mình, có người thợ săn kiên trì đơm bẫy tới bao nhiêu năm cũng không bắt được. Đến khi con công ấy sàu muộn vì luyến ái một con công mái mà quên không tụng kinh Paritta, trong một ngày thôi thì đã bị dính bẫy người thợ săn.

- Trẫm cũng có biết câu chuyện ấy, nói tóm lại là kinh Paritta có năng lực bảo vệ, hộ trì; nhưng trẫm thắc mắc là kinh ấy bảo vệ, hộ trì cho tất cả chúng sanh, tất cả mọi người hay cho một loài, một nhóm, một số người nào đó thôi?

- Không thể hộ trì cho tất cả được.

- Tại sao thế, đại đức?

- Đại vương, ngài nghĩ thế nào, vật thực có hộ trì cho sanh mạng tất cả chúng sanh chăng?

- Thưa, có người hộ trì được, có người không thể.

- Tại sao lại như vậy?

- Ví như có người ăn vật thực quá độ, chất lửa trong bao tử không thể tiêu hóa được, sẽ đầy hơi tức bụng mà chết. Trường hợp ấy gọi là vật thực không thể hộ trì.

Đại đức Na-tiên hỏi lại:

- Thế thì vật thực không thể hộ trì sanh mạng chúng sanh chỉ có hai nguyên nhân:

Thứ nhất, thọ dụng vật thực quá độ.

Thứ hai, do chất lửa trong bao tử non nên không tiêu hóa vật thực được.

- Đúng như thế, thưa đại đức!

- Vật thực vốn là món nuôi sanh mạng chúng sanh, nhưng bởi lẽ chúng sanh tham ăn tham uống quá độ, không biết thọ dụng chừng mực, vừa phải - nên nó trở thành thủ phạm giết hại sanh mạng chúng sanh, phải vậy không đại vương?

- Thật là chính xác!

- Kinh Paritta cũng như vật thực vậy, tâu đại vương! Kinh Paritta có người hộ trì được, có người không! Những người mà kinh Paritta không thể hộ trì được có ba lý do sau:

Một là, do năng lực nghiệp ác cản trở.

Hai là, do nhiều phiền não phát sanh ở trong tâm.

Ba là, do người tụng mà không có đức tin, không trì chí, không quyết tâm, chỉ tụng đọc vẹt nơi miệng!

Đấy là ba cản trở lớn làm cho Paritta không thành tựu, tâu đại vương!

- Như vậy là do chính lỗi lầm, sai quấy của người tụng đọc chứ không phải do kinh Paritta!

- Đúng thế, tâu đại vương! Vật thực cũng như kinh, vốn không có tội gì.

- Đại đức có khả năng cho ví dụ về điều ấy không?

- Thưa được! Ví như có bà mẹ sanh đứa con một, biết bao công lao ẵm bồng, bú mớm, dọn phân, dọn nước tiểu. Lớn hơn chút nữa, lại phải áo quần, trang điểm, giáo dưỡng, dạy bảo nhiều bề. Tuy nhiên, giả dụ như sau này đứa con sinh hư, phạm tội với luật pháp. Người mẹ đau khổ, tìm cách đến công đường cố xin ân xá tội cho con! Tâu đại vương, nếu là đại vương thì đại vương có xá tội cho người con ấy không?

- Người mẹ ấy cũng đáng thương, nhưng luật pháp nghiêm minh, nếu tha thứ cho một người thì nhân dân sẽ khinh nhờn mà phạm nhiều tội khác nữa.

- Vâng, như thế có nghĩa là ai làm nấy chịu, nghiệp ai kẻ ấy phải thọ quả báo! Người mẹ kia không thể xin tội cho con như thế nào - thì kinh Paritta cũng không thể hộ trì cho những người đã bị ba lý do nêu trên cản ngăn!

Đến đây, đức vua hết lòng khen ngợi:

- Quả là biện tài. Quả là đại đức có khẩu ngôn thiện xảo. Cách trả lời với nhiều ví dụ, so sánh của ngài làm cho càng lúc chính đề càng thêm sáng tỏ. Hoài nghi đã chấm dứt. Mất mờ đã được sáng. Lưới tà kiến đã được tháo gỡ. Trí tuệ của đại đức thật là siêu việt vậy.

- Không dám! Với những câu hỏi của đại vương, bản tăng cũng toát mồ hôi khi cố đưa ra những kiến giải non nớt, nông cạn, mong đại vương hỷ xả cho!

Đức vua Mi-lan-đà mỉm cười:

- Không cần thiết phải khiêm tốn như thế, đại đức! Chúng ta đối thoại với nhau, ngay từ đầu đã xác định là cách đối thoại của bậc trí giả mà! Vậy khách sáo với nhau làm gì.

Đức Na-tiên cũng mỉm cười ý nhị.

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

104-113

104. Oai lực của Đức Phật thua ma vương?

- Bạch đại đức! Đức Đại Giác đã tròn đủ các công hạnh ba-la-mật, nhờ trong vô lượng kiếp ngài đã tích lũy biết bao nhiêu công đức và phước báu; nên kiếp cuối cùng này chắc ngài cũng viên mãn tài lộc, viên mãn lợi danh, viên mãn về tứ sự như y phục, vật thực, chỗ ở và thuốc men ... phải vậy không đại đức?

- Tâu vâng!

- Chuyện khác thì không nói, chỉ nói đến vật thực. Nếu đại đức bảo rằng phước báu về vật thực của Đức Thế Tôn là rất lớn, rất viên mãn, luôn luôn dư thừa, không bao giờ thiếu thốn; thế tại sao một lần nọ, khi ngài đi trì bình tại nhà người bà-la-môn Panca Sàla, ngài không nhận được vật thực, đành phải ôm bát không mà đi ra? Đại đức nghĩ sao về trường hợp ấy?

- Rồi đại vương sẽ sáng tỏ thôi. Đức Thế Tôn chẳng bao giờ thiếu thốn vật thực đâu. Sở dĩ tại nhà người bà-la-môn Panca Sàla, Đức Phật phải ôm bát không trở

ra là do ma vương quây phá. Ma vương đã dùng thần lực che mắt người bà-la-môn đấy, tâu đại vương!

- Thưa, chuyện ấy mà có thì phát sanh hoài nghi khác nữa. Hoài nghi rằng, công năng vô lượng phước báu ba-la-mật của Đức Thế Tôn ở đâu - mà khi ấy nó không trở quả?

- Chẳng phải thế đâu, đại vương! Lúc ấy vì ma vương có tâm ác rất mãnh liệt đã tìm cách che mắt ông bà-la-môn không cho thấy Đức Thế Tôn.

- Nếu thế thì phát sanh nghi vấn to lớn hơn nữa. Rằng là điều ác đã thắng điều thiện? Rằng là tâm ác mãnh liệt của ma vương đã chiến thắng sự toàn thiện của Đức Thế Tôn? Rằng là sức mạnh, uy đức của Đức Thế Tôn do viên mãn ba-la-mật vẫn không bằng sức mạnh, ác đức của ma vương? Rồi người ta lại còn mỉa mai, biếm nhẽ rằng: *Ồ! Té ra ngọn cây mà nặng hơn gốc cây? Tà đạo mà thắng chánh đạo? Người xấu xa, độc ác, người hung dữ, tham sân vẫn thường là kẻ có nhiều sức mạnh hơn người hiền thiện, người tốt, người khiêm nhu và đức hạnh!* Chẳng lẽ nào lại có cái sự thật đau lòng trên thế gian này như thế, thưa đại đức?

- Chánh bao giờ cũng thắng tà. Gốc bao giờ cũng nặng hơn ngọn, thiện bao giờ cũng thắng ác. Đại vương chẳng cần phải bi quan như thế. Sức mạnh dẫu là ác tâm của ma vương cũng chẳng bao giờ có thể thắng nổi Đức Thế Tôn toàn thiện đâu! Đại vương phải hiểu rằng, lúc ấy ma vương với ác tâm mãnh liệt đã tìm cách che mờ mắt của người bà-la-môn không cho thấy Đức Thế Tôn. Tâm ác mãnh liệt là khác mà che mờ mắt là khác, tâu đại vương!

- Xin đại đức giảng cho nghe điều ấy?

- Đại vương! Điều này đại vương có thể hiểu được qua một ví dụ. Ví như cung điện của đại vương có nhiều cổng thành ra vào, mỗi cổng thành như vậy thường có một số quân lính túc trực cùng với một viên võ tướng chỉ huy canh gác. Vì đại vương thương yêu thần dân như con nên hằng ngày có một số người hay mang đến mật ong, sáp ong, cốm nước thượng vị vào dâng cho đại vương vì lòng tôn kính và sự ngưỡng mộ. Có một viên võ tướng chột sanh tâm ganh tị với đại vương, khi người ta mang vật phẩm đến, viên võ quan ấy chặn lại, xét hỏi rắc rối không cho vào, làm cho đại vương không nhận được vật phẩm ấy. Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương không nhận được vật phẩm là bởi sức mạnh, uy lực của đại vương không bằng sức mạnh và uy lực của người gác cửa hay sao?

- Tên gác cửa ấy nếu trẫm bảo chết, nó sẽ chết - thì làm sao lại có sức mạnh, uy lực hơn trẫm được!

- Đúng thế! Vì tâm ganh tỵ của tên võ quan quá lớn nên sinh ra việc ngăn người ta vào, chứ sức mạnh uy lực làm sao bằng được đại vương? Cũng vậy, vì ma vương tâm ác quá mạnh, che mờ mắt người bà-la-môn, chứ sức mạnh, uy lực của ma vương làm sao bằng Đức Thế Tôn được! Đại vương nên hiểu như vậy.

- Vâng, vậy là trẫm hết nghi rồi.

Đại đức Na-tiên chợt hỏi:

- Thế hằng ngày đại vương cũng thường nhận được vật phẩm như vậy hay sao? Có khi nào những tên gác cổng ngăn chặn tất cả cổng thành làm cho đại vương mất phần lợi lộc?

- Làm sao lại mất được, đại đức. Biết bao nhiêu là cổng, biết bao nhiêu người vào! Lại nữa, tên võ quan kia chỉ trực cổng, ngày hôm sau đã đổi viên võ quan khác. Vật phẩm của trẫm không bao giờ thiếu, thừa đại đức quý trọng!

- Hay lắm! Đức Thế Tôn cũng y như thế. Trưa hôm ấy tuy Đức Thế Tôn ôm bát không từ nhà người bà-la-môn đi ra, do từ phước báu quá khứ của ngài làm cho chư thiên nóng ruột. Khi quán xét biết sự việc ấy, quá nhiều chư thiên đã hối hả làm vô số món ăn từ cõi trời, xuống dâng cúng cho Đức Thế Tôn. Thế đó, sức mạnh của ma vương không thể hơn sức mạnh của Đức Thế Tôn, tà không thể hơn chánh, ngọn không thể nặng hơn gốc, ác không thể thắng thiện. Và công đức, phước báu của Đức Thế Tôn bao giờ cũng dư thừa, viên mãn - tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà gạt đầu:

- Thôi, đồng ý là sức mạnh, uy lực ma vương không bằng được Đức Phật, đồng ý là phước báu của Đức Toàn tri lúc nào cũng viên mãn! Nhưng trẫm vẫn còn thấy cái gì đó ẩn đằng sau câu chuyện này. Là dù sao, khi ma vương che mắt người bà-la-môn Panca Sàla, làm cho Đức Phật ôm bát không đi ra, là ma vương đã đạt được tâm nguyện rồi, đã vừa ý muốn của mình rồi. Chẳng lẽ nào Đức Chánh Đẳng Giác với bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp ba-la-mật, bao nhiêu giác, minh, tuệ, thần thông mà không nâng đỡ được mình sao, để cho ma vương đắc ý mỉm cười, có phải thế không? Để cho ma vương đem đến sự tai hại cho Đức Thế Tôn, dù là chút ít? Đại đức có thể nào phá nghi điều ấy cho trẫm không?

- Có thể được, đại vương hãy chú tâm nghe. Về vấn đề bố thí, cúng dường vật thực của thí chủ đến cho người thọ thí, có thể có bốn sự tai hại ngăn trở làm cho sự cúng dường không thành tựu:

Thứ nhất, tai hại khi thí chủ chưa thấy người thọ thí.

Tiếp đến, tai hại khi thí chủ đã sẵn có chủ tâm làm vật thực dâng cúng.

Sau nữa, tai hại khi thí chủ đã sửa soạn vật thực xong rồi.

Cuối cùng, tai hại khi thí chủ dâng cúng vật thực rồi - và người thọ thí đang thọ dụng.

Tâu đại vương ! Trường hợp ma vương ngăn trở che mắt người bà-la-môn, thuộc loại tai hại thứ nhất. Đây là vì ông bà-la-môn không thấy Đức Thế Tôn, người đến thọ thí tại nhà mình. Đây là sự tai hại bình thường, vì ông bà-la-môn chưa thấy Phật nên chưa khởi tâm gì cả. Ma vương chỉ có khả năng đem đến sự tai hại ngăn trở loại thứ nhất này mà thôi!

- Thưa, các loại ngăn trở sau là thế nào ạ?

- Thưa, loại tai hại thứ hai là khi thí chủ sắp tâm, chủ tâm sửa soạn vật thực để dâng cúng, thì có người đến với ác tâm phá hoại, tìm cách ngăn cản đi. Ví dụ, người kia dùng lời khôn khéo nói sao cho gia chủ thối thác thiện tâm, làm cho gia chủ chán nản, mệt mỏi, làm cho gia chủ không cảm thấy hứng thú trong việc cúng dường, hoặc có thể rủ gia chủ đi chơi chỗ này chỗ kia hấp dẫn, vui vẻ hơn v.v...

- Vâng, trẫm đã hiểu, còn loại tai hại thứ ba là thế nào?

- Thưa, mặc dầu vật thực đã sửa soạn xong, nhưng người thọ thí chưa đến, kẻ khởi ác tâm phá hoại bèn lân la bên cạnh thí chủ tìm cách nói sao cho gia chủ phân vân, hoài nghi. Ví dụ, *cúng dường có phước báu gì đâu, thà để cho chồng con cháu chết thọ dụng tốt hơn.* Hoặc, *người thọ thí ấy có tu hành gì đâu, ông ấy là một người xấu, không có đức hạnh.* Hoặc, *cúng dường đệ tử ông Cù đàm thì các giáo phái khác người ta ghét, người ta sẽ thù hận, đổ kỵ.v.v...* Sự lập tâm của người ngăn trở là làm cho gia chủ phân vân, lưỡng lự, hoài nghi ... để gia chủ bỏ hẳn sự cúng dường ấy đi. Đây là điều tai hại thứ ba, tâu đại vương. Còn điều tai hại thứ tư, là khi đang thọ thực, kẻ ác tâm đến, tìm cách ngăn trở bằng cách nói với người thọ thực rằng: *Thưa ngài, ngài dùng vật thực này không thanh tịnh do gia chủ có ác tâm với ngài. Cơm bánh ngài dùng là do gạo dơ, nước dơ. Những gia vị ngài dùng có tẩm độc tinh vi, lâu ngày mới phát tác, coi chừng ngài sẽ thọ bệnh, sau một năm nữa sẽ vỡ cữu khiêu ra mà chết .v.v...*

Tâu đại vương! Ma vương chỉ làm loại tai hại thứ nhất đến Đức Thế Tôn, còn ba loại tai hại sau; bần tăng không thấy trong tam giới, trời và người, ma vương, phạm thiên, sa môn hoặc bà-la-môn nào có khả năng làm ba loại tai hại ấy đến Đức Phật. Kể nào mà ngu si làm ba loại tai hại ấy đến ngài - thì cái đầu của người ấy sẽ bể tan làm bảy mảnh, tâu đại vương!

Lại nữa, một Đức Chánh Đẳng Giác thường có bốn điều bất khả xâm phạm; không ai với uy lực nào có thể đem đến tai hại hoặc phá hoại được, ấy là:

Thứ nhất, bất cứ lợi lộc gì, phẩm vật gì, tứ sự gì mà thí chủ đã khởi tâm hoặc đã sửa soạn cúng dường đến Đức Phật - thì sự cúng dường ấy ắt hẳn thành tựu, không ai với uy lực nào có thể phá hoại được.

Thứ hai, Đức Thế Tôn có hào quang sáu màu thường tỏa sáng xung quanh, bán kính chừng một sải tay - chẳng có ai với uy lực nào có thể làm cho lu mờ hoặc phá hỏng hào quang ấy.

Thứ ba, tuệ giác của Đức Phật rõ rõ quang minh, tịch nhiên, viên chiếu, xuyên chiếu, bao trùm, chẳng ai có khả năng tung bóng tối vô minh xâm phạm được.

Thứ tư, sanh mạng của Đức Thế Tôn, chẳng có uy lực ma quân nào động đến được.

Tâu đại vương! Nếu đại vương thông hội thêm bốn điều bất khả xâm phạm ấy thì đại vương sẽ không bao giờ dám đem sức mạnh và uy lực của ma vương để so sánh với uy lực và sức mạnh của Đức Thế Tôn, phải vậy chăng? Việc ma vương che mắt người bà-la-môn là việc làm ỉn khuất, dấu diếm, chứ ma vương nào dám trực diện với Đức Thế Tôn? Việc làm của ma vương chẳng khác gì người đàn bà ngoại tình vụng trộm, hành động lén lút, dấu diếm đức lang quân của mình. Nếu ông chồng mà bắt được vợ mình làm việc vụng trộm ấy, dẫn đến đại vương thì đại vương xử trị ra sao?

- Làng xã thôn ấp người ta cũng trị được, nói đến luật nước tối cao làm gì. Người ta thường hành hạ, đánh đập, gọt tóc, bôi tro vào mặt, bêu rếu giữa xóm làng rồi sau đó cho làm kẻ gia nô, nô lệ!

- Ma vương hành động lén lút cũng dường như thế, nếu mọi người biết mọi người sẽ khinh bỉ. Còn riêng Đức Thế Tôn, dù ma vương có tâm xấu với ngài, có lẽ tâm ngài vẫn là tâm giải thoát như hư không, tâu đại vương!

- Cảm ơn đại đức đã rọi đèn sáng vào khắp các hang hóc tối tăm của câu chuyện, trẫm không hề còn một mảy may nghi! Chỉ có trí tuệ quảng bác, uyên áo, sắc bén của ngài mới giải nạn cho những vấn nghi mà thế gian này không ai làm nổi. Một lần nữa tri ân đại đức vậy.

Đức vua Mi-lan-đà hân hoan quá bèn quỳ sát đất đánh lễ rồi tán thán:

- Trẫm xin tôn kính đánh lễ ngài, đại đức Na-tiên cao quý và trí tuệ vô song!

105. Vì Đức Phật thuyết pháp mà làm cho sáu mươi vị tỳ kheo học máu chết!

- Thừa đại đức - có lần trẫm đọc một đoạn kinh nói rằng Đức Thế Tôn thuyết một thời pháp làm cho sáu mươi vị tỳ kheo học máu chết hay là họ treo cổ tự vẫn gì đó không rõ! Có phải trẫm nhớ lầm không hở đại đức?

- Có đấy! Bàn tăng cũng nhớ là họ học máu mà chết khi Đức Thế Tôn thuyết về kinh ... "*Lửa của ngũ uẩn*"!

- Như thế thì đức Thập Lực Tuệ làm hại họ rồi! Ngài hằng đem điều hạnh phúc đến cho chúng sanh, nhưng ở đây, sao ngài lại đem đến điều tai hại, làm cho sáu mươi sanh mạng phải lìa đời? Đây là một nghi vấn trọng đại, mong đại đức chỉ giáo cho?

- Tâu đại vương! tất cả sáu mươi vị tỳ kheo ấy vì phạm trọng giới, nhất là những giới *bất cộng trụ*. Sau khi nghe pháp họ thấy được tội của mình nên ray rứt ăn năn, ruột như bị lửa đốt. Sức nóng như lửa ấy ở bên trong thiêu đốt nên máu trào vọt ra thất khiếu mà chết - thì đâu có phải do Đức Thế Tôn thuyết thời pháp ấy. Họ chết bởi tâm ăn năn, ray rứt của chính họ vậy.

- Đại đức lý luận vậy thật không đủ sức mạnh để thuyết phục trẫm, vì Đức Thế Tôn thuyết pháp đến họ, họ mới học máu chết, nếu ngài không thuyết thời pháp ấy, đâu có chuyện gì xảy ra? Sáu mươi vị tỳ kheo chết, nguyên nhân chính là do thời pháp của Đức Thế Tôn! Đại đức không thể biện hộ nữa rồi!

-Như thế là đại vương cương quyết kết tội Đức Đạo sư?

- Đúng như vậy! Đại đức hãy nghe đây. Nếu như có người đào ông cần dùng đất ổ mối, ông ta lấy cuốc, lấy xẻng vào cái hang lớn. Khi đào lấy đất, mặc dầu người ấy không cố lấp cửa hang, nhưng đất đã sập xuống, bịt chặt miệng hang làm cho những con rắn trú ngụ ở trong ấy ngộp thở mà chết. Thử hỏi đại đức, có

phải vì người đàn ông lấy ồ mới là nguyên nhân làm cho những con rắn chết phải chăng?

- Đúng thế, người ta ai cũng có thể kết luận vậy.

- Thì trường hợp của Đức Thập Lực Tuệ nào có khác gì? Ngài đâu không cố ý nhưng chính thời pháp của ngài là nguyên nhân giết hại sáu mươi mạng người, tội ấy không nhỏ đâu.

- Tâu đại vương! Nghe nói thì chí lý lắm, nhưng Đức Đại Giác thuyết pháp đâu phải chỉ riêng cho sáu mươi vị tỳ khưu ấy; ngài thuyết pháp với tâm rộng khắp, bao trùm, hàng ngàn hàng vạn chúng sanh, trời và người, ngài đâu có phân biệt thân và sơ, đâu phân biệt sáu mươi vị tỳ khưu kia giữa hàng ngàn hàng vạn người thính pháp?

- Vẫn không thuyết phục được, đại đức!

- Tâu đại vương! Người nào nghe pháp rồi nghĩ mình đã thực hành tốt, thực hành đúng thì tâm họ sẽ hoan hỷ, thanh tịnh, nhờ vậy mà chúng ngộ đạo quả. Có người nghe pháp rồi thấy mình thực hành sai, hối hận, ruột bị lửa đốt mà đi xuống, xa rời chánh đạo - thì làm sao bắt lỗi được Đức Thế Tôn hử đại vương! Ai làm nấy chịu chứ? Tâm ai sao thì cảnh của họ vậy chứ? Tâm niệm, tư tưởng, ý nghĩ, hành động của mỗi người như thế nào - thì quyết định nghiệp hoặc cảnh thú cho người ấy theo định luật nhân quả không hề sai trật vậy.

- Đại đức có ví dụ cụ thể được điều ấy chăng?

- Vâng, thưa được! Người kia có cây xoài quý, thuê người đến chăm sóc, canh giữ, bảo vệ. Đến khi xoài chín, người kia ra xem, thấy một số trái chín mọng, ngon ngọt trĩu đầy cành; ngoài ra khá nhiều trái rụng xuống đất do sâu đục, chim mổ, dơi cắn. Người chủ cây xoài bắt lỗi người giữ vườn, tại sao không bảo vệ, canh giữ cho chu đáo để đến nỗi xoài rụng nhiều như thế? Đại vương nghĩ thế nào? Lỗi bắt tội của người chủ cây xoài có hữu lý không?

- Thưa không, hữu lý sao được khi xoài xanh tốt không có sâu sủa, dơi chim phá thì nó tốt, chín mọng, đẹp. Trái lại thì nó rụng là điều tự nhiên thôi!

- Cũng vậy là thời pháp của Đức Thế Tôn, tâu đại vương! Xoài chín mọng, ngọt ... là do bản thân nó hoàn hảo, kiện toàn, trái rơi rụng là do bản thân nó có mầm giống tiêu hoại bởi sâu bệnh. Cũng thời pháp ấy mà có người đi lên, hay chúng ngộ đạo quả là do tâm họ tốt, thực hành tốt. Trái lại, có người đi xuống, rơi

xuống là do tâm họ xấu, thực hành sai! Đại vương bắt lỗi Đức Thế Tôn khác nào đại vương bắt lỗi người canh giữ xoài! Cả hai đều không liên hệ gì đến tác ý của Đức Thế Tôn cả!

- Nghe có vẻ hữu ý lắm, thưa đại đức! Và như thế chính tác ý mới quan trọng sao?

- Tâu đại vương! Tác ý mới chính là vấn đề! Tác ý là hướng tâm, khởi tâm đến, điều ấy đại vương hiểu rồi. Khởi tâm của Đức Thế Tôn là quảng đại, bi mẫn, với lòng từ vô lượng, thuyết pháp đến chúng sanh để chúng sanh tự thấy những sai lầm của mình để tu sửa, để hướng thượng, để giải thoát khổ đau. Vậy những khởi tâm với các trạng thái tâm ấy là có tội sao hỡi đại vương?

- Thế Đức Thế Tôn vô tình mà làm cho sáu mươi vị tỳ khưu kia chết, và vô tình là không có tội phải chăng? Ví như người nông phu làm ruộng, trước khi gieo giống, lấy trâu bò cày sâu đám ruộng của mình. Khi làm vậy, người nông phu chỉ khởi tâm cho đám ruộng được tốt, thu hoạch được nhiều lúa. Nhưng những nhát cày của ông ta đã làm chết bao nhiêu cây cỏ, làm chết bao nhiêu côn trùng! Đây là vô tình, và vô tình là không có tội sao? Trong nhân quả trùng trùng, trực tiếp và gián tiếp, xét cho kỹ vẫn có tội như thường! Ví như người kia ép mía, khởi tâm để có nước ngon ngọt uống, nhưng máy ép mía của y đã ép chết biết bao nhiêu kiến sâu ở trong. Thế không có tội sao, đại đức? Hoặc nếu đại đức nói Đức Thế Tôn thuyết pháp là chỉ để dành cho những chúng sanh có trí, có căn cơ bậc thượng còn kẻ ngu si hạ liệt thì không cần đến; ví như người thợ đẽo, chỉ lựa lấy những khoảng gỗ cần dùng, cái nào xấu hoặc không cần thì đẽo bỏ đi! Như thế có được chăng, có đúng chăng? Khi Đức Thế Tôn thuyết pháp để người lành thì đi lên, người xấu thì đi xuống, việc làm ấy của Đức Thế Tôn chẳng khác gì người đẽo gỗ kia vậy! Xin đại đức giải nghi vấn nạn ấy cho!

- Quả là lời buộc tội rất hùng hồn, rất đanh thép, tuy nhiên trường hợp Đức Thế Tôn không phải là vô tình như ông nông phu kia, như người ép mía nọ. Cũng không phải như ông đẽo gỗ chỉ lựa thứ gỗ mình dùng được! Đức Thế Tôn ở ngoài và ở trên mọi lượng ước, nghĩ nghĩ của chúng ta, đại vương hãy từ từ, cố gắng lắng nghe.

- Thưa vâng.

- Đại vương, ví như một trận mưa lớn xuống một vùng dân cư và đồng ruộng, vườn tược; cây lớn thì hứng được nước nhiều, cây con thì hứng nước ít; người tria bắp thì vui mừng, người phơi lúa thì khổ sở. Việc xảy ra như vậy thì

cây con hứng ít nước và người phơi lúa có trách trận mưa làm ác không hờ đại vương?

- Không thể trách được!

- Đức Thế Tôn thuyết pháp đến chúng sanh, hoàn toàn với tâm bình đẳng như trận mưa ấy. Chúng sanh căn cơ bậc thượng như cây lớn thì hứng nước nhiều, như căn cơ bậc hạ, cây con thì hứng nước ít. Có người đắc pháp thì vui mừng như người tria bắp, kẻ khổ như người phơi lúa là sáu mươi vị tỷ kheo kia, hộc máu chết, lẽ nào lại trách Đức Thế Tôn và thời thuyết pháp của Đức Thế Tôn cho được, hờ đại vương?

Đức vua Mi-lan-đà suy nghĩ một hồi:

- Ví dụ này của đại đức thật là xác đáng, là sát sao với chủ đề vậy. Đúng, thời pháp chính là một trận mưa bình đẳng, là pháp vũ! Đúng, là nói vô tình cũng sai vậy. Xin đại đức cho nghe tiếp.

- Thời pháp ví như mưa thì thời pháp cũng được ví như nắng. Nắng chiếu xuống nhân gian cũng bình đẳng như thế! Cây lớn ngoài khoảng trống thì hứng được nắng nhiều. Những cây nhỏ trong một khu rừng chằng chịt thì cố vươn ra mà đón nhận một vài tia nắng để chuyển hóa nhựa luyện và sức sống ...! Cứ suy ra thêm nữa thì nắng đâu có tội tình gì, phải thế không đại vương?

- Vâng, đúng là không có tội!

- Ngoài ra, điều này mới là bất khả tư nghì hơn, tâu đại vương! Đức Thế Tôn có cả thầy tám minh, do vậy, ngài biết rõ, thấy rõ căn, cơ, nhân, quả, nghiệp, duyên, báo ... của sáu mươi vị tỷ kheo kia hơn chúng ta chứ?

- Thừa vâng!

- Vậy thì như trường hợp Đề-bà-đạt-đa đọa địa ngục là tốt hơn, thì sáu mươi vị tỷ kheo kia, chết đi như thế không tốt hơn cho họ hay sao? Nếu họ không nghe pháp, họ sống si mê, lầm lạc với tội lỗi của mình, sẽ còn trầm luân khổ đau bao nhiêu kiếp nữa? Còn họ nhờ nghe pháp, tâm tâm quý [*] khởi sanh, họ bắt đầu biết mình tội lỗi nặng nề. Tâm tâm quý ấy quá mạnh làm cho họ hộc máu, đoạn lìa sự sống. Có thể họ sẽ bị trả quả khổ, nhưng chính tâm tâm quý mạnh mẽ kia sẽ là pháp hỗ trợ, nâng đỡ họ trong các kiếp sống sau này. Điều ấy có thể xảy ra không, đại vương?

[] hỏ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi.*

- Có thể lắm, đại đức!

- "*Có thể*", nghĩa là chúng ta chưa vội quy kết, kết luận cái "*không thể*", phải vậy không đại vương?

- Chí lý!

- Thế sao trước đây, đại vương sớm đổ tội cho Đức Thế Tôn và thời thuyết pháp của ngài làm tai hại đến sáu mươi vị tỷ kheo?

Đức vua Mi-lan-đà cúi đầu xuống:

- Vâng, trăm thấy trăm còn quá ư nông nổi.

Chưa dừng ngang đó, đại đức Na-tiên còn hùng hồn thuyết giảng thêm:

- Đại vương! chúng sanh có mặt trên đời này, có kẻ đi xuống, kẻ đi lên, kẻ vui, kẻ khổ, kẻ trầm luân, người giải thoát đều do duyên nghiệp, ngu trí quyết định. Ở đây, nhân quả nó làm việc rất bình đẳng, rất phân minh, chẳng thiên vị ai và bỏ quên ai bao giờ!

Đại vương hãy nghĩ xem ! Thuốc độc đâu phải lúc nào cũng làm chết người? Thuốc bổ đâu phải luôn luôn là cứu người? Thuốc trường sanh bắt tử đâu phải ai uống vào cũng bắt tử - mà đôi khi có kẻ chết sớm vì thuốc trường sanh bắt tử ấy! Vật thực nuôi mạng chúng sanh, nhưng vật thực cũng giết chết rất nhiều chúng sanh ... Trọng tâm, sợi chỉ đỏ của mấy ví dụ bần tăng nêu ở trên chỉ quy kết về một điều: ngoại cảnh chỉ là duyên, là trợ duyên, thuận duyên hoặc chướng duyên; nó sẽ tác động thuận chiều hay nghịch chiều, lợi hay hại, vui hay khổ, tốt hay xấu ... vào bên trong cái nhân, từ trong tâm của chúng sanh; mà cái tâm ấy là nơi tích lũy vô lượng hạt giống từ quá khứ; vậy chúng ta không thể nào quy kết một hiện tượng là xấu hay tốt được, là lợi hay hại được! Phải thế không đại vương?

- Vâng, điều này rất sâu xa, nan tư nghĩ vậy.

- Đúng thế, căn, cơ, nhân, quả, duyên, báo ... của chúng sanh, chúng ta làm sao mà hiểu, mà thấy, mà biết hết được!

- Thưa, chỉ có đấng Toàn Giác!

- Vậy thì sáu mươi vị tỷ kheu kia học máu chết, đại vương không còn quy kết Đức Thế Tôn đem đến họa hại cho họ nữa chứ?

- Một trăm lần cái chết như thế vẫn chưa đánh đổi được một lần tỉnh thức hoặc nghe được một thời pháp chơn chánh, thừa đại đức!

Đại đức Na-tiên chợt hô "sàdhu", lành thay, rồi vui vẻ nói lớn:

- Cảm ơn đại vương đã hoàn toàn nắm vững vấn đề!

- Trẫm còn cảm ơn đại đức nhiều lần hơn thế nữa!

106. Bậc Thánh cư sĩ sao lại phải đành lễ, cúng dường phàm Tăng?

- Thừa đại đức! "Người đắc pháp xuất thế gian là vô cùng cao quý, xứng đáng để cho chư thiên và nhân loại đành lễ, cúng dường". Lời của Đức Đại Bi thuyết cho Setthà nghe như thế có đúng chăng?

- Thừa đúng.

- Thế tại sao sau đó, Đức Thế Tôn còn thuyết rằng: "Những tại gia cư sĩ đắc quả thánh Tu-đà-huờn rồi, họ chỉ còn nghiệp rất nhẹ, không còn đọa vào bốn đường ác, đức tin Tam Bảo đã vững chắc, là người đã thấy rõ pháp; tuy nhiên, những tại gia cư sĩ đắc quả Thánh Tu-đà-huờn ấy, khi gặp chư tỳ khưu Tăng bất kể thánh hay phàm, đều phải đứng dậy, mời ngồi, lễ bái và cúng dường". Lời thuyết này cũng đúng chăng, thừa đại đức?

- Vâng, cũng rất đúng!

- Vậy thì lời thuyết sau phủ định lời thuyết trước? Lời thuyết sau bắt các vị Thánh đã đắc quả xuất thế gian phải lễ bái, cúng dường những vị phàm Tăng thế gian sao? Nghe có lọt tai không chứ?

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Rất lọt tai là khác, nếu như đại vương biết rõ những pháp cao thượng mà những vị phàm Tăng kia đang thực hành, đang y chỉ, đang bảo lưu, gìn giữ, tâu đại vương!

- Xin đại đức hãy lật đứng dậy những cái gì khuất lấp ở trong cái đầu óc u mê của trẫm!

- Đại vương đừng quá tự khiêm, bần tăng sẽ nói đây! Là những vị phàm Tăng ấy, tâu đại vương, họ hằng có hai mươi pháp hành cao thượng của sa môn. Ngoài ra, còn hai pháp cao thượng nữa thuộc về phẩm mạo, tăng tướng nhằm hỗ trợ, nâng đỡ cho hai mươi pháp cao thượng nêu trên. Như vậy, tất cả có hai

mười hai pháp mà họ đang y chỉ, thực hành, đáng để cho các vị Thánh cư sĩ Tu-đà-huờn ngưỡng mộ, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, tâu đại vương! Hai mươi pháp ấy như sau:

Một là, tâm bi mẫn và sự chơn thật;
Hai là, hỷ hoan trong đời sống thanh cao;
Ba là, đang thực hành pháp;
Bốn là, tứ vô lượng tâm;
Năm là, thu thúc lục căn;

Thứ sáu, thu thúc trong giới bốn pàtimokkha;
Thứ bảy, nhẫn nhục;
Thứ tám, vắng lặng;
Thứ chín, thỏa thích trong chánh pháp;
Thứ mười, thực hành pháp cao thượng;

Mười một, thường thích ở ẩn;
Mười hai, hổ thẹn tội lỗi;
Mười ba, ghê sợ tội lỗi;
Mười bốn, tinh tấn;
Mười lăm, không giải đãi (dễ duôi);

Mười sáu, biết học hỏi giáo pháp;
Mười bảy, biết giảng giải giáo pháp;
Mười tám, thỏa thích trong giới đức;
Mười chín, không tham muốn, không chát chứa, không luyến tiếc;
Hai mươi là, đầy đủ tất cả các điều học.

Và hai pháp cao thượng thuộc phẩm mạo, tăng tướng là:

Thứ nhất, thọ dụng y cà-sa;
Thứ hai, đầu cạo trọc.

Đại vương thấy thế nào, hai mươi hai pháp ấy có cao thượng chăng?

- Thưa, đồng ý là cao thượng, nhưng dấu sao cũng mới chỉ là pháp cao thượng chứ không phải là người cao thượng!

- Nhưng mà chư tỳ khưu Tăng có vị đã chứng, đang chứng, và sẽ chứng, tâu đại vương!

- Xin đại đức tuần tự giảng cho nghe. Thật là đáng khâm phục trí tuệ biện tài của đại đức nếu như đại đức giảng trôi nặn vắn của trẫm!

- Vâng, đại vương nghĩ thế nào, nếu có vị tỳ khưu thọ trì đầy đủ hai mươi hai pháp ấy; thực hành không cho hư hỏng hai mươi hai pháp ấy, thực hành trọn vẹn hai mươi hai pháp ấy; có thể tiến từ bậc hữu học lên bậc vô học, đắc quả A-la-hán thì vị cư sĩ Thánh quả Tu-đà-huần kia nên đứng dậy mời chào, lễ bái, cúng dường các vị tỳ khưu ấy không?

- Rất xứng đáng!

- Tại sao lại xứng đáng?

- Vì dù sao Thánh cư sĩ Tu-đá-huần đâu có được hai mươi hai pháp ấy? Một vị tỳ khưu đắc Tu-đá-huần, quả vị tuy bằng người cư sĩ nhưng sẽ cao thượng hơn người cư sĩ vì vị tỳ kheo còn có hai mươi hai pháp quý báu ở bên mình, đáng được trọng nề hơn vậy? Nhưng nếu vị tỳ khưu thọ trì hai mươi hai pháp, có thực hành nhưng chưa thành tựu đầy đủ hai mươi hai pháp ấy; chưa đạt địa vị hữu học hoặc vô học thì làm sao vị Thánh cư sĩ lại lễ bái, cúng dường được, đại đức?

- Thưa, vẫn rất xứng đáng lễ bái, cúng dường - vì vị Thánh cư sĩ sẽ nghĩ rằng: "Dầu sao, các ngài tỳ khưu cũng là môn đệ bậc cao của Đức Phật, đã thọ trì giới bổn thanh tịnh, đã từng thuyết giới bổn thanh tịnh. Các ngài đều có khả năng làm những việc mà những cư sĩ bậc Thánh không thể làm được, là có khả năng cho những người xuất gia thọ sa đi giới và thọ cụ túc giới. Ngoài ra có vị tỳ khưu, dầu là phàm Tăng, nhưng, chính họ là người kế thừa, bảo lưu, giữ gìn hạt giống bồ-đề làm cho Phật giáo được hưng thịnh lâu dài". Tâu đại vương! Nếu vị Thánh cư sĩ suy nghĩ như thế ở trong tâm, vị ấy có đứng dậy, mời ngồi, lễ bái, rót nước, dâng vật thực đến cho chư tỳ khưu phàm Tăng chăng?

- Thưa, suy nghĩ ấy rất chánh đáng, rất thuyết phục, xứng đáng đánh lễ, cúng dường lắm! Nhưng, ngoài ra, các vị tỳ khưu có thọ trì hai mươi hai pháp ấy, nhưng khuyết tật hoặc hư hỏng hai mươi hai pháp ấy - thì chắc chắn không xứng đáng rồi!

- Vẫn rất xứng đáng, tâu đại vương! Vì bậc Thánh cư sĩ sẽ suy nghĩ rằng: "Họ hư hỏng, khuyết tật nhưng họ vẫn đang trong tăng tướng và phẩm mạo cao thượng; họ đang đi trên con đường phạm hạnh, họ ăn một bữa, họ thiếu dục, tri túc; họ thường sống nơi tịch mịch, xa chỗ huyên náo ồn ào, xa chỗ ngũ dục thấp

hèn! ... Còn ta là gì? Ta là cư sĩ áo trắng, dù đắc quả Tu-đà-huờn, nhưng ta vẫn có gia đình với vợ và con, bạc tiền, của cải, danh vọng, địa vị, nghề nghiệp nuôi sống. Ta không cắt móng tay, không cạo râu tóc, vẫn trang điểm, vẫn thoa vật thơm, y phục lành tốt, thọ hưởng ngũ dục, ăn ngon, mặc ấm, giường cao, nhà rộng v.v... Chỉ nguyên nhân ấy thôi, ta đã phải lễ bái, cúng dường đến các ngài rồi. Huống hồ các ngài, chư phàm Tăng ấy còn có khả năng dạy giáo pháp, truyền giới luật cho người tại gia, người xuất gia? Đây là những việc mà không một Thánh cư sĩ siêu phàm nào làm được". Đại vương! nếu khi mà vị Thánh cư sĩ suy nghĩ như thế - thì vị ấy có đứng dậy tiếp rước, mời ngồi với hai tay chấp lại thành kính không, hờ đại vương?

- Ô! nếu mà suy nghĩ vậy thì quả thật trăm đã thua xa trí tuệ thấu suốt ngọn ngành của đại đức rồi!

- Không dám!

- Chắc chắn là vậy! Vì sự gợi ý sáng suốt của đại đức mà trăm có được một ví dụ như sau: "Trăm có một vị hoàng tử, trăm cho đi học văn chương, triết học ... nơi một thầy bà-la-môn, là một bậc giáo thọ lớn. Nhờ sự giáo huấn của thầy bà-la-môn lỗi lạc, con trăm được nên người, thành tài. Nếu sau này mà con trăm có lên vương, thì trăm cũng phải hằng nhắc nhở con trăm rằng: Con nên hằng đến thăm thầy, kính trọng, đánh lễ thầy, vì nhờ thầy mà bây giờ con đã trở nên một vị vua xứng đáng". Thừa đại đức! Cũng vậy là vị Thánh cư sĩ kia, mặc dầu ở địa vị cao hơn, quý báu hơn; nhưng dù sao cũng nhờ các vị tỳ khưu phàm Tăng, là bậc thầy dạy đạo cho mình, cho mình thọ trì tam quy, ngũ giới, dạy pháp học, pháp hành ... để mình có cơ hội tiến tu và nhập vào dòng Thánh ngày hôm nay! Chỉ ngay cái sự tri ân ấy thôi cũng xứng đáng lễ bái, cúng dường rồi, phải vậy không đại đức?

- Rất là chính xác! Đại vương có thể suy diễn cả những điều mà bản tăng đang định nói ra, chúng tở đại vương có thể đi đến một sự nhất trí về kết luận của bản tăng như sau: "*Không kể phàm, không kể thánh - chỉ ngay cái phẩm vị tỳ khưu - đã là phẩm vị cao thượng, xứng đáng cho trời và người lễ bái, tôn trọng, cúng dường*".

- Rất đồng ý!

- Cho nên, vị Tu-đà-huờn cư sĩ lễ bái, cúng dường phẩm vị tỳ khưu là phải lễ. Cho chí một vị cư sĩ A-la-hán, muốn bảo toàn phẩm hạnh thanh cao của mình, đắc quả A-la-hán trong ngày nào [*] thì phải xuất gia phẩm vị tỳ khưu trong ngày

ấy. Nếu quá một ngày không gặp đủ số Tăng hội, thì vị cư sĩ A-la-hán ấy đành phải Niết bàn! Cho hay, phẩm vị tỳ khưu cao thượng, quý báu dường ấy mà ít người hiểu cho trọn vẹn, thừa đại vương!

[*] *Đôi chỗ nói là bảy ngày.*

Đức vua Mi-lan-đà gạt đầu hóm hỉnh:

- Gặp được bậc thiện trí thức thông tuệ như đại đức đây, hôm nay, đã làm cho tâm tư trầm mát mẻ, rỗng không nghi vấn - dấu trầm là vị đế vương sang cả, quyền uy vô tận; đại đức chỉ là một công dân thôi, trầm cũng phải cung kính, đánh lễ như thường!

- Đại vương quả là bậc thiện trí!

- Không dám!

107. Giáo hội của Đức Tôn Sư có bị phân ly, chia rẽ không?

- Thừa đại đức! Nghe nói rằng, giáo hội của Đức Tôn Sư có tinh thần dân chủ, trật tự và kỷ cương nhất trên thế gian. Các môn đệ của ngài sống tương kính, tương ái, đoàn kết và hòa hợp, không ở đâu có được! Phải vậy không đại đức!

- Thừa vâng.

- Thế sao Đề-bà-đạt-đa lại chia rẽ được giáo hội ấy? Ông ta đã dẫn năm trăm vị tỳ khưu lên núi Kê-kê để thành lập một giáo hội riêng? Vậy ra lời nói *giáo hội của Đức Tôn Sư đoàn kết, hòa hợp* là không đúng ư? Giáo hội của Đức Tôn Sư rồi cũng bị ly tán, phân ly, chia rẽ hay sao? Câu hỏi này đối với trầm thật đau nhức vì chúng ngoại đạo lấy lý do đó để đàm tiếu. Xin đại đức hãy thi thố sức mạnh trí tuệ để giải đáp cho xong mối nghi này, trầm tri ân đại đức lắm vậy!

- Đại vương! Trên thế gian này có cái gì mà không bị phân ly, ly tán, tụ mà không tan, hợp mà không lia được, hờ đại vương? Tất cả pháp hữu vi dầu lớn như núi Tu di, dù nhỏ như mảnh hư trần đều bị sự tác động của các định luật mà thành, trụ, hoại, không - ấy là lẽ thường! Tất thấy vũ trụ vạn hữu đều bị định luật vô thường biến hoại chi phối. Cho nên, đến một lúc nào đó, mẹ cũng phải xa con, chồng phải xa vợ, anh trai, em gái, quyến thuộc, bạn hữu ... cũng vậy, chẳng bao giờ được ở vĩnh viễn bên nhau. Chiếc thuyền ra khơi kia được đóng một cách vững chắc, kiên cố - nhưng chỉ cần một cơn sóng to đánh vào là đã bị tan vỡ, gỗ lia theo gỗ, buồm rã theo buồm! Trái cây kia có quả rất ngon ngọt nhưng

chỉ cần một thân dây đấng quấn quanh, ngon ngọt của trái cây kia đâu còn nữa?
Bạc vàng lóng lánh sáng đẹp nhưng trộn với đồng thì màu sắc tất phải biến dị!

Tâu đại vương! Đức Thế Tôn có thuyết về tam tướng, và đây là định luật tất yếu của mọi hiện hữu. Vậy thì ai nói rằng *môn đệ của Đức Như Lai không phân ly, không ly tán* là không đúng sự thật, không đúng với pháp, không đúng với chân lý. Nhận thức ấy không phù hợp với cái thấy biết của bậc trí tuệ. Lời khen ngợi ấy thật không đẹp lòng, vừa ý bậc trí giả đâu!

Đức vua Mi-lan-đà ngạc nhiên:

- Vậy là ngược lại, giáo hội Đức Tôn Sư là giáo hội không hòa hợp, không đoàn kết, luôn luôn phân ly, tan rã?

- Chẳng phải thế đâu, đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà lại ngỡ ngàng:

- Thế là sao ạ? Trẫm không nắm bắt được điều đại đức muốn nói?

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Tâu đại vương! phân ly, ly tán, tụ tan, tan tụ, thay đổi, biến hoại là định luật tất yếu của pháp hữu vi. Giáo hội của Đức Tôn Sư cũng phải bị định luật ấy chi phối. Tuy nhiên, Đức Tôn Sư có dạy rằng: "*Nơi nào mà Tăng chúng sống thuận hòa, tương ái, tương kính với nhau; nơi nào mà Tăng chúng sống với nhau bằng tinh thần lục hòa và tứ nhiếp - thì nơi ấy tất sẽ có được sự đoàn kết, hòa hợp, không phân ly, không chia rẽ!*" Đại vương phải hiểu cho thật đúng là như thế.

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu:

- À, ra trẫm đã hiểu.

- Lục hòa, tứ nhiếp chính là pháp hỗ trợ, nâng đỡ cho môn đệ của Đức Tôn Sư. Lục hòa là để các môn đệ sống với nhau được lợi ích, thuận hòa, an lạc. Tứ nhiếp là để sống trong tương quan giữa thầy và trò, giữa Đức Phật và môn đệ, giữa người xuất gia và kẻ tại gia, nói rộng ra là với nhân quần xã hội.

- Xin đại đức giảng rộng cho nghe.

- Thừa vâng, đại vương có từng nghe ở đâu mà Đức Phật và Chư Tăng, hoặc Chư Tăng sống với nhau mà thường lấy vật không cho của kẻ khác? Sống với nhau mà nói lời khiếm nhã, cộc cằn, thô lỗ? Sống với nhau mà ích kỷ, tư kỷ hoặc

có những hành động đưa đến hại người, không có lợi cho người? Hoặc sống với nhau, ăn ở với nhau mà không bình đẳng với nhau, có giai cấp, có địa vị?

- Thừa không, đại đức! Đức Phật và môn đệ của ngài sống với nhau chưa hề nghe có những việc như vậy xảy ra, mà ngược lại. Họ không bao giờ lấy vật không được cho mà họ còn san sẻ, chia sẻ, giúp đỡ nhau những tài vật có được. Họ sống với tâm xả ly, với hạnh không dính mắc. Họ nói lời từ hòa, hiền thiện, thuận tai và mát mẻ đôi tai của mọi người. Họ luôn luôn khuyến thiện, hành động thiện để cùng lợi mình lợi người. Họ bình đẳng trong ăn, ở, vui, khổ, không có giai cấp này phục vụ giai cấp kia ...

Đại đức Na-tiên gật đầu:

- Đúng vậy, tâu đại vương! Chính nhờ vậy, chính nhờ Đức Phật và môn đệ sống như vậy giữa nhau và giữa mọi người; luôn lấy bốn pháp tế độ: *bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự* làm thước đo, làm kim chỉ nam, làm pháp hộ trì nâng đỡ; nên đã được thế gian tán thán: "*Giáo hội của Đức Phật, Chư Tăng và các môn đệ sống đoàn kết, hòa hợp, không có phân ly, không có chia rẽ ... mà sống trong một trật tự, kỷ cương, hòa bình và tương kính, tương ái lẫn nhau*", cũng không ngoa vậy!

- Cảm ơn đại đức! Trẫm đã hoàn toàn thông hiểu rồi, những nhức đau bây giờ đã trở nên mát mẻ và lành lặn!

108. Tỳ kheo tạo nghiệp do không biết, tại sao lại không có tội?

- Thừa đại đức! Đức Thế Tôn có dạy rằng: "Người nào không biết rõ ác nghiệp mà tạo ác nghiệp như sát sanh, trộm cắp v.v... thì bị tội nặng". Một chỗ khác, Đức Thập Lực Tuệ lại thuyết ở trong luật rằng: "Tỳ kheo tạo ác nghiệp do không biết thì không phạm tội". Thế thì nếu ta tin theo lời thuyết trước thì không thể tin theo lời thuyết sau. Hai lời thuyết đó như hai con đường không thể gặp nhau hoặc như cách nhau một cái biển mênh mông khó vượt qua! Mong rằng đại đức hãy giải nghi cho trẫm.

- Thật dễ dàng thôi, tâu đại vương! Người nào không biết rõ ác nghiệp mà tạo ác nghiệp - có nghĩa là không biết rõ ác nghiệp nhưng đã tạo ác nghiệp ấy do cố ý, do cố tình, do tưởng biết, do tâm tạo tác - nên phải bị tội báo nặng, đó là điều dĩ nhiên. Nhưng trong luật, Đức Thế Tôn nói rằng, chư tỳ kheo tạo ác nghiệp do không biết, không phạm tội! Không biết mà tạo ác nghiệp, có nghĩa là có tạo ác

nghiệp nhưng do không cố ý, không cố tình, do không tưởng biết, do tâm không tạo tác - nên không có tội!

Nói tóm lại, nếu đại vương để ý một bên là có tác ý, cố ý - một bên là không tác ý, không cố ý thì đại vương sẽ rõ biết đâu có tội, đâu không tội, và như thế thì đại vương sẽ không còn thắc mắc nữa.

- Vâng, vâng! Trẫm hiểu rồi! quả là đơn giản.

109. Đức Thế Tôn có lãnh đạo, bảo quản giáo hội tỳ khuru không?

- Thưa đại đức, trẫm nhớ không lầm thì có lần Đức Thế Tôn tâm sự với ngài Ànanda rằng: "Này Ànanda, có người nghĩ rằng Như Lai sẽ bảo quản, lãnh đạo chư tỳ khuru Tăng hoặc giáo hội tỳ khuru Tăng sẽ tùy thuộc vào Như Lai! Này Ànanda, Như Lai không nghĩ rằng có người nào phải lãnh đạo giáo hội các tỳ khuru hoặc giáo hội phải tùy thuộc một người nào!".

- Tâu đại vương! Đúng là Đức Đại Giác có thuyết như thế!

- Rồi ở đâu đó, khi Đức Phật tán dương những đức tính của vị Bồ-tát đương lai sắp thành Phật Di lặc, lại thuyết rằng: "*Này các thầy tỳ khuru! Đức Phật Di lặc đương lai có công hạnh rất lớn, ngài bảo quản và lãnh đạo chư tỳ khuru Tăng đông đến hằng trăm ngàn vị, còn hiện nay Như Lai bảo quản và lãnh đạo chư tỳ khuru Tăng chỉ hằng ngàn vị mà thôi!*".

- Đúng là có vậy, tâu đại vương!

- Tại sao có sự mâu thuẫn thế, thưa đại đức? Một bên bảo là không bảo quản, lãnh đạo, một bên là xác định có bảo quản, lãnh đạo? Lời và ý sao chống chọi nhau đến vậy, hay ý Đức Thế Tôn nói khác, thưa đại đức?

- Đúng là vậy đó, đại vương, lời tuyên bố trên là sự thật, đồng thời nó có ý nghĩa khác nữa! Chính vào thời ấy, chúng ngoại đạo tưởng rằng, Đức Thế Tôn thành lập giáo hội Tăng-già để ngài làm giáo chủ và biến giáo hội ấy thành sở hữu của mình. Lại nữa, Đề-bà-đạt-đa manh tâm thay Phật lãnh đạo giáo hội và muốn giáo hội tùy thuộc nơi ông ta!

Tâu đại vương! Đức Đại Giác có mặt ở trên đời là vì lợi ích cho chư thiên và loài người, ngài đã dứt bỏ trọn vẹn mọi thằng thục trói buộc, đã rời xa những ảo giác, ảo tưởng về cái gọi là *Ta và của Ta!* Do vậy, vì nhân duyên mà có giáo hội, vì nhân duyên mà phải bảo quản, lãnh đạo - chứ không phải "*chấp thủ*", "*dính mắc*"

vào cái giáo hội giả danh ấy! Ngài thường dạy rằng, chính mỗi thầy là một hòn đảo cho chính mình, là nơi nương tựa cho mình, đừng nương tựa vào bất cứ ai, nương tựa vào những cái ở bên ngoài mình! Ngài có mặt ở trên đời là chỉ cho tất cả chúng sanh phải tự thành tựu thiện pháp, phải biết rằng chúng sanh nào cũng có khả năng thành Phật. Và cho dầu công đức ngài có lớn lao ngài cũng không nghĩ rằng ngài đã tạo công đức cho chúng sanh, chúng sanh nương nhờ ngài! Tâm và tuệ của bậc Đại Giác, chúng ta không thể tư lường được. Những ý niệm *Ta và của Ta* chính là trọng tâm mà Đức Thế Tôn muốn giáo huấn môn đệ phải thấy rõ, nó hàm ẩn vi tế ở trong hai dẫn chứng của đại vương đưa ra! Ấy là pháp ngũ uẩn trong thường ngữ đấy, tâu đại vương!

- Đại đức có thể cho nghe ví dụ được không?

- Thưa vâng, ví như mặt đất lớn rộng này là nơi trú xứ, nơi nương gá của tất cả chúng sanh. Mặt đất ấy không khởi tâm hoan hỷ hay bất bình đối với chúng sanh nào cả. Và mặt đất cũng không nghĩ rằng chúng sanh là của mình hay không phải của mình. Tâm mặt đất luôn luôn trầm nhiên, thanh tịnh và bình đẳng. Mặt đất không có ý niệm *ngã và ngã sở* như thế nào thì Đức Thế Tôn cũng y như thế, tâu đại vương!

- Xin đại đức cho nghe thêm ví dụ nữa.

- Vâng, ví như đám mưa lớn rơi xuống cho người, loài vật, thảo mộc; đám mưa thật sự đã nuôi dưỡng quả đất, nuôi dưỡng chúng sanh, nhưng đám mưa không hề có tác ý nhận lấy bất kỳ một ân huệ nào của chúng sanh cả. Đức Thế Tôn cũng vắng bắt tất cả mọi tạo tác phước hữu lậu và vắng bắt tất cả mọi chấp thủ *ngã và ngã sở* cũng như vậy đó, tâu đại vương!

110. Tại sao Đức Thế Tôn không thu thúc lục căn?

- Thưa đại đức! Đức Thế Tôn có thuyết rằng: "*Sự thu thúc tốt lắm. Thu thúc thân, thu thúc khẩu, thu thúc ý và thu thúc tất cả thì tốt đẹp biết bao nhiêu!*" Đức Thế Tôn đã không hết lời khen ngợi về sự thu thúc như thế, nhưng một lần nọ, giữa đầy đủ tứ chúng và cận sự nam nữ hai hàng, ngài đã không giữ được sự thu thúc tốt đẹp ấy.

- Đại vương cứ nói tiếp tục.

- Vâng, lần ấy quả là Đức Thế Tôn đã không biết mắc cỡ, đã lò nam căn ra để khắp chư thiên và nhân loại cùng xem! Lại nữa, ngài lại còn chơi cái trò kỳ dị là le lười đụng tới lỗ mũi và hai lỗ tai, rồi lại đưa cái lười lên che kín cả vùng trán!

Thưa đại đức, ngài nghĩ thế nào, một Đức Chánh Đẳng Giác, một bậc thầy mô phạm cao quý của trời và người mà lại làm cái việc không thích đáng, một việc làm mà ai cũng cười chê như thế hay sao?

- Đại vương! Đức Thế Tôn sở dĩ phải hiện tướng nam căn và tướng lưỡi rộng dài là để tạo duyên lành cho ông bà-la-môn Sela, cốt ý chỉ để cho ông bà-la-môn Sela thấy, chứ tứ chúng, cận sự nam nữ hai hàng và chư thiên không thể thấy được, tâu đại vương!

- Trẫm không tin điều đó, đại đức!

- Rất có lý khi đại vương không tin, vì thứ nhất là đại vương không thể biết được tâm, tuệ cùng các khả năng thần thông bất khả tư nghị của Phật. Thứ hai là đại vương không biết được tâm của bà-la-môn Sela!

- Chuyện ấy thì có liên hệ gì hở đại đức?

- Sao lại không liên hệ! Ví như có một người bị đau khổ, đại vương có thể nào biết được sự thọ khổ trong tâm của người ấy ra sao không?

- Thưa, không thể biết.

- Cũng như vậy là việc làm của Đức Tôn Sư! Chỉ có Đức Tôn Sư là biết rõ việc làm của Ngài, là để tạo duyên lành cho bà-la-môn Sela. Và chính bà-la-môn Sela mới biết rằng ông ta đã nhận được duyên lành ấy. Còn đại vương, vì không thấy, không biết nên đại vương nghi ngờ, có đúng thế chăng?

- Có thể như vậy.

- Ví như ma quỷ nhập vào một bệnh nhân, chỉ có bệnh nhân ấy mới biết rõ ma quỷ đã làm gì ở trong thân tâm mình, còn người khác thì không thể biết được. Cũng thế là trường hợp Đức Thế Tôn. Bà-la-môn Sela sau khi quan sát Đức Thế Tôn bằng đôi mắt của một bậc thầy tướng pháp, ông ta thấy Đức Thế Tôn hầu như có đủ ba mươi hai quý tướng cùng tám mươi vẻ đẹp của bậc đại nhân - chỉ thiếu có hai tướng là tướng *nam căn mã âm tàng* và tướng *lưỡi rộng dài*. Đức Thế Tôn biết rằng, nếu bà-la-môn Sela thấy thêm được hai tướng ấy, ông ta sẽ phát khởi lòng tin, và đấy là duyên lành để cho ông ta chứng ngộ đạo quả sau này! Vì lý do đó, Đức Thế Tôn đã dùng thần thông hiện tướng cái bóng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Việc làm ấy chỉ có Đức Thế Tôn biết và ông bà-la-môn Sela thấy, và lợi ích của nó ra sao chỉ có bà-la-môn Sela cảm nhận được mà thôi!

- Nếu Đức Thế Tôn dùng thần thông thì trăm có thể tin được. Và ý của đại đức nói là Đức Thế Tôn đã dùng trí tuệ thiện xảo, tạo duyên lành cho ông bà-la-môn kia sau này thấy được giáo pháp cao siêu hay sao?

- Thưa vâng, *trí tuệ thiện xảo* - là cụm từ mà đại vương đã dùng rất hay - để chỉ cho phương tiện giáo hóa tùy căn cơ, tùy duyên, tùy căn, tùy cảnh mà Đức Thế Tôn thường dùng để hóa độ chúng sanh! Vậy là đại vương đã bắt đầu hiểu rõ vấn đề.

- Chưa đâu, xin đại đức cho nghe về cái gọi là *trí tuệ thiện xảo* ấy!

- Đức Thế Tôn là bậc có cơ trí thiện xảo vô song. Như một vị lương y đại tài, Người biết bệnh này phải cho uống thuốc xỏ, bệnh kia phải cho thêm thuốc bổ, bệnh này nên mổ xẻ, bệnh nọ nên dùng tí độc mới trị được độc v.v... Lại còn phải biết gia giảm liều lượng tùy thời tiết gió mưa, nóng lạnh; tùy thân thể người nam hay nữ, trẻ hay già, người khỏe mạnh hay người huyết hư, suy kiệt v.v... Căn cơ trình độ chúng sanh giữa thế gian này vốn sai khác dị đồng; tâm bệnh, phiền não đều phức tạp, đa diện và rất khó phân, nếu Đức Thế Tôn không dùng nhiều phương cách trị liệu khác nhau thì sao có thể đạt hiệu quả cao, và được gọi là bậc Toàn Tri, Diệu Giác hờ đại vương?

- Vâng, đúng thế!

- Vì tâm bi mẫn đối với chúng sanh, vì muốn giáo hóa chúng sanh nên Đức Thế Tôn đâu có nề hà gì trong việc hiện tướng *mã âm tàng* và *tướng lưỡi rộng dài* cho người bà-la-môn thấy? Như người đàn bà sinh con, vì mong mỗi có đứa con thì người đàn bà đâu có mắc cỡ với bà mẹ vào đỡ đẻ, phải thế không hờ đại vương?

- Thưa vâng!

- Còn nói về *trí tuệ thiện xảo* giáo hóa của Đức Thế Tôn thì đại vương hãy thử nhớ lại trường hợp Ngài độ Đức Nandà, trường hợp Ngài độ vị tỷ kheo ba tháng không học thuộc được câu kệ ngôn, trường hợp Ngài độ kẻ cướp Anguli-màla...

- Trẫm không nhớ đâu, xin đại đức hãy cho nghe một vài câu chuyện để trẫm được mở rộng kiến văn.

- Vâng, đại vương có nhớ hoàng tử Nandà là em cùng cha khác mẹ với Đức Phật, trong ngày cưới của Nandà với vị công nương xinh đẹp, Đức Phật đã thân nhiên đến dự, rồi sau đó dẫn hoàng tử Nandà đi xuất gia luôn! Tuy kính nể ông

anh mà xuất gia nhưng Nandà không ngớt tư tưởng đến hình ảnh của người vợ diễm kiều nên sinh ra tương tư sầu khổ, tiều tụy, võ vàng! Dùng thần thông và *trí tuệ thiện xảo*, Đức Phật đã dẫn Nandà lên cõi trời, cho Nandà trông thấy những thiên nữ thiên kiều bá mị, để rồi khi ngoảnh nhìn lại sắc đẹp của vị công nương hôn thê của mình - Nandà chợt nảy sự so sánh và thấy vợ mình chẳng khác gì con khỉ cái già bị lửa rừng thiêu trụi lông và đuôi!

Đức Phật nói: "*Này Nandà! Nếu ông cố gắng tu tập thì Như lai hứa là ông sẽ có được năm trăm vị thiên nữ như thế*".

Khi Đức Nandà dụng công tấn tu thì thường bị bạn bè, đồng đạo chê cười vì mục đích hạ liệt; mắc cỡ quá, Ngài không hướng đến năm trăm thiên nữ nữa mà tâm lại có xu thế hướng về đạo quả cao siêu. Cuối cùng, Ngài đắc được Thánh quả!

Đại vương nghĩ thế nào về phương tiện giáo hóa ấy, Đức Thế Tôn có dùng *trí tuệ thiện xảo* không?

- Rất là thiện xảo!

- Vị tỷ kheo tên là Culapanthaka, ba tháng không thuộc được câu kệ ngôn, muốn hoàn tục; Đức Phật quán căn duyên, trình độ của ông ta nên chỉ đưa cho một cái khăn tay! Cuối cùng, nhờ quán cái khăn thay đổi, biến dị từ sạch qua dơ... mà vị tỷ kheo chứng ngộ được sự vô thường, đắc Thánh quả, luôn cả lục thông!

Đại vương thấy thế nào, trường hợp ấy nếu không phải là trình độ của bậc Tòan Giác - thì ai có khả năng làm cho vị tỷ kheo dốt đặc thành một vị thánh phi phàm?

- Đúng thế!

- Lại có trường hợp một bà-la-môn tên là Moghàrāja đến hỏi đạo Đức Thế Tôn. Cả ba lần hỏi, Đức Thế Tôn đều im lặng không trả lời. Thế mà nhờ vậy, bà-la-môn kia tiêu trừ được ngã chấp; bỏ thí xả ly tất cả tài sản, của cải, xuất gia tỳ kheo, tiến tu định tuệ, đắc quả thánh và thuần thực luôn cả lục thông! ...

- Trẫm đã hiểu rồi, thưa đại đức! Vì lòng bi mẫn đối với chúng sanh, vì để giáo hóa chúng sanh, vì muốn trao pháp màu cho chúng sanh mà Đức Phật đã tùy nghi sử dụng nhiều phương pháp khác nhau... Trẫm và mọi người vì quá nhiều bụi cát trong mắt mà nghi ngờ như thế này thế kia, quả là ngu si! Trẫm đã có được con mắt sáng rồi, thưa đại đức!

111. Sao Đức Thế Tôn lại có lời nói khiếm nhã?

- Thừa đại đức! Đức Thế Tôn là đấng Toàn Thiện nên luôn luôn có *thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh* và *ý thiện hạnh*, phải thế chẳng?

- Vâng, đúng thế!

- Lời Ngài nói ra bao giờ cũng dịu ngọt, hòa nhã, từ ái, làm mát mẻ đầu óc của mọi người, làm hoan hỷ đôi tai của mọi người, phải thế không, đại đức?

- Quả vậy!

- Thế tại sao khi tỳ khưu Sudinna hành dâm với người vợ cũ, Đức Thế Tôn cấm chế điều luật bất cọng trụ, Ngài đã nguyên rủa tỳ khưu Sudinna là *người trống rỗng*. Đại đức có biết *người trống rỗng* là từ rất nặng lời chẳng? Ấy là lời khiếm nhã, khinh bỉ, miệt thị... mà người ta chỉ sử dụng khi chiến tranh bằng binh khí miệng lưỡi! Do vậy, khi nghe Đức Thế Tôn mạt sát mình bằng lời *người trống rỗng*, tỳ khưu Sudinna khuôn mặt tái xanh, run rẩy, sợ hãi...

Thừa đại đức, như thế rõ ràng Đức Thế Tôn đã ác khẩu, đã nói lời như gai đâm trong óc, như lửa đốt trong tai, chứ từ hòa, hiền dịu, mát mẻ ở chỗ nào? Đại đức hãy cố biện minh cho Đức Thế Tôn thử xem?

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Bàn tăng sẽ không biện minh, chỉ nói ra sự thật cùng những ý nghĩa từ sự thật ấy. Ngoài ra, đại vương sẽ có cơ hội biết thêm một vài trường hợp *trí tuệ thiện xảo* mà Đức Thế Tôn đã sử dụng để giáo hóa chúng sanh!

Đức vua Mi-lan-đà cũng mỉm cười:

- Có lẽ đại đức đang bắt đầu một cuộc *biện minh thiện xảo* rồi đấy! Trẫm đang cố gắng lắng nghe!

- Vâng, tâu đại vương! Nhóm từ *Mogha purisa* mà người ta dịch là "*người trống rỗng*" thực ra mang ý nghĩa về giáo pháp chứ không phải lời miệt thị, khinh bỉ như thế gian thường hiểu. *Mogha purisa* là *người trống rỗng*, nghĩa là trong con người của y trống rỗng trí thức, trống rỗng trình độ, trống rỗng pháp lành, trống rỗng trí tuệ, nói chính xác hơn là trống rỗng về sự *thấy biết khổ, nguyên nhân khổ, sự diệt khổ* và *con đường diệt khổ*! Nói cách khác, đó là sự trống rỗng về nhận thức *tứ đế*. Người nào mà trống rỗng nhận thức về *tứ đế* sẽ dễ có những hành động làm lạc, ngu si; và dẫn cho họ có tu hành, bố thí, làm phước - thì sự

tu hành ấy cũng không đi đến đâu. Tỳ khưu Sudinna là một con người như vậy nên Đức Thế Tôn đã nói lên sự thật, đã ghép y vào loại *người trống rỗng*, điều đó đúng với sự thật, chứ Đức Tôn Sư nào phải ác khẩu, khiếm nhã, khinh miệt ai bao giờ!

- Rất cao siêu là cái nghĩa ấy, nhưng thừa đại đức, mấy ai hiểu được ý nghĩa cao siêu như đại đức! Người ta vẫn hiểu theo thường ngữ, "*người trống rỗng*" là người ngu si, hèn hạ, là người đáng phỉ nhổ, khinh bỉ mà thôi. Người cư sĩ tại gia nói riêng, và người đời nói chung chỉ hiểu đó là lời chưởi mắng cộc cằn, thô lỗ. Dù sự thật như thế nào, tỳ khưu Sudinna có tội như thế nào - thì Đức Thế Tôn cũng đã mắng chưởi người ta; ấy là một việc làm không thích đáng, là *khẩu trước hạnh*, chẳng xứng phẩm hạnh của một Đấng Toàn Thiện như Đức Thế Tôn!

- Cũng được - đại đức Na-tiên mỉm cười - hiểu theo nghĩa thế gian cũng được, hoặc hiểu theo nghĩa thường thường cũng được. Ví như đại vương là một bậc minh quân thiên hạ, đại vương thấy có một vài viên quan hành động ngu si, sai trật, có tội. Khi thấy như vậy, đại vương có kêu những viên quan ấy đến gần một bên rồi nói lời từ hòa, mát mẻ, dịu ngọt, êm ái lỗ tai ... và sau đó ban thưởng nhiều vàng bạc, phẩm vật quý giá?

- Ban thưởng sao được, đối với những viên quan hư hỏng, tội tệ ấy, trăm sẽ kêu lại mắng chưởi, phạt tù hoặc phạt cảnh cáo... để chúng sợ hãi mà trở nên người tốt hơn - chứ ai nào lại kêu tới mà dịu ngọt, mà từ ái, mà ban thưởng! Họa là đồ điên!

- Đức Thế Tôn cũng xử sự tương tự như đại vương vậy! Tỳ khưu Sudinna có tội bởi tư cách hành động sai quấy của y. Con người y đáng bị khiển trách. Đức Thế Tôn kêu lại, Ngài không mắng chưởi, miệt thị - mà chỉ dùng từ "trống rỗng" để nói lên sự thật, để chỉ thẳng vào sự thật nơi con người y. Thế thôi, Đức Thế Tôn cũng chưa quát mắng, phạt cảnh cáo hoặc phạt tù như ý nghĩ của đại vương! Trường hợp ấy, lẽ nào Đức Thế Tôn lại nói lời hoan hỷ đầu óc, mát mẻ đôi tai, từ hòa, ngon ngọt... đối với tỳ khưu Sudinna, phải thế không đại vương?

- Lý luận của đại đức không có kẻ hở, trăm rất tin phục!

- Không dám!

- Và nhờ vậy, trăm hiểu thêm một điều là, Đức Thế Tôn là bậc Toàn Thiện, luôn luôn *thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh*; nghĩa là thân khẩu ý của

Ngài không còn bị điều động, thúc phược bởi tham sân, phiền não. Thân khẩu ý của Ngài đã diệt tận chúng, đã đoạn lìa chúng tận gốc rễ. Nhưng khi giáo hóa chúng sanh thì Ngài chỉ nghĩ đến lợi ích cho chúng sanh, tùy nghi, tùy lúc mà sử dụng thân, khẩu, ý ấy. Cốt ý là chỉ để cho chúng sanh tự thấy lỗi của mình, thấy rõ đâu trước, đâu thanh... để lần hồi cải thiện bản thân cho đúng với *pháp*, với *sự thật*...

Thưa đại đức, đến ngang đây, trầm liên tưởng đến câu hỏi trước, rằng Đức Phật lại tùy bệnh cho thuốc, không biết có đúng chăng?

- Hoàn toàn đúng, tâu đại vương! Ví như một bệnh nhân có nhiều đàm, thầy thuốc cho uống thuốc xổ đàm là dứt bệnh. Chúng sanh tham sân tích lũy lâu ngày, cái tâm của chúng sanh cũng bị uất chướng, đầy hơi... nên những loại đàm như hận, tật, xan, hối, dục, bòn xén, keo kiệt, mạn v.v... đã trở nên trầm kha bất trị! Vì tâm bị mẫn đối với chúng sanh, vì muốn cứu độ chúng sanh, nếu thuốc xổ kia khó uống quá, đắng quá, chát quá... thì có vì thế mà chúng ta nghĩ rằng Đức Thế Tôn không có lòng từ, không có lòng bi chẳng hờ đại vương?

- Thật không thể!

- Và giả dụ Đức Thế Tôn có dùng lời *pharusa* - tức là hơi cộc cằn thô lỗ - như vị thuốc quá đắng cay, cốt dứt trừ bệnh cho chúng sanh, thì có khả thứ không hờ đại vương?

- Được lắm chứ!

- Nhưng ở đây không như thế, Đức Thế Tôn không dùng lời *pharusa* mà chỉ dùng lời hơi nghiêm khắc - thì ta có vì vậy mà bảo rằng Đức Thế Tôn đánh mất tâm từ, tâm bi không hờ đại vương?

- Cảm ơn đại đức, trầm hiểu rồi.

- Ví như sức nóng có khả năng làm cho các đồ vật dính liền với nhau, làm cho vật mềm lại - những lời nói của Đức Thế Tôn có tỏa ra sức nóng, thì sức nóng ấy cũng chỉ cốt làm cho chúng sanh sợ hãi mà lìa xa ác hạnh, trước hạnh mà thôi! Một người cha có tâm từ mẫn với con cái thì dù có la rầy, mắng nhiếc, nghiêm khắc chẳng nữa, cũng chỉ mong cho con được nên người, phải thế không đại vương?

- Thưa vâng.

- Thế gian truyền rằng hễ ai uống nước trường sanh bắt tử vào thì cả thân tâm đều mát mẻ, hưởng được an vui hạnh phúc thiên niên. Giáo pháp *năng diệt khổ* của Đức Thế Tôn cũng y như thế, ai uống vào rồi thì những ác nghiệp lần hồi nhẹ bớt, phiền não lần hồi tiêu tan... và đến lúc nhân duyên đủ đầy thì thọ hưởng được hạnh phúc giải thoát cuối cùng. Đây là kết quả do giáo pháp và do tâm bi mẫn giáo hóa độ sinh của Đức Thế Tôn. Như một cánh hoa nhẹ nhàng rơi lên thân thể, giáo pháp và tâm bi mẫn của Đức Thế Tôn cũng y như thế, lẽ nào lại có thể làm người khác đau đớn được, hờ đại vương?

- Vâng, đúng thế. Trẫm rất tán dương và hoan hỷ lời giải đáp của đại đức. Quả thật, Đức Thế Tôn xuất hiện ở đời là vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người! Giáo pháp và tâm bi mẫn của Ngài đủ để chứng minh cho sự thật ấy!

- Cảm ơn đại vương!

112. Cái cây có tâm ý không?

- Thưa đại đức! Trẫm không nhớ là ở đoạn kinh nào, Đức Thế Tôn có thuyết cho một người bà-la-môn như sau: "*Này ông bà-la-môn, ông là người có học thức, siêng năng học hỏi; ông biết rõ cái gì tốt, cái gì xấu... thì tại sao ông tìm kiếm sự an lạc bằng cách nói chuyện với cái cây, là vật không có tâm ý? Việc làm ấy của ông có thích đáng không, có xứng đáng là kẻ có trí thức không?*" Thế rõ là cái cây không có tâm ý, phải vậy không đại đức?

- Thưa vâng!

- Thế nhưng tại sao ở một chỗ khác, khi nói chuyện với bà-la-môn Bhàradvāja, Đức Thế Tôn lại bảo: "*Này ông bà-la-môn, hãy đi hỏi cái cây Phandano ấy đi, cái cây ấy đáp như thế nào thì lời của Như lai cũng như thế ấy?*"

Thưa đại đức, vậy là sao ạ? Ở trên thì Đức Thế Tôn bảo cái cây không có tâm ý, dưới thì Đức Thế Tôn bảo là cái cây trả lời, tức là cái cây có tâm ý? Chẳng lẽ nào Đấng Đại Giác lại nói hai lời, trước sau bất nhất như vậy?

- Tâu đại vương! Đức Thế Tôn chẳng bao giờ nói hai lời, trước sau không nhất quán đâu! Cái cây vốn không có tâm ý là sự thật. Trường hợp sau, Đức Thế Tôn bảo cái cây biết nói chuyện cũng là sự thật, chẳng có gì sai ngoa cả!

- Trẫm không hiểu.

- Rất dễ hiểu đấy, đại vương! Trên cái cây ấy Đức Thế Tôn biết có vị thọ thần ở. Khi bà-la-môn Bhàradvāja hỏi, vị thọ thần ấy sẽ trả lời. Người đời thường không thấy, không biết nên truyền với nhau rằng: cái cây biết nói chuyện, cái cây biết trả lời!

- À ra thế!

- Đấy cũng là cách nói bình thường trên thế gian. Ví như cái xe chở lúa làm bằng gỗ, thế nhưng vì chở lúa nên người ta không gọi là xe gỗ mà gọi là xe lúa, tâu đại vương!

- Đúng thế.

- Ví như bao vải người ta làm bằng bông vải, nhưng khi dệt sẵn, khoai người ta không còn gọi là bao vải nữa mà người ta gọi là bao sắn, bao khoai - tâu đại vương!

- Trẫm đã hiểu.

- Vì người đời thường nói theo với thấy biết của họ, có tính cách ước lệ, cốt trao đổi thông tin với nhau - nên trong khi thuyết giảng, Đức Thế Tôn cũng nói theo cách nói của đại chúng - để mọi người dễ lãnh hội. Điều ấy đại vương đã lắm tư tưởng rồi chứ?

- Thưa vâng, trẫm nhờ đại đức mà thấy thêm được một mặt nữa về *trí tuệ vô lượng* của Đức Tôn Sư!

113. Bữa cơm của Cunda có vấn đề!

- Thưa đại đức! Trẫm nghe rằng, người thợ rèn Cunda dâng vật thực cho Đức Thế Tôn thọ thực lần cuối cùng trước khi Ngài Niết bàn. Và, lần thọ thực ấy Đức Thế Tôn bị nhiễm bệnh lỵ huyết trầm trọng gần dứt sinh mạng, có phải thế không ạ?

- Thưa vâng.

- Vì thọ vật thực của Cunda dâng cúng mà Đức Thế Tôn bị nhiễm bệnh gần dứt sanh mạng - thế mà Đức Thế Tôn lại nói với ngài Ànanda rằng: "*Ông hãy nói cho tứ chúng biết rằng, bữa ăn của nàng Sujàtā dâng Như Lai trước khi thành tựu đạo quả, và bữa ăn của Cunda dâng cúng trước khi Như Lai Niết bàn; cả hai bữa ăn ấy đem lại phước báu bằng nhau, tạo quả bằng nhau; và quý báu, cao thượng hơn tất cả sự cúng dường khác. Nghiệp tốt của hai bữa ăn ấy sẽ trở quả*

hạnh phúc nhiều đời, tuổi thọ cao, tài sản, danh vọng đều thịnh mãn, thường hưởng được phước báu cảnh trời hoặc cảnh vua chúa quyền quý cao sang!"

Thưa đại đức! Bữa cơm cúng dường của nàng Sujàtā thì có thể, nhưng bữa cơm của Cunda thì không thể, nó tồn tại nhiều nghi vấn, khúc mắc! Phước báu cao thượng cái kiểu gì mà làm cho Đức Thế Tôn gần chết? Phước báu cao thượng là do Cunda trộn lẫn thuốc độc gì chăng? Phước báu cao thượng là vì Cunda đã làm cho nhắm lại con mắt của loài người, của Đế Thích, của phạm thiên chăng?

Đại đức hãy giải nghi vấn nạn ấy đi! Nếu không giải nghi được - thì chúng ngoại đạo sẽ nói to, miệng truyền miệng, tai truyền tai rằng: *Ông Cồ Đàm già rồi mà còn tham vật thực quá độ, đã thọ thực quá nhiều, sức nóng của tâm tham và bao tử thiêu đốt nên ra máu gần chết!*

Vậy xin đại đức hãy sử dụng trí tuệ biện tài mà giải đáp cho, trẫm mang ơn lắm vậy!

- Tâu đại vương! Đức Thế Tôn vốn là Đấng Toàn Tri Diệu Giác nên ngài biết rõ nhân, quả, duyên, báo của chúng sanh hơn những người khác chứ?

- Thưa vâng!

- Thế những tin truyền của ngoại đạo có thẩm quyền về sự thật không? Có đáng tin và nghe theo không? Có phản ánh đúng nhân, quả, duyên, báo... như trình độ tuệ giác của đấng Toàn Tri không?

- Thưa không!

- Vậy thì sự lo lắng của đại vương không có cơ sở! Vì Đức Thế Tôn thấy rõ nhân, quả, duyên, báo... của chúng sanh nên ngài nói rằng, bữa ăn dâng cúng của nàng Sujàtā trước khi Như Lai thành đạo và bữa ăn dâng cúng của người thợ rèn Cunda trước khi Như Lai Nhập Diệt; có phước báu đồng nhau, trở quả giống nhau và quý báu hơn tất cả sự cúng dường khác; ấy là lời nói dựa theo sự thật, dựa theo sự thấy, biết của Đức Tôn Sư!

- Có thể là như thế, nhưng bữa ăn của ông Cunda, giả dụ có trộn thuốc độc làm Đức Phật thọ bệnh... cũng phước báu cao thượng hay sao?

- Đại vương, Đức Thế Tôn nói "*bữa ăn trước khi Như Lai thành đạo và bữa ăn trước khi Như Lai Niết bàn*" chứ không liên hệ đến chuyện "*trong bữa ăn ấy có*

món gì, sang hay hèn, thượng vị hay hạ vị, cứng hoặc mềm, có chất bổ hay có thuốc độc"!

- Xin đại đức giảng cho nghe điều đó!

- Vâng, ví như món ăn của nàng Sujàtā là cơm trộn sữa, món ăn của Cunda là thịt heo rừng hay một loại nấm, món ăn của chư thiên có mỹ vị tuyệt hảo; tức là các món ăn có ngon dở có khác nhau nhưng quả và phước vẫn đồng đều, tâu đại vương!

- Sao lại có chuyện món ăn chư thiên ở đây!

- Vâng, chuyện ấy đại vương không hiểu và cũng rất nhiều người không hiểu, là ngày Cunda dâng cúng bữa ăn cuối; chư thiên rất hoan hỷ nên họ đã cùng nhau dâng vật thực mỹ vị cõi trời, trộn chung với vật thực của Cunda! Và chính chư thiên ấy, sau này, cũng hưởng được phước quả đồng đẳng với Cunda, với Sujàtā!

- Vâng, nhưng cho đến giờ này trăm vẫn chưa nghe xuôi tai về món ăn của Cunda làm Đức Phật nhuốm bệnh!

- Nhuốm bệnh lại là chuyện khác nữa, tâu đại vương! Nhuốm bệnh của Đức Phật không liên hệ gì đến phước quả của Cunda cả, tâu đại vương!

- Tại sao lại thế được?

- Tại vì có thân ắt có bệnh, già lão thì cơ thể suy nhược, khí kém, huyết hư là chuyện thường. Cơ thể Đức Thế Tôn đã già yếu, lại đã nhuốm bệnh cách đó ít lâu, sau khi an cư mùa mưa tại vườn xoài của cô Ampapālī chứ không phải tại bữa cơm của Cunda. Bữa cơm của Cunda chỉ như là giọt nước cuối cùng để cho cái bát đầy nước tràn đổ ra ngoài, đại vương có hiểu điều đó không?

- Trăm chưa hiểu lắm!

- Tâu đại vương! Ví như một dòng nước chảy bình thường chỉ tạo nên một khe rãnh nhỏ, nhưng nếu trời đổ thêm nhiều trận mưa lớn, dòng nước sẽ chảy mạnh, khe rãnh nhỏ kia sẽ bị xé thành rãnh lớn hơn, thành khe sâu, thành vực! Kim thân Đức Thế Tôn đã già yếu, đã suy kiệt, lại vừa bị bệnh chưa lành hẳn, thì bữa cơm của Cunda là nguyên nhân cuối cùng, ví như giọt nước cuối cùng ở trên - đã làm cho Đức Tôn Sư lâm trọng bệnh, cũng là lẽ thường thôi, phải không đại vương?

- Thừa vâng!

- Ví như có đồng lửa lớn, có người đem cỏ khô và bồi nhuyễn bỏ thêm vào - thì đồng lửa kia sẽ cháy dữ dội hơn bội phần. Cũng thế, cơ thể Đức Thế Tôn đã già lão, suy yếu, đã bệnh... ăn thêm bữa cơm của Cunda sẽ làm cho sự già lão, suy yếu tăng thêm, bệnh tình sẽ tăng thêm, cũng là điều dễ hiểu thôi, phải không đại vương?

- Thừa vâng!

- Ví như một người đau bụng từ trước, bây giờ ăn thêm ít vật thực lạ vào, bụng lại sinh chướng, đau đớn hơn lúc trước một cách dữ dội. Nhục thân của Đức Đại Giác cũng y như thế đó, tâu đại vương!

- Bây giờ thì trẫm đã thông tỏ nhờ những ví dụ của đại đức! Tuy nhiên, phước báu đồng nhau và trả quả giống nhau, trẫm vẫn chưa hiểu lý do tại sao?

- Tâu đại vương! Sở dĩ phước báu đồng nhau và trả quả giống nhau là do từ hai bữa ăn ấy có liên hệ đến pháp!

- Xin đại đức hãy giảng giải cho trẫm được thông suốt.

- Vâng, từ bữa ăn của nàng Sujàtā, Đức Thế Tôn thành đạo, đắc quả Chánh Đẳng Giác, ngài nhập cứu định, đi cả chiều thuận và chiều nghịch. Từ bữa cơm của Cunda, Đức Thế Tôn Niết bàn, ngài cũng nhập cứu định, đi từ chiều xuôi đến chiều ngược, tâu đại vương!

- Thế ra trong khoảng thời gian bốn mươi lăm năm hoàng hóa của Đức Thế Tôn, ngài chưa nhập cứu định, chiều thuận và chiều nghịch lần nào nữa hay sao?

- Thừa không. Chỉ có hai lần ấy thôi. Nhờ phước báu đưa đến pháp nhập định thuận, nghịch như vậy, nên nó sẽ trở quả cao thượng, thù thắng bằng nhau; và nó quý báu hơn bất kỳ sự cúng dường nào trong suốt cuộc đời của Đức Thế Tôn, tâu đại vương!

- Bây giờ thì trẫm đã phải được lớp bụi trong mắt mình rồi, thưa đại đức!

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Thật ra, mắt đại vương vốn không có bụi đâu, có sự tưởng làm nào đấy chăng?

- Thật là chí lí!

Đức vua Mi-lan-đà lòng đầy hoan hỷ.

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

114-124

114. Tại sao chư Tăng không được cúng dường nhục thân Như Lai?

- Thừa đại đức! Có phải trước khi nhập diệt, ở Kusinàrà, dưới hai cây song thọ, Đức Thế Tôn có dạy ngài Ànanda rằng: "*Các người không nên mất công tốn sức, phí thì giờ tìm kiếm lễ vật để cúng dường nhục thân của Như Lai; cho chí xá-lợi của Như Lai sau này, các người cũng không nên quan tâm quá đáng vào việc lễ bái, cúng dường...*" ?

- Đúng là Đức Thế Tôn có thuyết như thế, tâu đại vương!

- Rồi sau đó, Đức Tôn Sư lại thuyết rằng: "*Này Ànanda! Nếu các hàng cận sự nam nữ trong cõi người hoặc chư thiên trong các cõi trời, biết lễ bái, cúng dường nhục thân Như Lai hay xá-lợi của Như Lai thì họ sẽ có được nhiều phước báu, nhất là được thiện sanh vào các cõi trời an vui, hạnh phúc.*" Phải thế không, đại đức?

- Thừa vâng! Đó chính là lời Đức Tôn Sư thuyết.

- Vậy thì hai Phật ngôn ấy có gì ngược nhau không? Một bên thì ngăn không cho tìm kiếm lễ phẩm cúng dường, một đằng thì khuyến khích, sách tấn lễ bái, cúng dường? Hay Đức Đại Giác huân thị như vậy là có lý do khác?

- Tâu đại vương! Lý do ấy rất là chính đáng, hợp với giáo pháp, hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi nhóm thành viên đệ tử của Đức Tôn Sư!

- Xin đại đức bi mẫn giảng cho trẫm nghe.

- Thừa vâng, điều ấy giản dị, dễ hiểu thôi! Các hàng xuất gia tu tập theo Giới, Định, và Tuệ. Tu tập theo Giới, Định, Tuệ là bổn phận, là chức năng, là nhiệm vụ của người xuất gia. Vậy thì các hàng xuất gia phải sống đời giới hạnh trang nghiêm, biết thu thúc lục căn, biết quán tưởng vật thực, biết tu Tứ niệm xứ để thấy rõ vô thường, vô ngã của pháp, phải thành tựu tuệ vô lậu để giải thoát khổ đau, phiền não. Việc làm ấy của bậc xuất gia là bổn phận thích đáng, xứng với

phẩm hạnh của mình. Ngoài ra, các công việc khác đều là trọng đại, tôn quý... như việc cung kính, lễ bái, cúng dường nhục thân hoặc xá lợi của Đức Thế Tôn - cũng không nên làm!

Còn các hàng cư sĩ tại gia, chư thiên và nhân loại, họ tu tập theo bố thí, trì giới, tham thiền. Tu tập theo bố thí, trì giới, tham thiền là bổn phận, là chức năng, là nhiệm vụ của hàng cư sĩ tại gia! Vậy thì các hàng tại gia muốn tạo trữ phước báu, muốn tích lũy công đức, muốn hưởng quả hạnh phúc, an vui ở cõi người và trời - họ phải tu tập, bố thí, cúng dường. Việc các hàng cư sĩ tại gia lễ bái, cúng dường lễ phẩm, hương hoa đến nhục thân hoặc xá lợi của Đức Thế Tôn là bổn phận thích đáng, xứng với chức năng của họ. Ai có công việc nấy, đừng xen vào công việc của nhau - nói rõ là như thế, tâu đại vương!

- Trẫm không đồng ý với luận điểm của đại đức, mặc dầu mới nghe qua thì rất hợp lí. Nếu các bậc xuất gia mà tu tập thêm bố thí, cúng dường, không tốt hơn sao? Khi mà được phước báu hỗ trợ, có lẽ họ sẽ dễ dàng, thuận duyên hơn cho việc tu tập của mình, phải thế chẳng, đại đức?

- Bần tăng cũng vậy, luận điểm của đại vương nghe rất hữu lí nhưng bần tăng vẫn thấy không thuận tai! Tại sao vậy? Ví như đại vương có một hoàng tử kế vị, muốn cho hoàng tử ấy sau này trở thành một bậc minh quân trị vì thiên hạ, oai danh bốn biển, vang lừng sử sách thì đại vương sẽ có một chương trình học tập cho hoàng tử như thế nào?

- Thừa đại đức, thì cũng như chương trình học tập của trẫm thuở nhỏ vậy thôi, nghĩa là phải trang bị cho hoàng tử những kiến thức hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình. Hoàng tử phải thành thực, thông thuộc binh pháp, binh thư, võ nghệ; phải biết cưỡi voi, cưỡi xe, cưỡi ngựa, biết sử dụng mọi loại binh khí để chiến đấu trên sa trường. Nói gọn, là hoàng tử phải có tài làm tướng. Ngoài ra, hoàng tử phải học cách trị thiên hạ, đòi hỏi nhiều kiến thức uyên bác; ví dụ triết học, toán học, thiên văn, địa lý, âm nhạc, y khoa, khảo cổ, lịch sử, vật lý, văn học, thi ca v.v... Ngay cả thần chú, chiêm tinh, tử vi, bói toán; một vị hoàng tử cũng phải rành rẽ để sử dụng khi hữu sự, để khỏi bị các quan và dân chúng lừa bịp!...

Đại đức Na-tiên mỉm cười hỏi tiếp:

- Thế các việc như làm ruộng, làm vườn, buôn bán, nghề mộc, nuôi tằm, ương tơ, chăn nuôi gia súc v.v..., vị hoàng tử không học sao?

- Không, hoàng tử sẽ không học, không đi sâu vào các nghề của dân chúng. Hoàng tử chỉ nghiên cứu thoáng qua cho biết vậy thôi. Bởi, ai có việc nấy, xen vào việc của nhau thì còn ra thể thống gì nữa? Hoàng tử mà đi học cày, còn nông phu thì học cách trị nước, nghe lọt tai sao được, đại đức?

- Cảm ơn đại vương đã trả lời câu hỏi của chính đại vương! Thật là còn "*thể thống*" gì nữa cho giáo pháp, khi mà bậc xuất gia thì đi làm cái việc của người cư sĩ, còn người cư sĩ lại đi làm cái việc của bậc xuất gia!

Đức vua Mi-lan-đà cười ha hả:

- Hay lắm! Thật chẳng có câu nói nào xác đáng hơn!

- Còn nữa, đại vương! Ví như một con trai gia chủ bà-la-môn, muốn trở thành một bà-la-môn hữu danh trong tương lai thì cần phải học những thứ gì cho thật sự thích hợp và thật sự lợi ích?

- Thưa đại đức! Họ cần học nhiều thứ lắm, những điều hữu ích và kể cả những điều dường như vô ích... Họ phải thông thuộc Tam-phệ-đà, biết phúng tụng, lễ nghi, đàn tế. Biết xem tướng, biết hướng ngôi ăn cơm và hướng đại tiểu tiện. Biết xem hướng nhà, xem hướng đất. Biết rành về các loại gỗ. Biết từ nguyên, cú pháp, văn phạm. Biết tiếng kêu của thú. Biết ngọn ngành, chi tiết của sáu nghề chính trong xã hội. Biết hướng mặt trời, mặt trăng chỗ nào là tốt xấu. Biết rõ lúc nào là nhật thực, nguyệt thực. Biết sao nào sanh ra chư thiên, sanh ra chiến tranh. Biết lúc nào sao chổi rơi. Biết tia lửa từ hư không rơi xuống rồi lại bay lên khỏi mặt đất sẽ báo điềm xấu gì. Biết xem khi nào trái đất xảy ra tai biến. Biết rõ mặt trời đỏ là hướng này hạnh phúc, hướng kia bất hạnh, tai họa. Biết rõ tất cả những bộ sách đời (thế học). Biết rõ phép bói "*mitta cakkam*"! Biết đoán chiêm bao, biết rõ tướng bí ẩn. Biết đoán mộng cát, hung. Biết đoán những hiện tượng tốt xấu xảy ra chung quanh. Biết xem và trị bệnh mắt. Nghe tiếng chim biết chuyện lành, dữ v.v...

Thưa đại đức! Những con trai gia chủ bà-la-môn hữu danh phải siêng năng học tập, nghiên cứu rành rẽ rất nhiều môn học, như thế mới xứng đáng ở trong tập cấp ấy.

- Vâng, còn người dân dã hạ tầng thì không thể học tập như vậy, phải không đại vương?

- Đúng thế, các tập cấp dưới chỉ thích hợp với các nghề bán buôn, làm ruộng, lập vườn, chăn nuôi trâu bò và các công nghệ khác.

- Cũng vậy, phận sự của các vị sa môn là thọ trì những điều học, phải tinh cần, chuyên tâm tu niệm, hành minh sát tuệ để giác ngộ, giải thoát. Còn phận sự của các hàng cư sĩ là lễ bái, bố thí, cúng dường... Vì lẽ ấy, Đức Thế Tôn ngăn cấm các vị xuất gia làm công việc của hàng tại gia... Các bậc xuất gia phải thực hành bổn phận mình, tức là tiến tu, chỉ tịnh, quán minh thì tốt hơn; nếu không muốn nói đây là cách cúng dường quý báu, cao thượng hơn hết thảy: cúng dường tinh thần hay là cúng dường Pháp Bảo! Còn việc cúng dường vật chất hãy để dành cho các hàng tại gia. Có như vậy, Tăng Bảo mới duy trì Giáo Pháp lâu dài trên thế gian; và cư sĩ nam nữ lại hộ trì, hộ độ Tăng Bảo... thì đây là lợi ích thù thắng mà Đức Tôn Sư muốn giáo giới, tâu đại vương!

- Trẫm rất hoan hỷ những lời giải đáp ấy, thưa đại đức!

115. Quả đất dường như có tâm thức?

- Thưa đại đức! Đức Thế Tôn ngự đến một quốc độ nào, một xứ sở nào - thì ở đây mặt đất dường như có tâm thức? Chỗ nào đất thấp, khuyết lõm... tự dựng lại đầy bằng, dường như có ai đó mới đổ đất thêm! Chỗ nào gò cao, gồ lên thì chợt dựng phẳng lại như mặt trống lớn, tựa như ai mới cào bằng hoặc lấy đất đi! Chuyện ấy không biết có thực không, hay chỉ là giai thoại, là hư truyền, thưa đại đức?

- Điều ấy có thật, tâu đại vương!

- Nếu vậy thì trẫm rất hoài nghi. Trẫm hoài nghi rằng, đất thuộc đại địa, đá cũng thuộc đại địa; vậy sao đất dường như có tâm thức, mà đá lại không có tâm thức khi Đức Thế Tôn ngự đến, hờ đại đức?

- Ý đại vương muốn nói gì?

- Vâng, ý trẫm muốn nói là, tại sao cục đá chạm vào chân Đức Tôn Sư lại không có tâm thức? Nếu nó có tâm thức thì phải như đất kia, gò cao hoặc lõm xuống, phải tự biết để làm cho phẳng lại. Cũng vậy, lẽ ra cục đá ấy phải biết tránh né hoặc thụt lùi trở lại chỗ cũ của mình. Vậy, đại đức có làm lẫn chăng khi bảo đại địa dường như có tâm thức ở trong trường hợp sau?

- Đất hay đá đều không có tâm thức, tâu đại vương! Sở dĩ đất chỗ khuyết lõm thì đầy lên, chỗ gò nổi thì bằng phẳng xuống - không phải do đại địa có tâm thức mà bởi năng lực ba la mật bất khả tư nghì của Đức Thế Tôn, tâu đại vương!

- Có thể trăm tin năng lực ba la mật phi thường của Đức Đại Giác đã làm cho mặt đất phẳng lại. Thế còn chuyện cục đá chạm chân làm Đức Tôn Sư chảy máu thì sao? Làm thế nào để giải thích về chuyện cục đá khó hiểu ấy?

Đại đức Na-tiên chột mỉm cười:

- Thế đại vương không nhớ là Đề-bà-đạt-đa đã khởi tâm hung ác muốn hại Phật đó sao?

- Thưa, nhớ chứ!

- Ông ta đã tự kết oan trái với Đức Tôn Sư trước đây đã trăm nghìn kiếp rồi, tâu đại vương! Vì tham vọng mù quáng muốn thay Đức Tôn Sư lãnh đạo Giáo hội mà Đề-bà-đạt-đa đã lăn một tảng đá rất lớn từ sườn núi cheo leo, cốt ý là để giết Phật.

- Thưa, thế thì năng lực ba la mật của Đức Tôn Sư khi ấy ở đâu mà không đến để bảo vệ ngài?

- Có chứ, tâu đại vương! Khi tảng đá lớn từ sườn núi rơi xuống, thì năng lực ba la mật của Đức Tôn Sư làm cho hai tảng đá khác, lớn hơn, vụt trời khỏi mặt đất, ngăn chặn và đỡ lấy tảng đá kia. Hai tảng đá ấy dường như có tâm thức, đỡ lấy và làm cho dính chặt tảng đá của Đề-bà-đạt-đa như dây leo quấn chặt cây! Không vậy thì như long vương đang lội trong biển, chột nổi lên phùng mang, há miệng đớp lấy tảng đá của Đề-bà-đạt-đa! Hai tảng đá ấy do nhờ năng lực ba la mật nên đứng cảm như sư tử, làm cho tảng đá của Đề-bà-đạt-đa phải sợ oai, thu mình bẹp dí không dám động cựa nữa. Hoặc như bà mẹ khi thấy con mình sắp ngã, đã nhanh nhẹn một tay nắm cánh tay con, một tay xách hông thân con lên! Nếu không vậy thì như bạn bè sinh tử có nhau, khi bạn bị hoạn nạn không nở rời bỏ mà thường cận kề một bên để giúp đỡ, hộ trì bạn! Hoặc giống như một viên quan mẫu mực, trung thành; luôn túc trực sẵn sàng bên cạnh đức vua để tiếp rước, hộ giá, phụng sự bất kể ngày hay đêm. Cũng có thể giống như chư thiên chưng lọng vàng, lọng xanh, tràng hoa, thiên nhạc... để cung nghinh trời Đế Thích. Nếu không thế thì như các vị trời phạm thiên cao quý, hành trình trong thiên để đến chào hầu đức Đại Phạm Thiên tôn quý, v.v...

Tâu đại vương! Hai tảng đá lớn do năng lực ba la mật của Đức Tôn Sư vụt hiện lên, chặn đứng tảng đá của Đề-bà-đạt-đa, cốt bảo vệ cho Đức Tôn Sư cũng như những ví dụ nêu trên vậy!

- Trầm có thể tin như thế lắm! Nhưng nghe nói rằng, tảng đá của Đền-bà-đạt-đa to bằng cái nhà, còn hai tảng đá do năng lực ba la mật của Đức Tôn Sư thì to bằng hai quả núi nhỏ. Như vậy thì tại sao hai tảng đá như hai quả núi nhỏ kia, vốn đã ngăn được tảng đá to như cái nhà, lại không ngăn được mảnh đá nhỏ làm chân Phật chảy máu? Kỳ lạ không chứ?

- Có gì kỳ lạ đâu đại vương! Đây là chuyện bình thường thôi! Ví như người ta dùng bàn tay để hứng nước, nước sẽ lọt qua kẽ tay. Ví như người ta dùng bàn tay để vốc cát, một số ít cát sẽ lọt qua kẽ hở. Ví như dùng tay mà vốc một nắm cơm rời, thì sẽ có một số ít hạt sẽ rơi vãi. Hai tảng đá to chặn được tảng đá nhỏ, do sự va chạm, hàng chục mảnh nhỏ vỡ ra, có mảnh lọt qua kẽ hở và trúng nhằm chân Đức Tôn Sư! Chắc đại vương hiểu rồi chứ ạ?

- Vâng, hiểu! Nhưng do năng lực ba la mật của Đức Tôn Sư - thì dường như cả đại địa đều có tâm khi ngài ngự đến. Thế tại sao hai tảng đá lớn lại có tâm, biết nâng đỡ tảng đá nhỏ để bảo vệ cho Đức Tôn Sư, còn mảnh đá nhỏ lại không có tâm, không biết cung kính tránh xa bàn chân của Đức Tôn Sư, hở đại đức?

- Nói có *tâm* chỉ là cách nói - còn đất đá vô tri làm sao lại có tâm được, đại vương! Đất đá không có tâm thì làm sao nói đến chuyện không biết cung kính Đức Tôn Sư được, đại vương! Không biết cung kính Đức Tôn Sư, trên thế gian này có mười hai loại người, tức là không phải đất đá vô tri, vô giác - thừa đại vương!

- Xin đại đức giảng cho nghe.

- Vâng, mười hai loại người ấy là:

*người quá nhiều tham luyến,
người quá nhiều sân hận,
người quá nhiều si mê,
người quá kiêu căng, ngã chấp,
người không có đức hạnh cao quý,
người quá cứng cõi, không biết nhu thuận,
người xấu xa, hèn hạ, đê tiện,
người chuyên làm việc tội lỗi,
người nhiều tâm ác,
người nhiều hận thù,
người bị ham muốn đê hèn chi phối,
người quá tham lợi.*

Đây mới đúng là mười hai hạng người không biết cung kính, còn mảnh đá vô tri đập vào chân Phật chỉ là năng lực tự nhiên thôi. Ví như một ngọn gió thổi mạnh cuốn hút lá khô, tung vào không gian, lá khô kia không biết sẽ rơi vào hướng nào; cũng như thế ấy, những mảnh đá nhỏ do năng lực va chạm cũng không biết là nó sẽ rơi vào đâu, tâu đại vương!

- Cảm ơn đại đức! Trẫm sẽ không thắc mắc về điều ấy nữa.

116. Đức Phật thuyết về bố thí là để nhận được lợi lộc cúng dường?

- Thưa đại đức! Có lần Đức Thế Tôn thuyết về đề tài "Như Lai cũng cày ruộng" để độ cho ông bà-la-môn Bhàradvāja, sau đó, Đức Thế Tôn đã không thọ nhận vật thực do người bà-la-môn ấy dâng cúng. Ngài cấm chế điều học rằng: "*Vật thực phát sanh do thuyết kệ ngôn, thầy tỳ khưu không được thọ nhận*". Điều ấy có đúng chăng, đại đức?

- Thưa, đúng ạ!

- Thế tại sao khi thuyết cho hàng cư sĩ tại gia, ở đâu, Đức Thế Tôn cũng tuân tự nói về bố thí, về phước quả của sự bố thí, cúng dường, sau đó mới nói về trì giới... Chư thiên và loài người khi nghe Đức Thế Tôn thuyết về phước báu của sự bố thí, họ phát tâm hoan hỷ, ùn ùn kéo đến bố thí tứ sự cho Đức Thế Tôn. Rồi Chư Tăng đệ tử của Đức Tôn Sư cũng thuyết về bố thí, trì giới... do vậy, đời sống của Đức Phật và Chư Tăng thường thịnh mãn về y áo, vật thực, chỗ ở, thuốc men...

Thưa đại đức! Ở trên thì ngăn vật thực sau khi thuyết pháp, ở dưới thì thuyết pháp để nhận sự cúng dường? Hai đằng sao lại mâu thuẫn nhau đến vậy? Rồi, sự cố ý thuyết về bố thí để cho hai hàng cư sĩ tại gia bố thí cho mình, dường như là đã rơi vào phi pháp, vào tà mạng, không đúng với việc làm của một giáo hội cao cả! Trẫm hoài nghi và khó hiểu điều ấy lắm, mong đại đức bi mẫn chỉ giáo cho!

- Vâng, câu hỏi của đại vương hay lắm. Có lẽ nhờ câu hỏi của đại vương mà bản tăng sẽ phá nghi cho tất thảy người học Phật thời hậu lai!

Tâu đại vương! Pháp bao giờ cũng phải được thuyết tuân tự, thứ lớp; ấy là thông lệ của chư Phật từ quá khứ chứ không riêng gì Phật Thích Ca. Khi quán nguyên nhân đau khổ của chúng sanh, chư Phật thấy rõ rằng, có những đau khổ thô thiển do thiếu thốn vật chất mà sinh nghèo nàn, đói khổ, thiếu cơm, rách

áo...! Lại có những đau khổ vi tế thuộc về lãnh vực tinh thần như giận ghét, bực bội, bồn xồn, tham muốn, hận thù v.v...

Chư Phật thấy phần đông nhân loại đau khổ do thiếu thốn vật chất, vì rất nhiều kiếp họ không biết bố thí, xả ly mà là sống bồn xồn, keo kiệt, rít róng, tư lợi, ích kỷ v.v... Muốn giúp họ có một đời sống khá hơn, đầy đủ vật chất hơn, được làm người, làm trời, an vui, hạnh phúc hơn - nên chư Phật phải thuyết về bố thí, rồi sau mới thuyết về trì giới. Tại sao vậy? Vì sự hỗ trợ phước báu rất cần thiết cho chúng sanh, là món quà tặng mà chúng sanh thường rất yêu thích. Ví như đứa trẻ thích chơi đồ chơi, an vui, sung sướng vì đồ chơi ấy - nên cha mẹ chúng phải cho chúng đồ chơi! Chư Phật dạy cho chúng sanh bố thí để có nhiều phước báu, cũng giống như mua sắm cho đứa trẻ cái cày nhỏ, cái nôi cơm nhỏ, con búp bê, chén bát nhỏ nhỏ và những cái đồ dùng nhỏ nhỏ xinh xinh! Lại còn mua sắm thêm những đồ chơi như cái ná, cái xe v.v..., cốt ý cho trẻ ham vui mà đừng khóc. Khi đứa trẻ lớn lên một tí, các đồ chơi kia chúng không yêu thích nữa thì cha mẹ mới dạy cho chúng cách học ăn, học nói, học lễ phép, học chữ nghĩa v.v... Cũng vậy, sau khi dạy chúng sanh bố thí, chư Phật sẽ thuyết về trì giới, nghĩa là thọ năm giới rồi tám giới. Khi chúng sanh căn cơ đã khá hơn, chư Phật mới dạy về tham thiền!

Ví như một vị lương y chữa bệnh cho một bệnh nhân khí huyết suy kiệt. Nếu bệnh nhân khí huyết suy kiệt mà cho uống thuốc trị liệu, bệnh nhân sẽ chết ngay. Phải cần cho bệnh nhân uống thuốc bổ khí, bổ huyết trước đã rồi mới cho thuốc trị bệnh. Cũng vậy, chư Phật thấy chúng sanh đau khổ trầm kha nên phải bốc vài thang thuốc bổ cho chúng sanh thọ hưởng chút ít an lạc, hạnh phúc, bằng cách thuyết về bố thí, cúng dường rồi sau đó mới thuyết về ngũ giới, bát giới; như những phương thuốc trị liệu vậy.

Đức vua Mi-lan-đà gạt đầu:

- Vấn đề ấy có thể tạm ổn, nhưng việc ngăn vật thực thì sao, trẫm vẫn chưa hiểu.
- Vâng, sở dĩ Đức Thế Tôn không thọ vật thực sau khi thuyết kệ ngôn là để ngăn ngừa những tệ trạng có thể xảy ra trong hàng Tăng lữ sau này, tâu đại vương!
- Ý đại đức nói là chư phàm Tăng có thể sinh ra tà mạng, làm hoen ố cộng đồng Tăng lữ?

- Vâng, vì vậy cho nên ngài đã thuyết giảng rằng *thân cử động* có hai, đó là: *thân cử động có tội* và *thân cử động vô tội*!

- Thế nào là *thân cử động có tội*?

- Tâu đại vương! Có một số phàm Tăng ôm bát đến nhà cư sĩ, họ không hề để ý giờ nào nên đến, đường nào nên đi, chỗ nào nên đứng. Họ đã làm mất thể thống oai nghi, có thể làm cho hàng cư sĩ chê cười. Nhận vật thực để thọ dụng trong trường hợp ấy là *thân cử động có tội*! Nuôi mạng như vậy thật đáng bị chê trách, khinh bỉ, không đáng được kính trọng, không xứng gọi là tỳ kheo trong giáo pháp của Đức Thế Tôn!

- Còn thế nào là *thân cử động vô tội*?

- Là cung cách ôm bát đi khát thực của các bậc thánh nhân hoặc của những vị tỳ kheo nghiêm túc, đoan trang về giới hạnh. Họ cũng cử động thân, cũng đi đường lớn, đường nhỏ, cũng đứng trước cửa mọi nhà; nhưng bao giờ lục căn cũng thu thúc, bao giờ cũng chánh niệm, tỉnh giác, giữ oai nghi, tác phong phải lễ. Đây gọi là *thân cử động không tội*, tâu đại vương! Sự nuôi mạng như vậy đáng được cung kính, quý trọng, đáng được hoan hỷ, tán dương, đáng được khen ngợi, đây là cách nuôi mạng của bậc thánh.

Còn về sự ngăn ngừa tà mạng trong tương lai thì Đức Thế Tôn không những quy định sau khi thuyết kệ ngôn mà còn quy định để ngăn ngừa bất kỳ sự cử động nào của *khẩu*, trong điều học được gọi là *khẩu cử động có tội* và *khẩu cử động vô tội*, tâu đại vương!

- Thế nào là *khẩu cử động có tội*?

- Ở đây nói về những vị tỳ kheo đi vào nhà các cư sĩ rồi "mở miệng" xin các vật dụng khác nhau, ví dụ: y bát, sàng tọa, thuốc men! hoặc nói ướm cách này cách kia để người ta dâng cúng vật thực vừa lòng! Khẩu cử động vì tà mạng như vậy không hợp giới luật của bậc thánh, là phi pháp, đáng bị khiển trách, chê bai; là gây nhân tội lỗi, nên gọi là *khẩu cử động có tội*, tâu đại vương!

- Về khẩu chỉ có bấy nhiêu thôi ư?

- Không, còn nữa, nó rộng rãi hơn nhiều. Ví dụ như thầy tỳ khưu mà có ý xem bói để được lợi lộc, được nhiều vật thực. Hoặc nói tốt cho người để người hoan hỷ mà cúng dường. Hoặc nói xấu, dữ khiến người ta sợ hãi mà phải làm phước để hồi hướng, để tiêu trừ ách nạn. Hoặc xem hướng nhà, hướng cửa, chỗ đất...

để đoán kiết, hung v.v... Tất cả "sự mở miệng" ấy đều được nằm trong điều học *khẩu cử động có tội*, tâu đại vương!

- Trẫm đã hiểu.

- Còn nữa, các bậc thánh, dầu "mở miệng vô tình" mà có được vật thực, các ngài cũng không thọ dụng. Ví như bậc Tướng Quân Chánh Pháp, một lần nọ bị bệnh đau bụng dữ dội, Ngài Mục-kiền-liên thấy vậy bèn hỏi: "*Thuở còn làm người tại gia, mỗi lần lên cơn đau cường liệt như vậy, tôn huynh thường sử dụng thuốc gì?*" Đức Xá-lợi-phất đáp: "*Mỗi lần lên cơn đau như thế, mẹ tội thường dùng cơm nấu với sữa tươi không lẫn nước, uống vào là bệnh dứt ngay*". Chư thiên nghe được lời nói vô tình của Ngài, nên khi Ngài Mục-kiền-liên đi bát, chư thiên đã ngậm mách thí chủ đặt món ăn như vậy vào bát cho Ngài. Khi Đức Mục-kiền-liên mang món ăn cơm sữa đến, Đức Xá-lợi-phất biết rằng, thuốc trị bệnh này đã do mình "mở miệng" mà có, là tà mạng nên không thọ dụng...

Đức vua Mi-lan-đà tán thán:

- Đúng là giới luật của bậc thánh, dầu mở miệng vô tình chứ không cố ý mà cũng không thọ dụng! Thuốc trị bệnh mà cũng ngăn hưởng hồ là vật thực, hưởng hồ là vật thực có được sau khi cố ý thuyết kệ ngôn! Trẫm đã hiểu điều ấy rồi, thưa đại đức! Còn thế nào là *khẩu cử động không tội*?

- Khi thí chủ yêu cầu Chư Tăng cho biết những nhu cầu về tứ sự, ví dụ: các ngài cần thuốc men gì, vật thực gì v.v..., trường hợp ấy gọi là thọ dụng do yêu cầu của thí chủ - thì không có tội! Tỳ khưu đau ốm thực sự, mở miệng xin thuốc men ở chỗ thí chủ hoan hỷ và sẵn sàng dâng cúng - cũng là *khẩu cử động vô tội*, tâu đại vương.

Đức vua Mi-lan-đà suy nghĩ một lát:

- Trẫm còn một hoài nghi, là khi Đức Thế Tôn quán căn duyên của bà-la-môn Bhàradvāja, xét thấy là ông bà-la-môn ấy có thể độ được - nên Đức Phật mới ôm bát đến gần thừa ruộng của ông ta. Ý của trẫm muốn nói rằng, cái tâm của Đức Thế Tôn lúc ấy là muốn độ người chứ đâu phải là vì vật thực mà Ngài lại ngăn vật thực? Và lại, biết đâu sau thời Pháp, ông bà-la-môn hoan hỷ cúng dường thì sao? Lẽ nào Đức Thế Tôn lại ngăn luôn sự hoan hỷ của chúng sanh?

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Câu hỏi ấy vi tế, sâu sắc lắm đấy! Nhưng thưa đại vương, nếu không ngăn thì sau này hàng trăm, hàng ngàn vị tỳ kheo còn phàm, ham muốn lợi dưỡng - nhân có ấy để đi từ nhà này sang nhà khác, mở miệng thuyết pháp, đọc kệ ngôn để kiếm tìm lợi lộc, đầy đủ tứ sự cho riêng mình. Họ sẽ không "mở miệng" xin vật dụng, vật thực nữa - mà họ được dịp mở miệng đung Pháp - là mở miệng để dạy đạo, dạy Pháp cho người! Điều ấy không nguy hại cho Giáo Hội sao?

- Thưa vâng! Thế còn việc ngăn "hoan hỷ" thì sao?

- Biết đâu, ngăn hoan hỷ lúc ấy mà tín tâm, trí tuệ sau này của người bà-la-môn được tăng trưởng, được thành tựu vững chắc thì sao, hờ đại vương?

- Vâng, có thể như vậy! Còn chư thiên họ dâng vật thực cho Đức Thế Tôn thì có liên hệ gì về thân, khẩu cử động không? Và họ chỉ dâng một lần khi Đức Thế Tôn thọ thực món thịt heo rừng của người thợ rèn Cunda, hay đã dâng nhiều lần như thế?

- Chư thiên họ dâng vật thực cho Đức Thế Tôn trong suốt cả bốn mươi lăm năm ngài hoằng Pháp, dâng tất cả những bữa ăn. Chư Thiên họ dâng không liên hệ gì về thân, khẩu cử động cả; họ tự ý làm, và làm một cách chăm chuyên, cần mẫn... rất khác với loài người, tâu đại vương!

- Xin đại đức giảng cho nghe.

- Vâng, họ không dâng một lần mà họ để vật thực vào trong mỗi miếng ăn của Đức Thế Tôn. Ví như đại vương có người hầu bếp tận tụy, trung thành. Khi đại vương ngự dụng, người hầu bếp gấp bỏ cho đại vương từng miếng ăn ngon, chờ cho đại vương ăn xong miếng này, người hầu bếp bỏ thêm món khác. Chư Thiên hầu hạ, phục vụ từng bữa ăn cho Đức Thế Tôn cũng như thế ấy, với tất cả tấm lòng như đứa con hiếu thảo đối với cha mẹ vậy. Vào hạ thứ mười hai, lúc Đức Thế Tôn an cư mùa mưa tại Veranjà, nhằm khi đói kém, ngài phải dùng vật thực của ngựa; nhưng chư thiên cũng đem trộn vật thực của cõi trời vào trong đấy, nên kim thân của Đức Thế Tôn lúc nào cũng tươi nhuận, hồng hào...

Đức vua Mi-lan-đà tán thán:

- Thật là kỳ diệu. Nhờ đại đức mà trẫm được mở rộng kiến văn.

117. Tại sao Đức Thế Tôn không muốn thuyết pháp sau khi đắc đạo?

Đức vua Mi-lan-đà hỏi tiếp rằng:

- Đức Thế Tôn đã trải qua bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp tu tập công hạnh Ba-la-mật - là do động cơ nào thúc đẩy, thừa đại đức?

- Vì thấy chúng sanh chịu mọi đau khổ trong ba cõi, sáu đường - nên Đức Thế Tôn phát tâm bi mẫn tìm phương thuốc để cứu độ chúng sanh, tâu đại vương!

- Nếu vì tâm đại bi muốn cứu độ chúng sanh là chính đáng, là nguyên động lực thúc đẩy - thì tại sao sau khi chứng ngộ đạo quả vô thượng dưới cội bồ đề, Đức Thế Tôn lại *ngần ngừ* không muốn Chuyển Pháp Luân? Có phải tâm Đức Thế Tôn đã *chùn lại*, chẳng còn hăng hái như thuở mới phát nguyện? Hay ngài đã quên hẳn nguyện lớn từ xưa? Hoặc Đức Thế Tôn đã trở nên *tiêu cực*, muốn *an hưởng* quả vị giải thoát Niết bàn cho khỏe?

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Cái gọi là ngần ngừ, chùn lại, không còn hăng hái, quên nguyện lớn từ xưa hoặc tiêu cực, thụ động v.v... làm sao lại có mặt trong tâm và tuệ của một đáng Đại Giác được, tâu đại vương!

- Thế tại sao ngài lại do dự, không chịu chuyển bánh xe Pháp để cứu độ chúng sanh? Ví như một công dân muốn phụng sự tổ quốc, y đã bỏ hết quãng đời niên trẻ, bôn ba tìm thầy học nghề cung nỏ. Khi thành tài, người công dân kia ứng thí và đỗ đầu chức võ quan. Trẫm tin cậy viên võ quan thiện xạ ấy lắm. Nhưng khi lâm trận, gặp địch, viên võ quan tài giỏi ấy có cái tâm chùn lại, có cái tâm tiêu cực, hãi sợ, rụt rè... không dám giương cung để cự địch. Thái độ của Đức Thế Tôn cũng giống như thái độ của viên võ quan ấy chứ nào có khác gì?

Lại ví như người học võ, ngày đêm tập luyện không mệt mỏi với nguyện vọng ngày kia sẽ vô địch trên các võ đài. Nhưng khi lên võ đài gặp đối thủ, người kia sợ hãi đến xanh mặt, cái tay chùn lại, cái chân run rẩy, quả tim trống đánh đổ hồi... rồi vì khiếp sợ mà y đã thoái chí, không dám đương cự với địch thủ nữa; và ước muốn trở thành vô địch, ý chí quyết thắng ban đầu chợt tiêu tan như mây khói. Đức Thế Tôn với bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp tu tập bằng chí nguyện sắt đá, thành tựu công hạnh Ba-la-mật, đem ánh sáng trí tuệ soi đường chỉ lối cho chúng sanh đang bị vô minh che phủ trong đêm trường tăm tối...; nhưng khi thành tựu đạo lớn rồi, ngài lại thoái chí, ngã lòng - chẳng khác gì người học võ ở ví dụ trên? Nếu vậy thì Đức Thế Tôn tu tập để làm gì? Thành tựu mười Ba-la-mật để làm gì? Ngài bố thí vật ngoại thân là tài sản, của cải, ngọc ngà, châu báu... là để làm gì? Lại còn bố thí cả vật nội thân như con mắt, quả tim, tay, chân... và luôn cả đầu, cổ, cả sanh mạng... là để làm gì mới được chứ?

Thưa đại đức! Đây là những vấn nạn của trầm, những vấn nạn nhức đau, khó hiểu, có ẩn bóng tối; mà chúng ngoại đạo dễ phanh ra để đàm tiếu, để bôi nhọ phẩm hạnh của Đức Đạo Sư, tâm và tuệ của ngài. Mong đại đức bi mẫn thương tưởng đến trầm cùng những người học Phật thời hậu lai mà ra tay vén mở cho thì trầm cảm ơn lắm vậy!

- Tâu đại vương - đại đức Na-tiên chậm rãi nói - Xin đại vương hãy nhẫn nại, bình tĩnh, đâu còn có đó; rồi những nghi vấn của đại vương sẽ lần hồi được sáng tỏ, đại vương hãy từ từ mà nghe đây.

- Thưa vâng!

- Lời đầu tiên bản tăng muốn xác định là tâm Đức Thế Tôn vẫn *khăng khít với lời phát nguyện ban đầu*, nghĩa là tâm bi mẫn muốn cứu độ chúng sanh vẫn không suy giảm. Sở dĩ Đức Thế Tôn do dự không muốn thuyết pháp độ đời, là vì giáo pháp mà ngài vừa đại ngộ cao sâu quá, nhiệm mầu quá, vi tế quá, chỉ ngại chúng sanh vì vô minh, ái dục, vì chấp kiến quá sâu dày mà khó biết, khó thấy thôi!

- Dù sao, Đức Thế Tôn cũng đã do dự!

- Vâng, do dự và phân vân nữa! Nhưng là một sự do dự và phân vân hữu lý, vì ngài không ngờ rằng "*sự thực*" mà ngài chứng ngộ khác xa với dự tưởng thuở ngài còn là bồ tát!

- Vậy là có khác rồi, thay đổi rồi!

- Vâng, không khác, không thay đổi sao được, khi bồ tát thì còn vô minh mà bậc Chánh Đẳng Giác đã diệt tận vô minh? Tâm và tuệ của bồ tát khác xa với tâm và tuệ của vị Phật, tâu đại vương!

- Xin đại đức giảng rộng cho nghe.

- Thưa vâng, có thể trong thời gian trải qua bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, bồ tát tu tạo công hạnh ba-la-mật với ý nghĩ rằng: *sau khi thành Phật, ta sẽ cứu độ tất cả chúng sanh!* Nhưng khi thành Phật rồi, tâm và tuệ của ngài không còn giống với trình độ tâm và tuệ thuở còn là bồ tát - mà nó sâu sắc hơn, vi tế hơn, lợi thắng hơn. Nghĩa là Đức Phật có những khả năng mà bồ tát không có! Ngài có những sự thấy biết mà bồ tát khó thấy biết. Ví dụ như Đức Phật thấy, biết rằng: "*Chúng sanh có những căn cơ sai khác dị, đồng rất khó mà giáo hóa; trình độ chúng sanh đa phần ngu si, tăm tối... khó mà cho chúng thấy được Giáo Pháp*

cao siêu mầu nhiệm ấy!" Tâu đại vương, điều mà bần tăng vừa trình bày đó nghe có hữu lý không?

- Có thể là hữu lý! Ý đại đức nói rằng, thưở còn là bồ tát thì tưởng là dễ độ chúng sanh; nhưng khi thành Phật, chứng ngộ Pháp rồi - thì thấy rằng Pháp ấy không dễ gì mà mang ra cho tất cả chúng sanh cùng thấy, cùng biết được.

- Vâng!

- Nếu quả như vậy thì sự phân vân, do dự của Đức Thế Tôn là sự phân vân, do dự của bậc đại trí - trầm hiểu rồi!

- Ví như một lương y đại tài thường không cau mày trước bất kỳ một bệnh nào. Nhưng hôm kia, vị lương y gặp phải một căn bệnh kỳ quái, hiểm nghèo mà suốt đời vị ấy chưa từng biết qua. Trường hợp ấy, vị lương y đại tài kia phân vân, do dự - có hữu lý không hở đại vương?

- Thưa, hoàn toàn hữu lý.

- Cũng giống như thế ấy, khi còn vô minh, còn tu tập mười công hạnh ba-la-mật, bồ tát nghĩ rằng có thể cứu độ tất cả chúng sanh. Nhưng khi thành Phật rồi, hết vô minh rồi - ngài lại ngần ngại, do dự trước những căn bệnh trầm kha của chúng sanh đấy, tâu đại vương!

- Hoàn toàn chính xác!

- Ví như có một vị hoàng tử trẻ tuổi, tài cao, chí lớn, thường suy nghĩ rằng: "*Sau này làm vua, ta sẽ là một đấng minh quân. Ta sẽ trừng trị những tay gian thần, nịnh thần. Ta sẽ nghiêm khắc với chính mình, đối xử chừng mực, phải lẽ với hoàng hậu, thứ phi, cung nga, thế nữ. Ta sẽ ban thưởng trọng hậu cho các quan thanh liêm, chính trực, những bề tôi lương đống và kẻ có công. Ta sẽ thương dân như con. Ta sẽ bảo ban sau trước tất cả mọi công việc, chăm lo làm sao cho dân giàu, nước mạnh v.v...*" Nhưng khi lên làm vua rồi, vị vua trẻ mới thấy rằng, không dễ gì thực hiện những ý nghĩ thưở còn hoàng tử được. Và không dễ gì trong một lúc mà làm hết các công việc như dự kiến ban đầu. Muốn làm đấng minh quân đâu phải chỉ trong một sớm, một chiều? Việc gì cũng phải cẩn thận, dè dặt, vì mỗi người là mỗi tâm, mỗi tánh, sở thích, tham muốn... khác nhau! Tâu đại vương, sự phân vân, cẩn thận, dè dặt của vị vua trẻ kia có hữu lý không?

- Thưa, rất hữu lý.

- Sự phân vân, do dự của Đức Thế Tôn sau khi đạt quả vị cũng như thế ấy.

- Vâng, trầm đã thông suốt lắm rồi! Nhưng sau đó, tại sao phải đợi đến lúc vị Đại Phạm thiên thừa thỉnh ba lần, Đức Thế Tôn mới xuống núi độ đời, lăn bánh xe Pháp? Chuyện ấy có ý nghĩa gì không, thưa đại đức?

- Có ý nghĩa chứ, tâu đại vương! Một bậc Chánh Đẳng Chánh Giác làm việc gì cũng đều quán căn, cơ, duyên... của chúng sanh cả! Đại Phạm thiên thừa thỉnh ba lần, đây là thông lệ của chư Phật quá khứ, tâu đại vương!

- Xin đại đức tuần tự mở thông lỗ tai cho trầm.

- Thưa vâng! Sở dĩ chư Phật đợi đến lúc Đại Phạm thiên thừa thỉnh mới chuyển Pháp luân, là vì Đại Phạm thiên là bậc Tối Thượng Tôn, là bậc có quyền năng vô hạn theo truyền thuyết nhân gian và theo cả tín ngưỡng, lòng tin cổ truyền của người theo Bà-la-môn giáo. Không những loài người, mà cho chí chư thiên và các vị phạm thiên đều quy ngưỡng, kính trọng bậc Đại Phạm thiên. Vậy khi mà bậc Đại Phạm thiên ấy đến quỳ năm vóc sát đất, quy ngưỡng và cung thỉnh Đức Thế Tôn xuống núi độ đời, thì chắc hẳn sự lợi lạc cho Giáo Pháp, tăng trưởng lòng tin cho chư thiên và loài người như thế nào, chắc là đại vương có thể hiểu được rồi!

Đức vua Mi-lan-đà gạt đầu:

- Đúng vậy, khi ông vua mà quy phục rồi thì bọn bề tôi dưới trướng phải nhất mực tuân theo. Lại nữa, khi mà ông vua cung thỉnh thuyết pháp, thì pháp ấy chắc hẳn phải tốt đẹp, phải lợi ích cho cả chư thiên và loài người, thưa đại đức!

- Lại nữa, tâu đại vương! Khi mà vị Đại Phạm thiên thừa thỉnh ba lần hợp pháp rồi, Đức Thế Tôn mới quán căn duyên của chúng sanh. Ngài thấy rằng, như hoa sen nở ở trong hồ, cái đang còn chìm ẩn trong bùn, cái đang còn chìm dưới nước, cái đã trôi ngang mặt nước, cái thì đã vươn lên khỏi mặt nước để đón nhận ánh sáng mặt trời, phô thắm sắc và tỏa ngát hương. Cũng vậy, chúng sanh ngu trí khác nhau. Có loại chúng sanh đang bị chìm sâu trong bùn dơ ngũ dục. Có loại chúng sanh tuy đã ra khỏi bùn nhưng còn chìm trong nước. Có loại chúng sanh đã trôi ngang mặt nước. Có loại chúng sanh căn cơ thượng đẳng, đã vươn lên khỏi mặt nước. Loại chúng sanh này ít bụi cát trong mắt, có thể phải sạch để thấy được Giáo Pháp màu nhiệm cao siêu, đón nhận được ánh sáng tuệ giác để giải thoát sinh tử trầm luân!

Tâu đại vương! Ý nghĩa thừa thỉnh ba lần của vị Đại Phạm thiên có duyên có và ý nghĩa thù thắng như thế, thì kẻ nhiều bụi cát trong mắt làm sao biết được, hiểu được, phải không đại vương?

- Vâng, vâng! Trước thì đầu óc trẫm rất nặng, đại đức đã làm cho nhẹ đi! Trước thì nghi kiến của trẫm rất rối ren, đại đức đã tháo gỡ cho từng dây, từng mối. Trẫm rất tinh tín với đại đức, đại đức có biết thế không?

- Cảm ơn đại vương.

118. Ai là thầy của Đức Thế Tôn?

Đức vua Mi-lan-đà lại hỏi:

- Thừa đại đức! Trẫm nhớ không lầm là sau khi thành đạo, trên đường về vườn Lộc giả, Đức Phật có tuyên bố với một đạo sĩ thuộc phái Ni-kiền-tử rằng: "*Như Lai không có ai là thầy tổ. Khắp trên thế gian này, Như Lai không thấy ai, dầu trong hàng chư thiên, ma vương hay phạm thiên, hay giữa loài người như sa môn, bà-la-môn... lại có thể sánh với Như Lai, hoặc là có ai đó có thể ngang bằng với Như Lai...!*"

Rồi sau này, lúc thuyết pháp đến Chư Tăng ở đâu đó, Đức Thế Tôn lại nói rằng: "*Này các thầy tỳ khưu, đạo sĩ Àlàrà thuộc dòng Kàlàma là người có học vấn, thông minh, là bậc thiện trí thức, là thầy của Như Lai!*"

Thưa đại đức! Tại sao Đức Tôn Sư lại thuyết hai lưỡì? Nếu không thuyết hai lưỡì thì là thuyết hai lờì đối chọi nhau? Nếu câu này đúng thì câu kia sai, và nếu thế thì làm sao biết được lờì nào là đúng sự thật?

Đại đức Na-tiên đáp:

- Chỉ một hiểu lầm nhỏ thôi mà sinh ra vậy. Nghĩa là sau khi thành Phật rồi, Đức Thế Tôn không có ai là thầy; nhưng khi còn là Bồ Tát, chưa thành Phật, Ngài vẫn có nhiều vị thầy chứ, tâu đại vương!

- À ra thế! Chỉ đơn giản vậy thôi! Trẫm hiểu rồi.

- Cuộc đời Đức Tôn Sư từ nhỏ đến khi thành đạo, Ngài có năm vị thầy tất cả, tâu đại vương!

- Xin đại đức hãy kể cho trẫm nghe.

- Vâng, khi Ngài vừa đản sanh, tám vị thầy bà-la-môn đến làm lễ phúc chúc rồi đoán tướng cho Ngài, đó là những vị thầy đầu tiên. Đến khi tuổi vừa đi học, người bà-la-môn thông thái tên là Sabbanimitta dạy cho Ngài ba bộ kinh Phệ-đà cùng những môn học khác, đó là vị thầy thứ hai. Khi Bồ tát dạo chơi bốn cửa thành, chư thiên hiện hình làm người già, bệnh, chết và vị sa môn trong phẩm mạo xuất gia cao thượng, đó là những vị thầy thứ ba. Đạo sĩ Alàrà thuộc dòng Kàlāma hướng dẫn Bồ tát đắc thiên vô sở hữu là vị thầy thứ tư. Và cuối cùng, đạo sĩ Uddaka con dòng Ràma hướng dẫn Bồ tát thiên chứng phi phi tướng là vị thầy thứ năm!

Tâu đại vương! Năm vị thầy ấy thuộc về thế gian. Dầu hai đạo sĩ sau cùng dạy Bồ tát chứng đắc thiên định cõi vô sắc giới thì cũng còn nằm trong tam giới. Còn pháp siêu thế, xuất thế gian là tự Đức Thế Tôn chứng nghiệm, tìm ra, quả thật không có ai là thầy Ngài cả. Đại vương đã tỏ tường chưa?

- Vâng! Trẫm đã tỏ tường!

119. Thế nào gọi là Sa-môn?

- Thưa đại đức! Có phải Đức Tôn Sư có thuyết rằng: "*Bậc Thánh nhơn là người đã diệt tận phiền não, người diệt tận phiền não được gọi là sa-môn*"?

- Thưa, đúng vậy!

- Ở nơi khác, Đức Thế Tôn lại thuyết rằng: "Này các thầy tỳ khưu! Người nào có đầy đủ bốn pháp:

- có sự nhẫn nhục,
 - biết tri túc về vật thực,
 - dứt bỏ sự đam mê,
 - không vướng bận,
- thì Như Lai gọi là sa-môn!"

Thưa đại đức! Ở trên thì diệt tận phiền não gọi là sa-môn; còn ở dưới, chỉ đầy đủ bốn pháp nêu trên cũng được gọi là sa-môn? Đầy đủ bốn pháp ấy thì một phàm tăng có tâm tu học, chưa chứng Thánh quả cũng có thể thành tựu được! Vậy thì biết tin định nghĩa nào là đúng, thưa đại đức?

- Định nghĩa nào cũng đúng cả, tâu đại vương!

- Thưa, không thể như vậy được. Một bên là diệt tận phiền não, một bên thì còn phiền não - sao đều cùng chung một tên gọi cao quý là sa-môn? Trẫm không đồng ý như thế!

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Tâu đại vương! Trong các loài hoa có mặt trong quốc độ của đại vương, theo ý đại vương thì loài hoa nào quý báu hơn cả?

- Thưa, có lẽ bạch liên hoa là quý phái, sang trọng, tinh khiết và quý báu nhất!

- Quý báu, sang trọng nhất - cũng chỉ được gọi tên là *hoa* như các loài hoa tầm thường khác thôi sao, đại vương?

- Đây là tên gọi gom chung lại, có tính tổng quát, thưa đại đức!

- Cũng như thế, *sa-môn* chỉ là tên gọi gom chung lại, có tính tổng quát như tên gọi hoa vậy, tâu đại vương! Cứu cánh của sa-môn hạnh là diệt tận phiền não, nên những ai diệt tận phiền não thì được gọi là sa-môn. Nhưng những vị tỳ khưu đang đi trên con đường ấy, kẻ thành tựu được bốn pháp, kẻ đang và sẽ thành tựu bốn pháp - đều được gọi là sa-môn cả thảy.

Nếu như trong loài hoa, bạch liên hoa là cao quý nhất, thì cũng thế, trong hàng sa-môn, các sa-môn diệt tận phiền não rồi - là cao quý nhất!

- Trẫm đã hiểu.

- Ví như trong quốc độ của đại vương có rất nhiều loại gạo, nhưng gạo Sàli ngon nhất, thơm nhất, quý báu nhất. Cũng vậy, bậc *hữu học* sa-môn đang tu tập bốn pháp để diệt phiền não không cao quý bằng bậc *vô lậu* sa-môn đã diệt tận phiền não - nhưng họ đều có tên chung là sa-môn cả, tâu đại vương!

- Cảm ơn đại đức.

120. Có nên hoan hỷ không khi người ta tán dương Tam Bảo?

Đức vua Mi-lan-đà hỏi tiếp:

- Thưa đại đức! Đức Thế Tôn có thuyết ở trong nhiều kinh, nhất là kinh Brahmajàla (*Phạm võng*), lúc Ngài ngự giữa thành Vương xá và xứ Na-lan-đà, cố ý dạy cho Chư tỳ khưu Tăng, rằng: "*Này các thầy, nếu có ai đó tán dương, khen ngợi Như Lai hoặc khen ngợi và tán dương Pháp và Tăng, các thầy đừng có hoan hỷ, thỏa thích, đừng để tâm rung động, xao động, bởi những lời khen*

ngợi ấy. Vì sao vậy? Bởi vì nếu các thầy hoan hỷ, thỏa thích, đắm trước vào những sự tán dương, khen ngợi, tăng bốc của người đời - thì tâm các thầy sẽ lao xao, rối loạn; và như thế các thầy khó an trú tâm, khó đắc định, khó chứng ngộ những pháp cao siêu là các đạo và các quả." Điều ấy có đúng không, đại đức?

- Tâu, đúng là lời của Đức Tôn Sư!

- Thưa, nếu đúng là lời của Đức Tôn Sư, thì lại càng khó hiểu khi Đức Thế Tôn lại tự tán dương, khen ngợi mình, có vẻ khoe khoang quá đáng trước mặt người ngoại đạo là bà-la-môn Sela rằng: "*Giữa chốn chư thiên, ma vương, phạm thiên và loài người, Như Lai là bậc Tối Thượng Tôn, là bậc pháp vương cao quý. Không có ai có công đức bằng Như Lai. Như Lai đã chuyển Pháp luân toàn hảo ở chặng đầu, toàn hảo ở chặng giữa và toàn hảo ở chặng cuối để cứu độ tất cả chúng sanh, trời và người. Không ai có thể so sánh tương tự với Như Lai, huống nữa là ngang bằng với Như Lai!"*

Thưa đại đức! Một đằng thì Đức Thế Tôn cảm Chư tỳ khưu Tăng không được hoan hỷ, thỏa thích bởi những lời tán dương, khen ngợi. Đằng khác, Đức Thế Tôn lại tự khen ngợi, tự tán dương mình! Trẫm nghi lắm. Trẫm nghi rằng có cái gì đó rất mâu thuẫn, không được thích đáng cho lắm ở ngôn và hành của Đức Đạo Sư!

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Lý do tại sao Đức Thế Tôn giáo giới không cho Chư tỳ khưu Tăng hoan hỷ, thỏa thích trước những lời khen ngợi, tán dương - đại vương có biết chăng?

- Thưa, vì ngại tâm Chư tỳ khưu bị xao động, khó an trú tâm, khó đắc định và khó đắc đạo quả!

- Đúng vậy! Còn đối với những người đã khéo an trú tâm, đã đắc định, đã chứng đắc Thánh quả - thì Đức Thế Tôn có cần thiết giáo giới như thế không?

- Dĩ nhiên là không cần thiết, thưa đại đức! Ví như kiêng cử không nên ăn món này, không nên ăn món kia và uống thuốc để chữa bệnh, nhưng bệnh lành rồi thì uống thuốc và kiêng cử làm gì nữa, đại đức?

- Vâng, Đức Thế Tôn cũng thế. Ngài đã an trú tâm, đã đắc định và đã đắc quả vị Chánh Đẳng Giác - thì lời khen, tiếng chê có ảnh hưởng gì đến tâm Ngài đâu, đại vương!

- À, đúng thế!

- Lại nữa, Đức Thế Tôn thuyết không phải mong được kẻ khác tôn trọng, không phải thuyết để tìm kiếm lợi lộc, danh vọng; không phải thuyết để tìm kiếm kẻ tùy tùng, đệ tử. Ngài thuyết chỉ vì lợi ích cho chúng sanh.

Đại vương! Đại vương có biết rằng, sau thời pháp mà đại vương bảo là *Đức Thế Tôn tự khen ngợi và tự tán dương mình* ấy, bà-la-môn Sela đã tăng trưởng đức tin, pháp nhãn phát sanh và chứng ngộ Sự Thật. Và ba trăm người nữa có mặt hôm ấy cũng chứng đắc đạo quả cao siêu! Đại vương nghĩ thế nào, thời pháp ấy là thù thắng hay không thù thắng?

- Thưa, rất vi diệu.

Đại đức Na-tiên nhấn mạnh:

- Đức Thế Tôn có "*khoe khoang quá đáng*" như lời đại vương khiển trách - thì mục đích cũng nhắm vào căn cơ của người đối thoại, nhắm vào lợi ích của chúng sanh thôi, tâu đại vương!

- Trẫm không dám nói thế nữa đâu!

121. Sao Đức Thế Tôn lại dùng lời ác khẩu, ác ngữ?

Đức vua Mi-lan-đà hỏi:

- Thưa đại đức! Đức Thế Tôn thường thuyết rằng: "*Này các thầy tỳ khưu! Các thầy phải có tâm bi mẫn đối với chúng sanh, nên nói lời từ hòa, mát mẻ, phải thương xót chúng sanh mới xứng giữ phẩm hạnh cao thượng trong giáo pháp của Như Lai.*"

Một chỗ khác, Đức Thế Tôn lại thuyết: "*Này các thầy tỳ khưu! Trong thế gian này cái gì đáng bị ngược đãi thì Như Lai ngược đãi, cái gì đáng được cất nhắc thì Như Lai cất nhắc! Cái gì đáng bị cắt tay, cắt chân thì Như Lai cắt tay, cắt chân! Cái gì đáng bị trói buộc thì Như Lai cho trói buộc! Cái gì đáng giết thì Như Lai bảo giết!*"

Sao Đức Tôn Sư lại có thứ ngôn ngữ lạ lùng như thế? Ngôn ngữ ấy có xứng với phẩm hạnh của bậc Thánh? Đây chính là ác khẩu, ác ngữ mà một hiền nhân trong thế gian này cũng không bao giờ sử dụng, huống nữa là Đức Đại Giác! Xin đại đức hoan hỷ phá nghi điều ấy cho trẫm!

- Tâu đại vương! Khi Đức Tôn Sư dạy rằng các thầy tỳ khưu phải có lòng từ, phải có lòng bi mẫn thương xót chúng sanh, ấy là lúc Ngài dùng *thường ngữ*, ai

cũng có thể hiểu được. Nhưng khi Đức Tôn Sư dạy rằng, cái gì đáng bị ngược đãi thì Như Lai ngược đãi, cái gì đáng được cất nhắc thì Như Lai cất nhắc v.v..., ấy là lúc Ngài dùng *Pháp ngữ*. Pháp ngữ nghĩa là ngôn ngữ của Pháp! Xin đại vương hiểu cho như thế để khỏi hiểu lầm Pháp nghĩa mà Đức Tôn Sư muốn gởi gắm!

- Pháp ngữ, Pháp nghĩa ấy là thế nào, hờ đại đức?

- Xin thưa! Ví dụ như chúng sanh hoặc chư vị tỳ khưu nào có tâm phóng dật, buông lung... thì hãy nên đề nén, ngược đãi, chế ngự, áp chế tâm ấy. Đó là Pháp ngữ, Pháp nghĩa của câu "*Cái gì đáng bị ngược đãi thì nên ngược đãi (áp bức, đề nén...)*".

Ví dụ, chư tỳ khưu hoặc chúng sanh nào có trạng thái tâm yên tĩnh, không bị lao xao, được vắng lặng thì nên cất nhắc, làm cho tốt hơn, viên mãn hơn, thanh tịnh hơn. Ấy là Pháp nghĩa, Pháp ngữ của câu "*Cái gì đáng được cất nhắc thì cho cất nhắc*".

Tương tự như thế, các trạng thái tâm bất thiện thì nên đề nén, áp chế...; các tâm thiện thì được cất nhắc. Khi khởi tâm đến đối tượng một cách sai lạc, không chân thực, không đúng với chân lý, sự thật thì nên ngược đãi, đề nén nó. Khi khởi tâm đến đối tượng một cách trong sáng, chân thật, đúng với chân lý, sự thật thì tâm ấy nên được cất nhắc, khen ngợi, làm cho phát triển.

Người nào thực hành giáo pháp sai thì nên đề nén, chế ngự... Người nào thực hành giáo pháp đúng thì nên cất nhắc, khen ngợi, tán dương, làm cho sung mãn v.v...

Tương tự như thế, kẻ ăn trộm thì cho đề nén, người không ăn trộm thì được cất nhắc!

Tất cả những điều ấy đều phải hiểu theo Pháp ngữ, pháp nghĩa cả, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà nhăn mày:

- Thưa, đoạn trên thì hiểu, nhưng đoạn dưới, nơi chỗ "*ăn trộm*" thì hiểu không hiểu tới; "*đề nén kẻ ăn trộm*" phải được hiểu như thế nào, đại đức?

- Tâu, ở đây, phải hiểu thêm lý nhân quả, tùy tội trạng của tên ăn trộm ấy nữa. Ví như có những tên phạm pháp ăn trộm, tùy theo mức nặng hay nhẹ mà đại vương xử phạt. Có tội nhẹ thì khiển trách, tội đáng trối để răn đe thì nên trối để

rắn đẽ, tội đáng lưu đày thì lưu đày, tội đáng giết thì nên giết... Không ăn trộm thì không giết. Luật pháp thế gian là vậy, còn luật pháp của bậc thánh, khi nói như thế thì phải được hiểu theo Pháp ngữ, mong đại vương tỏ tường!

- Thưa, "*đáng giết thì nên giết, giết phút*" đúng là câu nói của Đức Tôn Sư hay câu nói của đại đức?

- Tâu, Đức Thế Tôn không nói, mà bản tăng cũng không nói thế đâu!

- Vậy chữ "*giết*" kia do đâu mà có?

- Do nhân quả mà có. Ví dụ người ấy gây nhân quá nặng, đáng bị trọng hình, đáng bị giết - thì chính người ấy phải bị quả báo dữ! Chính quả báo dữ giết người ấy, tâu đại vương!

- Thưa, tạm thời tạm hiểu, nhưng "*không ăn trộm thì không giết*" là nghĩa thế nào?

- Đại vương có khi nào sai lính đi lùng bắt những người dân lương thiện, những người vô tội... rồi đem về tra khảo, hành hình không?

Đức vua Mi-lan-đà lắc đầu:

- Có ông vua nào lại làm điều phi lý như thế!

- Cũng thế, những chúng sanh không làm điều sai quấy, không làm điều ác, điều dữ... thì quả báo nào lại đi lùng bắt kẻ ấy, phải thế không đại vương?

- Vâng.

- Tất cả những từ như *đề nén, ngược đãi, cắt nhấc, giết, ăn trộm*... chúng ta phải hiểu theo Pháp ngữ, tâu đại vương!

- Trẫm hiểu rồi, cảm ơn đại đức!

122. Đức Thế Tôn còn bất bình, sân hận!

- Đức Thế Tôn chắc hẳn không còn sân hận, bất bình, phải không đại đức?

- Tâu, vâng!

- Thế sao có lần khi Đức Xá-lợi-phất và Đức Mục-kiền-liên dẫn năm trăm đệ tử đến hầu thăm Đức Thế Tôn; vì nhóm đệ tử ấy vừa mới xuất gia, thân khẩu ý chưa được kiểm soát, còn rất thô tháo nên đã tạo nên sự ồn ào, huyên náo...

Đang độc cư thiền định, nghe thế, Đức Thế Tôn đã không chịu nổi, bảo Ngài Ananda đuổi họ đi! Hành động ấy không phải do bất bình, sân hận là gì? Đuổi mà đuổi cả hai vị đại đệ tử, hai bậc thượng thủ của giáo hội thì đâu phải là chuyện bình thường? Đâu phải chuyện nói mà chơi? Đâu phải *đuổi* thế mà bảo là *không bất bình, nổi sân* một chút nào? Hay là Đức Thế Tôn đã đuổi bằng tâm từ ái, hoan hỷ? Có lẽ vậy mới phải lý, phải lẽ, phải nhân, phải quả chẳng?

- Tâu đại vương! Có khi nào đại vương thấy quả đất có tâm bất bình, sân hận? Hoặc giả quả đất có tâm thương yêu hay thù oán chẳng?

- Dĩ nhiên là không thể có.

- Vậy, ví như có người đi trên đất, bị té trên đất, gặp đá bị sưng đầu, vỡ trán - thì do người ấy bất cẩn hay do đất tạo tội hờ đại vương?

- Chỉ tại người ấy chứ quả đất nào có tội gì!

- Tâm Đức Thế Tôn cũng an nhiên, bình lặng, không hoan hỷ, không thù oán, không bất bình, không hận, không thương, không ghét - ví như quả đất vậy. Người kia bất cẩn bị té sưng đầu, vỡ trán như thế nào thì năm trăm tỷ khuu có tội bị Đức Phật đuổi đi cũng như thế ấy, tâu đại vương!

- Ví dụ ấy không tương hợp rồi, thưa đại đức! Quả đất không khởi tâm, Đức Phật có khởi tâm, làm sao có thể giống nhau được?

- Tâu đại vương! Ngài phải hiểu rằng Đức Thế Tôn *thường trú tâm xả*. Tâm xả ấy thường bình lặng và an nhiên như quả đất vậy. Còn khi mà Đức Thế Tôn có khởi tâm - là khởi tâm muốn tế độ chúng sanh. Ngài đuổi họ là vì lợi ích cho họ chứ đâu phải do sân hận hoặc bất bình?

Ví như biển lớn không bao giờ dung chứa tử thi dù hàng trăm hàng ngàn tử thi bồng bênh trôi nổi giữa đại dương, sóng cũng tìm cách đánh dạt những tử thi ấy vào bờ cho bằng được! Biển không hề có tâm hận, tâm hỷ, thương hoặc ghét như thế nào - thì Đức Thế Tôn khi đuổi năm trăm tỷ khuu vì hạnh động sai quấy của họ - cũng y như thế ấy.

- Vâng, nhưng nghe nói rằng, sau đó, Phạm thiên Sahampati và những người Thích tử đã đến quỳ lạy xin Đức Thế Tôn đừng đuổi họ nữa.

- Quả vậy, nhờ thế, sau đó họ biết chăm chú nghe Pháp, tinh tấn thiền quán và năm trăm tỷ khuu kia đã đắc Thánh quả cả.

- Ô! Hy hữu vậy thay. Còn trường hợp hai vị thượng thủ thì sao?

- Hai ngài Đại Đệ tử từ rày phải ý thức thêm trách nhiệm của mình: là phải tìm cách giáo giới nghiêm túc những kẻ sơ tu hơn nữa!

- Vâng, vậy thì trẫm không còn ngờ oan về tâm sân của Đức Thế Tôn nữa. Nhưng như vậy không có nghĩa là không còn mối nghi khác trong câu chuyện này.

Đại đức Na-tiên nói:

- Thôi được rồi, hẹn đại vương hôm khác.

123. Phải chăng Đức Thế Tôn không có tâm bi mẫn?

Đức vua Mi-lan-đà lại hỏi tiếp:

- Đồng ý là Đức Thế Tôn không có tâm sân hận, bất bình rồi; nhưng người ta có thể nghĩ rằng *Ngài không có tâm bi mẫn*, thưa đại đức.

- Tại sao đại vương lại nói thế?

- Có chứng cứ hẳn hoi, thưa đại đức. Trẫm còn nhớ, khi Đức Thế Tôn đuổi hai vị thượng thủ cùng năm trăm vị tỷ kheo, thì đại phạm thiên Sahampati và các Thích tử ở Cātuma đã lần lượt đến quỳ bên chân Đức Đạo Sư để năn nỉ, xin xỏ cho họ được ở lại. Họ đã nói rằng, *năm trăm tỷ kheo ấy còn non dại, chưa biết gì, thật là tội nghiệp*. Họ đã ví von rằng, *như hạt mầm non trẻ, nếu thiếu nước, thiếu ánh sáng, thiếu đất tốt thì nó sẽ dần dần bị tiêu hoại; như những con nghé con, nếu thiếu bú mớm, thiếu chăm sóc, nuôi dưỡng thì những nghé con kia sẽ chết; và cũng vậy, năm trăm tỷ kheo kia mới sơ tu, họ cần phải được yết kiến Đức Thế Tôn, cần được nghe Pháp, dạy dỗ..., may ra họ mới được trưởng thành, lớn khôn trong Giáo Pháp của bậc Thánh!* Sau đó, họ xin Đức Thế Tôn khởi lòng bi mẫn xót thương cho năm trăm vị tỷ kheo. Thưa đại đức, điều ấy chứng tỏ gì? Chứng tỏ rằng Đức Thế Tôn *không có tâm bi mẫn*, mà chính vị đại phạm thiên Sahampati và các Thích tử ở Cātuma *mới có tâm bi mẫn!*

- Tâu đại vương! Đức Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài là *thầy của chư thiên và loài người*, Ngài đã *dạy giáo pháp cho chư thiên và loài người*. Vậy thì cái tâm bi mẫn của phạm thiên Sahampati và các Thích tử ở Cātuma, họ học được từ đâu?

- Dĩ nhiên là họ học được từ Đức Thế Tôn.

- Đúng vậy. Họ học được tâm bi mẫn của Đức Thế Tôn, thế sao đại vương dám bảo Đức Thế Tôn không có tâm bi mẫn?

- Khi ấy có lẽ Đức Thế Tôn đã quên tâm bi mẫn của mình, đợi đến khi Đại phạm thiên Sahampati và các Thích tử Cātuma nhắc lại, Ngài mới nhớ chăng?

Đại đức Na-tiên bèn đưa ra ví dụ:

- Ví như có một người chồng vì thương vợ, bèn sắm đầy đủ các loại ngọc quý cho vợ trang sức. Lâu lâu, người vợ muốn làm vui lòng chồng, lấy đồ trang sức ấy trang điểm cho mình. Thấy vậy, người chồng có vui tươi, hoan hỷ không hở đại vương?

- Dĩ nhiên là phải vui chứ!

- Cũng như thế đó, đại vương! Tâm bi mẫn ấy do Đức Thế Tôn giáo huấn, dạy dỗ; và rất nhiều pháp khác nữa, Đại phạm thiên Sahampati và các Thích tử ở Cātuma học được từ Đức Thế Tôn. Lâu lâu, họ lấy giáo pháp ấy nói lại, trang điểm cho mình, làm cho Đức Thế Tôn cũng hoan hỷ, Ngài phải thốt lên rằng: "*Sàdhu, lành thay!*".

- Hay lắm!

- Lại nữa, ví như có người cận thân thân tín của đức vua, vào kho của đức vua lấy những ngọc ngà châu báu, những vòng kim cương, lưu ly để trang điểm ngai vàng cho đức vua, những mong cho đức vua thỏa thích, vừa dạ. Đại phạm thiên Sahampati và các Thích tử ở Cātuma cũng lấy giáo pháp của Đức Thế Tôn, những đoạn ngôn, những ví dụ của Đức Thế Tôn... để nói lại - thì đâu có khác gì vị cận thân thân tín kia của đức vua?

- Vâng, hay lắm!

- Lại nữa, ví như có người học trò hầu hạ một vị hòa thượng, thường đem những lời hay ý đẹp mà vị hòa thượng ấy từng dạy bảo, nói lại cho hòa thượng nghe, làm cho vị hòa thượng vô cùng hoan hỷ, đẹp dạ. Đức Thế Tôn nghe lại giáo pháp của ngài do từ miệng của Đại phạm thiên Sahampati và các Thích tử thì cũng vừa lòng đẹp dạ như vậy đó, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà bất giác mỉm cười:

- Đại đức bèn vạch cho Đức Đạo Sư thật là hùng hồn; biết là có cái gì đó không được đúng lắm, nhưng trăm cũng không biết y cứ từ kẻ hờ nào mà tranh luận!

Đại đức Na-tiên cũng mỉm cười:

- Khi mà đấng Minh quân đã nói vậy thì rõ là không có chỗ nào sai sự thật rồi!

- Có lẽ vậy, cảm ơn đại đức!

124. Phẩm mạo xuất gia cao siêu đến cỡ nào?

Đức vua Mi-lan-đà lại hỏi:

- Thưa đại đức! Trước đây trẫm có cơ duyên hầu chuyện với trưởng lão Àyupala, được biết rằng, bậc xuất gia hay người tại gia đều có thể đắc quả cao thượng giống nhau. Mà chính Đức Tôn Sư cũng có thuyết như thế. Điều này trẫm còn có chỗ hoài nghi.

- Xin đại vương cứ nói.

- Thưa, người tại gia thọ dụng ái dục, ăn mặc bằng những y phục màu trắng có thêu hoa, nằm ngủ với vợ, mưu sinh bằng đủ mọi cách để nuôi vợ con; họ nhồi phấn, thoa vật thơm, trang sức, trang điểm mỹ lệ, chải chuốt mái tóc cho láng lẩy, gom góp tài vật đủ loại... Nghĩa là họ hưởng thụ dục lạc một cách đầy đủ, thỏa mãn...

Còn các bậc xuất gia phải cạo bỏ râu tóc, mặc những thứ vải thô, xấu, lại còn phải nhuộm nước chát cho ố màu đi. Họ còn phải thọ trì nghiêm khắc hai trăm hai mươi bảy giáo điều, mười ba pháp đầu đà khổ hạnh... Nghĩa là họ phải có một đời sống cơ cực, thiếu thốn đủ mọi bề...

Đại đức Na-tiên nói:

- Đúng như thế. Nhưng đại vương nghi ở chỗ nào?

- Thưa, thứ nhất là ai thực hành giáo pháp tốt cũng đắc đạo quả cao siêu. Vậy thì đại gì đi tu cho khổ, cho cơ cực, thà ở nhà hưởng thọ ngũ dục còn hơn vậy?

- Tâu đại vương! Sự thật là thế, nhưng người tại gia thực hành giáo pháp khó khăn hơn nhiều. Có thể nào một người cư sĩ thọ dụng ngũ dục, sống giữa cõi trần luôn luôn bị lửa tham sân thiêu đốt lại có thể chứng ngộ giáo pháp ly dục cao siêu được, hờ đại vương?

- À ra thế!

- Còn các bậc xuất gia, do nhờ ghép mình vào các điều học, thọ mười ba pháp đầu đà, thu thúc lục căn thanh tịnh; nghĩa là luôn luôn sống đời lánh xa ngũ trần, tham sân ít có cơ hội thiêu đốt; nên bao giờ cũng dễ dàng chứng ngộ được giáo pháp ly dục, tâu đại vương!

- Vâng, vâng!

- Tuy nhiên, dẫu là xuất gia, nhưng họ buông lung phóng dật, không chịu thực hành những đề mục chỉ tịnh, quán minh - thì làm sao mà thấy được đạo quả hỷ đại vương?

- Vâng, vâng!

- Do vậy, phẩm mạo xuất gia hay tại gia quan trọng ở chỗ thực hành và không thực hành, tâu đại vương!

- Vâng! Và như vậy rõ ràng là bậc xuất gia vẫn cao thượng hơn tại gia! Nhưng trăm không rõ là nó cao thượng đến cỡ nào?

- Không ai có thể định giá được ngọc ma-ni, tức ngọc như ý như thế nào, thì sự cao thượng của phẩm mạo xuất gia cũng y như thế, cái đức của bậc xuất gia cũng dường thế ấy!

- Các vị tỳ kheo trong giáo hội của đại đức thường giáo giới đến cận sự nam nữ hai hàng rằng *đức của Chư Tăng như biển lớn*, là ý đó chăng?

- Vâng, vì rằng biển rộng và sâu đến chừng nào thì chưa có ai đo lường được; thì sự cao thượng, cao siêu của phẩm mạo xuất gia cũng như biển vậy, khó lượng, khó dò!

- Thưa, vậy thì do đâu mà có được cái đức ấy, sự cao siêu, cao thượng ấy?

Đại đức Na-tiên nói:

- Dường như do đâu thì đại vương đã hiểu rồi.

- Xin đại đức cứ nói lại, có phải là do nhờ đời sống ghép mình vào giới hạnh?

- Vâng, sự thành tựu cao siêu ấy, thành tựu các đức lớn ấy là do đời sống viễn ly của chư tỳ kheo, chẳng hạn:

- *Thiểu dục (ít ham muốn),*

- *Tri túc,*

- *Ưa thích nơi thanh vắng,*
- *Không thích đám đông, phe nhóm,*
- *Không chất chứa, không luyến tiếc,*
- *Sống đời vô trú,*
- *Đầy đủ giới hạnh,*
- *Biết rành rẽ giá trị, sự lợi ích trong việc thực hành các pháp đầu đà, v.v...*

Tâu đại vương! Khi mà bậc xuất gia thực hành nghiêm túc các điều như đã kể ở trên, họ sẽ thành tựu đạo quả cao siêu rất dễ dàng, mau lẹ...; cũng giống như người kia xuống sông tắm, dễ dàng và mau lẹ kỳ cọ thân thể mình cho sạch sẽ vậy.

- Thật là rõ ràng, trầm hiểu được do đâu mà cao thượng rồi.

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

125-135

125. Đời sống Sa-môn vô trú, như nai trong rừng, sao lại xây chùa, tạo thất liêu?

- Đại đức vừa nói là các bậc xuất gia sống đời vô trú, không nên có chỗ ở nhất định, không nên lưu luyến chỗ ở, nên sống nơi thanh vắng, v.v... Đây cũng là điều Đức Phật thường khuyên răn, giáo giới đến các bậc xuất gia, phải vậy chăng?

- Thừa vâng!

- Thế tại sao, ở chỗ khác, Đức Tôn Sư lại thuyết: "*Các hàng thí chủ nên tạo chùa, thất liêu để cho Chư Tăng có chỗ ngụ cư an vui, dễ dàng, vì họ là những bậc đa văn, những bậc nâng đỡ Tam Tạng, những bậc làm cho giáo pháp được hưng thịnh, trường tồn...*"?

Đức Đạo Sư đã thuyết lưỡng nghĩa, hai lời, nếu chỗ trên đúng thì chỗ dưới sai hoặc trái lại! Vậy biết đâu là lời giáo giới đúng đắn, chân chính của Đức Đạo Sư?

- Đức Thế Tôn chẳng bao giờ thuyết hai lời, lưỡng nghĩa, mâu thuẫn nhau đâu, tâu đại vương! Trong giáo hội của Đức Tôn Sư, Ngài cho phép Chư Tăng tùy

duyên, tùy sở thích mà chọn chỗ ngụ cư cho mình; không nhất thiết là rừng, nghĩa địa, chùa hay thất liêu. Ngài chưa hề cấm Chư Tăng sống ở chùa, thất liêu hoặc khuyến khích nên sống ở rừng hay nghĩa địa. Vấn đề quan trọng là *sống sao để khỏi dính mắc, lưu luyến* chỗ ở của mình; phải thường xuyên thay đổi từ chỗ này sang chỗ khác. Chính đời sống không dính mắc, không lưu luyến mới là phải lẽ cho Sa-môn, nghiêm trang cho Sa-môn, thích hợp với Sa-môn, là cảnh giới của Sa-môn, nên dành cho Sa-môn, là nơi mong mỏi của Sa-môn.

Tâu đại vương! Ví như loài hươu nai sống ở trong rừng, chúng tự do, thành thoi đi từ chỗ này sang chỗ khác, không nhất định ở một nơi nào cả, hoàn toàn theo ý muốn, sở thích của mình, chư tỳ kheo cũng nên sống đời vô trú như hươu nai vậy.

Tâu đại vương! Còn vấn đề xây dựng chỗ ở, tạo chùa chiền, am thất cho Chư Tăng mà Đức Phật thường tán thán là vì lợi ích cho giáo pháp, lợi ích cho hàng cư sĩ tại gia. Công đức, phước báu xây dựng cảnh già lam cho Chư Tăng có chỗ ngụ cư dễ dàng để tu học thật là vô biên vô lượng, là nhân sanh cảnh trời, cảnh người phú túc và sang cả. Ngoài ra, đó còn là nhân để thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, chúng quả Niết bàn Vô sanh.

Lại nữa, tâu đại vương! Nếu mà chư tỳ kheo đều sống ở rừng, nghĩa địa, nơi hoang sơn cùng cốc; ai cũng lìa xa nơi phố thị, làng mạc cả thì cận sự nam nữ hai hàng lấy đâu để nghe giáo pháp, để thọ trì quy giới, để cúng dường, bố thí, để tạo phước báu, để tăng trưởng *tín, giới, vãng, thí, tuệ* cho mình?

Lại nữa, tâu đại vương! Nếu không có chùa chiền, am thất thì vua chúa, các vị đại thần, thương gia, các giáo chủ bà-la-môn, những người có tâm cầu mong thấu hiểu giáo pháp sẽ biết tìm đến đâu để học hỏi, trao đổi, thảo luận? Những người muốn tu sẽ tìm đến nơi nào để tu? Và Chư Tăng làm sao để học hỏi giáo pháp, phổ biến giáo pháp, kế tục giáo pháp để lưu hậu, truyền thừa?

Đại vương! Dám mong đại vương giải đáp dùm cho những câu hỏi ấy của bản tăng!

- Vâng, trẫm không dám nữa đâu! Sở dĩ mà trẫm còn nghe được giáo pháp hôm nay là cũng nhờ có cảnh già lam mà cận sự nam nữ đã dày công kiến tạo!

- Cám ơn đại vương!

- Trẫm không ngờ một câu hỏi bất bí bình thường - mà lời giải đáp của đại đức lại sâu xa, vi diệu như thế! Ôi! Một câu hỏi tưởng như khó khăn, mà đại đức đã

tháo gỡ rất dễ dàng! Ôi! Đại đức đã làm cho phân minh, sáng sửa những điều tối tăm, đã bẻ gãy vỡ vụn những luận điệu mà chúng ngoại đạo có thể xuyên tạc trong nay mai! Quả thật, đại đức đã đem đến ở đây một con mắt của chư Phật để soi tỏ, nhìn ngắm mọi vấn đề, vì lợi ích cho vô lượng nhân thiên trong thời mạt pháp vậy!

126. Tại sao Đức Thế Tôn không thu thúc cái bụng?

Đức vua Mi-lan-đà hỏi tiếp:

- Đức Thế Tôn có dạy rằng: "*Này các thầy tỳ khưu! Các thầy nên siêng năng trì bình khát thực nuôi mạng, chẳng nên giải đãi quên mình; phải nên thu thúc cái bụng, chẳng nên thọ thực quá độ.*" Vậy thì việc thu thúc cái bụng quả là rất quan trọng phải không đại đức?

- Tâu, đúng vậy. Câu Phật ngôn ấy là lời dạy phổ thông không những cho các hàng tỳ khưu hữu học mà còn cho các bậc Thánh văn, Độc giác và cả đấng Toàn Giác nữa, tâu đại vương!

- Nó quan trọng đến độ như vậy sao? Nguyên nhân là vì sao, thưa đại đức?

- Bởi vì với cái trí thấy rõ thế gian, Đức Thế Tôn thấy rằng, do nguyên nhân cái bụng mà chúng sanh giết hại mạng sống của nhau. Vì nguyên nhân vị ngon, ngọt, béo, bùi của khẩu thực và no đầy cái bụng mà con người cướp đoạt tài sản của nhau. Cũng từ cái bụng mà sinh ra không biết bao nhiêu tội lỗi, khổ đau; bao nhiêu giới phạm như sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, uống rượu, v.v... Thậm chí, có chúng sanh vì cái bụng mà giết cha mẹ mình, giết hại A-la-hán, chia rẽ Tăng, chích máu Phật... Gương Đê-bà-đạt-đa cũng vì lợi dưỡng, không thu thúc cái bụng mà hại Phật, phá hoại sự hòa hợp của Tăng-già, đến nỗi bị quả đất rút, bị lửa địa ngục a-tỳ thiêu đốt đến một kappa!

Tâu đại vương! Các hàng xuất gia nhờ thu thúc cái bụng nên ngăn ngừa được tất cả các tội lỗi, khổ đau nêu trên. Ngoài ra, nhờ sống đời biết tri túc cái bụng nên họ dễ dàng thấy rõ Khổ Đế, thấy rõ Tập Đế, thực hành Đạo Đế để thành tựu Diệt Đế là cứu cánh của Sa-môn hạnh. Lại nữa, không những họ viên thành các Sa-môn quả mà còn dễ dàng chứng đắc *bốn tuệ phân tích, tám định và sáu thần thông...*

Lại nữa, tâu đại vương! Lợi ích thù thắng của sự *thu thúc cái bụng* không những dành cho con người, các bậc xuất gia phạm hạnh, mà còn cho các loài động vật nữa. Ví như trong tích truyện tiền thân Phật, có con chim kết tên là Suvanna

Otaka, thu thúc cái của bụng mình mà làm cảm động cả thế gian, rung động đến cõi trời Đao-lợi, khiến cho vua trời Đế Thích nóng nảy, ngồi đứng không yên, phải hiện xuống trần gian hộ độ cho chim kết.

Tâu đại vương! Đức Thế Tôn vì thấy rõ nhân quả, ai không thu thúc cái bụng thì sẽ bị đau khổ; ai thu thúc cái bụng thì được an vui, nên Ngài giáo giới điều ấy là vì xuất phát từ tâm bi mẫn với hàng muôn sanh loại!

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu:

- Quả thật là chí lý khi biết thu thúc cái bụng...! Cái lợi ích của nó thật không ai dám bàn cãi nữa. Thế nhưng tại sao, một lần nọ, Đức Thế Tôn có nói với tỳ kheo Udàyi rằng: "*Này Udàyi, có khi Như Lai độ vật thực chừng bằng miệng bát, có lúc lại đầy hơn*". Đừng nói rằng cái bát khát thực thời Phật tại tiền nhỏ hơn cái bát bây giờ! Cái bát vào thời nào cũng có thể làm no hai hoặc ba vị tỳ khưu cả!

Thưa đại đức! Đức Thế Tôn thọ thực như thế là đầy căng cái bụng rồi, *chẳng biết thu thúc cái bụng rồi!* Thế mà đại đức dám bảo rằng *thu thúc cái bụng là lời giáo giới phổ thông, không những cho các hàng tỳ khưu hữu học mà còn dành cho các bậc Thinh văn, Độc giác và cả Toàn Giác nữa*. Liệu đại đức sẽ bênh vực ra sao cho Đức Bổn Sư đây? Hay là đoạn văn kia được kết tập làm lần, ngoại đạo xen câu đó vào để phá hoại niềm tin của các hàng cận sự nam nữ?

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Không đâu, chính Đức Thế Tôn có thuyết lời ấy với tỳ kheo Udàyi!

- Thế là đại đức xác nhận rằng Đức Thế Tôn không biết *thu thúc cái bụng* rồi!

- Tâu Đại vương! Trước khi đã thông vấn đề, bản tăng xin được hỏi đại vương vài điều?

- Vâng, đại đức hãy tùy nghi!

- Thu thúc cái bụng có được lợi ích gì?

- Thưa, để ngăn ngừa tội lỗi, khổ đau; để tiêu diệt phiền não; để thành tựu dễ dàng Sa-môn quả cùng những năng lực thù thắng khác!

- Đúng vậy - đại đức Na-tiên nói - Thế Đức Thế Tôn đã tiêu diệt khổ đau phiền não ấy chưa? Ngài đã thành tựu Sa-môn quả, tuệ phân tích và các thần thông thắng trí chưa, thưa đại vương?

- Dĩ nhiên, Đấng Toàn Giác đã thành tựu trọn vẹn và viên mãn tất cả những điều trên.

- Nói cách khác, Đức Thế Tôn là người đã tiêu diệt tất cả mọi nguyên nhân gây bệnh, là người không còn bệnh, trái lại là người có *sức khỏe* rất kiện toàn, phải không đại vương?

- Đúng vậy.

- Người bệnh thì phải uống thuốc, người vô bệnh, sức khỏe hoàn hảo thì có cần uống thuốc không, hử đại vương?

- Vô bệnh thì uống thuốc làm gì!

Đại đức Na-tiên chợt cười nhẹ:

- Cảm ơn đạivương! Chính Đại vương đã tự "*biện hộ*" cho Đức Tôn Sư! Đại vương đã biện hộ rằng "*Đức Thế Tôn là người đã tiêu diệt hết phiền não rồi, đã thành tựu trọn vẹn Sa-môn Quả, tuệ phân tích cùng những năng lực thù thắng khác - nên Ngài thu thúc để làm gì - như người vô bệnh thì uống thuốc để làm gì!*"

- Trẫm hiểu.

- Đại vương đã "*biện hộ hơi quá*" khi bảo rằng Đức Thế Tôn không cần phải thu thúc - nhưng thật ra, một đôi khi thôi (*appekadà*)! Theo ý bần tăng thì Đức Thế Tôn luôn luôn thu thúc. Vì thật ra, thu thúc hoặc không thu thúc, bao giờ Ngài cũng vắng lặng tham sân, phiền não, bao giờ Ngài cũng với tâm giải thoát, tuệ giải thoát viên minh, vô thượng! Ví như ngọc mani không tỳ vết, ánh sáng rực rỡ, hào quang chói lọi... thì ai lại mất công vô ích khi ngồi cặm cụi mà lau chùi, mài giũa, đánh bóng, phải vậy không đại vương?

- Vâng - đức vua Mi-lan-đà gật đầu - Trẫm rất bằng lòng và hoan hỷ về lời giải đáp của đại đức. Đối với bậc đã giải thoát, vô nhiễm rồi thì họ không còn bị ràng buộc bởi sự thu thúc hoặc không thu thúc ấy nữa. Tuyệt diệu lắm!

127. Đức Phật muốn che dấu Pháp?

- Thừa đại đức! Đức Thế Tôn có dạy rằng: "*Pháp và Luật nếu được công khai thuyết dạy đến đâu thì sẽ làm cho Chánh Pháp được hưng thịnh và rực rỡ đến đấy. Nếu Pháp và Luật bị che dấu, không được thuyết ra thì đến lúc nào đó, Chánh Pháp sẽ lu mờ, bị tiêu hoại...*". Điều ấy có đúng chăng, đại đức?

- Tâu, rất đúng ạ!

- Thế sao trong tạng Luật, Đức Thế Tôn lại giáo giới rằng: "*Các thầy tỳ khưu khi tụng giới bốn Pàtimokkha trong ngày phát lồ (uposatha), phải tụng nơi kín đáo, có Sīma ngăn, không được cho các hàng sa di và cận sự nam nữ hai hàng bước vào trong địa giới hoặc trong phạm vi nghe được*"? Tại sao lại cố ý che dấu, không mở rộng việc truyền tụng giới luật cho tất cả cùng nghe để được tăng trưởng kiến thức, phát khởi và củng cố đức tin? Như thế, rõ ràng Đức Thế Tôn đã cố ý khuyên Chư Tăng che dấu Pháp và Luật, không cố ý mở mang giáo pháp để lợi lạc cho những người học Phật được nếm ý vị, pháp vị, giải thoát vị của Đạo Giác Ngộ.

Vậy xin đại đức bi mẫn giải thích khúc mắt ấy cho trẫm được tỏ tường.

- Chẳng phải là che dấu Pháp và Luật đâu, tâu đại vương. Đức Thế Tôn bao giờ cũng thuyết pháp với bàn tay mở ra chứ không phải với bàn tay nắm lại. Bao giờ Ngài cũng muốn cho giáo pháp được mở rộng, phát triển, hưng thịnh; được quảng bá sâu rộng giữa nhân gian để cứu độ cho nhiều người.

Riêng về giới bốn Pàtimokkha mà chư tỳ khưu Tăng đọc tụng trong các ngày *phát lồ*, sở dĩ phải tụng nơi kín đáo, có Sīma ngăn, không thể cho các người chưa tu lên bậc trên bước vào hay nghe được, là bởi những lý do sau đây:

Một là, truyền thống của chư Phật từ ngàn xưa truyền lại cho đến ngày nay, bao giờ giới bốn Patimokkha cũng chỉ được phép đọc tụng giữa chư tỳ khưu Tăng với nhau mà thôi.

Hai là, cần phải tỏ ra tôn trọng luật, cung kính giới bốn, không để cho những sa di và cư sĩ xem thường, xem nhẹ.

Ba là, phải tôn trọng phẩm mạo và địa vị của tỳ khưu trong giới luật của bậc Thánh.

Vì ba lý do như vậy nên phải đọc tụng giới bốn nơi kín đáo, có Sīma ngăn - tâu đại vương rõ.

- Thế nào là *do dòng giống của Chư Phật truyền thừa* hờ đại đức?

-- Ví như đại vương là dòng dõi vua chúa, thái tử của đức vua tương lai cũng sẽ được làm vua. Nếu có trường hợp là đại vương phải giáo giới, la rầy thái tử về một vài tư cách, hạnh kiểm không tốt của thái tử thì đại vương sẽ dạy bảo thái tử

nơi kín đáo, hay là đại vương sẽ giáo giới thái tử giữa chỗ tai mắt bá quan cùng dự bàn hay cho bá tánh cùng nghe?

- Dòng vua thì phải biết bảo vệ dòng vua chứ! Làm sao chuyện giáo giới thái tử lại mang ra chỗ tai mắt đông người!

- Tâu, phép của Phật từ ngàn xưa cũng như thế ấy. Khi chư tỳ khưu Tăng tụng đọc giới bản Pàtimokkha với nhau, đó chính là lúc họ sửa sai, sám hối, kiện toàn những học giới cho nhau. Chuyện ấy làm sao lại đem ra chỗ tai mắt đông người mà phẩm bình, phê bình được? Dòng dõi, tông chủng tỳ khưu thì phải biết bảo vệ giống dòng, tông chủng của tỳ khưu chứ?

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu:

- Có lý lắm!

- Ví như những tay đồ vật nhà nghề, họ thường giữ riêng những ngón nghề không truyền cho kẻ khác; những người thợ vàng, thợ bạc, thợ ngọc, thợ làm dây chuyền giữ riêng bí quyết cho gia đình mình, dòng họ mình; những người có tài nghệ đặc biệt thường giấu tài nghệ không bao giờ phổ biến ra giữa đám đông - thủ tục ngàn xưa của Chư Phật để tỳ khưu chỉ đọc tụng giới bản với tỳ khưu cũng như thế ấy, tâu đại vương!

- Vâng, trăm hiểu rồi. Còn lý do thứ hai: *tôn trọng luật, cung kính giới bản, chẳng nên để cho những người khác xem thường, xem nhẹ là sao ạ?*

- *Giới bản Pàtimokkha* là giới bản cao thượng, làm cho những người thọ trì được cao đẹp, thánh thiện và tôn quý. Người thực hành giới bản Pàtimokkha trong sạch và viên mãn sẽ dễ thành tựu các tầng thánh quả và chứng ngộ Niết-bàn. Sự *thu thúc giới bản* là pháp căn bản, giềng mối cho những hạnh phúc siêu thế; chỉ riêng tỳ khưu tăng mới thọ trì, y chỉ, thực hành. Nó giống như cái lõi chiên đàn quý báu, chỉ thích đáng dành cho các hàng vua chúa, hoàng hậu, công chúa sử dụng. Người dân thường không dễ gì biết lõi chiên đàn là quý; nếu họ nắm trên tay họ cũng xem như que củi, chẳng giá trị gì. Giới bản Pàtimokkha cũng quý báu như lõi chiên đàn kia vậy, chỉ có chư tỳ khưu Tăng mới biết thọ trì, đọc tụng; còn các hàng sa di, cư sĩ hai hàng cũng sẽ xem thường, xem nhẹ như người dân thường đối với lõi chiên đàn kia thôi!

Do vậy, vì tôn trọng, cung kính giới bản cũng như tôn trọng, cung kính cái gì thiêng liêng, cao đẹp nên việc *không để cho sa di, cư sĩ dự thính khi đọc tụng* là điều hoàn toàn cần thiết.

- Trẫm lãnh hội được rồi, vậy còn lý do thứ ba: *tôn trọng phẩm mạo và địa vị của tỳ khưu trong giới luật của bậc thánh* là thế nào?

- Tâu, *phẩm mạo tỳ khưu*, tức là phẩm mạo của bậc xuất gia, nó cao thượng như thế nào thì đại vương đã biết rồi. Là cái gì không thể độ chừng được, so sánh được, đo lường được; chẳng có cái gì tương tự, ngang bằng được. Ví như biển sâu chưa ai đo lường, ví như ngọc mani vô giá chẳng có vật báu thế gian nào so sánh - giới bốn Pàtimokkha hằng tạo nên phẩm mạo của bậc xuất gia, cũng y như thế đó. Nó là tài sản riêng của Tăng, đồ dùng riêng của Tăng, nó sanh ra chỉ để dành riêng cho Chư Tăng - không có ai khác sử dụng được. Ví như trầm trãi giường, các đồ ngự dụng, vật thoa, vật thơm, voi báu, ngựa báu, ngọc nữ,, hàm bạc, hàm vàng... được sanh lên là do nhờ công đức, phước báu của Chuyển luân Thánh vương! Chỉ có Đức vua Chuyển luân mới thích đáng quản thủ, sử dụng tài sản ấy; những vị vua ít phước báu, những người địa vị thấp thỏi đâu có xứng đáng dự phần, phải vậy không đại vương?

- Thưa, đúng thế!

- Giới bốn Pàtimokkha cũng như thế ấy, chẳng thể để cho những người ít học giới, ngoài chư tỳ khưu Tăng xen vào, dự phần được. Đức Thế Tôn điều chế giới bốn để cho chư tỳ khưu đợc tụng với nhau ở trong Sìma ngăn, không cho sa di và cư sĩ dự thính là còn để cho thế gian biết tôn trọng, cung kính tỳ khưu; vì tỳ khưu Tăng là ruộng phước vô giá, là nơi cho chư thiên và nhân loại cung kính, lễ bái, cúng dường... Sự tôn trọng phẩm mạo và địa vị của chư tỳ khưu Tăng còn là sự bảo lưu Chánh Pháp, lưu hậu Chánh Pháp tồn tại nhiều ngàn năm về sau nữa, tâu đại vương!

- Quả thật là thích đáng. Cảm ơn đại đức đã mở sáng con mắt cho trẫm nhìn xa trông rộng hơn.

Đại đức Na-tiên kết luận ý nhị:

- Vậy là Đức Thế Tôn *che dấu giáo pháp* mà lại làm cho giáo pháp hưng thịnh dài lâu đấy, tâu đại vương!

- Rõ là trẫm sử dụng ngôn lời chưa chính xác, trẫm hiểu tội của mình rồi!

- Nhờ *cái tội* của đại vương mà các thế hệ mai sau chấm dứt được hoài nghi, như thế cũng nên *làm tội* lắm!

Đức vua Mi-lan-đà bất giác cười xòa.

128. Lý do nặng nhẹ của tội nói dối!

- Bạch đại đức! Trẫm có đọc sơ về tạng Luật, không thông suốt lắm, nếu Trẫm nhớ không lầm thì Đức Thế Tôn có thuyết rằng: *Thầy tỳ khuru nói dối, nói dối do cố ý, có hiểu, có biết (sampajàna) thì phạm tội bất cọng trụ (pàràjika)*! Ở một chỗ khác, ngài lại chế định rằng: *Điều nói dối dẫu cố ý, có hiểu, có biết (sampajàna) chỉ phạm tội nhẹ, không phạm tội nặng; là tội có thể trị được, tha thứ được, có thể cứu chữa được (satekicchà), có thể sám hối được (desanapatti)*! Tại sao hai điều chế định ấy lại mâu thuẫn nhau, nghịch nghĩa nhau hờ đại đức?

- Tâu đại vương! Về chuyện đúng hay sai, chính xác hay chưa chính xác của điều mà đại vương vừa dẫn chứng, bản tạng sẽ bàn sau. Bây giờ chúng ta chỉ nói đến *tội nói dối*. Quả thật, có tội nói dối mà thầy tỳ khuru nào đã phạm rồi thì bị "*bất cọng trụ*" (pàràjika); nhưng cũng có tội nói dối dẫu đã phạm rồi, nghĩa là nói dối do cố ý, do có hiểu, có biết - vẫn chỉ phạm tội nhẹ, là tội có thể trị được, tha thứ được, cứu chữa được, sám hối được!

- Trẫm nghe chưa lọt tai, thưa đại đức!

- Bản tạng có thể nói điều ấy bằng ví dụ. Ví như có người phạm tội giết vua, một người khác phạm tội giết dân thường. Hai tội giết người ấy đều phạm án giống nhau phải không đại vương?

Đức vua Mi-lan-đà lắc đầu:

- Chẳng thể giống nhau được, thưa đại đức! Người giết hại dân thường tùy theo mức độ, có thể định án là ở tù chung thân, bị phạt hoặc bị tử hình. Còn người giết vua thì bị đại tội. Kinh khiếp lắm! Luật nhà vua về tội giết vua thật là nghiêm trọng: người ấy sẽ bị chặt bỏ cả tay cả chân, tịch thu gia sản, của cải nhập công khó; sẽ bị giết chết dần dần rất thâm; giết luôn cả thân quyến của người ấy, phía họ cha giết đến bảy đời và phía họ mẹ cũng giết đến bảy đời...!

- Tâu đại vương! Tại sao cũng là tội giết người, tạt tay giết, cố ý, cố tình giết mà *một bên nặng, một bên nhẹ* khác nhau một trời, một vực như thế?

- Tội nặng nhẹ khác nhau, lý do như thế nào chắc đại đức đã hiểu rồi: *Đức vua là đấng chí tôn của một nước, còn người dân thường là kẻ ở trong các địa vị thấp hèn*. Khinh, trọng thế nào thì pháp luật thế gian không có nơi nào biệt lệ!

- Tội giết người có khinh trọng thì tội nói dối cũng có khinh trọng như thế, tâu đại vương! Bàn tăng sẽ kể sơ lược ra đây một số tội nói dối tùy theo mức độ nặng, nhẹ của nó:

Thầy tỳ khưu chưa đắc pháp *bậc cao hơn* [*] mà nói dối để cho kẻ hiểu biết tin rằng mình đắc pháp bậc cao nhân là tội nói dối nặng, bị phạt "*bất cọng trụ*", tức là bị đuổi ra khỏi hàng ngũ Tăng già, suốt đời không còn có thể "*cọng trụ*" với Tăng được nữa. Nhưng nếu nói đến *người không hiểu, không biết* thì chỉ phạm "*trọng tội*". Nói mé, nói ngụ ý hoặc ám chỉ mình có đắc pháp cũng phạm "*trọng tội*"; nhưng nếu nói ám chỉ, nói mé đến người không hiểu, không biết thì chỉ phạm "*tác ác*".

[*] *Các pháp bậc cao hơn: 4 thiên hữu sắc, 4 thiên vô sắc, lục thông, 4 đạo, 4 quả và Niết bàn.*

Thầy tỳ khưu nói dối vô cớ, cáo gian tỳ khưu khác phạm "*bất cọng trụ*" thì phạm "*Tăng tàn*". Nói dối vô cớ, cáo gian tỳ khưu khác phạm "*Tăng tàn*" thì phạm "*ưng đối trị*". Nói dối, cáo gian kẻ khác làm quấy thì phạm "*tác ác*"... v.v...

Nói tóm lại là các tội nói dối thuộc *bất cọng trụ* là tội rất nặng, phải xả giới hoàn tục. Tội nói dối thuộc *Tăng tàn* phải trình Tăng để xử theo luật định. Các tội nói dối khác thuộc *ưng đối trị*, *trọng tội* hoặc *tác ác* là những tội nhẹ, có thể trị được, tha thức được, có thể cứu chữa được (*satekicchà*), có thể sám hối được (*desanapatti*).

Tâu đại vương! Các tội nói dối có khinh, có trọng như thế, nhưng vì đại vương đã không nắm rõ, biết chắc nên sinh ra ngộ nhận đấy thôi!

- Rất cảm ơn đại đức!

129. Phước báu của Đức Thế Tôn không ưu thắng, tối thượng bằng đệ tử của mình?

- Thừa đại đức! Rất nhiều lần Đức Thế Tôn có thuyết rằng: "*Này các thầy tỳ khưu! Như Lai là bà-la-môn cao quý, xứng đáng cho chư thiên và nhân loại đánh lễ, xứng đáng để cho kẻ khác xin rửa tay dâng phẩm vật cúng dường; là bậc tối thượng trong tam giới, là bậc chỉ còn kiếp sống cuối cùng, không còn quần quanh trở lại trong tam giới nữa; là bậc tôn quý, vô thượng... không ai sánh bằng.*". Câu Phật ngôn ấy có chính xác không?

- Tâu, khá chính xác!

- Thế sao ở một chỗ khác, khi khen ngợi tỳ khưu Bàkula, Đức Thế Tôn có tuyên bố như sau: "*Trong hàng tinh văn đệ tử của Như Lai, tỳ khưu Bàkula là người thiếu bệnh, có phước báu tuyệt đỉnh, là đệ nhất ưu hạng, là người cao quý không ai sánh bằng...*". Câu thuyết ngôn này có chính xác không, thưa đại đức?

- Tâu, cũng rất đúng.

- Và chính xác nữa! Vì Đức Thế Tôn bị bệnh đến bốn lần, còn tỳ khưu Bàkula suốt cả cuộc đời dường như vô bệnh. Như thế có nghĩa là, phước báu của tỳ khưu Bàkula là tối thượng, ưu hạng, là tuyệt đỉnh không ai sánh bằng, kể cả Đức Tôn Sư!

- Sao có thể lý luận như vậy được, đại vương!

- Vậy thì đại đức có thể minh giải điều ấy được chăng?

- Vâng, dễ dàng thôi. Chẳng cần phải giải minh, bản tăng chỉ nói lên sự thật thì đại vương có thể hiểu rõ cách khen ngợi của Đức Thế Tôn. Khi một vị tỳ khưu giỏi, thông suốt một lĩnh vực nào thì Đức Thế Tôn thường khen ngợi vị ấy là *tối thượng, là đệ nhất ưu hạng về lĩnh vực ấy*. Chẳng hạn, Đức Thế Tôn khen ngợi đại đức Upàli là ưu hạng đệ nhất về tạng Luật, đại đức Mahà Kassapa đặc biệt ưu hạng về Vi-diệu tạng, đại đức Ànanda thì tối thắng, ưu hạng đệ nhất về tạng Kinh, v.v... Từ đó, ta có thể hiểu rõ, tại sao có vị Đức Thế Tôn khen ngợi là đệ nhất về thuyết pháp, có vị được khen là đệ nhất về thiền định, đệ nhất về tinh tấn, đệ nhất về khổ hạnh, đệ nhất về hạnh độc cư, thanh tịnh v.v... Nói tóm lại, Đức Thế Tôn khen ngợi, tán dương các đệ tử của Ngài là cao quý, cao thượng, là ưu hạng, là đệ nhất... không có nghĩa là họ cao quý, cao thượng, tối thắng hơn cả Đức Tôn Sư!

- Như thế có nghĩa là, Đức Thế Tôn chỉ ca ngợi phước báu của tỳ khưu Bàkula về phương diện "*vô bệnh*" mà thôi?

- Vâng, chỉ riêng có lĩnh vực ấy, bởi chẳng ai có thể so sánh với Đức Tôn Sư ở nhiều phương diện khác. Họ chỉ là đệ nhất ở trong hàng tinh văn đệ tử của Ngài! Làm thế nào mà trong hàng ngũ của chư thiên, loài người, phạm thiên, sa-môn, bà-la-môn... lại có kẻ cao quý, ưu hạng, tối thượng bằng một vị Chánh Đẳng Giác? Ai mà có thể so sánh về *giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến* với Đức Tôn Sư? Liệu ai có thể có *mười sức mạnh tuệ giác, mười tám tuệ dũng mãnh vượt qua sinh tử ái hà* như Bạc Vô Thượng? Quả thật, chẳng ai có thể so sánh được với Đức Đại Giác.

- Đại đức cho nghe ví dụ được chăng?

- Vâng. Ví như trong quốc độ của đại vương, vốn có nhiều giai cấp, nghề nghiệp, dòng họ, thiên tư, hiểu biết, trí tài, khả năng khác nhau... Có người là đệ nhất về vàng bạc châu báu, tài sản. Có người là đệ nhất về đất đai, ruộng vườn. Có người là đệ nhất về kiến thức, hiểu biết... Đệ nhất về các học nghệ... Đệ nhất về tinh thông văn học, cú pháp, văn phạm... Đệ nhất về bùa chú, ngải nghệ... Đệ nhất về chế tạo cung tên, khí giới v.v... Ở mỗi lĩnh vực, trí tài nào đó, họ là đệ nhất; tuy thế, họ đều là thần dân của đại vương, phục vụ cho đại vương, phải tôn trọng, cúi đầu, thuận phục đại vương; chẳng ai có thể so sánh bằng đại vương, bởi đại vương mới chính là người ở trên hết, tối thượng tôn, cao quý nhất ở trong quốc độ của đại vương. Đức Thế Tôn so với hội chúng của Ngài, với các hàng thánh văn đệ tử cũng y như thế. Đừng nói chỉ một phước báu của Bàkula, mà hàng trăm phước báu của Bàkula... cho chí hai vị thượng thủ, đại đệ tử của Ngài, dầu là những bậc cao quý vô song... cũng chẳng thể đem ra so sánh với Đức Thế Tôn được!

Đức vua Mi-lan-đà im lặng giây lâu rồi hỏi:

- Trẫm đã hiểu rồi. Nhưng về phương diện *vô bệnh* thì phước báu của tỳ khưu Bàkula vẫn là đệ nhất chứ? Không rõ do nhân duyên quá khứ như thế nào mà tỳ khưu Bàkula được hưởng quả thù thắng như thế?

- Tâu đại vương, quả là *có nhân duyên thù thắng nên mới hưởng được quả thù thắng*. Số là vào thời xưa, tỳ khưu Bàkula đã từng làm thầy thuốc, đã cúng dường y dược đến cho Đức Phật Anomadassi, Đức Phật Vippassi và luôn cả tỳ khưu Tăng sáu ngàn tám ức vị. Do duyên lành ấy nên đã rất nhiều đời, tỳ khưu Bàkula chẳng hề có bệnh tật hay đau ốm gì cả. Bởi vậy, Đức Thế Tôn mới khen ngợi, tán dương tỳ khưu Bàkula là *cao quý, là ưu hạng không ai sánh bằng!* Đại vương đã hiểu tự sự, đầu đuôi gốc ngọn rồi chứ?

- Vâng, vâng! Trẫm rất hoan hỷ, hoan hỷ đệ nhất!

130. Thần thông của đức Mục-kiền-liên không đương cự nổi thần lực của kẻ giết ngài?

- Bạch đại đức! Trẫm có nghe rằng, Đức Thế Tôn thường tán dương thần thông của đức Mục-kiền-liên là tối thượng, là vô thượng, là bất khả tư nghì, chẳng ai trong hàng Thánh văn đệ tử có thể so sánh được, điều ấy đúng chăng?

- Tâu, rất đúng ạ!

- Vậy thì thần lực của bọn cướp giết ngài chắc phải tối thượng hơn thế? Nếu không, sao ngài lại để cho bọn cướp giết, băm vằm xác thân ngài hàng trăm mảnh như thế? Lúc ấy, thần thông bất khả tư nghì của ngài đâu mà không mang ra để đương cự với bọn ấy? Trẫm hoài nghi là đức Mục-kiền-liên chẳng có thần thông gì ráo? Hoặc nếu có cũng thua gươm, đao, đùi, gậy của bọn cướp? Xin đại đức bi mẫn giảng cho trẫm thông điều ấy.

- Đại vương! Thần thông có năng lực bất khả tư nghì mà nghiệp quả cũng có năng lực bất khả tư nghì!

- Đại đức có lạc đề không đấy?

- Không lạc đề đâu, đại vương hãy nhẫn nại.

- Vậy thì xin đại đức giảng rộng cho nghe.

- Vâng, đại vương hãy nghe đây. Có hai loại bất khả tư nghì (*dve-acinteyya*), đó là thần thông xuất thế gian (*lokuttara iddhi*), và năng lực của nghiệp quả (*kamma vipàka iddhi*). Thần thông xuất thế gian là thần thông của Phật Toàn Giác, của Phật Độc Giác và của Phật Thinh Văn Giác. Chỉ riêng thần thông của Phật Toàn Giác là không một năng lực nào có thể xâm phạm được dù là năng lực bất khả tư nghì của nghiệp quả. Thần thông của Phật Độc Giác và Phật Thinh Văn Giác còn non yếu, chưa toàn hảo nên khi nghiệp quả đến, sức mạnh bất khả tư nghì của nó có thể phá vỡ xâm phạm được. Đây là trường hợp của Đại Mục-kiền-liên. Ngài dù có thần thông đệ nhất trong hàng Thinh Văn, thần thông ấy vẫn còn non yếu, chưa toàn hảo nên đã bị năng lực của quả nghiệp xâm phạm, phá vỡ. Chẳng hay đại vương đã thấy rõ điều ấy chưa?

- Ngài Mục-kiền-liên tạo tội gì mà quả nghiệp lại kinh khiếp, cường liệt như thế?

- Một kiếp quá khứ, ngài nuôi một bà mẹ mù lòa. Người vợ của ngài thấy bà mẹ chồng là một gánh nặng nên tìm cách hãm hại. Ngày này sang ngày khác, bà tìm cách ly gián, đâm thọc, vu cáo, xúc xiểm... rất là cay chua và độc ác. Bà đã biến mẹ của chồng từ một người hiền lành trở thành một bà già khó tính, ác đức trong mắt của chồng. Đến một lúc, vì tin vợ, ngài đã không còn chịu nổi mẹ nữa, theo lời vợ, bỏ mẹ lên xe đem thả giữa rừng. Cũng theo kế của vợ, cả hai vợ chồng bèn giả kẻ cướp đón đường la hét, đánh đập rất là hung dữ. Người mẹ mù lòa trong cơn sợ hãi, không nghĩ đến bản thân mình, chỉ nghĩ đến đứa con, thương con bị đánh giết, nên đã la lớn lên rằng: "*Tàta con oi! Hãy chạy thoát thân đi, mẹ già rồi, hãy bỏ mặc mẹ, để mẹ đi theo nghiệp của mình. Con hãy*

chạy đi!". Xúc động trước tấm lòng của mẹ, ngài hối hận, đem mẹ về nuôi dưỡng như trước để đáp đền ân đức.

Vì nguyên nhân của ác nghiệp ấy mà Đại Mục-kiền-liên phải trả quả báo bị kẻ cướp đánh chết liên tục bốn trăm chín chín kiếp. Đến kiếp cuối cùng này, mặc dù đã đắc quả Thánh và có thần thông đệ nhất, vẫn không ngăn chặn nổi sức mạnh của nghiệp ác thuở trước còn dư sót.

Đức vua Mi-lan-đà bắt giác thốt lên:

- Thật là khiếp!

- Vâng, thật là kinh khiếp. Ví như đức vua chí tôn trong một nước, oai lực bao trùm khắp quốc độ, bao trùm cả văn võ triều thần, quan quân, muôn dân bá tánh. Chẳng ai trong nước có oai lực bằng đức vua như thế nào thì thần thông xuất thế gian cũng có oai lực như thế ấy, chẳng có sức mạnh thế gian nào so sánh được. Tuy nhiên, khi đức vua ấy hết phước, nghiệp đến, thì oai lực của đức vua chẳng thể nào đương cự được với tử thần. Sức mạnh của tử thần phá vỡ, xâm phạm oai lực của đức vua như thế nào, thì sức mạnh của quả nghiệp cũng phá vỡ, xâm phạm năng lực thần thông y như thế đó, tâu đại vương!

- Trẫm đã hiểu.

- Ví như có một tên cướp hung dữ, đã mất hết thiện tâm, nó giết người, cướp của, phá xóm, phá làng, chẳng ai có khả năng làm cho nó sợ hãi. Bà con, quyền thuộc, cha mẹ, anh chị, cô bác, xóm giềng không ai có thể khuyên răn, giáo dục cho nó cải ác tùng thiện được. Tuy nhiên, quan quân và pháp luật của đức vua có một oai lực lớn hơn, chẳng ai có thể ngăn cản đức vua bắt giữ và trị tội tên cướp ấy. Năng lực thần thông của Đại Mục-kiền-liên so với năng lực quả nghiệp hung dữ mà ngài đã tạo cũng y như thế đó, tâu đại vương!

- Năng lực của quả nghiệp hay là thần lực của bọn cướp, tâu đại vương?

- Khi nghiệp trở quả, bọn cướp mới ra tay được, khi nghiệp chưa trở quả thì một vạn lần như bọn cướp ấy có thể làm gì trước thần thông bất khả tư nghì của ngài?

- Vâng, trẫm rõ rồi!

131. Kiếp áp chót, tại cung trời Đẩu suất, Đức Bồ-tát quán xét thế gian để làm gì?

- Bạch Đại đức! Một bậc Toàn Giác sau khi công hạnh ba la mật sắp viên mãn, kiếp áp chót tại cung trời Đẩu-suất-đà sanh xuống thế gian, có lẽ ngài đã biết rõ: *Phật phụ và Phật mẫu do nhân duyên nhiều đời đã chờ đợi sẵn?*

- Tâu, vâng!

- Các bậc tối thượng Thịnh Văn cũng y như thế?

- Tâu, vâng!

- Các vị đại thí chủ trong hàng vua chúa, triệu phú... cũng đã được nhân duyên sắp đặt?

- Tâu, vâng!

- Thế là các vị đại bồ-tát cái gì cũng biết trước do công hạnh ba la mật và nhân duyên nhiều đời. Nhưng sao trong kinh có nói rằng: *Đức đại bồ-tát kiếp áp chót tại cung trời Đẩu-suất-đà trước khi giáng thế, ngài phải quán xét thế gian xem thử có hội đủ tám điều kiện như sau không:*

Một là, Kàlamviloketi: xem xét thời kỳ thích hợp.

Hai là, Dìpam viloketi: xem xét trong bốn châu xem thử châu nào thích hợp (Nam Thiên bộ châu).

Ba là, Desam viloketi: xem xét quốc độ thích hợp (Trung Ấn độ).

Thứ tư, Kulam viloketi: xem xét giòng họ, gia tộc thích hợp.

Thứ năm, Janettim viloketi: xem xét Phật mẫu thích hợp (có phải là người mẹ nhiều đời đã có lời nguyện thành Phật mẫu hay không).

Thứ sáu, Ayum viloketi: tuổi thọ của chúng sanh thích hợp (khoảng một trăm tuổi thọ).

Thứ bảy, Màsam viloketi: ngày tháng giáng sinh thích hợp.

Và thứ tám, Nekkhamma viloketi: rừng núi nào sẽ xuất gia, tu tập thích hợp.

Đức đại bồ-tát đã biết trước rồi, thế thì tại sao lại còn quán xét tám điều kiện như đã nêu trên? Việc làm ấy có thừa không? Có vô ích không?

Đại đức Na-tiên đáp:

- Mặc dầu đại bồ-tát biết trước nhưng vẫn quán xét, tâu đại vương! Sự quán xét ấy là việc làm bình thường. Ví như một người bán hàng, vốn biết rõ trong gian hàng của mình còn những thứ gì, nhưng khi bán cũng phải xem xét, cẩn thận coi lại một lượt nữa. Ví như loài voi, biết và thấy rõ đường đi của nó, nhưng khi đi phải đưa cái vòi xem xét, rà soát lại. Ví như viên thuyền trưởng dong thuyền ra khơi, mặc dù dạn dày kinh nghiệm nhưng khi đi cũng phải xem xét phương hướng, luồng lạch cẩn thận. Ví như một người lái buôn vận chuyển hàng chục xe bò đường xa, qua sông nào, bến xuống, bến lên như thế nào, y nắm rất vững nhưng không phải vì thế mà không xem xét lại. Ví như vị lương y tài giỏi kia, sau khi hỏi về bệnh trạng, quan sát người bệnh; đã nắm chắc được bệnh tình, nhưng khi bốc thuốc cũng phải xem mạch lại mới quyết định. Ví như một con rắn độc từ hang bò đi, nó biết rõ miệng hang, nhưng khi đi, vẫn quay lại nhìn miệng hang một lần nữa. Ví như một vị tỳ khưu khi sử dụng tứ sự là vật thực, y phục, chỗ ở, thuốc chữa bệnh, vốn biết rõ chúng chỉ là vật tạm dùng, chỉ là phương tiện để tu tập, nhưng cũng phải tụng kinh quán tưởng v.v...

Tâu đại vương! Qua những ví dụ như trên để biết rằng, sự quán xét tám điều của đức bồ-tát là việc làm bình thường, cần thiết, chẳng phải vô ích, vô bổ như đại vương nghĩ đâu!

- Thưa vâng, cảm ơn trí tuệ quảng bác của đại đức!

132. Rơi đi bằng phi pháp? Rơi đi bằng pháp? Cắt đứt sự rơi?

-Thưa đại đức! Đức Thế Tôn có thuyết rằng: "*Này các thầy tỳ khưu! Các thầy đừng nên để cho thân các thầy rơi đi bằng phi pháp, nếu có rơi thì cũng nên để cho rơi bằng pháp*". Lời tuyên bố ấy có đúng chăng? Và nghĩa của nó là thế nào?

- Tâu đại vương! Lời tuyên bố ấy chính là của Đức Tôn Sư. Và nghĩa của nó là như sau: rơi đi, té xuống, rơi xuống (*pàtana*) là câu nói thuộc về pháp ngữ; hàm chỉ cái thân của chúng sanh phải sanh lại, phải tái sanh! Nghĩa là nếu có sanh trở lại thì nên sanh bởi pháp chứ không nên sanh trở lại bằng phi pháp!

- Thế nào là không nên sanh lại bằng phi pháp, và nên sanh lại bằng pháp?

- Tâu, có pháp, bằng pháp nghĩa là có giới; phi pháp, không có pháp nghĩa là không có giới. Nói cách khác, Đức Thế Tôn muốn giáo giới chư tỳ khưu hãy tinh tấn hộ trì giới bổn, thu thúc lục căn, làm cho thân, khẩu, ý được thanh tịnh - thì

các đời sống trong tương lai sẽ được an vui, hạnh phúc; ấy là cách nói: "*nên rơi đi bằng pháp*". Nếu trái lại, sống mà không hộ trì giới bổn, không thu thúc lục căn; thân, khẩu, ý buông lung, phóng dật thì các kiếp hậu lai sẽ gặt lấy kết quả đau khổ, phiền não. Ấy là cách nói: "*đừng rơi đi bằng phi pháp*"!

- Giới quan trọng như vậy sao?

- Tâu, quả đúng như vậy! Giới có công năng diệt trừ tất cả mọi đau khổ phiền não của chúng sanh. Rải rác trong kinh, chỗ này chỗ kia, Đức Phật thường ví giới như một loại thuốc có thể diệt trừ tất cả mọi loại độc, nhất là độc phiền não. Giới như một loại thuốc trị bệnh, có công năng đối chứng trị liệu tất cả tâm bệnh phiền não của chúng sanh. Giới ví như một loại nước trong mát, có thể rửa sạch mồ hôi, bụi đất, đồ dơ bẩn dính ở nơi thân, tức là bụi bặm dơ uế của phiền não. Giới ví như ngọc ma-ni có tên gọi là ngọc như ý, có thể làm cho thành tựu tất cả mọi nguyện vọng, mong mỏi của chúng sanh. Giới ví như chiếc thuyền lớn, có thể vượt qua khỏi bốn dòng nước cuồng lũ - tức là sanh, già, đau, chết. Giới ví như chiếc xe lớn có khả năng đi qua được bốn con đường hiểm trở cam go - tức là sanh, già, đau, chết. Giới ví như một trận gió lớn có thể thổi tắt tức khắc ba loại lửa là lửa tham, lửa sân và lửa si. Giới ví như một đám mưa lớn có thể thỏa mãn được cho dân chúng trong mùa hạn hán. Giới ví như một bậc thầy sáng suốt, hiền đức luôn dạy học trò những việc thiện, những điều lành, tốt. Giới ví như một người chỉ đường có đầy đủ lương năng và tâm từ ái, luôn luôn vui vẻ đối với kẻ lạc đường; chỉ cho họ bỏ đường mê về với nẻo sáng, đường tà trở lại với đường chánh.

Tâu đại vương! Công năng của giới là vô lượng, vô hạn, bất khả tư nghì. Không những giới sẽ thành tựu những đức tính cao quý tốt đẹp cho con người, tạo nên y báo, chánh báo mỹ toàn và sang cả; mà còn giúp cho chúng sanh vượt thoát bốn nỗi sợ hãi to lớn của đời người tức là sanh, già, bệnh, chết nữa!

Đấy là những lợi ích của giới, tức là lợi ích của những người "*hãy nên rơi đi bằng pháp*" đấy, tâu đại vương!

- Thừa đại đức! Đức Đại Bi cấm chế giới luật vì những lợi ích thiết thực và thù thắng như thế, trăm đã hiểu rồi. Có rơi đi, có chết đi, có sanh lại cũng bằng pháp chứ không phải bằng phi pháp. Cũng có nghĩa là các thầy tỳ khưu hãy hộ trì giới, nâng đỡ giới, đừng để cho giới hư hỏng, tiêu hoại; đúng như lời của Đức Ca-diếp đồng tử (*Kumàra Kassapa*) đã thuyết: "*Các bậc sa-môn, bà-la-môn thực*

hành giới, có pháp, có hạnh kiểm tốt đẹp hằng sống trong thế gian vì lợi ích cho mình và cho người khác".

- Đại vương đã hiểu rất đúng đắn.

- Nếu như có giới, có pháp, có hạnh kiểm tốt đẹp, lợi ích cho mình và tha nhân như thế; tại sao Đức Thế Tôn lại còn thuyết về "*cắt đứt sự rơi đi*", nghĩa là cắt đứt sự sanh, già, đau, chết; nghĩa là chấm dứt sự tái sanh, sự trở lại thế gian dù sự trở lại ấy là tốt đẹp, là lợi ích cho mình và người?

- Đức Thế Tôn đã thuyết với pháp tuần tự, thứ lớp. Đầu tiên, ngài dạy chư tỳ khưu đừng cho rơi đi bằng phi pháp, sau đó là nên rơi đi bằng pháp. Rơi đi bằng pháp có lợi ích cho mình và tha nhân như đại vương đã hiểu. Tuy nhiên, cứu cánh của sa môn hạnh không phải dừng lại ở đó, vì "*rơi đi bằng pháp*" vẫn còn đau khổ, phiền não. Muốn được an vui tuyệt đối thì cần phải "*cắt đứt luôn sự rơi đi*"; nghĩa là không còn cả sự sanh kia nữa, tâu đại vương!

- Xin đại đức hãy giảng rộng điều ấy.

- Vâng. Còn rơi đi, còn sanh lại, là còn biết bao nhiêu cái khổ mà chúng sanh phải gánh chịu như là một cái gì tất yếu, lắm nghiệt ngã. Đại vương hãy nghe một số khổ kéo theo "*Khổ sanh*" (*Jàtipi dukkhà*):

Sự khổ do thân thể suy nhược, già yếu.

Sự khổ do bệnh hoạn, ốm đau.

Sự khổ do thân thể tan rã, hủy diệt, tử vong.

Sự khổ do sầu khổ, thương nhớ.

Sự khổ do khóc than, uất ức, yêu thương, chia lìa v.v...

Sự khổ do trái ý, nghịch lòng v.v...

Ở một chỗ khác, Đức Thế Tôn lại nói đến những cái khổ khác, theo cách khác:

Sự khổ do phải gần gũi, thân cận người mà mình không thích, tức là kẻ mà mình oán thù, kẻ nghịch hoặc người mình ghét (*oán tăng hội khổ*).

Sự khổ do xa cách, biệt ly người mình yêu thương ví như cha mẹ, vợ chồng, con cái, quyến thuộc (*ái biệt ly khổ*). Hoặc có sự náo hại, hư hại, tai ương, hoạn nạn đến cho những người mình yêu thương cũng phát sanh sự khổ.

Vật sở hữu, của cải, tài sản, vật thực bị hư hao, mất mát... cũng phát sanh khổ.

Ngoài ra, còn rất nhiều sự khổ phát sanh do sợ hãi:

Sợ hãi do giới đã thọ trì bị hư hoại, sợ sẽ tái sinh trong khổ cảnh.
Sợ hãi vi phạm luật vua, phép nước mà bị trọng tội, tù ngục, tử hình.
Sợ hãi kẻ trộm cắp, cướp của, giết người.
Sợ hãi nạn lửa.
Sợ hãi nạn nước lũ phá nát ghe thuyền, nhà cửa ngập lụt, ruộng vườn tiêu hoại
hoa màu ...
Sợ hãi sóng to, thuyền đắm chìm mất của cải, hàng hóa.
Sợ hãi cá sấu dữ.
Sợ hãi chỗ nước xoáy.
Sợ hãi cá đao, cá mập có răng dài.
Sợ hãi vì lời nói lời sai quấy, xằng bậy, không chính đáng, phi pháp.
Sợ hãi chấm dứt mạng sống.
Sợ hãi bốn đường dữ.

Rồi còn những sợ hãi do bị cắt tay chân, bị nhục hình, tật nguyên... thật là vô số kể ở các kiếp sống trả vay, nhân quả trong sáu đường.

Tâu đại vương! Nói tóm lại, không biết bao nhiêu là thống khổ khi còn phải tái sinh trong thế gian này. Ví như dòng chảy từ Hy-mã-lạp sơn của con sông đại Hằng đã cuốn theo mình nó không biết bao nhiêu đất đá, cát sỏi, cành cây, rễ cây, gốc cây, rác rêu, gỗ mục, xác chết sinh vật ... Cũng vậy, dòng sinh tử *ái hà cuồng lưu* chảy xiết ấy nó cũng đầy rẫy những nỗi thống khổ không thể đếm được. Chính những thứ sợ hãi lớn và vô lượng quả báo nghiệp mà chúng sanh phải gánh chịu khi còn phải quần quanh trong vòng luân hồi, nó tạo ra các sự thống khổ kia!

Tâu đại vương! Còn sanh, già, đau, chết là còn đau khổ, phiền não. Muốn chấm dứt đau khổ, phiền não, để đạt được hạnh phúc siêu thế là đạo quả Niết bàn thì phải cắt đứt sự sanh, diệt tất sự tái sinh. Đức Thế Tôn dạy cho chư tỳ khưu Tăng, các hàng Thánh Văn vượt qua sanh, già, đau, chết là vì lẽ ấy.

Đại vương đã hiểu rõ tại sao lại "*cắt đứt sự rơi*" chưa?

- Thưa, rất rõ ạ! Như thế, Đức Thế Tôn đã thuyết về lý "*vô sanh*" theo cách khác, phải chăng?

- Tâu, vâng!

- Cảm ơn đại đức!

133. Tâm từ vô lượng không tiêu trừ được các sự họa hại?

- Thừa đại đức! Có phải *từ vô lượng tâm* có một oai lực rất to lớn?

- Tâu, vâng!

- Có phải Đức Thế Tôn có thuyết rằng: *Thầy tỳ khưu thực hành tâm từ, làm cho sung mãn tâm từ ... sẽ có được mười một quả báo sau đây:*

Thứ nhất, ngủ được an vui.

Thứ hai, thức được an vui.

Thứ ba, không nằm thấy ác mộng.

Thứ tư, được mọi người thương yêu.

Thứ năm, phi nhân quý mến.

Thứ sáu, thường được chư thiên hộ trì.

Thứ bảy, lửa, thuốc độc, khí giới không làm hại được.

Thứ tám, tâm nhập thiền một cách mau lẹ.

Thứ chín, sắc mặt trong sáng, tươi tỉnh.

Thứ mười, được bình tĩnh lúc lâm chung.

Và thứ mười một, nếu chưa đắc đạo quả, lúc chết được sanh về cõi trời Phạm thiên.

Điều ấy có chắc thật không, thừa đại đức?

- Tâu, đúng thật là vậy.

- Thế sao có một lần, bồ-tát Suvanna Sàma ở trong Hy-mã-lạp sơn, tu tập *từ vô lượng* rất tinh tấn. Một hôm, đức bồ-tát đi múc nước dưới suối về nuôi cha mẹ, bị mũi tên độc của đức vua Kapila bắn trúng, đau đớn gần như chết rồi ngã ra bất tỉnh.

Thừa đại đức! Người niệm tâm từ vô lượng, lý ra có thể ngăn ngừa được mọi điều họa hại, nhưng ở đây, rõ ràng là tâm từ không có tác dụng, vô hiệu quả, không thể bảo vệ được sự an toàn sanh mạng. Vậy tu tập *từ vô lượng* xem ra không lợi ích gì cả.

- Xin đại vương hãy kham nhẫn, bần tăng sẽ giải thích. Trước đây đại vương là một vị danh tướng đã nhiều lần xông pha trận mạc, chắc đại vương thường hay mặc áo giáp chứ?

- Vâng, trước mũi tên hòn đạn, không có áo giáp làm sao bảo vệ mình được?
- Thế đại vương có thường xuyên mặc áo giáp không?
- Chỉ khi ra trước trận mà thôi, còn khi ngủ nghỉ, ăn cơm... nghĩa là trong doanh trại của mình thì không cần thiết.
- Khi ấy nếu có kẻ địch bắn lên đại vương, chắc đại vương sẽ gặp nguy hiểm tánh mạng chứ?
- Vâng, chắc chắn là sẽ nguy.

Đại đức Na-tiên chậm rãi nói tiếp:

- Tâm từ cũng như mặc áo giáp vậy, tâu đại vương. Khi mặc áo giáp thì có thể bảo vệ được sự an toàn, nhưng khi không mặc áo giáp thì có thể bị hiểm nguy.

Bồ-tát Suvanna Sàma tu tập từ vô lượng, có thể tâm từ ấy rất sung mãn; nhưng khi ngài xuống suối mức nước, lội đi cheo leo hiểm trở, hũ nước lại nặng nên thân thể sẽ bị mệt mỏi, đau nhức. Và khi mà mệt mỏi, đau nhức khởi sanh thì tránh sao khỏi sự lơ là, thất niệm không còn an trú ở tâm từ vô lượng nữa? Như vậy, mũi tên độc của đại vương Kapila bắn ra khi bồ-tát Suvanna Sàma đã cởi "*áo giáp tâm từ*" nên bị họa hại là điều dĩ nhiên, tâu đại vương!

- Có thể là vậy lắm!

- Lại nữa, ví như tương truyền rằng ở cõi trời có một loại rễ cây kỳ lạ. Ai có rễ cây ấy thì biết tàng hình, đi giữa đám đông người không ai phát giác. Nó có công năng che mắt mọi người. Nếu khi không có rễ cây thì không thể tàng hình được.

Lại nữa, ví như một cái hang, một cái động có thể che mưa, đỡ nắng cho các hàng tu sĩ, đạo sĩ; nhưng nếu lia khỏi hang động, ngồi giữa trời thì làm sao lại có thể tránh nắng, tránh mưa?

Tâm từ phải thường xuyên được tu tập, làm cho sung mãn, thường được an trú bất luận ngày hay đêm thì chắc chắn mười một quả báo thù thắng như đại vương nêu trên, nhất định sẽ trở quả cho hành giả. Và những họa hại do lửa, thuốc độc, khí giới ... sẽ được bảo vệ, ngăn chặn. Công năng của tâm từ vô lượng ví như áo giáp ngăn tên, như rễ cây tàng hình, hang động che nắng mưa, chắc đại vương không còn hoài nghi nữa?

- Thừa vâng!

134. Quả của thiện và ác nghiệp rất lạ lùng

- Thừa đại đức! Một nhóm người tạo thiện nghiệp, một nhóm người tạo ác nghiệp, khi lâm chung, quả báo của họ như thế nào? Bằng nhau, khác nhau, nhiều ít ra sao, đi chung đường hay khác đường? Xin đại đức bi mẫn chỉ giáo cho trẫm!

- Tâu! Người tạo thiện nghiệp, khi lâm chung thì hướng mặt đi đến cõi trời. Người tạo ác nghiệp, khi lâm chung thì rớt xuống bốn con đường đau khổ, nhất là địa ngục. Quả báo khác nhau rất rõ ràng, kẻ đi lên, người đi xuống, làm sao lại có thể chung đường được hờ đại vương?

- Có thật vậy không, đại đức? Đọc kinh truyện, trẫm thấy quả của thiện, ác nghiệp ấy rất lạ lùng, không giản đơn như đại đức nghĩ đâu!

- Xin đại vương hãy dẫn chứng.

- Vâng! Chỉ nói riêng về Đức Phật và Đề-bà-đạt-đa thôi, cũng đã không thể hiểu rồi. Đức Phật và Đề-bà-đạt-đa là đại biểu cho hai thái cực: một bên đại thiện, một bên đại ác; một bên trong sáng cao đẹp, thanh khiết, một bên bụi bặm, xấu xa, dơ uế ... Theo lý nhân quả thì ai xuống, ai đi lên đã rõ ràng; ai được an vui, ai bị khổ thật không cần thiết phải đem ra minh chứng nữa. Nhưng ...

- Xin đại vương cứ tiếp tục!

- Vâng! Trong rất nhiều kiếp, Đề-bà-đạt-đa lại có chức phận lớn hơn Đức Phật; y báo, chánh báo đều tốt đẹp và sang cả hơn Đức Phật, có quyền hành, địa vị, sanh thú cao hơn Đức Phật ... là nghĩa làm sao? Có lạ lùng không chứ? Chẳng lẽ nhân quả thiện ác có chỗ bất minh?

- Xin đại vương cho ví dụ!

- Ví dụ như có kiếp Đề-bà-đạt-đa làm quân sư cho đức vua xứ Bārāṇasī, bồ-tát của chúng ta sanh ở trong giai cấp hạ tiện Candāla, làm nghề trồng cây, có tài làm cho xoài có trái sai mùa. Vậy thì thiện nghiệp của bồ-tát ở đâu mà sanh thú lại thấp thỏi hơn Đề-bà-đạt-đa tạo ác nghiệp?

- Vâng, quả thật là có kiếp ấy.

- Vậy mà kiếp sau, Đề-bà-đạt-đa làm vua xứ Bārāṇasī, bồ-tát của chúng ta sanh làm con voi trắng có tên là "*Hạnh phúc*" để cho Đề-bà-đạt-đa cỡi trên lưng! Như thế đó!

- Tâu, quả có như vậy.
- Lại nữa, kiếp sau nữa, Đề-bà-đạt-đa sanh làm người, bồ-tát sanh làm con khỉ chúa!
- Vâng!
- Kiếp khác nữa, Đề-bà-đạt-đa vẫn làm người, còn bồ-tát sanh làm con voi chúa, có sáu ngà, tên là Chaddanta. Đề-bà-đạt-đa lại săn đuổi, bắn giết con voi chúa ấy để lấy ngà!
- Quả đúng vậy.
- Chưa hết đâu! Kiếp sau đó nữa, Đề-bà-đạt-đa vẫn làm người, bồ-tát sanh làm con chim đa-đa, bị Đề-bà-đạt-đa giết chết!
- Tâu, vâng!
- Kiếp nữa, Đề-bà-đạt-đa làm vua xứ Kàsi tên là Kalàbu, bồ-tát là một đạo sĩ tu hạnh nhẫn nhục, sau bị đức vua ấy giết!
- Đại vương nhớ túc sanh truyện vậy thay!
- Vâng, còn nữa. Đề-bà-đạt-đa tuy giết bồ-tát mãi như thế, nhưng sanh lại vẫn làm người, tu đạo lửa thể có tên là Korambhira. Còn bồ-tát thiện nghiệp tốt đẹp đâu không thấy, lại sanh làm long vương có tên là Candaraka!
- Xin đại vương cứ cho nghe tiếp.
- Vâng! Sau đó, Đề-bà-đạt-đa vẫn làm đạo sĩ, có tên là Jalita, bồ-tát làm con heo lớn có tên là Dacchaka!
- Tâu, vâng!
- Một kiếp nữa, Đề-bà-đạt-đa làm vua, có tên là Uparipa, bồ-tát của chúng ta may mắn được làm người, dòng dõi bà-la-môn, có tên là Kapila.
- Tâu, vâng.
- Đề-bà-đạt-đa vẫn được làm người, có tên là Sàma, bồ-tát làm chúa loài thú có tên là Uru!
- Quả đúng vậy.

- Đề-bà-đạt-đa vẫn làm người, là thợ săn tên là Surà-ma. Bồ-tát sanh làm tượng vương? Tên thợ săn kia đã theo cưa sừng bồ-tát tới bảy lần!

- Thật là độc ác!

- Độc ác vậy nhưng kiếp sau Đề-bà-đạt-đa vẫn được làm vua, có tên là Lingala. Bồ-tát may mắn được làm người trí thức trong quốc độ ấy, có tên là Vidhura!

- Bàn tăng biết!

- Còn nữa. Sau đó, không biết tại sao Đề-bà-đạt-đa sanh làm voi, dẫm chết bồ-tát là con chim cú (để trứng dưới đất).

- Tâu, vâng!

- Kiếp nọ, Đề-bà-đạt-đa lại làm vua xứ Brahmadata, bồ-tát là hoàng tử, con của đức vua ấy, có tên là Paduma. Đức vua Brahmadata đã quăng hoàng tử Paduma xuống hố sâu cho chết.

- Vâng!

- Đề-bà-đạt-đa ác độc thế nhưng tiếp tục làm vua có tên là Mahapatapa. Đức vua ấy lại tìm cách giết con mình, là đông cung thái tử, có tên là Dhammapala, tức là bồ-tát của chúng ta.

- Vâng!

Đến đây, đức vua Mi-lan-đa chậm rãi nói:

- Người làm thiện được vui, người làm ác bị khổ - là hoàn toàn sai lầm. Qua mười sáu ví dụ trên, rõ là bồ-tát luôn luôn bị quả báo đau khổ hơn dù ngài làm việc đại thiện; còn Đề-bà-đạt-đa tuy làm ác nhưng vẫn nhởn nhơ sung sướng, vẫn ở trên bồ-tát, nắm quyền sinh sát bồ-tát! Đại đức nghĩ thế nào?

- Chắc vẫn có kiếp hai người sanh thú bằng nhau, địa vị ngang nhau chứ?

- Vâng. Một kiếp Đề-bà-đạt-đa làm dạ xoa có tên là Adhamma. Bồ-tát cũng làm dạ xoa, có tên là Sudhamma! Cái tên dấu khác nhau, một bên là phi pháp (*Adhamma*), một bên là thiện pháp (*Sudhamma*) nhưng cũng chỉ là thân dạ xoa thôi!

- Tâu, vâng!

- Có kiếp Đề-bà-đạt-đa làm người chủ thuyền có năm trăm tùy tùng, bồ-tát của chúng ta cũng y như thế.

- Tâu, vâng.

- Kiếp kia Đề-bà-đạt-đa làm chúa đàn nai có tên là Sàkha, bồ-tát của chúng ta cũng là chúa đàn nai có tên là Nigrodha!

- Tâu, vâng!

- Kiếp nọ, Đề-bà-đạt-đa là chủ buôn xe bò có năm trăm tùy tùng; Bồ-tát cũng y như thế.

- Tâu, vâng!

- Thừa đại đức! Trăm nghìn cứu tiền thân Phật không nhiều, nhưng chỉ đếm được bốn kiếp ấy là quả báo bằng nhau mà thôi. Quả báo bằng nhau trong lúc thiện và ác nghiệp khác nhau, không là điều đáng nghi vấn sao?

- Vâng, thế có kiếp nào đức Bồ-tát hơn Đề-bà-đạt-đa chăng?

- Không kể kiếp chót thành Phật - thì chỉ có hai kiếp.

- Cho xin nghe, tâu đại vương!

- Đó là một kiếp Đề-bà-đạt-đa làm tay thủ lĩnh tên là Alàta, còn đức Bồ-tát làm vị Phạm thiên tên là Nàrada!

- Tâu, vâng!

- Và kiếp áp cuối khi Bồ-tát đại thí bồ túc ba-la-mật làm thái tử Vessantara thì Đề-bà-đạt-đa làm lão bà-la-môn ăn xin đến xin hai trẻ!

- Tâu, vâng!

- Còn kiếp cuối thì tương tự nhau thôi. Bồ-tát làm thái tử Siddhattha con vua Suddhodana, Đề-bà-đạt-đa làm hoàng tử con vua Suppabuddha. Đề-bà-đạt-đa xuất gia trong giáo hội của Đức Tôn Sư, đắc thế gian thiên, được ngũ thông, lại còn tìm cách giết Đức Phật, chia rẽ tăng già nữa.

Như vậy, rõ ràng Bồ-tát sinh ở đâu, Đề-bà-đạt-đa cũng sinh ra ở đó. Và chức phận, địa vị, sanh thú, tiền bạc, của cải, quyền lực của Đề-bà-đạt-đa luôn luôn là ở trên Bồ-tát, luôn tìm cách giết hại Bồ-tát, làm khổ Bồ-tát! Còn các kiếp Đề-bà-đạt-đa phước báu ít hơn hoặc ngang bằng thật không đáng kể. Nhưng các kiếp

ấy bò-tát cũng có ở yên với Đề-bà-đạt-đa đâu, vẫn bị Đề-bà-đạt-đa làm hại, làm khổ, bằng cách này hay cách khác!

Xin thưa, đại đức hãy giải nghi cho trẫm?

- Tâu, vâng! Đại vương, nếu đại vương có ở trên tay vài chục hạt cát, thì vài chục hạt cát ấy so với cát ở sông Hằng thì thế nào?

- Không thể so sánh được, vì cát của sông Hằng là vô lượng, vô biên không thể đếm được.

- Cũng thế là vài chục kiếp sống mà đại vương đưa ra so với vô lượng vô biên kiếp sống mà bò-tát và Đề-bà-đạt-đa trải qua. Đề-bà-đạt-đa không phải chỉ có làm ác ở trong các kiếp mà đại vương nêu ra, ông cũng làm thiện rất nhiều. Có nhiều kiếp ông làm kẻ thiện tâm, hằng giúp đỡ đến cho những người đói khổ. Vài kiếp, ông làm chức xã trưởng đạo đức, hiền thiện... đã giúp cho địa phương ấy phồn thịnh và hạnh phúc an vui. Đôi kiếp, ông cũng làm cầu, làm đường, làm nhà nghỉ tạm cho thập phương, lập bệnh xá từ thiện, đào hồ nước và làm giếng nước ở nơi công cộng. Lại còn biết cúng dường đến sa môn, bà-la-môn và bố thí cơm nước, vật thực đến người hoạn nạn, cơ bần ... nữa.

Như vậy, các kiếp mà đại vương nêu ra, không phải là những kiếp nối liền, nhân của kiếp này làm quả cho kiếp kia; ấy chỉ là một số kiếp hy hữu mà bò-tát và Đề-bà-đạt-đa gặp nhau, tạo oan trái với nhau. Như một con rùa mù ở giữa biển khơi, lâu lâu, trăm năm, ngàn năm mới gặp được một phiến gỗ nổi, một bọng cây nổi... Sự gặp gỡ giữa bò-tát và Đề-bà-đạt-đa cũng hy hữu như thế. Bò-tát gặp Đề-bà-đạt-đa chỉ có vài chục kiếp, trong lúc bò-tát gặp đức Xá-lợi-phất đến hàng ngàn hàng vạn kiếp; khi thì làm cha con, anh em, ông cháu, bạn bè, thân quyến ... thật không thể đếm hết được. Như thế, bò-tát trong các kiếp sinh tử quần quanh, không những chỉ gặp Đề-bà-đạt-đa mà còn gặp Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, các vị trưởng lão ... nói chung, là cả hội chúng của ngài nữa. Ở đây gồm người tốt, người xấu, kẻ thương yêu vừa lòng, người ngỗ nghịch ghét bỏ, hạng độc ác khó dung, bậc thiện hiền đáng kính. Đủ cả. Ví như dòng nước từ non cao chảy xuống biển khơi, đâu phải dòng nước ấy chỉ gặp những xác chết sinh vật hôi thối, mà còn gặp đá sạn, củi rêu, trầm hương, gỗ mục, cành lá, trái cây, chùm hoa, rong rêu ... đủ thứ, đủ loại.

Làm thiện được quả báo tốt lành, làm ác bị quả báo hung dữ, ấy là định luật nhân quả tất yếu không sai trật. Vì ta không thấy hết, không biết hết nên sinh ra hoài nghi. Ví như kiếp Đề-bà-đạt-đa làm dạ-xoa tên là Adhamma mà đại vương

đã nêu ở trên. Dạ-xoa Adhamma là kẻ không trú trong pháp, là phi pháp (*Adhamma*), hành trược hạnh và ác đức; tuyên truyền, hướng dẫn kẻ khác thực hành trược hạnh và ác đức sai quấy như mình; hết kiếp ấy, dạ-xoa đọa địa ngục a-tỳ đến năm bảy koti và sáu vạn năm. Cùng kiếp ấy, bồ-tát làm dạ-xoa có tên là Sudhamma, là người trú trong pháp, khéo thực hành pháp (*Sudhamma*), làm việc thanh hạnh và thiện đức; rồi khuyên răn, hướng dẫn kẻ khác thực hành thanh hạnh và thiện đức như mình; hết kiếp ấy, dạ-xoa Sudhamma hưởng quả thiện báo ở cõi trời lâu chừng năm bảy koti và sáu vạn năm.

Đại vương! Đơn cử một ví dụ như thế để đại vương thấy rằng: đã vô lượng kiếp sau khi làm ác, Đề-bà-đạt-đa phải bị trả quả hung dữ, đau khổ như thường, nhưng Đức Phật không thể kể hết đó thôi. Đừng vì không thấy hết, không biết hết mà đại vương nghi ngờ định luật nhân quả rất công bằng và rất phân minh kia vậy!

Đức vua Mi-lan-đà im lặng giây lâu:

- Thế đức bồ-tát chuyên hành thiện mà sao vẫn bị quả dữ, thưa đại đức?

- Không, không phải vậy đâu. Bồ-tát tất là còn vô minh, phiền não. Còn vô minh, phiền não thì tránh sao được những hành động sai lầm? Do vậy, ngài phải bị trả quả đau khổ tương ứng với hành động sai lầm của mình. Đây cũng là điều tất yếu.

- Đã rõ, thưa đại đức!

135. Sự tà hạnh của người nữ?

- Thưa đại đức! Đức Thế Tôn có thuyết với đại ý rằng: "*Những người nữ trên thế gian này dễ làm điều đê hèn, thấp thỏi, tà hạnh nếu như họ có đủ điều kiện là thời gian, nơi kín đáo, có người đàn ông dụ dỗ, chọc gheo họ. Đừng nói là người trai có sắc đẹp, khỏe mạnh mà người trai xấu xí, tầm thường, người nữ vẫn bị quyến dụ như thường!*". Có phải có điều ấy không ạ?

- Tâu, vâng!

- Nhưng khi thuyết về bốn sanh, nói về người vợ của bồ-tát Mahosatha là bà Amaràdevi, lại không phải thế. Bà Amaràdevi dầu không có mặt chồng ở trong phòng kín với người đàn ông dụ dỗ mình - theo kế thử lòng của bồ-tát Mahosatha - bà vẫn không tà hạnh. Xem thế, lời tuyên bố ở trên của Đức Thế Tôn có quá đáng chăng? Có hạ giá phẩm hạnh của người nữ chăng? Có đưa

tay ra mà nắm cả bó đũa hay chĩa? Có nghiêng lệch về một phía bởi định kiến của mình hay chĩa? Mong đại đức giải nghi cho trăm điều này?

- Tâu đại vương! Quả là Đức Thế Tôn có dạy rằng người nữ hành động xấu xa, thấp thỏi khi hội đủ ba điều kiện: thời gian, nơi kín đáo và có người đàn ông dụ dỗ, chọc ghẹo. Nhưng các điều kiện đưa đến phạm tội ấy cũng phải được hiểu cho chính xác, nếu không đại vương sẽ hiểu lầm lời tuyên bố của Đức Đạo Sư!

- Xin đại đức giảng cho nghe?

- Tâu, vâng! Ví như điều kiện thứ nhất là "*thời gian*"! Đại vương hiểu như thế nào về chữ "*thời gian*"?

- Có thể hiểu ngay! ví dụ như lúc rảnh việc, lúc không có ai thấy, lúc người khác không nghi ngờ, lúc người chồng đi vắng, lúc ban đêm hoặc lúc có thể dễ dàng nêu lý do vắng mặt v.v... nghĩa là vào lúc mà thời gian thuận tiện nhất. Có phải "*thời gian*" là vậy không đại vương?

- Rất chính xác. Nhưng nếu có người nữ không cung kính chồng, không tốt với chồng, không hề sợ chê bai, không sợ địa ngục, không biết thế nào là đúng pháp, thế nào là phi pháp, không có tâm quý thì họ có cần điều kiện "*thời gian*" như đại vương nêu ở trên không?

- Đối với hạng nữ nhân ấy thì lúc nào, thời gian nào họ cũng có thể tà hạnh!

- Vâng! vậy thì đối với hạng nữ nhân đầu, thời gian nghĩa là có lúc, có khi thuận tiện; đối với hạng nữ nhân sau, thì thời gian dường như lúc nào cũng được. Tất cả đều là nghĩa về "*thời gian*", tâu đại vương!

- Nó rộng nghĩa như vậy sao đại đức! Nếu thế thì có yếu tố "*tâm*" xen dự vào đấy rồi!

- "*Thời gian*" đầu, ám chỉ cho hạng nữ nhân có tâm xấu ít. "*Thời gian*" sau, ám chỉ cho hạng nữ nhân có tâm xấu nhiều, tâu đại vương!

- Thế còn "*nơi kín đáo*" là chỗ khuất mắt, khuất tai, không ai thấy biết, phải thế không đại đức?

- Cũng không đơn giản như đại vương hiểu đâu. Chỗ mọi người không thấy, không biết thì đúng rồi; nhưng nếu phi nhơn, chư thiên, quỷ thần hay biết thì sao?

- A! Té ra còn điều này nữa!

- Rồi lại còn các bậc đặc thắng trí thần thông, họ có tha tâm thông nên thấy, biết thì sao?

- Vâng, vâng!

- Trở lại vấn đề. Bà Amàradevi, vợ của bồ-tát Mahosatha dẫu bị người đàn ông dụ dỗ, có thời gian, trong phòng kín - kín với mọi người, nhưng không kín đối với bà - nên bà không thể tà hạnh được, tâu đại vương!

- Bà còn là người tốt chứ không phải là người xấu như hai hạng nữ nhân ở trên, thừa đại đức.

- Lại nữa, bà Amàradevi lại còn có người chồng tốt, trên thế gian không ai bằng được, cũng là lý do chính đáng để bà không tà hạnh, tâu đại vương!

- Xin đại đức kể rõ cho nghe?

- Vâng, đức bồ-tát Mahosatha có đầy đủ hai mươi tám pháp ưu thắng sau đây:

Một là, dũng cảm, nhiệt thành.

Thứ hai, có sự hổ thẹn tội lỗi.

Thứ ba, có sự ghê sợ tội lỗi.

Thứ tư, có nhóm thiện hữu của mình.

Thứ năm, có sự thương yêu của bạn bè.

Thứ sáu, đức nhẫn nhục.

Thứ bảy, có giới hạnh.

Thứ tám, nói lời chân thật.

Thứ chín, có năng lực tâm lành bảo hộ.

Thứ mười là, không sân hận.

Mười một, không biết khinh bỉ người khác.

Mười hai, không ganh gổ với người.

Mười ba là tinh tấn.

Mười bốn, vun bồi ba-la-mật.

Mười lăm, là người tế độ đại chúng.

Mười sáu, biết chia phần của cải cho mọi người.

Mười bảy, nói lời tử tế, hòa hợp.

Mười tám, thân hành dịu dàng.

Mười chín, nói lời nhỏ nhẹ, dịu ngọt.

Hai mươi, không kiêu căng, không khoe khoang.

Hai mươi mốt, không lường gạt, giả dối, không làm bộ làm tịch.

Hai mươi hai, hiểu biết các định luật tiến hóa.

Hai mươi ba, thông hiểu nhiều lĩnh vực (nghề nghiệp, làm ra của cải, biết ngăn ngừa tai họa v.v...)

Hai mươi bốn, có thanh danh.

Hai mươi lăm, biết ban phúc cho người - nhất là biết săn sóc, chăm lo cho những người đang nương tựa mình.

Hai mươi sáu, là người mà đại chúng mong mỏi, tin cậy.

Hai mươi bảy, có nhiều tài sản.

Hai mươi tám, nhiều chức phận cao quý trong xã hội.

Tâu đại vương! Với hai mươi tám phẩm chất cao quý ấy, bậc trí thức, hiền đức là bồ tát Mahosatha là người tuyệt hảo của một ông chồng trong gia đình; là người tuyệt hảo trong thôn lân, xã hội, quốc độ, không một người nữ nào không coi là bậc lang quân lý tưởng; lại nữa, yếu tố "thời gian" và yếu tố "chỗ kín đáo" không hội đủ, thì làm sao bà Amàradevi có thể bị dụ dỗ tà hạnh được, hờ đại vương?

- Đúng vậy, dẫu đàn bà xấu tâm, xấu nét cũng không thể phạm tội, huống hồ bà Amàradevi là người đàn bà tốt, lại có được một người chồng như thế!

- Tâu, vâng!

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

136-145

136. Các vị A la hán còn sợ hãi?

- Thưa đại đức! Trẫm có nghe đại đức nói nhiều lần rằng bậc A-la-hán không còn một sự sợ hãi nào trên thế gian này, kể cả sợ hãi sự chết! Vì các nguyên nhân của sợ hãi các ngài đã chấm dứt, đã tuyệt diệt, có phải thế không ạ?

- Tâu, vâng!

- Trẫm có đọc một đoạn kinh , đại ý rằng: khi Đức Thế Tôn, năm trăm vị A-la - hán cùng đại đức Ânanda đi vào thành Vương-xá để khát thực, Đề-bà-đạt-đa với ác tâm, bèn thả con voi dữ uống rượu say cố ý giết Phật. Năm trăm vị A-la-hán thấy con voi như điên cuồng lao tới, các ngài sợ hãi quá bỏ trốn hết; chỉ có đại đức Ânanda là không sợ hãi gì cả, bước đến, đứng chắn phía trước, cố ý thà chết để bảo vệ cho Đức Thế Tôn! Phải vậy không, thưa đại đức?

- Tâu, vâng!

- Sao kỳ lạ như thế! Năm trăm vị A-la-hán đều là bậc vô lậu, đã chấm dứt mọi nguyên nhân của sợ hãi; lại tham sống sợ chết, thấy voi dữ, bỏ trốn hết, để Đức Thế Tôn đứng đấy một mình! Còn đại đức Ânanda là bậc hữu học, phiền não còn nhiều, nguyên nhân của mọi sợ hãi chưa được cắt đứt; thế mà ngài lại không hề sợ hãi, chẳng tiếc sanh mạng của mình, hy sinh cái thân giả tạm để che chắn cho Đức Đạo Sư? Hay năm trăm vị A-la-hán ấy tò mò, muốn biết, muốn thấy Đức Thế Tôn sử dụng thần thông, phép lạ ra sao? Lý nào lại thế được?

- Vâng, chẳng có lý nào mà năm trăm vị A-la-hán còn tò mò, khởi tâm muốn thấy, muốn biết phép lạ, thần thông của Đức Thế Tôn. Quả thật không hề có chuyện đó xảy ra!

- Nếu là không có lý thì đại đức phải giải thích cho minh bạch chứ?

- Vâng! Quả đất hoặc như tới đại sơn là đỉnh Sineru có khi nào lay động, sợ hãi bởi điều gì không, hờ đại vương?

- Dĩ nhiên là không! dù cho ai cuốc, ai đào, ai đánh, ai đập, ai dùng lửa đốt, thì quả đất hoặc núi Tu-di vẫn không lay động, không sợ hãi bao giờ.

- Quả đất hoặc núi chúa không lay động, không xao động, không sợ hãi bất cứ một điều gì; cũng giống như *tâm bất động, tràm nhiên* của các bậc A-la-hán vậy, tâu đại vương. Dù có một số đông người, tay nắm xà-mâu sắc bén, vây quanh một vị A-la-hán với thái độ rất hung dữ, đằng đằng sát khí, muốn giết vị A-la-hán ấy; cũng không vì vậy mà vị A-la-hán tỏ ý khiếp sợ hoặc có một sự dao động, xao động nào ở trong tâm. Đại vương nên hiểu như vậy.

- Nói thế cũng không biện hộ được cho thái độ hèn nhát, khiếp nhược của các vị A-la-hán khi họ tham sống, sợ chết, bỏ trốn lấy thân mình mà bỏ mặc Đức Đạo sư ở lại đấy với voi dữ!

- Đại vương nói như vậy hơi nặng lời! Đại vương hãy sám hối đi là vừa! Đại vương có biết khi ấy các vị A-la-hán suy nghĩ gì không?

- Thưa, không biết!

- Không biết thì đừng võ đoán! Hoặc chỉ nhìn thấy bên ngoài, chưa thấy sự thật ở bên trong thì đừng vội quy kết! Năm trăm vị A-la-hán đều là bậc *lậu hoặc đã tận*, mọi nguyên nhân của cái gọi là *hèn nhát, khiếp nhược* gì đó đã chấm dứt. Khi thấy voi dữ xông đến, các vị ấy tâm ý tương thông, đồng khởi niệm như sau: "*Đức Ànanda suốt đời tận tụy, kính cẩn, thương yêu phục vụ, hầu hạ Đức Thế Tôn, thật trong hàng đệ tử chẳng ai dám sánh. Rõ là đức Ànanda sẵn sàng hi sinh mạng sống của mình để bảo vệ cho Đức Thế Tôn mà chẳng khởi lên một tí sợ hãi nào. Vậy tất cả chúng ta hãy lánh đi, để bỏ cáo những đức tính cao quý sáng rõ như mặt trời, mặt trăng của đức Ànanda; cho tứ chúng cùng tất thấy mọi người trong nhiều quốc độ được thấy, được biết! Còn việc đối trị với voi dữ chỉ là trò trẻ con đối với Đức Tôn sư! Chỉ có Đức Tôn sư mới biết rõ ngài nên làm gì!*"

Đức vua Mi-lan-đà giật mình, kinh sợ:

- Quả các ngài ấy đã nghĩ như vậy sao?

- Quả đúng thế, đại vương!

- Vậy là trẫm có tội rồi! Làm sao sám hối cho hết cái tội võ đoán, loạn ngôn, lộng ngữ của trẫm đây, đại đức?

Đại đức Na- tiên mỉm cười:

- Nói thế chứ đại vương không có tội! Bàn tăng hiểu rõ tâm ý của đại vương, là chẳng có sự khi mạn nào đối với các bậc Thánh Tăng! Sở dĩ đại vương lập ngôn, lập ngữ như thế là lợi ích cho phần đông, có vậy mới lột tả được cái "*phản diện*" của vấn đề!

Đức vua chợt thốt "*Sàdhu, lành thay*" rồi quỳ xuống đánh lễ thật cung kính:

- Chỉ có sự thông tuệ của đại đức mới hiểu được *dụng tâm sâu kín* của trẫm!

- Không dám!

137. Đức Phật dạy cắt đứt sợ hãi?

(*Tương tự câu hỏi 125*)

- Thừa đại đức! Đức Thế Tôn dạy chư tỳ kheo chấm dứt nguyên nhân của sợ hãi, rồi sau đó, dạy cho hai hàng cận sự nam nữ đem nguyên nhân sợ hãi đến cho chư tỳ kheo là nghĩa làm sao?

- Đại vương nói gì bản tăng không hiểu?

- Thừa, đây là câu hỏi đã hỏi rồi, nhưng trẫm đã lý giải để hỏi theo cách khác.

- Đại vương cứ dẫn chúng cho đầy đủ.

- Vâng. Có lần Đức Bổn Sư thuyết rằng: "*Này các thầy tỳ kheo! Sự sợ hãi chỉ xảy đến cho các thầy khi các thầy còn tham luyến chỗ ở, quyến niệm trú xứ của mình. Vậy muốn chấm dứt sợ hãi, các thầy phải sống đời không dính mắc, như hươu nai được tự do đi lại trong rừng sâu!*"

- Quả đúng thế!

- Nhưng khi dạy cho cận sự nam nữ, Đức Tôn Sư lại thuyết rằng: "*Người nào cúng dường, tôn tạo chùa, thất, liêu, chỗ ngụ cho tỳ khưu Tăng sẽ có phước báu lớn, lợi ích lớn. Tại sao vậy? Vì rằng các ngài là con mắt sáng của thế gian, là bậc đa văn, quảng kiến; là người thông suốt tam tạng, là người hằng đem đến lợi ích, phước báu cho chư thiên và loài người.*"

- Cũng đúng như thế!

- Một bên thì dạy *đừng nên có chỗ ở*, một bên thì dạy *nên tạo chỗ ở*? Tham luyến chỗ ở đem đến sợ hãi, thế mà còn dạy người ta nên tôn tạo chùa, thất, liêu; điều ấy không phải là sự mâu thuẫn lạ lùng sao, hờ đại đức?

Đại đức Na- tiên im lặng một lát rồi hỏi:

- Đại vương có thấy, là nếu chư tỳ khưu sống hạnh không dính mắc chỗ ở, sống đời ta-bà vô trú như hươu nai tự do, tự tại giữa rừng sâu có lợi ích chăng?

- Dĩ nhiên là lợi ích.

- Còn nếu các hàng cư sĩ phát tâm cúng dường, tôn tạo chùa thất đến cho tỳ khưu Tăng, thì có lợi ích chăng?

- Dĩ nhiên là lợi ích.

- Xin đại vương cho nghe tôn ý? Chúng có những lợi ích gì?

- Thứ nhất là giúp cho chư Tăng có nơi để hành đạo. Thứ hai là cận sự nam nữ dễ dàng lui tới học đạo, nghe pháp, làm phước cúng dường, thọ trì quy giới v.v... Thứ ba là có nơi để cho chư Tăng học hành, nghiên cứu, trao đổi kinh, luật, luận. Thứ tư là để cho kẻ ngoại giáo, vua chúa, quan lại... có chỗ lui tới để vấn đạo, học đạo...

- Đúng vậy. Và những lợi ích ấy có thiết thực, hữu ích cho nhân quần, xã hội không hờ đại vương?

- Rất thiết thực. Tuy nhiên, nó vẫn là nguyên nhân đem đến sự sợ hãi trong hàng tăng lữ, thừa đại đức?

- Nguyên nhân ấy là gì?

- Là sự tham luyến chỗ ở.

- Vậy thì vấn đề là *sự tham luyến và không tham luyến*, tâu đại vương!

- Ô! trẫm đã sai rồi!

138. Cái gì nơi Đức Thế Tôn là cao quý không ai sánh bằng?

- Thừa đại đức! Trẫm còn thắc mắc về một câu hỏi trước đây, khi Đức Thế Tôn khen ngợi rằng tỳ khưu Bàkula cao quý không ai sánh bằng... Đại đức có thể trả lời cho trẫm những câu hỏi liên quan đến vấn đề ấy chăng?

- Tâu, vâng, đại vương cứ hỏi.

- Đức Thế Tôn là vị lương y, chữa trị tất cả mọi căn bệnh cho chúng sanh; nhưng chính ngài là người lại đau ốm luôn, ít ra là bốn lần. *Trị bệnh cho chúng sanh mà chính mình lại bị bệnh*, đấy không là điều đáng ngạc nhiên sao?

- Đại vương lầm rồi, hay chính đại vương giả vờ đặt ra câu hỏi ấy? Những căn bệnh thống khổ của chúng sanh là *tham sân, phiền não, luân hồi tử sinh...* chứ không phải là bệnh tật thông thường, tâu đại vương! Ngài đã thuyết pháp, giảng giải con đường đi đến Niết bàn, nơi diệt tận những điều thống khổ ấy nên thế gian tôn ngài là vị lương y. Còn sở dĩ tỳ khưu Bàkula cao quý không ai sánh bằng là do vị ấy thiếu bệnh hơn các vị Thanh văn khác, chỉ có thể thôi.

- Vậy thì Đức Tôn Sư ám chỉ *sự cao quý gì* trong lời thuyết: "*Như Lai là bậc bà-la-môn tối thượng, xứng đáng để cho kẻ khác xin rửa tay dâng vật phẩm cúng dường, không có ai sánh bằng!*"? Trong lúc vô bệnh thì ngài không bằng tỳ khưu

Bàkula, phước vật thực thì không bằng đại đức Sivali, đầu đà khổ hạnh thì không bằng ngài Mahà Kassapa v.v... Ngoài ra, các vị Thánh văn đệ tử Phật, thọ thực ngày một lần, có vị dù chết cũng không thọ thực hai lần một ngày; còn Đức Tôn Sư thọ thực ngày một lần, ngày hai lần hoặc ngày ba lần cũng có. Vậy thì trăm e rằng phẩm hạnh của Đức Thế Tôn không cao quý bằng chính đệ tử của mình rồi.

- Tâu đại vương! Như bần tăng đã trình bày hôm trước, Đức Thế Tôn cao quý không ai sánh bằng ở *phương diện tâm, phương diện tuệ và phương diện giải thoát*. Tức là những pháp mà ngài đã chứng đạt và chứng ngộ. Cụ thể hơn, Đức Thế Tôn có những pháp tối thượng sau đây:

Thứ nhất, giải thoát tri kiến (*Vimutti nànadassana*);

Thứ hai, thập lực tuệ và bốn tuệ dừng cảm (*Vesàvajjana*);

Thứ ba, mười tám pháp Phật (*Buddha Dhamma*);

Thứ tư, sáu tuệ không phổ thông (*Àsàdhàranàna*);

Thứ năm, tất cả pháp trình độ của Phật (*Buddhavisaya Dhamma*).

Cho nên, dù Đức Thế Tôn có bệnh hay không bệnh, thọ thực một bát hay thọ thực hai bát, thọ đầu đà hay không thọ đầu đà; thì tất cả chúng sanh trong tam giới, chúng sanh không chân hay hai chân, có bốn chân hay nhiều chân, có thân hình hoặc không có thân hình, có tâm tưởng hoặc không có tâm tưởng v.v..., chẳng chúng sanh nào có thể cao thượng, cao quý để so sánh với Đức Tôn Sư!

- Thừa đại đức! Trẫm không còn nghi ngờ gì về điều ấy nữa.

139. Đức Thế Tôn là người khai sáng Đạo hay Đạo có sẵn từ ngàn xưa?

- Thừa đại đức! Đạo vốn có sẵn tự ngàn xưa phải chăng?

- Vâng, có tự ngàn xưa, do chư Phật quá khứ đã khai sáng, đã tìm ra.

- Thế sao Đức Thế Tôn của chúng ta lại nói rằng "*Như Lai là người làm cho Đạo chưa phát sanh được phát sanh*"? Vậy ra lời nói sau lại nghịch ngôn, mâu thuẫn với lời nói trước.

- Chẳng có hai lời sai nghĩa đâu, tâu đại vương! Đạo xưa ấy là nói về *Bát chánh đạo*, con đường có tám chi; đấy là con đường đi đến giải thoát, chấm dứt sinh tử luân hồi. Chính chư Phật quá khứ sau khi giác ngộ *con đường*, đã tán dương, tuyên thuyết con đường ấy cho chúng sanh thực hành, noi theo. Nhưng khi các

ngài nhập diệt, Bát chánh đạo ấy cũng theo thời gian mà khuất lấp đi, chẳng còn ai biết đến để tu tập nữa. Đến thời Phật Thích Ca, do công hạnh ba-la-mật sâu dày, ngài đã vén mở *con đường xưa cũ*; đã phát hiện lại *con đường*, đã phát quang lại con đường, tu tập theo con đường, giác ngộ con đường... cho nên gọi là làm cho *con đường được phát sanh*! Lý nghĩa ấy thì có gì mâu thuẫn đâu, tâu đại vương?

- Thừa đại đức! Phát sanh là chưa có mà bây giờ lại có, lại sanh ra. Còn Đạo vốn là *cái có sẵn* nên không thể lập ngôn như vậy được!

- Đại vương nói rất có lý. Nhưng đại vương nghĩ thế nào trong trường hợp viên ngọc mani với đức Chuyển luân Thánh Vương? Phước đức của đức Chuyển luân Thánh Vương từ ngàn xưa có công năng làm cho ngọc mani xuất hiện, gọi là ngọc mani phát sanh đến cho đức Chuyển luân Thánh vương. Nhưng đến khi đức Chuyển luân Thánh vương mãn tuổi thọ, ngọc mani ấy cũng bị biến mất, đến trú ẩn nơi đỉnh núi Vikula. Nhiều đời sau, đức Chuyển luân Thánh vương khác lại ra đời trên thế gian, ngọc mani xuất hiện, lại tìm đến cho đức vua ấy. Thế có thể lập ngôn là ngọc Mani phát sanh đến cho đức Chuyển luân Thánh vương không hờ đại vương?

- Có thể được.

- Nghĩa là đức vua ấy không thể tạo ra ngọc mani mà mani ấy vốn có sẵn?

- Đúng vậy.

- Chữ "*phát sanh*" mà Đức Thế Tôn dùng cũng nằm trong ngữ nghĩa ấy. Đức Thế Tôn không tạo ra Đạo mà Đạo vốn là có sẵn.

- Trẫm hiểu rồi.

- Ngọc mani xưa thần bí, ẩn tàng không ai có thể thấy được, chẳng ai có khả năng làm cho nó lộ diện, chỉ có công năng phước báu của đức Chuyển luân Thánh vương mới làm cho nó phát sanh. Tương tự như thế, Bát chánh đạo sâu kín, màu nhiệm, khó thấy, khó tìm; chẳng ai trong tam giới có khả năng làm cho Bát chánh đạo hiện hữu; chỉ có công hạnh ba-la-mật sâu dày, trí tuệ vô thượng của Đức Phật mới có công năng làm cho Bát chánh đạo phát sanh giữa cuộc đời.

- Trẫm đã hiểu.

- Lại nữa, ví như người nữ sanh con. Trong bụng người nữ có con mới gọi là người nữ sanh con. Nếu trong bụng người nữ không có con thì người nữ có sanh con được không hờ đại vương?

- Chẳng thể nào.

- Đức Phật giác ngộ Bát chánh đạo từ ngàn xưa, ở trong tâm, rồi nói ra bát chánh đạo ấy; cũng như người nữ có con trong bụng, rồi sanh đứa con ấy ra, tâu đại vương!

- Hay lắm!

- Lại nữa, ví như một người đàn ông giàu có, của cải tài sản, châu báu được chôn giấu nhiều nơi; do chiến tranh, loạn lạc, vật đổi, sao dời, người đàn ông không tìm ra tài sản ấy nữa. Sau đó, do cố gắng, do kiên trì, do trí nhớ, ông ta đã tìm lại được. Ấy có thể gọi là làm cho tài sản phát sanh trở lại không, hờ đại vương?

- Có thể được.

- Lại nữa, ví như một người đàn ông nọ tự ý vào rừng, nhắm hướng đông tây nam bắc rồi chặt bỏ bụi bờ, gai góc, làm sạch một con đường, thì tình cờ phát hiện một con đường xưa cũ bộ hành qua lại. Tương tự như thế, Đức Thế Tôn cũng là một người đi vào một khu rừng, phát quang bụi bờ gai góc, chợt tìm ra con đường Bát chánh đạo mà chư Phật quá khứ đã đi qua, vốn đã bị thời gian khuất lấp. Trường hợp ấy cũng cùng một ý nghĩa cả, tâu đại vương!

- Trẫm đã hết nghi ngờ rồi, thưa đại đức!

140. Đức Phật từ bỏ sự tinh tấn, lại khuyên đệ tử nên tinh tấn?

- Thưa đại đức! Có phải Đức Thế Tôn đã tinh tấn thực hành khổ hạnh để diệt trừ phiền não, hủy diệt ma quân? Và sự tinh tấn thực hành khổ hạnh ấy trên thế gian không ai bằng được?

- Tâu, vâng!

- Cũng do sự tinh tấn thực hành khổ hạnh ấy mà thân thể ngài trở nên suy nhược, gầy yếu...; nếu tiếp tục, có thể đưa đến tử vong, nên ngài đã cương quyết từ bỏ, trở lại ăn uống bình thường. Nhờ vậy mà ngài đã đắc *vô thượng Bồ đề tuệ*! Có đúng thế chăng?

- Tâu, vâng!

- Thế sao ở một chỗ khác, khi thuyết giáo cho chư đệ tử, Đức Thế Tôn lại khuyên nên thực hành *hạnh tinh tấn*, tức là con đường *sai lầm* mà trước đây ngài đã *chán nản, từ bỏ*?

- Đại vương nói thế có chứng cứ gì không?

- Có chứ! Đức Thế Tôn có thuyết với đại ý như vậy: "*Này chư tỳ khưu! Các người hãy tinh tấn, hãy ra khỏi phe nhóm, đừng ở trong phe nhóm. Hãy là người tri túc, sống đời nhẹ nhàng. Hãy đi vào rừng, thọ đầu đà ở trong rừng hay tìm đến một cội cây nào đó. Hãy tinh tấn tiến tu chỉ tịnh, quán minh. Hãy dứt bỏ quân binh của diêm chúa. Hãy như voi chúa lớn sổ mạch (dậy tỉnh) phá đổ tất cả nhà cửa, dững mãnh tinh tấn để đập nát thành lũy của ma quân. Dấu trường hợp nào cũng phải thực hành tinh tấn, đừng bỏ tinh tấn cho đến lúc giác ngộ, giải thoát hẳn thôi!*"

- Đúng là Đức Tôn Sư đã có thuyết như vậy.

- Cái đại nguyện tinh tấn ấy, cái siêng năng mãnh liệt ấy, khi hành đại khổ hạnh, chính Đức Thế Tôn đã thấy rõ nó có hại, không đưa đến yếm ly, ly tham, giác ngộ, Niết bàn nên ngài đã chán nản và từ bỏ. Vậy mà bây giờ ngài lại khuyên đệ tử nên *thực hành theo sự sai lầm* của mình! Than ôi!

- Đại vương đã hiểu sai đoạn kinh ấy rồi!

- Trẫm chưa hiểu ý của đại đức.

- Đại vương chưa hiểu thế nào là *khổ hạnh*, thế nào là *tinh tấn*! Chẳng lẽ nào tinh tấn và khổ hạnh lại giống nhau, hử đại vương?

-- Xin đại đức giải thích cho!

- Tâu đại vương! Tinh tấn đồng mãnh, cường liệt để thực hành chỉ tịnh và quán minh, nó rất khác biệt so với sự tinh tấn, đồng mãnh, cường liệt để thực hành khổ hạnh! Cũng là đại tinh tấn, nhưng hai sự tinh tấn ấy, dù có sự quyết tâm hạ thủ công phu tương tự nhau, nhưng đối tượng thì lại hoàn toàn khác biệt nhau!

- Trẫm chưa hiểu.

- Tâu, khi tinh tấn để thực hành khổ hạnh, trong sáu năm làm lạc, Đức Thế Tôn suy nghĩ rằng: "*Ta phải thực hành khổ hạnh cho thế gian này không ai có thể*

thực hành bằng ta, hơn ta! Ta phải phát nguyện cho đại tinh tấn tốt hơn nữa, bằng cách cương quyết thọ thực ngày một ít dần đi, phải giảm thiểu cho đến lúc không cần cả ăn, cả uống, cả đại tiểu tiện... và cả hơi thở nữa!". Và chính do đại tinh tấn khổ hạnh ấy mà Đức Thế Tôn sút giảm sức khỏe, tiêu tụy thân thể... cho đến lúc mạng sống sắp lâm nguy! Sự hành thân hoại thể ấy chỉ đưa đến việc chấm dứt sự sống chứ *không thể* chấm dứt phiền não, giải thoát sinh tử khổ đau!

- Điều ấy thì trăm đã có nghe.

- Sau khi từ bỏ đại tinh tấn khổ hạnh, Đức Phật thọ thực ngày một bữa, rồi khởi tâm đại tinh tấn quay sang đề mục chỉ tịnh và quán minh. Nhờ vậy ngài mới chứng đắc vô thượng Bồ đề tuệ. Nói cách khác, ngài từ bỏ khổ hạnh ép xác, chứ không phải từ bỏ đại tinh tấn, tâm đại vương! Với đại tinh tấn thì ai muốn chấm dứt khổ cũng phải thực hành y chỉ, tuân theo ! Vật thực nuôi mạng chúng sanh trong các cõi như thế nào, thì đại tinh tấn cũng nuôi mạng tuệ giác cho tất cả Chư Phật quá khứ, hiện tại , vị lai cũng y như thế ấy.

- Xin đại đức cứ giảng thêm.

- Vậy, tội không phải là tội của sự tinh tấn, mà là tội của khổ hạnh, ép xác, tâm đại vương!

- Vâng!

- Đức bồ tát muốn mau đắc thành Chánh Đẳng Giác mà ép xác khổ hạnh, cũng tương tự như người đi đường muốn đến đích nhanh, cố gắng chạy, rần sức chạy cho đến lúc kiệt quệ. Muốn nhanh lại trở thành chậm vậy.

- Tại sao?

- Vì rằng, đến lúc kiệt lực, chân tay rã rời, nhấc không nổi thì làm sao mà đi được? Trái lại, có kẻ chạy bình thường, liên tục, đều đặn, biết duy trì hơi thở; thì tuy thấy chậm, còn ở đằng sau, nhưng sẽ đến đích nhanh hơn. Có phải thế không, đại vương?

- Vâng!

- Trường hợp người kia đến đích chậm hoặc kiệt lực nằm dài ở dọc đường... thì lỗi ở đôi chân, lỗi ở con đường, lỗi ở mặt đất hay lỗi ở đâu, đại vương?

- Thừa, lỗi do tâm nóng nảy muốn mau đến đích mà sanh ra. Lỗi do không biết duy trì sức lực mà làm cho kiệt lực.

- Đức bồ tát sáu năm khổ hạnh do thiếu trí tuệ mà ép xác cho đến kiệt lực cũng y như thế. Tội là do si mê ép xác khổ hạnh chứ không phải do tinh tấn, tâu đại vương!

- Thừa, vâng!

- Ví như một người mặc áo quần quá dơ bẩn, không biết cách giặt, không có thuốc tẩy lại đổ lỗi cho nước, có được không, đại vương?

- Nước vốn không có lỗi như thế nào thì tinh tấn cũng không có lỗi như thế ấy, đại đức!

- Một người nấu cơm bị khô, bị cháy, lại không tự trách mình mà đi đổ lỗi cho lửa, có được không, đại vương?

- Không thể do lửa được.

- Cũng là đại tinh tấn, nhưng biết sử dụng đại tinh tấn cho chỉ tịnh, quán minh thì được tuệ giác; còn sử dụng đại tinh tấn cho ép xác, khổ hạnh thì si mê chồng chất si mê, có được gì đâu! Đại vương đã thấu đáo vấn đề chưa?

- Bây giờ thì trẫm đã hoàn toàn lãnh hội rồi.

141. Tại sao có sự đặc quả nhanh, chậm khác nhau?

- Thừa đại đức! Đức Toàn-thắng-ma có dạy rằng: "*Này các thầy tỳ khưu! Các thầy phải biết sợ hãi luân hồi, phải thoát ra khỏi sự ràng buộc của cấu uế, dơ bẩn, phiền não. Phải thỏa thích trong pháp xa lánh cấu uế, tìm an lạc trong pháp xa lánh cấu uế!*". Pháp ấy được gọi là *Nippapanca*. Trẫm không hiểu *Nippapanca* là gì?

- Tâu đại vương! *Nippapanca dhamma* là pháp nhằm thoát ly ra khỏi mọi nhơ bẩn, cấu uế của tâm; hàm chỉ bốn quả vị của bốn bậc thánh: Tu-đà-huờn, Tư-đà-hàm, A-na- hàm và A-la-hán quả.

- Thế Đức Đạo Sư muốn dạy bảo đệ tử phải tu tập để chứng đắc tứ quả thánh?

- Tâu, vâng.

- Nhưng rải rác chỗ này, chỗ kia, Đức Thế Tôn không dạy chúng quả ngay như thế; mà ngài dạy phải bố thí, cúng dường..., dạy phải học kinh, học kệ thi, học văn phạm, học túc sanh truyện, học phi thường pháp v.v..., thế là sao nhỉ?

- Tâu đại vương! Chư tỳ khưu phải học và hành tuần tự thứ lớp cho đầy đủ như thế, nhưng mục đích cuối cùng cũng đều phải đắc pháp *Nippapanca* giống nhau. Người đắc pháp *Nippapanca* ngay, thoát ly mọi cấu uế như bản, được trong sạch không phải là một cái gì chợt đến một cách tức khắc; mà là do sự huân tu lâu đời, duyên ba-la-mật già dặn từ nhiều kiếp trước. Những kẻ ấy, trong đời này, sẽ đắc quả nhanh, không chậm trễ, chỉ một sát na tâm là họ nhập vào dòng thánh rồi. Trường hợp trái lại, những tỳ khưu đang còn phàm, chưa có huân tu sâu dày, duyên ba-la-mật chưa đủ, muốn đắc *Nippapanca* cũng phải học và hành tuần tự thứ lớp, tinh tấn mỗi khi mỗi ít, đến một lúc nào đó, dù chậm trễ, họ cũng sẽ đắc quả Thánh!

- Trẫm hiểu rồi, nhưng đại đức có ví dụ cụ thể nào về hai trường hợp ấy chăng?

- Tâu, vâng! Ví dụ có người nông dân cần mẫn, chăm lo làm ăn. Mấy năm trước ông ta khai phá một mảnh ruộng, làm hàng rào rất chắc chắn. Ngoài ra, ông ta còn siêng năng nhổ cỏ, thêm phân, thêm nước thường xuyên cho đám ruộng của mình. Đến mùa, đám ruộng ấy được bội thu, nuôi sống mình và gia đình... Tâu đại vương! Hạt gạo của người nông phu ấy, tức khắc được làm ra, nó có ngay, hay phải trải qua thời gian lâu dài?

- Thưa, họ phải tốn biết bao công sức, thời gian cùng sự chăm chuyên cần mẫn mới có được !

- Đúng là vậy. Lại có một người nông dân khác, quanh năm đói nghèo do tính chậm lụt, thiếu quyết tâm, ít siêng năng, chịu khó; luôn luôn than thở mình thiếu phước, đến nhà người ""nông dân giàu"" để vay gạo, nói rằng: ""*Tôi thiếu gạo, anh dư gạo, hãy cho tôi vay gạo!*"" Người kia đáp: ""*Không ai là người thiếu gạo cả, chỉ tại anh làm biếng, không có chí, không có đầu óc, không biết siêng năng, chịu khó mà thôi!*"". "*Vậy anh hãy dạy tôi!*". "*Hãy cầm lấy cái cuốc, vào ven suối làm một đám ruộng, rồi tuần tự làm những việc như tôi đã làm, thời gian sau sẽ có gạo ăn!*". Người nông dân nghèo nghe lời bạn dạy bảo, quyết tâm khởi lên, cầm lấy cái cuốc, chí thú, tinh cần...; thời gian sau, anh ta có đủ gạo ăn! Tâu đại vương! Người nông dân này cho ta một ví dụ về sự đắc quả chậm, người nông dân trước cho ta ví dụ về sự đắc quả nhanh; nhưng ai cũng phải trải qua thời gian khởi tâm, quyết tâm, chí thú, tinh cần cày bừa và gieo hạt. Có gạo ăn được

ví cho *Nippapanca*, các công đoạn làm ruộng thì ví cho sự học và hành tuần tu, thứ lớp, tinh tấn mỗi ngày một ít, tâu đại vương!

- Vâng, thế đại đức còn ví dụ nào nữa không?

- Tâu, vâng. Ví như có hai người đi vào rừng để kiếm trái cây. Một người gan dạ dũng cảm, có trí. Một người nhác nhóm, lè mề, chậm chạp, không có gan lại thiếu trí. Người đầu tiên nhanh tay nhanh mắt, xông xáo tìm ra một cây nhiều trái ngon; bèn xắn gọn quần áo, lựa thế leo lên. Thế là anh ta hái được rất nhiều trái cây. Người thứ hai rất lâu sau mới tìm được cây có trái, thấy cây cao và thân cây to quá, anh ta sợ hãi không dám leo. Sau một hồi suy nghĩ bèn chặt cây rừng làm thang, bắt thang vào khi ấy mới leo lên được. Thế là anh ta cũng hái được trái nhưng mất thời gian hơn anh thứ nhất rất nhiều. Phàm việc tu hành, đắc quả nhanh chậm cũng y như thế. Người có trí, nhậm lẽ, chịu khó, có sức mạnh nội tâm, tinh cần, nhiều nỗ lực bao giờ cũng đắc quả sớm hơn người thiếu trí, người yếu đuối, đầy mặc cảm sợ hãi, thiếu tinh cần, chuyên niệm, thiếu nỗ lực huân tu, tâu đại vương!

- Vâng, trầm rõ rồi.

- Lại nữa, ví như hai người cùng làm một việc giống nhau. Một người tự nguyện làm, hiểu công việc của mình. Một người thiếu tự nguyện, không biết rõ công việc của mình, nên phải được nhắc nhở, khuyên bảo; đôi khi phải cho họ bạc tiền, lăm lức còn la mắng, đánh đập, kẻ kia mới thành tựu công việc được, nhưng lại chậm hơn rất nhiều. Tương tự như thế, kẻ có căn cơ *Nippapanca* và kẻ có căn cơ *anavajja* - tuần tự thứ lớp - giống như những ví dụ trên, không hai, không khác.

- Cảm ơn đại đức.

142. Về cư sĩ A-la-hán

- Thừa đại đức! Dường như đại đức có nói với trầm rằng, một vị cư sĩ đắc quả A-la-hán trong ngày nào thì phải xuất gia ngay trong ngày ấy; nếu trong ngày ấy [*], vì một lý do nào đó mà không xuất gia được, thì vị ấy bắt buộc phải nhập Niết bàn. Điều ấy có đúng thế không ạ?

[*] Đôi nơi bảo là một tuần lễ.

- Tâu đại vương! Hoàn toàn đúng như vậy.

- Họ có thể tự cạo bỏ râu tóc, mặc y cà sa, nghĩa là tự tu lầy; hay là phải cần có thầy tiếp dẫn, thầy hòa thượng tế độ, chứng minh?
- Không thể tự ý được, mà phải có thầy, tâu đại vương! Tự tu là trộm phẩm mạo, tăng tướng, cách tu ấy không có mặt trong giáo pháp của Đức Tôn sư!
- Thế có nghĩa là sau khi người cư sĩ đắc quả, các vị thầy tiếp dẫn, tế độ là những bậc có thần thông, tức khắc hiện đến và làm lễ xuất gia ngay cho người cư sĩ ấy chăng?
- Có thể có trường hợp ấy, tâu đại vương!
- Giả dụ họ đến muện một, hai ngày không được sao?
- Dĩ nhiên là không được! Chính vị cư sĩ đắc quả phải đi tìm vị thầy tế độ cho mình ở trong vùng, ở trong trú xứ ấy. Nếu tìm không ra, đến lúc mặt trời lặn của ngày ấy, vị cư sĩ phải nhập Niết bàn.
- Đã đắc quả rồi mà tại sao còn nôn nóng chầm dứt sinh mạng như thế? Hay có lý do bí ẩn nào chăng?
- Tâu đại vương! Chẳng phải do nôn nóng, cũng chẳng phải có lý do bí ẩn nào. Phẩm mạo cư sĩ thấp thỏi quá, thật không xứng đáng với quả vị A-la-hán mà người ấy đã đắc, do vậy phải thay đổi phẩm mạo xuất gia. Chính phẩm mạo xuất gia mới tương ứng, xứng đáng với quả vị A-la-hán.
- Về lý do thì tạm thời tạm chấp nhận kiến giải của đại đức, nhưng nếu có những ví dụ cụ thể để chứng minh, có lẽ dễ thuyết phục trầm hơn, thưa đại đức.
- Vâng, bản tăng sẽ đưa ví dụ. Ví như có người vào buổi đói kém chẳng có vật thực để nuôi mạng, phải nhịn đói lâu ngày. Hôm kia có vị bá hộ thương tình cho người ấy ăn thỏa thích những món ăn thượng vị. Do không biết tiết độ, người ấy ăn một bụng căng, chất lửa không có đủ để tiêu hóa, cơ thể nhịn đói lâu ngày không chịu đựng nổi, người ấy bội thực mà chết. Tâu đại vương! Trường hợp ấy có nên bắt tội "vật thực" không?
- Vật thực không có tội gì, thưa đại đức!
- Thế sự chầm dứt sanh mạng của người kia là do nguyên nhân nào?
- Thưa, do nhịn đói lâu ngày, cơ thể quá suy yếu, không đủ lửa để tiêu hóa.

- Cũng vậy, tâu đại vương! Phẩm mạo cư sĩ tại gia quá suy yếu, quá thấp thỏi, thật không đủ sức tiêu hóa món ăn thượng vị - là quả vị A-la-hán tối thượng - nên bắt buộc người ấy phải xuất gia; nếu không xuất gia kịp thời, phải chấm dứt mạng sống bằng cách nhập Niết bàn thôi.

- Hay lắm! Ví dụ ấy có hình ảnh cụ thể, dễ nắm bắt lý nghĩa hơn.

- Ví như một lùm cỏ nhỏ, thật không đủ sức chịu đựng nổi một tảng đá lớn dấn lên trên.

- Vâng!

- Quả vị A-la-hán là tảng đá mà phẩm mạo cư sĩ chỉ là lùm cỏ nhỏ.

- Trẫm đã hiểu.

- Ví như một người bần tiện, hạ liệt, ngu si, mà người ta đặt đũa cho y một quả lớn - ngôi vua chí tôn chẳng hạn - thì sẽ xảy ra chuyện gì hử đại vương?

- Thừa, không khốn đốn, nguy hại đến cho y thì thế gian cũng loạn lạc. Không phát sinh lo âu, sợ hãi... thì kẻ khác cũng giết y, chấm dứt mạng sống của y để chiếm ngôi. Thiếu đức, thiếu tài, thiếu phước mà an ngự ở địa vị quá lớn là mầm mống của họa hại, diệt vong... thôi, thừa đại đức!

- Không phải lỗi do vương vị chứ?

- Vương vị không có tội gì! Chỉ tội do kẻ không xứng đáng với vương vị!

- Cũng thế, tâu đại vương! Quả A-la-hán không có tội gì, chỉ tội cho phẩm mạo cư sĩ không tương xứng, không xứng đáng với quả vị A-la-hán đó thôi!

- Hay lắm!

- Chính phẩm mạo xuất gia như kẻ có đức, có trí, có tài, nhiều phước báu, mới xứng đáng với quả vị A-la-hán. Phẩm mạo xuất gia có thể được ví như một *bảo cái* lớn rộng, có khả năng che chở cho quả vị A-la-hán, tâu đại vương!

- Sàdhu, lành thay! Thật chẳng có chỗ nào để mà hoài nghi nữa.

143. Tại sao bồ tát Loma Kassapa giết hại chúng sanh để tế lễ?

- Thừa đại đức Na-tiên! Có lần Đức Thế Tôn thuyết rằng: "*Này các thầy tỳ khưu! Vào thời quá khứ, Như Lai hành trì ba-la-mật không mệt mỏi, luôn luôn tinh cần, nỗ lực để bỏ khuyết ba-la-mật cho chính mình. Một kiếp nọ, dù năng lực ba-la-*

mật của Như Lai còn non yếu, còn khiếm khuyết, đây là kiếp làm người có tên là Avihe Dhaka - nhưng Như Lai cũng đã không lán hiếp, đe dọa hoặc cướp đoạt mạng sống của bất cứ chúng sanh nào." Lời tuyên bố ấy của Đức Đạo Sư có đúng chăng, đại đức?

- Đại vương có trí nhớ rất tốt.

- Không dám. Bồ tát kiếp làm người có tên là Avihe Dhaka, tuy ba-la-mật còn non yếu, lại không hề giết một sanh mạng nào; nhưng sau đó, nhiều kiếp về sau, dĩ nhiên là ba-la-mật sung mãn hơn, lại đang tâm giết rất nhiều sanh mạng để cúng dường đại tế, là nghĩa làm sao, thưa đại đức?

- Xin đại vương nói cho rõ hơn.

- Vâng, đây là kiếp bồ tát làm vị đạo sĩ tên là Loma Kassapa. Đạo sĩ vì nghe lời nàng Cinda Vati đã giết hại rất nhiều chúng hữu tình dùng cho việc tế lễ. Điều này chúng tỏ gì? Chúng tỏ rằng, lời Đức Thế Tôn không như một. Đã không như một lại phơi bày sự thật hiển nhiên, rằng là, ba-la-mật ít lại không sát sanh, ba-la-mật nhiều lại sát sanh? Sự mâu thuẫn không thể lý giải này làm cho người học Phật đời sau như rơi vào mê lộ tối tăm, chẳng tìm đâu ra ánh sáng nữa. Mong đại đức chỉ giáo cho.

Đại đức Na tiên chợt mỉm cười:

- Câu hỏi của đại vương như một cái thòng lọng, nhúc nhích một cái là bị siết chặt vào cổ ngay! Hay lắm, chúng ta sẽ cố gỡ xem sao.

- Tất cả chỉ nhờ vào trí tuệ của đại đức.

- Không dám, bản tăng sẽ cố gắng cùng với đại vương xem thử lý do nó nằm ở đâu. Chắc đại vương biết rõ là bồ tát Loma Kassapa thuở ấy chưa đắc quả Thánh chứ?

- Dĩ nhiên là chưa đắc.

- Thế có nghĩa là *vẫn còn dục ái* chứ?

- Vâng.

- Và dục ái thì cho chí bậc thánh Tu-đà-huờn, Tu-đà-hàm vẫn còn bị chi phối, đến bậc thánh A-na-hàm dục ái mới hoàn toàn yên lặng.

- Vâng.

- Thế thì bồ tát Loma Kassapa bị dục ái chi phối mà sát sanh thì cũng là chuyện không lạ lùng lắm. Năng lực của dục ái, luyện ái đến độ cường liệt thì nó che mờ tất cả mọi thiện pháp, làm nguội tất cả năng lực ba-la-mật! Vì yêu nàng Cinda Vati, vì luyện ái, mê đắm nàng Cinda Vati mà bồ tát Loma Kassapa đã phạm tội sát sanh, tâu đại vương!

- Trẫm nghe rằng, sát sanh có tám lý do:

Sát sanh do năng lực dâm dục;

Sát sanh do sân hận;

Sát sanh do si mê;

Sát sanh do ngã chấp;

Sát sanh do tham lam;

Sát sanh do nuôi mạng;

Sát sanh do ngu si, không có trí tuệ, không thấy tội, phước, lợi, hại v.v...;

Sát sanh do các quy luật tự nhiên.

Vậy thì bồ tát Loma Kassapa sát sanh là do một trong tám lý do thông thường ấy chăng?

- Nó là một trong tám lý do ấy nhưng cũng ở ngoài tám lý do ấy!

- Tại sao?

- Tâu, cũng là luyện ái nhưng luyện ái ấy quá cường liệt, quá mạnh mẽ đã che mờ hết tâm trí; hành động do năng lực luyện ái ấy chẳng khác gì hành động của người điên, tâu đại vương!

- Xin đại đức giải thích cho trẫm nghe.

- Vâng. Một người điên thì có dẫm chân lên một đồng than đỏ rực cũng không sợ hãi, bắt rắn độc bỏ lên tay cũng không ngán, dù gặp voi sỏ mạch (*voi động dục*) hung dữ hấn ta cũng có thể liều mạng bắt cỡi được. Biển cả sâu và lớn rộng không thấy mé bờ, người mất trí ấy cũng có thể nhảy ùm xuống và lội qua. Đối với các loại thú dữ như cọp, beo, tê giác, trâu rừng v.v..., y cũng có thể đến gần đùa chơi mà không sợ nguy hiểm. Cả một rừng cây gai chằng chịt hấn cũng có thể ung dung đi vào! Nói tóm lại, người điên chẳng sợ núi cao, vực sâu; chẳng hề thấy vật đáng nhòm gớm; chẳng hề biết mắc cỡ, hổ thẹn khi trần truồng trước mắt mọi người. Việc gì y cũng có thể làm được. Trong đầu người điên không có chuyện thiện ác, phải trái, an nguy, lạnh nóng, khôn dại, đúng sai, xấu đẹp, được mất, hơn thua, khen chê v.v...

Đạo sĩ Loma Kassapa của chúng ta khi thấy sắc thân nàng Cinda Vati, tâm luyến ái phát sanh, lửa dục thiêu đốt; nên hành động của vị ấy chẳng khác gì hành động của người điên, tâu đại vương! Vậy đối với người điên hư hỏng tâm tính, đánh mất nhân cách; nếu có hành động nào sai quấy xâm phạm đến pháp luật quốc gia, đại vương sẽ xử tội như thế nào?

- Thừa đại đức, người điên nếu phạm tội tử hình, luật pháp của trăm cũng không thể giết được. Dẫu phạm tội nặng thế nào, vì an nguy cho mọi người xung quanh, trăm cũng chỉ bắt trói hoặc nhốt y lại là cùng.

- Đại vương không ghép vào tội tử hình, chỉ bắt trói hoặc nhốt lại thôi! Nhưng sau đó? Giả dụ người điên kia tỉnh lại thì đại vương làm sao nhỉ?

- Thì phải thả người ta ra.

- Thế đại vương có xét lại những tội lỗi mà y đã làm từ trước?

- Thừa, không thể xét lại được, hoàn toàn tha bổng.

Đại đức Na-tiên chậm rãi nói:

- Trường hợp đạo sĩ Loma Kassapa cũng y như thế đó, tâu đại vương! Khi lửa dục thiêu đốt, đạo sĩ làm những điều sai lầm, càn quấy giết hại loài hữu tình do năng lực nàng Cinda Vati xúi giục. Đại vương không bắt tội người điên như thế nào thì cũng không nên luận tội đạo sĩ Loma Kassapa theo lý giải thường tình. Người điên sau khi hết điên, đại vương tha bổng, cho người ấy trở lại đời sống bình thường. Tương tự thế, đạo sĩ Loma Kassapa sau khi "hết điên", có "trí nhớ" trở lại, "tỉnh táo" trở lại; đã trở về với sinh hoạt tâm linh bình thường, đã tiến tu, đã *đắc thiền* và *đắc ngũ thông*, hết tuổi thọ được sanh vào cõi Phạm thiên.

- Ô! hy hữu vậy thay!

- Người điên không thể luận phải trái, thiện ác, đúng sai... như thế nào, thì đạo sĩ Loma Kassapa khi bị lửa dục thiêu đốt, cũng không thể luận ba-la-mật non hay già, tâm từ ít hay nhiều, sát hay không sát...; chỉ coi là sự đột khởi điên loạn nhất thời, chẳng thể xác định phẩm hạnh hoặc tư cách trọn vẹn của một con người được.

- Vâng, vâng!

- Hãy dùng tuệ giác mà ngắm nhìn vấn đề, đại vương! Dùng đạo đức, luân lý của thế gian hay tôn giáo mà nhìn ngắm vấn đề sẽ đưa đến cục bộ, giới hạn. Dùng

tuệ giác mà soi chiếu, đại vương sẽ tỏ tường, thông suốt, xuyên thấu vấn đề hơn, tâu đại vương!

- Thật là tri ân đại đức!

144. Tượng vương Chaddanta thì cung kính y cà sa - mà bò-tát Jotipàla lại nhiệt mạng "sa môn trọc đầu"?

- Đại đức chắc nhớ chuyện voi chúa Chaddanta, là tiền thân của Đức Phật Thích Ca chứ?

- Đây là chủ đề "*cung kính y cà sa*" mà đại vương sẽ nói chuyện hôm nay?

- Vâng.

- Vậy thì xin đại vương hoan hỷ kể chi tiết câu chuyện cho nghe, bản tăng chỉ nhớ đại lược.

- Cung kính chẳng bằng tuân mệnh, trẫm sẽ kể đây:

Bò tát của chúng ta, một kiếp kia sinh làm Tượng vương, có tên là Chaddanta, ngài là voi chúa cai quản một đàn voi, thường gặp những sa môn mặc y cà sa đang hành thiền định hoặc lui tới trong khu rừng. Thấy màu vàng của y cà sa, tượng vương Chaddanta với trí nhớ tiền kiếp, biết đây là những bậc tu hành cao thượng nên hết sức cung kính. Tượng vương Chaddanta dạy bảo đàn voi, theo gương mình, quỳ xuống đánh lễ.

Ngày qua tháng lại, có người thợ săn theo dấu đàn voi để săn gà, thấy voi chúa và cả đàn voi cung kính lễ bái những vị sa môn mặc y cà sa vàng. Mưu kế nảy sinh, người thợ săn kiếm vải nhuộm vàng bằng nước chát, trùm lên người giả làm sa môn rồi tập ngòi thiền định dưới một cội cây to.

Hôm nọ, voi chúa và đàn voi đi qua, thấy vị "sa môn", đồng quỳ xuống đánh lễ rất cung kính, cúi đầu, thụt lùi mấy bước mới tiếp tục lộ trình. Khi cả đàn voi đi khuất, chỉ còn con voi chậm chạp sau cùng; người thợ săn tay nhanh như điện, lấy ngọn giáo sắt, tầm độc cực mạnh đâm chết con voi, thiêu hủy thịt, lấy ngà đem bán. Hành động ấy của gã thợ săn kéo dài chưa được bao lâu thì voi chúa đã khởi tâm nghi ngờ: "Dường như có sự thiếu vắng của một số con voi quen thuộc? Vậy thì một số voi đã mất, bị giết hại ở đâu và do đâu? Trên lộ trình kiếm tìm thức ăn, sự nguy hiểm có thể xảy ra tại nơi nào? Chỗ kiếm tìm thức ăn không

có, những chỗ bước đi không có! Vậy thì phải bắt đầu từ chỗ quỳ xuống đánh lễ các vị sa môn rồi bước đi! Sự nguy hiểm phải được quan sát từ đó!"

Sau khi suy nghĩ chu đáo, buổi sớm, tượng vương cho cả đàn voi đi trước, mình đi sau cùng. Trên đường đi, gặp sa môn y cà sa màu vàng, voi chúa và đàn voi đều quỳ xuống cung kính đánh lễ như mọi hôm, nhưng không có gì xảy ra. Đến chỗ "sa môn" giả dạng, sau khi đánh lễ, voi chúa cảnh giác đi sau cùng. Thấy voi chúa với sáu chiếc ngà vàng to lớn, thợ săn rất sung sướng nghĩ mình sắp giàu có đến nơi. Với động tác quen thuộc và rất chính xác, gã thợ săn nhích tay lao ngọn sắt tẩm độc ra. Lạ lùng làm sao, y đã nhanh mà chiếc vòi của voi chúa còn nhanh hơn. Khi mũi giáo vừa thò ra khỏi chiếc y màu vàng thì trọn vẹn thân thể và hai tay của tên thợ săn đã bị vòi voi quán chặt rồi nhấc lên cao!

Giữa sát na ấy, khi voi chúa định quật nát thân thể gã thợ săn, màu vàng của chiếc y đã làm cho tâm của voi chúa chùn lại. Voi chúa nghĩ: "Y cà sa màu vàng là lá cờ chiến thắng, quý báu, cao thượng của chư vị A-la-hán, chư vị Chánh Đẳng Giác! Tuyệt đối ta không thể xâm phạm. Dẫu tên thợ săn này đã có tâm ác độc, đã giết hại đồng loại của ta, nhưng tội y làm thì y sẽ lãnh chịu. Một ngàn lần sanh mạng của ta dẫu bị phan thân, chặt đầu..., ta cũng không dám đụng chạm đến chiếc y cà sa màu vàng linh thiêng ấy."

Ý nghĩ đi liền theo hành động, voi chúa thay vì quật nát tên thợ săn, đã nhẹ nhàng đặt y xuống, thò vòi lấy ngọn giáo sắt bẻ vụn, quăng ra xa. Voi chúa nhìn tên thợ săn đang co rúm, da mặt tái xanh đầy sợ hãi, bằng cái nhìn nghiêm khắc, rống to một tiếng đầy uy vũ, vang động cả rừng già rồi bỏ đi!

Chuyện voi chúa cung kính y cà sa là vậy đó, tâu đại đức. Khi kể, trẫm có thêm bớt một tí cho nó liền lạc câu chuyện.

Nghe xong, đại đức Na-tiên nói với giọng cảm khái:

- Thật là một bài thơ đẹp và hùng tráng biết bao!
- Quả là vậy! Nghĩa cử ấy thật là tuyệt vời!
- Tâu, từ câu chuyện ấy, đại vương sẽ dẫn đến nội dung gì?

Đức vua Mi-lan-đà mỉm cười:

- Vâng! Cũng là bồ tát mà kiếp ấy voi chúa kính trọng y cà sa, kính trọng phẩm mạo xuất gia của các bậc sa môn; nhưng kiếp khác, khi làm thanh niên bà-la-môn, có tên là Jotipàla, lại nói lời thô bỉ xâm phạm đến Đức Phật Kassapa, như

nguyên rủa Đức Phật Kassapa là "sa môn đầu trọc". Điều ấy chứng tỏ gì? Chứng tỏ hai khía cạnh và hai ý nghĩa khác nhau, chỗ thì tôn trọng, chỗ thì phỉ báng trong hai tiền thân của Đức Phật. Xin đại đức giải minh mỗi nghi cho!

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Vâng, nhưng xin đại vương vui lòng cho bản tăng nghe câu chuyện "sa môn đầu trọc" ấy chứ? Ít ra cũng có hoàn cảnh, bối cảnh như thế nào? Nhân và quả của sự việc như thế nào chứ?

- Vâng, trẫm sẽ kể đây:

Thuở Đức Phật Kassapa tại thế, ngài có một Thánh đệ tử cư sĩ làm nghề thợ gốm. Ông ta có đức tin bất động với Tam Bảo, thường hay cúng dường đến Đức Phật Kassapa và Tăng chúng. Ông ta cũng thường hay dẫn dắt ngoại đạo đến nghe Pháp, quy y với Đức Phật. Trong số ấy có thanh niên Jotipàla, là một thanh niên có học thức, có trí nhưng cứng đầu. Không biết bao nhiêu lần, người thợ gốm tìm cách dẫn thanh niên Jotipàla đi nghe thuyết pháp, nhưng thanh niên ấy đều từ chối, nói rằng: "Đến sa môn trọc đầu xấu xa ấy mà làm gì, ta không đi."

Hôm kia, rủ bạn đi tắm sông, gần tịnh xá của Đức Phật Kassapa; người thợ gốm lựa thế nắm chỏm tóc của thanh niên Jotipàla, kéo và lôi bằng sức mạnh, buộc Jotipàla đến chỗ Đức Phật nghe pháp cho bằng được. Thanh niên Jotipàla, ban đầu, chưởi toáng lên, luôn miệng phỉ báng "sa môn đầu trọc" và người bạn thợ gốm; nhưng sau đó, y chợt tỉnh: "Bạn ta vốn là người từ tốn, ôn nhu, đức hạnh; chưa bao giờ bạn ta có lời nói hay hành động thất lễ với một đứa con nít, mà sao bây giờ lại tỏ thái độ như vậy đối với ta? Lại nữa, bạn ta biết rõ ta là dòng dõi bà-la-môn cao quý, thượng đẳng; còn bạn ta thuộc vào giai cấp thợ thuyền, hạ liệt? Chắc phải có lý do gì bức thiết, quan trọng, bạn ta mới nắm chỏm tóc ta, kéo và lôi bằng sức mạnh, vô lễ đối với ta như vậy."

Thưa đại đức! Đây là câu chuyện, là lý do, là bối cảnh phát sanh từ lời phỉ báng. Như vậy chứng tỏ gì? Chứng tỏ những câu nói rải rác trong kinh điển: "Hễ vị bồ tát sinh trong kiếp nào cũng đều cung kính Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng"... là sai! Câu chuyện kia quả là một minh chứng hùng hồn vậy.

- Đại vương kết luận hơi sớm. Câu chuyện thanh niên Jotipàla dường như chưa chấm dứt mà.

- Vâng. Sau khi nghe pháp xong, trí tuệ phát sanh, thanh niên Jotipàla quay sang bạn, cất giọng ngạc nhiên: "Với những thời pháp cao siêu, vi diệu như thế này,

tôi không hiểu tại sao, cho đến bây giờ bạn chưa xuất gia trong giáo pháp của Đức Đạo Sư!" Rồi sau đó thanh niên Jotipàla xuất gia, không bao lâu, đắc thiên và thắng trí, cuối đời, mãn thọ, hóa sanh vào phạm thiên giới.

Đại đức Na-tiên chợt nói:

- Như vậy, chúng tỏ gì? Chúng tỏ từ thâm sâu, thanh niên Jotipàla đã có sẵn căn cơ vững chắc, có đức tin, sự kính trọng Tam Bảo không chỉ ở bình diện cạn cợt của năm bảy kiếp sống. Còn sự phỉ báng ở đầu môi, như "*sa môn đầu trọc, xấu xa đê tiện v.v...*" thì còn phải xét ở thói quen, sự tạp nhiễm, truyền thống gia tộc, phương cách giáo dục...; nghĩa là trong bối cảnh toàn diện mà thanh niên Jotipàla đang sống, khi ấy may ra mới đủ thẩm quyền xác định tư cách trọn vẹn của một con người. Tâu đại vương! Đại vương đã có cái nhãn quan tổng thể ấy chưa?

Đức vua Mi-lan-đà cảm thán:

- Đại đức quả là thông tuệ, mở rộng tầm nhìn cho trẫm. Tuy nhiên, lập ngôn của đại đức quá cô đọng, hãy từ từ mở phôi vấn đề cho trẫm thấy, thì trẫm cảm ơn lắm vậy!

- Thật là hân hạnh khi được bậc chí tôn tán thán. Bần tăng xin mạo muội đưa ra vài câu hỏi, đại vương hiểu như thế nào thì xin đáp cho thế ấy.

- Thưa, vâng!

- Một gia đình bà-la-môn giàu có, sang trọng như gia đình thanh niên Jotipàla thời đó, sẽ nói về giòng giống của mình, sẽ dạy cho con cái của họ như thế nào?

- Thưa, sẽ nói rằng, họ là chủng tộc cao quý, thượng đẳng, sanh ra từ miệng đất Phạm thiên; là người cảm ngưỡng trong các chiếu tiệc tùng, là con mắt sáng của thế gian; là tập cấp tôn quý đứng đầu xã hội, cho chí giai cấp quý tộc, vua chúa cũng phải cúi đầu, cung kính, lễ bái, cúng dường. Các tập cấp trong xã hội phải có bốn phận cung phụng tất cả mọi nhu cầu ăn ở cùng tiện nghi sinh hoạt. Họ là trí tuệ, là tri thức của loài người; chỉ có họ mới đủ tư cách thiêng liêng nói chuyện, trao đổi với thần linh v.v...

Với truyền thống như thế, với sự giáo dục như thế, thanh niên Jotipàla hít thở, ăn nói, đi đứng... mang sự hãnh diện và tự hào của một tập cấp cao quý lâu đời. Vậy thì từ cửa miệng của thanh niên Jotipàla, khinh chê tập cấp khác, hoặc phát

ngôn câu "*sa môn đầu trọc, xấu xa, đê tiện*" là lời phát ngôn bình thường hay do ác khẩu, ác ngữ?

Đức vua Mi-lan-đà có vẻ suy nghĩ mới đáp:

- Nói rằng "ác khẩu, ác ngữ" thì hơi vội quy kết, võ đoán. Có lẽ là do thói quen, tự hào của tập cấp mình mà sinh ra thế!

- Vậy là đại vương đã tự trả lời. Cái tâm của Jotipàla có lẽ không do định kiến sâu dày, không do ác kiến, chỉ là sự phát ngôn bừa bãi ở bên ngoài mà thôi.

- Vâng!

- Nước của trái amata vốn ngọt, nhưng nếu trộn với nước rau má nhiều, nước ngọt kia sẽ trở nên đắng. Nước rau má đắng, nhưng nếu trộn nhiều nước amata ngọt, nước đắng kia sẽ trở thành ngọt. Thanh niên Jotipàla bản chất tốt, hạt giống Bồ đề lâu đời ở trong tâm, nhưng một mình sống giữa tập cấp bà-la-môn, sự lây nhiễm hoặc mất cả mùi vị cũng là điều dĩ nhiên vậy.

- Vâng!

- Nước nhiều, lửa phải thua nước. Lửa nhiều, nước phải thua lửa.

- Vâng!

- Người có tâm lành, nhưng thường hay thân cận, giao tiếp quá nhiều với bạn ác, thì tâm lành, tốt kia lần hồi sẽ bị biến chất. Người có tâm ác, nhưng bạn bè, gia đình, quyến thuộc đều là người hiền lương, thì không bao lâu, kẻ có tâm ác kia sẽ được cảm hóa.

- Thưa, vâng!

- Thanh niên Jotipàla dẫu tu tập nhiều đời, nhưng trí tuệ chưa già dặn, chàng lại còn non trẻ; nói năng đĩ đứng, hiểu biết... đều bị uốn nắn theo đức tin của ngoại giáo, tà kiến. Chúng ta có thể nào quy chụp thanh niên Jotipàla là ác khẩu, ác ngữ, sân tâm, ác tâm, nói lời thô bỉ, mạ lỵ với định kiến sâu dày được chăng?

- Thật không thể.

- Khi thanh niên Jotipàla còn một mình, nghe pháp, chàng tức khắc xuất gia, như vậy chúng tỏ gì? Chúng tỏ rằng trái amata ngọt đã trở lại nguyên trạng trái amata ngọt; chàng đã trở lại với căn cơ, tâm tuệ vốn có sẵn từ nhiều kiếp trước.

- Vâng!

- Đến đây ta có thể kết luận rằng: tự thâm sâu, chàng Jotipàla vẫn cung kính, tôn trọng Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, được không hờ đại vương?

- Kết luận ấy không hời hợt, không vội vã, không nông cạn chút nào!

- Cảm ơn đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà sảng khoái, cười ha hả.

145. Về cái nhà không mái của người thợ gốm?

- Thưa đại đức! Chuyện của người thợ gốm, Thánh đệ tử cư sĩ của Đức Phật Kassapa vẫn chưa xong ạ!

- Đại vương cứ hỏi! Chẳng lẽ đại vương có những hoài nghi nào đó liên quan đến vị Thánh cư sĩ này chăng?

- Thưa, vâng!

- Chuyện ấy ra sao, đại vương cứ kể ra và cứ đặt câu hỏi, hy vọng rằng bản tăng sẽ góp được một vài ý kiến chăng!

Đức vua Mi-lan-đà bắt đầu kể:

- Trẫm có nhớ rằng, người thợ gốm có tên là Ghàtikàra, sống đời cư sĩ nhưng giữ giới luật của bậc Thánh. Vị ấy tuy làm thợ gốm nhưng không dám tự tay đào đất lấy sét vàng, sét trắng. Vị ấy đã phải bỏ nhiều thời gian đi từ cánh đồng này sang cánh đồng khác tìm những hang, những lỗ do chuột, chồn, cáo đào, bới vương vãi ra. Vị ấy chỉ dùng loại đất sét ấy về lọc mịn, nhồi, nắn thành thau, chậu, nồi, chén, bát... rồi đặt vào lò nung, sau đó đem bán cho mọi người. Vì giữ giới luật của bậc thánh, vị ấy không nhận tiền, vàng, bạc hoặc cất giữ tiền, vàng và bạc; chỉ nhận và trao đổi theo giá trị của mặt hàng để lấy ngũ cốc, rau cải, muối, vải vóc v.v... Bằng cách sống và làm việc như vậy, vị ấy nuôi mình, nuôi cha mẹ mù lòa cùng hộ độ Đức Phật Kassapa và Tăng chúng. Đặc biệt, vị Thánh cư sĩ luôn đặt bát cho Đức Phật Kassapa vào mỗi buổi sáng.

Hôm kia, vì công việc đi tìm đất sét khó khăn, xa xôi, vị Thánh cư sĩ phải đi rất sớm. Từ khi sao mai còn tinh rạng trên bầu trời, vị Thánh cư sĩ đã lo cơm canh và nước uống cho cha mẹ, lại còn chuẩn bị chu đáo phần để bát cho Đức Phật theo lệ thường.

Vị Thánh Ghàtikàra dặn lại với cha mẹ mù lòa:

- *Thưa cha mẹ! Sáng nay con không thể tự tay đặt bát cho Đức Thế Tôn, thật là có lỗi, nhưng con tin là Đức Thế Tôn hiểu lòng dạ của con. Vậy thì khi cha mẹ nghe tiếng "đăng hăng" ở nơi cửa - nhất định đấy là Đức Phật - thì cha mẹ sẽ thưa lại với ngài như sau: "Bạch Đức Thế Tôn! Con trai của con đã đi vắng, nhưng đứa con trai của con vẫn mong muốn cúng dường vật thực vào mỗi buổi sáng. Vậy xin Đức Thế Tôn hoan hỷ, hãy tự ý đi vào bếp; thức ăn khô, thức ăn nước, con của con đã đập đặng sẵn ở trong cối, cơm trộn sữa, con của con đang để sẵn ở trong chảo."*

Và quả đúng, sau đó, chuyện xảy ra y như vậy. Đức Thế Tôn Kassapa chẳng chấp nhất gì, đi vào bếp và tự tay đổ cơm và canh vào bát cho mình. Người cư sĩ thánh thiện cùng cha mẹ mù lòa của vị ấy sung sướng, hỷ lạc vô cùng.

Lại hôm khác, mưa xuống, tịnh thất của Đức Phật bị dột rất nặng, chẳng có chỗ nào khô ráo để Đức Thế Tôn an ngự. Ngài nói: "*Này chư tỳ kheo! Hãy đi tìm tranh hoặc cỏ để lợp lại cốc cho Như Lai. Hãy đến nhà cư sĩ Ghàtikàra xem sao!*" Khi các vị tỳ kheo đi về, Đức Phật hỏi: "*Thế nào, ở đấy có tranh hoặc cỏ không?*" Chư tỳ kheo thưa: "*Dạ có, nhưng nó ở trên mái!*" Đức Thế Tôn phán: "*Cứ có tranh là được, bất kỳ ở đâu, hãy lấy tranh ấy về!*"

Vâng lời Đức Phật, chư tỳ kheo đến nhà cư sĩ Ghàtikàra, leo lên mái và gỡ tranh ra. Hôm ấy, cư sĩ đi vắng. Cha mẹ mù lòa của ngài cư sĩ, nghe tiếng người xông xáo, với tiếng tranh bị gỡ ở trên mái, bèn ngạc nhiên hỏi: "*Các người là ai?*" "*Thưa, chúng tôi là tỳ kheo!*" "*Các vị làm gì vậy?!*" "*Thưa, cái cốc của Đức Thế Tôn bị mưa dột, chúng tôi gỡ tranh này về lợp lại cái cốc cho Đức Thế Tôn!*"

Cha mẹ mù lòa của cư sĩ Ghàtikàra nghe vậy, hỷ lạc dâng khắp đầy người, rói rít nói: "*Vậy là tốt, vậy là có phước báu lắm, vậy các ngài hãy gỡ đi, cứ gỡ hết đi, về lợp lại tịnh thất cho Đức Thế Tôn*".

Người cư sĩ thánh thiện đi công việc về, thấy nhà trống không, chẳng có mái che, bèn hỏi: "*Tại sao cái nhà toang hoác, thấy trời vậy, thưa cha mẹ?*" Cha mẹ cư sĩ kể lại. Thế là hỷ lạc dâng khắp đầy trong tâm vị cư sĩ suốt một tuần mới chịu tan đi.

Câu chuyện kể đến ngang đây, Đức vua Mi lan đà ngưng hơi nghĩ một lát. Đại đức Na tiên tiếp lời:

- Thế là bắt đầu hôm ấy, cái mái nhà trống không ấy của ngài cư sĩ, mưa nắng gì cũng không lọt vào được, suốt ba tháng như thế?

Đức vua gật:

- Đúng vậy. Và các vấn đề, những mối nghi cũng bắt đầu từ đấy.

- Đại vương cứ nói!

- Nước mưa hoặc nắng không thể lọt vào nhà suốt trong ba tháng hẳn là điều phi thường, nhiệm màu, lạ lùng! Ôi! oai lực của vị cư sĩ kia quả là to lớn! Cũng phải thôi! Người cư sĩ kia có ngũ giới trọn vẹn, có bát quan trai giới tuyệt hảo, lại còn có thêm giới luật của bậc thánh. Ngoài ra, ông ta có thiện căn sâu dày, hiểu thảo phụng sự nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa, hộ độ Đức Phật và Tăng chúng, có đức tin trong sạch, bất thối với Tam Bảo, với thiện pháp... Người như thế thì phước báu như thế. Nhân như vậy thì quả phải thù thắng. Nhà không phải lọt bằng cỏ tranh bình thường mà rõ ràng là được lọt bởi giới, bởi đức tin thuần khiết, bởi công đức cao vợi, bởi tâm hiểu thảo, bởi sự cúng dường không mệt mỏi! Trên thế gian này chẳng ai có oai lực để so sánh bằng...

- Đại vương cứ nói tiếp.

- Vâng, cho chí Đức Thế Tôn Kassapa cũng chẳng có oai lực được như thế, mưa dột mái phải kiếm tranh lọt lại như mọi người trong thế gian này? Thừa đại đức! Đây là những câu hỏi của trẫm, những mối nghi của trẫm vậy!

- Nói tóm lại, đại vương muốn hỏi: "*Tại sao oai lực của Đức Thế Tôn không bằng oai lực của vị Thánh đệ tử?*"

- Vâng, vâng!

- Và, tại sao, Đức Phật Kassapa lại *vô ngại* đến độ, đi vào bếp nhà người ta, tự ý lấy cơm canh đổ vào bát của mình?

- Vâng, vâng!

Đại đức Na-tiên im lặng giây lát:

- Tâu đại vương! Về oai lực chư Phật thì quả là vô biên giới, vô hạn lượng, vô hạn định, không có mé bờ. Đức Phật là tối thượng trong tam giới, là thầy của chư thiên và nhân loại, không có oai lực nào trên thế gian khả dĩ so sánh với oai lực của ngài được. Cốc của Đức Phật bị dột, thế ra ngài sợ bị dột ư? Ngài sợ

nước ư? Không phải thế đâu! Hằng trăm, hằng ngàn, hằng vạn nước ấy; hằng ngàn hằng triệu mưa, nắng, gió ấy... cũng chẳng thể làm gì ngài được đâu! Núi Tu di vẫn bất động trước cơn gió hung bạo, cuồng nộ thổi trăm chiều và cho dù sức mạnh của trăm ngàn cơn gió ấy cộng lại, núi Tu di vẫn không lay chuyển.

Ví như biển cả sâu thẳm và mênh mông, hằng trăm hằng ngàn con sông Hằng tuôn đổ vào, không vì thế mà biển cả đầy hơn. Trái lại, hằng trăm, hằng ngàn con sông Hằng, hằng ngày rò rỉ nước, không vì vậy mà biển cả vơi đi chút nào. Núi Tu di và biển cả được ví như đức lớn của Đức Phật vậy, nó ở ngoài và ở trên mọi oai lực, không có oai lực phi thường nào đụng đến ngài được. Huống hồ là oai lực của vị cư sĩ! Huống hồ là các oai lực của tự nhiên như nắng, mưa, gió, bão... tâu đại vương! Có lẽ là đại vương chỉ *giả* vờ hỏi khó bần tăng đấy thôi!

- Không dám! Cách giải thích của đại đức như thế đã tạm ổn, tuy chưa có minh chứng cụ thể. Đức Phật nhập diệt lâu rồi, chúng ta chỉ còn thấy oai lực ấy hiện hữu trên ngôn ngữ và lý luận. Ở đây cần phải có đức tin mới giải tan vấn đề được, phải vậy không, đại đức?

- Đúng thế. Và bần tăng biết, bần tăng có đức tin ấy.

Đức vua Mi lan đã cười xòa:

- Trẫm cũng có, đại đức chớ có lo! Vậy còn mỗi nghi thứ hai và thứ ba?

- Tâu, việc dâng cúng vật thực thành tựu là do ở tâm, ở *tác ý* quyết định. Chính Đức Phật Kassapa biết tác ý kính thành, trong sạch của người cư sĩ, nên đã *vô ngại* đi vào bếp. Nhờ vậy, người cư sĩ và cha mẹ của người cư sĩ sẽ hoan hỷ hơn. Vì hoan hỷ nên phước báu sẽ lớn hơn. Giúp cho chúng sanh nhiều phước báu, tạo thêm duyên cho chúng sanh biểu hiện tấm lòng, tăng trưởng đức tin, không là việc đáng làm sao, hả đại vương!

- Trẫm đồng ý với kiến giải này.

- Việc gỡ mái nhà cũng y như thế. Đức Thế Tôn biết gia đình ấy sẽ sung sướng, hỷ lạc; và niềm hỷ lạc sẽ đến cho họ cả tuần lễ, nên ngài mới làm. Chuyện ấy là thường tình thôi. Ví như đại vương là bậc cao quý, tự đến nhà một bề tôi trung thành, thân tín, là niềm hãnh diện cho người bề tôi ấy. Giả dụ đại vương lấy ở nhà ấy một vật gì, người bề tôi ấy hẳn là sung sướng lắm. Có phải thế không ạ?

- Vâng.

- Có người còn hỏi: "*Tại sao Đức Phật không sử dụng oai lực thần thông để che kín mái nhà của mình? Thăng hoặc, sai Đế Thích hoặc Tứ đại thiên vương bảo thần mưa, thần nắng đừng có phạm đến mái nhà?*" Đại vương có muốn trả lời điều này chăng?

- Thưa, không cần thiết. Thần thông là *thế gian pháp*, bắt đắc dĩ chư Phật mới sử dụng. Khi các câu hỏi ở trên đã thông rồi thì các điều còn lại, trẫm sẽ tự giải nghi cho mình. Làm phiền đại đức vậy là đã quá nhiều. Chư Phật độ người là quan trọng, biểu diễn thần thông phép lạ là việc làm không thích đáng vậy.

- Cảm ơn đại vương đã thông hội vấn đề nhậm lạ.

- Thưa, cũng thường thôi!

146. Tại sao có lúc Đức Phật xưng mình là bà-la-môn, có khi xưng mình là vua?

- Thưa đại đức! Bà-la-môn là giai cấp tu sĩ ngoại đạo, tôn thờ thần linh, có gia đình hoặc xuất gia, thuộc về giáo phái tà kiến... có phải thế không ạ?

- Tâu, vâng!

- Thế sao Đức Đạo Sư tối thượng của chúng ta, đôi chỗ lại tự xưng mình là bà-la-môn, ví dụ như ngài nói: "*Như Lai là một bà-la-môn, cũng đi tri bình khát thực, xin cơm của thí chủ để nuôi mạng...*", điều ấy có đúng chăng? Có cần thiết phải hạ mình như thế chăng? Ngài không ngại thế gian hiểu lầm chăng?

- Tâu đại vương! Đức Phật tự xưng mình là bà-la-môn, điều ấy có thật, chẳng phải là sự hạ mình, chẳng phải là đề cao một giáo phái ngoại đạo. Đây là cách nói chuyện thân mật, gần gũi của Đức Phật nhằm hóa độ có hiệu quả mọi tầng lớp trong xã hội.

- Xin đại đức giảng cho nghe.

- Khi nói chuyện với người nông dân, Đức Đạo Sư của chúng ta sẽ nói: "*Này người nông phu! Như Lai cũng là một nông dân, Như Lai cũng cày, cũng cuốc, cũng bừa, cũng gieo mạ! Cày bừa ấy là đức tin, tinh tấn, gieo mạ ấy là những hạt giống thiện pháp. v.v...*" Khi nói chuyện với một thương gia, Đức Thế Tôn sẽ nói: "*Này người thương gia, Như Lai cũng là người đi buôn, Như Lai có tiền bạc, Như Lai duỗi ngựa đường xa, Như Lai mua những món hàng chỗ này chỗ kia! Tiền bạc của Như Lai là tín, là giới; ngựa của Như Lai là tinh tấn v.v...*"

Đại vương nghĩ thế nào, với cách nói chuyện như vậy, dẫn đề như vậy, sự thuyết phục, hóa độ cụ thể, có dễ dàng, có tạo thêm sức mạnh hay chẳng?

- Chắc chắn thế rồi!

- Lại nữa, tâu đại vương! Trường hợp ngài xưng mình là bà-la-môn còn có tính hóa độ sâu sắc hơn thế!

- Trẫm xin rửa tai để lắng nghe.

- Đại vương nên hiểu rằng, bà-la-môn vào thời Đức Phật tại tiền, đã thoái hóa, đã biến chất, đã suy đồi, đã phản bội lý tưởng ngàn xưa của tiền nhân họ. Kinh sách cổ xưa của bà-la-môn nói về giới hạnh, tu tập, thiền định... là để thực hành con đường nhằm có thể đến cộng trú với phạm thiên. Phạm thiên là cảnh giới cao quý, thanh tịnh, chói sáng; nơi đã thoát ly mọi ô nhiễm, cấu uế của ngũ trần dục giới. Đại phạm thiên, vị vua của cõi trời này có rất nhiều oai lực nên bà-la-môn giáo rất ngưỡng vọng, tôn thờ.

Đại vương nên biết rằng, trong tiếng Phạn, phạm thiên là *brahmà*, và bà-la-môn là *brahamano (brahamana)*. Vậy một brahmano muốn được gọi là một brahmano thì phải thực hành con đường đi đến cõi brahmà; con đường ấy được gọi là brahmacariya, tức phạm hạnh. Chữ "phạm hạnh" mà Đức Phật thường dùng là để chỉ đến giới hạnh cao thượng của hàng ngũ xuất gia.

Tâu đại vương! Vậy một bà-la-môn chơn chính vốn rất cao quý, cao thượng chứ không phải tầm thường đâu. Đức Phật rõ là muốn hóa độ những người bà-la-môn trở về với ý nghĩa bà-la-môn đích thực của mình, chứ không phải bà-la-môn thoái hóa, nhãn hiệu, thiếu thực chất, xa cội nguồn, sống đời lợi dưỡng, xa hoa trong truyền thống tập cấp của họ.

- Hay lắm! Bây giờ trẫm mới được hiểu. Khi Đức Phật nói: "*Như Lai cũng là một bà-la-môn...*" tức là muốn nói đến bà-la-môn chơn chính ấy.

- Vâng!

- Xin đại đức cho nghe thêm một số đức tính cao thượng của bà-la-môn!

- Như đại vương đã hiểu, một người bà-la-môn xuất gia chơn chính phải lấy việc khát thực làm phương tiện nuôi mạng, không được nuôi mạng bằng buôn bán, các nghề nghiệp, xem thiên văn, địa lý, bói toán, tử vi, bốc xăm, xem hướng nhà... để lấy tiền của thiên hạ. Khi đi khát thực phải giữ tâm bình đẳng, thanh tịnh trước người giàu, kẻ nghèo, vật thực ít hay nhiều, ngon hay dở. Phải chánh

niệm, tỉnh giác, khoan thai; nuôi dưỡng tâm từ, tâm xả v.v... Tâu đại vương, đi khát thực nuôi mạng như vậy có được gọi là cao thượng chăng?

- Rất là cao thượng.

- Thứ hai, nếu được gọi là bà-la-môn thì bà-la-môn ấy phải nuôi dưỡng đức tin trong sáng cho mọi người bằng cách sống đời xuất gia phạm hạnh; phải có kiến thức về pháp học để tiêu trừ nạn vấn, nghi nan cho nhiều người. Đức Thế Tôn là bậc thầy trong tam giới, ngài phải phá nghi cho nhân loại, Đế Thích, phạm thiên, diêm chúa, dạ xoa, a tu la. v.v...

- Ôi! Cao quý thay!

- Thứ ba, bà-la-môn phải sống đời dứt bỏ, xả ly mọi bất tịnh trần cấu dục uế; phải cô đơn một mình như loài tê giác trên lộ trình ấy, chẳng có ai là bạn, chỉ có mình tự giải quyết vấn đề của chính mình. Đức Thế Tôn cũng chỉ đơn độc một mình, dứt bỏ, xả ly mọi bất tịnh trần cấu của cả ba cõi; giải thoát sanh già bệnh chết, tận tuyệt vô minh, phiền não; chiến thắng tất cả ma quân để đến nơi vô sanh bất diệt!

- Trẫm hiểu rồi.

- Thứ tư, một bà-la-môn chơn chính luôn luôn nuôi dưỡng thiện pháp, sống và hành theo thiện pháp, còn Đức Thế Tôn thì đã đạt đến nơi toàn thiện.

Thứ năm, một bà-la-môn chơn chính phải thông hiểu Tam phệ đà, giữ gìn truyền thống tốt đẹp lâu đời về giới hạnh, về kỷ luật, về kinh điển, về giáo dục... rồi truyền lại cho thế hệ hậu lai. Đức Thế Tôn cũng y như thế... trong việc dạy dỗ pháp học, pháp hành đến cho tứ chúng; chế định luật giới cho mỗi chúng, không mệt mỏi giáo huấn người, trời, Đế Thích, phạm vương, a tu la, dạ xoa v.v...

Thứ sáu, bà-la-môn chuyên tâm về thiên định, Đức Phật cũng chuyên tâm về thiên định. Khi muốn nghỉ ngơi, Đức Phật thường trú định phạm thiên, tịnh cư!

Thứ bảy, bà-la-môn hằng biết rõ sự thực hành để đi đến các cảnh giới cao cả; đâu là cõi nhỏ cảnh giới cao cả, đâu là cõi lớn cảnh giới cao cả. Đức Thế Tôn cũng hằng biết như thế, nhưng lại mênh mông và vô lượng hơn nhiều.

- Trẫm biết rõ.

- Vậy, danh hiệu bà-la-môn ấy chẳng phải do sự tôn xưng của Phật phụ, Phật mẫu, thượng tộc Thích ca vương, đại thần, quân binh, bằng hữu v.v... cũng

chẳng phải do sự tôn xưng của chư thiên, long vương, dạ xoa... Đức Đạo Sư là bậc Toàn thắng ma, là bậc Thập lực tuệ, có sức mạnh vô úy, tối thượng, ở trên và ở ngoài ba cõi, thật chẳng có sự tôn xưng nào xứng đáng hoặc xứng danh được. Chỉ đến mười hồng ân tôn xưng ngài cũng chưa đủ, huống hồ là danh hiệu bà-la-môn, dẫu là cao quý nhưng cũng chỉ thực hành con đường phạm hạnh (*brahmacariya*) để đi đến cõi phạm thiên, đại phạm thiên - là cảnh giới nhỏ, là học trò của ngài mà thôi vậy.

- Vâng, quả đúng như vậy! Bà-la-môn là danh hiệu khả dĩ để đối thoại, đàm thoại... với chúng bà-la-môn để họ trở về được với phẩm hạnh bà-la-môn chơn chính của mình.

- Đúng thế! Là phương tiện giáo hóa ở một xã hội bà-la-môn giáo thịnh hành.

- Thưa, vâng! Vậy danh hiệu ấy trăm đã hiểu rồi, nhưng còn danh hiệu vua? Có lần Đức Thế Tôn nói rằng: "*Này đại vương, Như Lai cũng là vua, cũng là người nâng đỡ mười vương pháp.*" Điều này được hiểu ra sao? Trong mười hồng ân không có, vậy ta phải hiểu cách hiểu bà-la-môn sao?

- Đúng thế! Đại vương là bậc thông tuệ, ngài có thể từ danh hiệu bà-la-môn mà giải thích về danh hiệu vua do Đức Phật tự xưng, về nhân và quả của nó, được chẳng?

- Có thể được. Nhưng có chỗ nào không khế hợp hoặc thiếu sót, xin đại đức bổ thuyết cho!

- Đại vương không cần phải tự khiêm!

Đức vua cười cười trong mắt, rồi nói:

- Thưa đại đức! Từ xưa tới nay được làm vua do nhiều nguyên nhân khác nhau. Có kẻ do cha truyền con nối. Có kẻ do đầu óc, có chí lớn, có tài làm tướng, đánh bại và chinh phục đất đai, lãnh thổ thiên hạ mà xưng làm vua. Có kẻ do có tài, có đức được dân chúng tôn phục, kính mến mà suy cử lên ngôi vua. Có kẻ do soán đoạt, giết cha, giết anh mà chiếm vương vị. Có kẻ do sự bất công xã hội, sự áp bức của giới cầm quyền mà nổi dậy đánh bại kẻ ác mà xưng làm vua v.v... Tuy nhiên, dẫu làm vua kiểu nào, vị vua ấy cũng có các quan tham mưu đưa ra một chính sách để cai trị muôn dân; có một đường lối giáo dục theo kiến thức, quan niệm và chủ trương của vị vua ấy để tuyên dương, quảng bá chế độ của mình đến cho bá tánh. Đức Thế Tôn cũng y như thế, ngài tu tập nhiều đời kiếp, đạt quả vị Chánh Đẳng Giác, làm vua một quốc độ lớn rộng mênh mông, ở ngoài

giới hạn của ba cõi; ngài cũng có một chính sách, ấy là *kinh luật luận*, hằng tuyên dương, quảng bá, giáo dục tất cả chúng sanh trời, người, Đế Thích, phạm thiên, long vương, dạ xoa v.v... biết quay về với chánh pháp, sống và hành theo chánh pháp.

Thưa đại đức! điều thứ nhất ấy trăm vụng về đưa ra, ngài đừng chê cười nhé!

- Chẳng dám đâu, đại vương! Nó rất hay là khác, lỗi tai của bản tăng rất hoan hỷ và mát mẻ.

Rất hùng hồn, đức vua Mi lan đà tiếp:

- Điều thứ hai, đức vua khôn khéo áp dụng vương pháp, tuy cũng là pháp luật nhưng pháp luật này mềm dẻo, thấu tình đạt lý để cai trị muôn dân. Người trong hoàng tộc không thể ỷ y mình là lá ngọc cành vàng để sống đời vinh hoa phù phiếm. Vương pháp sẽ không tha cho họ. Bọn phản nghịch, nổi loạn sẽ có tinh binh uy dũng đánh phạt; tùy theo tội nặng nhẹ mà tử hình, chung thân, phạt tiền, phạt trượng, cảnh cáo hoặc tha bổng. Kẻ trộm cắp, giết người, bất chánh, lừa đảo v.v... đều có chung hình phạt tương tự. Người có công được khen thưởng rất xứng đáng. Người tài hiền được nâng đỡ, đón mời, thỉnh vào triều với chức cao trọng vọng cho bá tánh y chỉ, nương nhờ. Các ngành nghề lao động, thủ công... được khuyến khích, đề cao, hỗ trợ. Kinh thư thánh hiền được dạy dỗ cho muôn dân v.v...

Nói tóm, đức vua tối thượng ấy ngồi dưới chiếc lọng trắng tinh sạch, trang nghiêm, uy vũ - tượng trưng cho quyền lực của vương pháp - luôn thương yêu và chăm lo cho dân, làm cho dân giàu nước mạnh, sống thuận hòa, ấm áp, chứa chan tình người và đạo nghĩa.

Đức Tối thượng sư của chúng ta cũng y như thế và còn hơn thế nữa. Vương pháp tức là chánh pháp. Kẻ trong hoàng tộc chính là thân tộc Thích ca vương, cũng phải được dạy dỗ nghiêm khắc, giúp họ biết bố thí, cúng dường, nghe pháp; cho xuất gia kể cả hoàng tử, thái tử, hoặc ngay cả con ruột của mình. Muôn dân chính là tứ chúng, bá tánh chính là chúng sanh ba cõi. Kẻ sai quấy, thực hành không đúng pháp thì đã có giới luật định tội, trục xuất hoặc khinh trọng tùy theo giới phạm mà răn dạy. Tất cả đều phú túc, phú cường trong một giáo pháp toàn hảo ở chặng đầu, chặng giữa và chặng cuối. Vô lượng kẻ đạt ngộ đạo quả bốn bậc. Vô lượng kẻ giải thoát tử sanh. Vô lượng kẻ thuyết pháp, đầu đà, tinh thông một tạng, hai tạng, ba tạng. Vô lượng kẻ phước báu trời, người. Cõi trời thênh thang mở rộng cho tất cả mọi người một cách đồng đẳng,

vô phân biệt. Đức Tối thượng sư ngồi dưới chiếc lọng trắng thanh khiết - tượng trưng cho pháp màu giải thoát - điều ngự và sách tấn ba cõi, bốn loài đồng đẳng giác ngộ.

Nghĩa lý thứ hai ấy, thưa đại đức kính mến, lỗ tai nghe của ngài có nóng nẩy, khó chịu không?

- Tâu, nó nổi da gà và rần rần hỷ lạc; như ru vũng êm, như tắm nước mát. Thật là toàn hảo vậy.

- Cảm ơn đại đức!

- Xin đại vương cho nghe thêm điều thứ ba?

- Đức vua được dân chúng tôn trọng, cung kính, thương yêu, ngưỡng mộ, thì Đức Phật cũng được chư thiên và nhân loại cung kính, lễ bái, cúng dường...

- Đúng thế!

- Người tốt, người hiền, kẻ có công thì đức vua ban thưởng chức tước, lộc hàm, phẩm vị, vàng bạc v.v... , việc này đối với Đức Phật cũng y như thế. Trong tứ chúng, người nào có sự tu tập tinh cần, đúng đắn; giữ gìn thân khẩu ý thanh tịnh, nỗ lực xa lìa chấp thủ, tham đắm; Đức Phật sẽ lần lượt ban cho từng quả vị như Tu đà huờn, Tư đà hàm, A na hàm, A-la-hán v.v... Ấy là những phần thưởng cao quý nhất, tối thượng nhất. Bằng không được vậy, mà ai đó chỉ có đức tin, biết giữ giới cấm, biết bố thí, xả ly... thì người ấy, cũng được khen thưởng những phước báu trời, người hạnh phúc, sang cả.

Trái lại, người xấu ác, kẻ phạm luật, phạm pháp bị đức vua xử theo pháp luật quốc gia, thì Đức Phật cũng thế; ngài xử theo giới luật đã được chế định, đồng thời định luật nhân quả còn làm việc một cách công minh, không bao giờ thiên vị.

Ngoài ra, đức vua ban hành mười vương pháp để cho quốc độ được hạnh phúc và trường tồn, thì Đức Phật cũng hằng giáo hóa tứ chúng làm lành, tích trữ điều lành, sống theo chánh pháp để chánh pháp được tồn tại dài lâu trên thế gian này!

Thưa đại đức! Đó là trăm chỉ nêu đại lược những điểm then chốt, cơ bản;... chứ thật ra còn rất nhiều oai đức, sự ích lợi tại thế và xuất thế, những pháp tương tự giữa đức vua và Đức Phật. Nhưng kiến thức trăm có hạn, thời gian cũng không cho phép, mong đại đức thông cảm cho.

Đại đức Na tiên tán thán:

- Vậy là đã quá đủ. Vậy là đã quá vi diệu. Đức Thế Tôn có dạy rằng: "Này tỳ kheo! Thật là vô số, vô số nguyên nhân về bà-la-môn, về vua chúa; cho dầu có một tỳ kheo thông minh, thông tuệ, có ngôn ngữ lưu loát, kiến thức thâm sâu, diễn đạt nhanh nhạy... nói về điều ấy trong suốt một kiếp cũng không thể nói hết". Vậy thì đại vương tự khiêm mà làm gì. Chúng ta chỉ cần nghe và hiểu những cái chính mà thôi, có phải thế không ạ?

- Thưa, vâng!

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

136-145

147. Tại sao không có hai Đức Phật xuất hiện một lần?

- Thưa đại đức! Trẫm nghe rằng, các Đức Phật giác ngộ những điều giống nhau, thuyết những pháp giống nhau, giới luật ban hành cũng giống nhau..., có phải thế không ạ?

- Tâu, vâng!

- Một vị Phật xuất hiện ở thế gian như thế, cuộc đời sẽ rất đẹp, hoàn thiện và tươi sáng thêm lên, có phải thế không ạ?

- Tâu, vâng!

- Thế tại sao hai bậc Toàn Giác không xuất hiện một lúc để cùng hỗ trợ cho nhau, tương trợ nhau để xiển dương chánh pháp? Nếu vậy thì cuộc đời này sẽ tốt đẹp gấp đôi, hoàn thiện gấp đôi, và xán lạn tươi đẹp cũng gấp đôi! Và như thế thì đạo Phật sẽ huy hoàng, lan tràn trong hoàn vũ, tế độ được gấp bội chúng sanh trời, người hơn nữa. Xin đại đức chỉ giáo cho điều này?

- Tâu đại vương! Đức Phật dạy rằng, thế gian này có mười ngàn thế giới. Mười ngàn thế giới ấy chỉ có khả năng nâng đỡ một vị Phật mà thôi. Nói cách khác, mười ngàn thế giới chỉ có thể chịu đựng sự hiện hữu của một vị Phật. Nếu hai vị Phật cùng xuất hiện một lúc thì mười ngàn thế giới này sẽ bị chấn động, bị rung chuyển, bị nghiêng lệch đi, sẽ bị hủy diệt, bị tiêu vong!

Ví như một chiếc thuyền nhỏ chỉ chở được một người, nếu hai người cùng quá giang thì thuyền ấy sẽ không chở nổi, sẽ bị chìm. Chiếc thuyền chính là mười ngàn thế giới, khách quá giang là một vị Phật. Ví dụ này đại vương nên hiểu để tự trả lời và tìm hiểu lý do tại sao cho câu hỏi của mình.

- Thưa, vâng.

- Ví như hai chiếc xe chất hàng hóa với trọng tải vừa đủ để chuẩn bị cho lộ trình xa. Với lý do nào đó, người ta lấy bớt một xe, sót hàng hóa xe ấy sang xe kia. Đại vương thấy thế nào? Một chiếc xe mà chở nặng một số hàng hóa với trọng tải gấp đôi, thì số phận chiếc xe ấy sẽ như thế nào?

- Bánh xe ấy sẽ gãy hoặc trục xe ấy sẽ vỡ lìa từng đoạn!

- Mười ngàn thế giới này cũng sẽ gãy đổ hoặc vỡ lìa tan nát ra như thế, nếu sức nặng của hai vị Phật đồng ngự đến một lần, tâu đại vương?

- Trẫm đã hiểu nhờ hai ví dụ ấy.

- Ngoài ra, biết bao điều tai hại do tranh chấp, do chia rẽ, do chấp thủ, do bảo vệ, rằng là "*đây là Phật của tôi, kia là Phật của anh*"; và thế là phân thành hai nhóm, sẽ tranh đấu với nhau bằng binh khí miệng lưỡi, binh khí đao gậy. Nói tóm lại những điều nguy hại cho giáo pháp sẽ xảy ra.

- Vâng! Ví như trong triều đình của trẫm đây, nếu trẫm có hai vị quan cận thần có tài đức và công lao ngang nhau, đều được trẫm sủng ái. Quan lại trong triều đều phân làm đôi ủng hộ hai vị quan ấy. Chuyện gì sẽ xảy ra? Dĩ nhiên là sẽ có chuyện tranh chấp cãi cọ lời thôi, sẽ có sự chia rẽ, mất hòa khí khi "*ông quan này của chúng tôi, ông quan kia của các anh!*" Thật là khó xử cho trẫm đây. Trong triều không thể để cho hai ông quan có tài đức ngang nhau, công lao ngang nhau, quyền lực ngang nhau... như thế nào thì mười ngàn thế giới này cũng không nên tồn tại hai vị Phật, thưa đại đức!

- Vâng, mong rằng đại vương đã hiểu. Và có thể có những tế toái, phức nhiễu khác nữa. Ngay chính những hồng ân, danh hiệu, sự tôn xưng của thế gian đối với chư Phật sẽ có cái gì không được ổn cho lắm.

Ví dụ, Đức Phật là bậc tối thượng giữa muôn loài. Chử tối thượng kia phải xét lại. Tối thượng là chỉ có một người, duy nhất, tại sao ở đây lại có hai người?

Lại ví dụ, Đức Phật là bậc đáng tôn trọng, cao quý nhất trong tam giới. Dùng chử cao quý nhất ấy không còn thích đáng nữa.

Cũng thế, chẳng hạn, Đức Phật là bậc tiến hóa đệ nhất giữa chốn chư thiên và loài người. Chữ "đệ nhất" ấy cũng sẽ không còn dùng được.

Ngoài ra, tỉ như, Vô thượng sĩ, Thế Tôn, Thiên nhân sư v.v... đều phải sửa đổi lại.

Còn nữa, tâu đại vương! Trên đời này, những cái to lớn, vĩ đại thường chỉ có một: quả đất, mặt trời, mặt trăng, biển cả, hư không, núi Tu di, Hy mã Lạp sơn... Còn các giống hữu tình lớn như ma vương, Đế Thích, đại phạm thiên cũng chỉ có một. Tương tự thế ấy, giữa thế gian chỉ có một đức Chánh Đẳng Giác mới gọi ngài là vĩ đại, quý báu, tôn quý, cao thượng, vô thượng, tối thượng v.v... Như thế, trong một thời kỳ nhất định, giữa mười ngàn thế giới này chỉ có một vị Phật đản sanh, không thể có hai vị được, tâu đại vương!